CHỦ ĐỀ 1. LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC

BÀI 1

HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ LỊCH SỬ ĐƯỢC CON NGƯỜI NHẬN THỨC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau khi học xong bài, HS có thể

- Trình bày được khái niệm Lịch sử và phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức. Giải thích được khái niệm Sử học.
- Trình bày được đối tượng nghiên cứu của Sử học và nêu được chức năng, nhiệm vụ của Sử học

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- Năng lực đặc thù

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu để trình bày khái niệm lịch sử, đối tượng nghiên cứu cửa sử học, chức năng, nhiệm vụ của sử học…

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

+ Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: bước đầu vận dụng được một số tình huống cơ bản phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.
- *Trách nhiệm:* Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý và tạo hứng thú cho HS bước vào bài học mới. Thông qua xem video học sinh khai thác sự kiện theo kĩ thuật 5W1H.

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS quan sát video về sự kiện Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản; HS quan sát video và trả lời câu hỏi theo kĩ thuật 5W1H

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS về sự kiện Mĩ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS theo dõi video về sự kiện Mĩ ném 2 quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản, thảo luận theo bàn, trả lời các câu hỏi sau (kĩ thuật 5W1H)

1. Sự kiện trên diễn ra vào thời gian nào? **(When)**

2. Những địa phương nào ở Nhật Bản đã bị ném bom **(Where)**
3. Video trên nói về một sự kiện lịch sử đã xảy ra tại Nhật Bản. Vậy lịch sử là gì? **(What)**
4. Sự kiện trên đã có những đánh giá, bình luận như thế nào? **(How)**
5. Vì sao cùng 1 sự kiện lại có những nhận thức, đánh giá khác nhau? **(Why)**
6. Ai đã tạo ra lịch sử và nhận thức về lịch sử? **(Who)**

- Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS theo dõi video, thảo luận theo bàn, hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian 3 phút

+ GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV mời HS đại diện 1-2 bàn trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời đại diện HS bàn khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

1. Sự kiện trên diễn ra vào tháng 8/1945

2. Hai thành phố Hi – rô – si – ma và Na – ga – xa – ki của Nhật Bản

3. Lịch sử là những gì đã xảy ra trong quá khứ

4. Có nhiều ý kiến đánh giá trái chiều nhau. Có ý kiến cho rằng, Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản làm cho Chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt sớm hơn nhiều tháng, hạn chế thiệt hại sinh mạng cho các bên tham chiến. Ngược lại, có ý kiến cho rằng, Mỹ không cần thiết phải ném bom nguyên tử. Đó là tội ác chiến tranh, là hành vi tàn bạo chống lại lịch sử loài người.

5. Do góc nhìn, quan điểm chủ quan khác nhau của mỗi người; mục đích, thái độ, đạo đức và thế giới quan của người tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử….

6. Con người

+ GV dẫn dắt vào bào học: *Như vậy, cùng một sự kiện, một vấn đề đã xảy ra trong quá khứ, trong nghiên cứu lịch sử, chúng ta vẫn thường bắt gặp những ý kiến, đánh giá, bình luận trái chiều nhau. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta làm rõ một số vấn đề: Lịch sử là gì? Hiện thực lịch sử, nhận thức lịch sử là gì và liên quan đến những yếu tố cơ bản nào, để giúp chúng ta có cách tiếp cận lịch sử một cách khách quan, trung thực, gần với sự thật nhất.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm Lịch sử

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm lịch sử

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi; HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin SGK tr.4, 5, làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở khái niệm lịch sử theo ba nghĩa

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV trình chiếu hình ảnh về sự tiến hóa của loài người, sự thay đổi của điện thoại theo dòng thời gian, giới thiệu: *bức hình trên cho chúng ta biết sự tiến hóa từ vượn cổ đến người tối cổ rồi người tinh khôn, người hiện đại ngày nay; sự thay đổi về hình dáng, kích thước của điện thoại theo thời gian; sự thay đổi của mô hình nhà vệ sinh của con người theo thời gian từ quá khứ đến hiện tại* + GV gợi mở: *Tất cả mọi sự vật tồn tại xung quanh chúng ta, kể cả con người đều có quá trình hình thành, thay đổi, phát triển theo thời gian, từ quá khứ đến hiện tại. Sự thay đổi theo thời gian như vậy được gọi là lịch sử* + GV nêu câu hỏi: *1. Lịch sử là gì?* *2. Khái niệm "lịch sử " được hiểu theo những nghĩa nào?* **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin mục SGK tr.4 - 5 , làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời HS trả lời câu hỏi trước lớp + GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + GV chuyển ý: *Mọi sự vật xung quanh chúng ta đều thay đổi theo thời gian, sự thay đổi đó chính là lịch sử, nhưng vì sao có sự nhìn nhận sự kiện lịch sử với nhiều góc nhìn khác nhau. Chúng ta cùng tìm hiểu hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử là gì?*	**1. Lịch sử, hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức** **a. Khái niệm lịch sử** Lịch sử có thể hiểu theo 3 nghĩa chính: - Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ của xã hội loài người - Lịch sử là những câu chuyện về quá khứ hoặc tác phẩm ghi chép về quá khứ - Lịch sử là một khoa học (Sử học) nghiên cứu về quá khứ của con người, phát hiện ra quy luật phát sinh, phát triển xã hội loài người.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử

a. Mục tiêu: Thông qua tư liệu HS phân biệt được hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi; HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin SGK tr.5, làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở bảng so sánh hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử

d. Tổ chức hoạt động:

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH</th><th>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ Nhiệm vụ 1: GV yêu cầu HS đọc câu truyện "Thầy bói xem voi", thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi:

1. Em đồng ý với quan điểm của thầy bói nào? Tại sao?

2. Câu chuyện trên phản ánh điều gì?

+ Nhiệm vụ 2: GV yêu cầu HS đọc SGK tr.5, trả lời câu hỏi (cá nhân):

1. Hiện thực lịch sử là gì? Lịch sử được con người nhận thức là gì?

2. Phân biệt những điểm khác nhau giữa hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức

+ Nhiệm vụ 3:

● GV giới thiệu hình 1.2: Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội).

Hình 1.2. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội (ngày 2-9-1945)

● GV yêu cầu HS đọc SGK tr.5, kết hợp Hình 1.2, trả lời câu hỏi (cá nhân):

1. Em hãy phân biệt hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức được thể hiện qua bức hình trên.

2. Lịch sử được con người nhận thức có sự khác nhau là do những yếu tố nào?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

</td><td>

b. Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức

- Hiện thực lịch sử là toàn bộ những gì đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn của con người.
- Lịch sử được con người nhận thức là những hiểu biết của con người về hiện thực lịch sử, được trình bày, tái hiện theo những cách khác nhau
- Phân biệt hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

<table>
<tr><th>Hiện thực lịch sử</th><th>Lịch sử được con người nhận thức</th></tr>
<tr><td>Có trước</td><td>Có sau</td></tr>
<tr><td>Duy nhất, không thể thay đổi</td><td>Đa dạng, có thể thay dổi theo thời gian</td></tr>
<tr><td>Khách quan</td><td>Vừa khách quan, vừa chủ quan</td></tr>
<tr><td colspan="2">Giữa hiện thực lịch sử và là lịch sử được con người nhận thức luôn có khoảng cách, phụ thuộc vào nhiều yếu tố</td></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

+ HS đọc câu truyện, khai thác thông tin trong SGK, kết hợp Hình 1.2, thảo luận cặp đôi, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi trước lớp + GV mời cặp / HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. **Nhiệm vụ 1:** *1. Không đồng ý với quan điểm của thầy bói nào. Vì mỗi thầy bói chỉ sờ một bộ phận của con voi mà đã vội phán về đặc điểm của cả con voi. Chính vì vậy, không thầy bói nào đưa ra được quan điểm đúng về đặc điểm của con voi đó* *2. Câu chuyện trên phản ánh nhận thức, đánh giá mang tính chủ quan, phiến diện, thiếu tính tổng thể của các thầy bói khi đánh giá về một sự vật.* + GV liên hệ: Ở trong câu truyện này, chúng ta có thể coi con voi chính là hiện thực lịch sử. Còn quan điểm, nhận xét của các thầy bói về con voi chính là lịch sử được con người nhận thức. Vậy, hiện thực lịch sử là gì? là lịch sử được con người nhận thức là gì? **Nhiệm vụ 2:** (Phần dự kiến sản phẩm) **Nhiệm vụ 3:** *1. Ở bức hình trên, sự kiện ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trước hàng vạn quần chúng nhân dân, chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước VNDCCH, đánh dấu thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 là hiện thực lịch sử* *Nhận xét về sự kiện này, đa số quan điểm cho rằng đây là kết quả của quá trình kết hợp nhuần nhuyễn những điều kiện chủ quan và khách quan thuận lợi. Bên cạnh đó, có quan điểm cho rằng, cách mạng tháng Tám thành công là nhờ ăn may. Tất cả quan điểm khác nhau đó gọi là nhận thức lịch sử* *2. Nhận thức lịch sử có sự khác nhau là do:* *- Mục đích nghiên cứu* *- Nguồn sử liệu* *- Phương pháp nghiên cứu* *- Thái độ, đạo đức, thế giới quan của người tìm hiểu…*	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học, thông qua hoạt động làm bài tập góp phần cố kiến thức đã học về lịch sử hiện thực và lịch sử được con người nhận thức.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ học tập sau đây

PHÂN BIỆT HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ LỊCH SỬ ĐƯỢC CON NGƯỜI NHẬN THỨC THÔNG QUA CÁC HÌNH ẢNH DƯỚI ĐÂY

1. Mũi tên đồng tìm thấy ở Cổ Loa

2. Khuôn đúc tên đồng được tìm thấy ở Cổ Loa

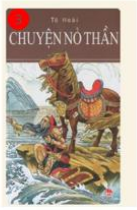

3. Tác phẩm chiếc nỏ thần của Tô Hoài

4. Tác phẩm về lịch sử địa phương

5. Bia tưởng niệm thủ lĩnh La-pu-la-pu

6. Lễ hội truyền thống tại Ta-lin (Ét - tô-ni-a)

7. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội (ngày 2/9/1945)

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, thực hiện nhiệm vụ.

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời 1 - 2 HS trả lời trước lớp

+ Gv mời HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ GV chuẩn đáp án

TIẾT 2

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của Sử học

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động học tập, HS có thể

- Trình bày được đối tượng nghiên cứu của Sử học
- Nêu được chức năng, nhiệm vụ của Sử học thông qua ví dụ cụ thể

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi; HS đọc nội dung thông tin mục 2.1, 2.2, quan sát Sơ đồ 1.1, thảo luận cặp đôi, hoàn thành nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở ghi đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của Sử học.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc SGK và quan sát sơ đồ 1.1, thực hiện nhiệm vụ học tập sau: ● ***Nhiệm vụ 1*** (***Các cặp đôi của dãy bàn bên trong***) *1. Trình bày đối tượng nghiên cứu của Sử học.* *2. Vận dụng kiến thức (câu 1), hãy xác định đối tượng nghiên cứu của những tác phẩm lịch sử có trong các hình sau* 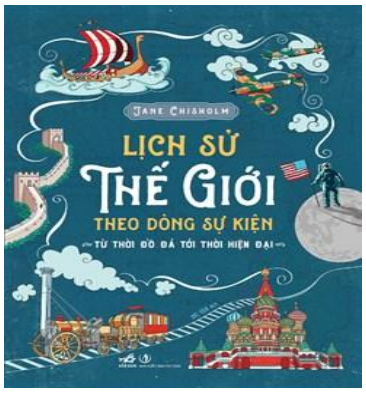 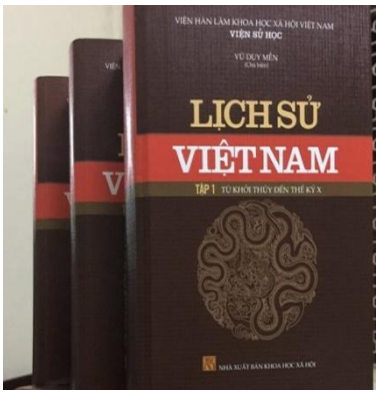 Hình1: bìa cuốn sách Lịch sử thế giới theo dòng sự kiện Hình 2: Bìa cuốn sách Lịch sử Việt Nam tập 1… 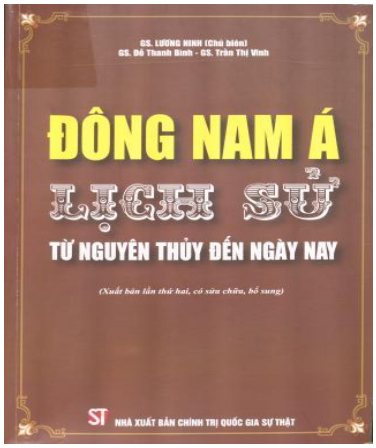 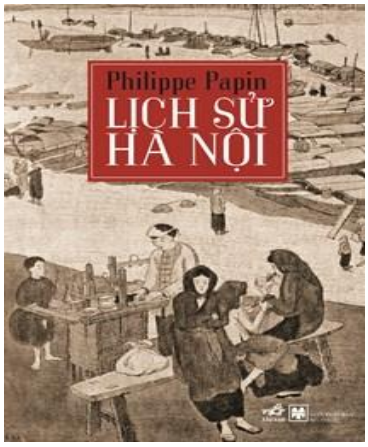 Hình 3: Bìa cuốn sách Đông Nam Á lịch sử… Hình 4: Bìa cuốn sách Lịch sử Hà Nội ● ***Nhiệm vụ 2*** (***Các cặp đôi của dãy bàn bên ngoài***) *3. Nêu chức năng và nhiệm vụ của Sử học.* *4. Đọc thông tin đoạn trích trong bài tựa sách "Đại Việt sử kí tục biên" của Phạm Công Trứ, hãy chỉ ra ít nhất 1*	**2. Đối tượng nghiên cứu của Sử học** - Là toàn bộ hoạt động của con người trong quá khứ (gồm cá nhân, tổ chức, cộng đồng, quốc gia, khu vực, thế giới...), trên mọi lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội… → Đối tượng nghiên cứu đa dạng và mang tính toàn diện **3. Chức năng và nhiệm vụ của Sử học**

chức năng, 1 nhiệm vụ tiêu biểu của sử học được nhắc đến trong đoạn trích trên? **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc nội dung thông tin mục 2.1, 2.2, quan sát Sơ đồ 1.1, thảo luận cặp đôi, hoàn thành nhiệm vụ học tập + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời đại diện cặp HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV mời đại diện các cặp HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. ● ***Nhiệm vụ 1*** *1. Đối tượng nghiên cứu của Sử học (phần dự kiến sản phẩm)* *2. Đối tượng nghiên cứu thể hiện qua các tác phẩm…* *- Hình 1: Nghiên cứu tiến trình phát triển của lịch sử thế giới theo thời gian (từ đồ đá đến hiện nay)* *- Hình 2: Nghiên cứu tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc (Việt Nam) theo thời gian (từ nguyên thủy đến thế kỉ X)* *- Hình 3: Nghiên cứu tiến trình phát triển của lịch sử khu vực (Đông Nam Á) theo thời gian (từ nguyên thủy đến ngày nay)* *- Hình 4: Nghiên cứu lịch sử địa phương (Hà Nội) trên các mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa….* ● ***Nhiệm vụ 2*** *3. Chức năng và nhiệm vụ của Sử học (phần dự kiến sản phẩm)* *4. Đoạn trích nhắc đến chức năng, nhiệm vụ sau của Sử học* ***- Chức năng khoa học*** *(khôi phục lại các sự kiện diễn ra trong quá khứ):* ***"…sử chủ yếu ghi chép công việc. Có chính trị của một đời tất phải có sử của một đời"*** ***- Nhiệm vụ giáo dục, nêu gương****: giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức thông qua tấm gương, bài học lịch sử, truyền bá giá trị tốt đẹp cho thế hệ sau, hướng tới phẩm chất tốt đẹp, nhân văn****"…tô điểm việc trí trị thì sáng tỏ ngang với mặt trời, mặt trăng, răn đe kẻ loạn tặc thì ráo riết như sương thu lạnh buốt, người thiện biết thì có thể bắt chước, người ác biết thì có thể tự răn…"***	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học, thông qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để tham gia trò chơi "Trả gươm rùa thần"

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau đây (cá nhân):

Câu 1: **Hiện thực lịch sử là tất cả những**

A. điều đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại theo ý muốn chủ quan của con người

B. điều đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại một cách khách quan, độc lập

C. hiện tượng siêu nhiên tác động mạnh đến tiến trình phát triển của loài người

D. nhân vật trong quá khứ có đóng góp to lớn cho sự phát triển của nhân loại

Câu 2: Nhận thức lịch sử là gì?

A. Là những mô tả của con người về quá khứ đã qua.

B. Là những công trình nghiên cứu lịch sử.

C. Là những hiểu biết của con người về quá khứ, được tái hiện hoặc trình bày theo những cách khác nhau.

D. Là những lễ hội lịch sử văn hóa được phục dựng.

Câu 3: **So với hiện thực lịch sử, nhận thức lịch sử có đặc điểm gì?**

A. Nhận thức lịch sử luôn phản ánh đúng hiện thực lịch sử.

B. Nhận thức lịch sử không thể tái hiện đầy đủ hiện thực lịch sử.

C. Nhận thức lịch sử thường lạc hậu hơn hiện thực lịch sử.

D. Nhận thức lịch sử độc lập, khách quan với hiện thực lịch sử.

Câu 4: **Ý nào sau đây KHÔNG phải là đối tượng nghiên cứu của Sử học**

A. Quá khứ của toàn thể nhân loại.

B. Quá khứ của một quốc gia hoặc khu vực trên thế giới.

C. Quá khứ của một cá nhân hoặc một nhóm, một cộng đồng người.

D. Những hiện tượng tự nhiên xảy ra trong quá khứ.

Câu 5: Ý nào sau đây KHÔNG thuộc chức năng của Sử học?

A. Khôi phục các sự kiện lịch sử diễn ra trong quá khứ

B. Rút ra bản chất của các quá trình lịch sử, phát hiện quy luật vận động, phát triển của lịch sử

C. Giáo dục tình yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên

D. Rút ra những bài học kinh nghiệm cho cuộc sống hiện tại

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV lần lượt mời HS trả lời từng câu hỏi trước lớp

+ Gv mời HS khác nhận xét, đưa ra đáp án của mình (nếu đáp án đưa ra khác của bạn)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ GV chuẩn đáp án

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những tình huống, nhiệm vụ học tập mới; góp phần hình thành và phát triển năng lực vận dụng lịch sử, tự học lịch sử suốt đời

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ (cá nhân), GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ, bài tập cho HS:

Hãy cho biết ý nghĩa câu nói của Gióoc – giơ Ô – oen (người Anh): "Cách hữu hiệu nhất để hủy diệt một dân tộc là phủ nhận và xóa bỏ sự hiểu biết của họ về lịch sử của chính họ"

- GV yêu cầu HS thực hiện tại nhà, báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 2: Tri thức lịch sử và cuộc sống.*

BÀI 2 : TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau khi học xong bài học này, HS có thể

- Giải thích được sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời.

- Biết cách sưu tầm, thu thập, xử lí thông tin, sử liệu để khám phá lịch sử.

- Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.

- Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam và thế giới.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam và thế giới

b. Năng lực lịch sử

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu để nêu được những nguyên nhân dẫn đến sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời. Nêu được cách thức sưu tầm, thu thập, xử lý thông tin và sử liệu trong quá trình học tập, khám phá lịch sử Nêu được mối liên hệ giữa kiến thức lịch sử với cuộc sống hiện tại
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để Rút ra được mối liên hệ giữa kiến thức lịch sử với cuộc sống hiện tại
- Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: thông qua vận dụng kiến thức và bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm : có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc
- Yêu nước : Ghi nhớ công ơn xây dựng đất nước của tổ tiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Lịch sử, Giáo án.
- Phiếu học tập dành cho HS.
- Máy tính, máy chiếu (tivi).

2. Đối với học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của HS, lôi cuốn HS vào bài học mới thông qua « Thử thách khảo cổ học »

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu vấn đề và đặt câu hỏi : Hãy tưởng tượng, em là một nhà khảo cổ học và em có cơ hội thực hiện một khám phá khảo cổ học tuyệt vời. Với vị trí là một nhà khảo cổ học, em hãy trả lời 3 câu hỏi sau:

1. Nếu em có thể khám phá ra một cái gì đó rất quan trọng, nó sẽ là gì?

2. Tại em muốn thực hiện khám phá này?

3. Em nghĩ mỗi khám phá của mình sẽ có ý nghĩa như thế nào đối với nền Sử học nước nhà?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS suy nghĩ, tưởng tượng, hoàn thành nhiệm vụ học tập (cá nhân)

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời 1-2 HS trả lời

+ GV mời 1 – 2 HS khác nhận xét, bổ sung.

+ HS có thể tưởng tượng theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ:

1. Công cụ lao động mà con người chế tạo ra trong lịch sử

2. Vì: công cụ lao động là yếu tố then chốt, quyết định sự phát triển kinh tế và đời sống con người.

3.

- Là nguồn sử liệu hiện vật quan trọng để các nhà nghiên cứu tiếp tục tìm hiểu, góp phần phục dựng một cách đầy đủ, khách quan, chân thực bức tranh lịch sử trong quá khứ

- Có thể sẽ làm thay đổi một quan điểm lịch sử đã có từ trước…

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ ? Tại sao chúng ta luôn phải nghiên cứu, tìm hiểu, phục dựng lại lịch sử ? Tại sao các nhà nghiên cứu lịch sử, các nhà khảo cổ học vẫn hàng ngày nỗ lực tìm kiếm, khám phá những thông tin lịch sử ở xung quanh chúng ta, hay những bí ẩn lịch sử đâu đó vẫn nằm sâu trong lòng đất. Vậy, tri thức lịch sử có mối liên hệ như thế nào đối với cuộc sống ? Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng chia sẻ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu lí do vì sao cần phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời

a. Mục tiêu: Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời thông qua trao đổi cặp đôi.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS thảo luận cặp đôi, đọc nội dung thông tin mục 2.1, quan sát hình 2.3 thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở lí do vì sao phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK tr.15, thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi : *1. Có quan điểm cho rằng, học tập lịch sử chỉ diễn ra ở trong các lớp học và khi chúng ta còn là học sinh, sinh viên. Theo em, quan điểm đó đúng hay sai ? Đưa ra ít nhất hai lý do để bảo vệ quan điểm của mình.* *2. Nguyên nhân vì sao chúng ta phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời ?* **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.15, thảo luận cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời đại diện 1 – 2 cặp HS trình bày + GV mời đại diện cặp HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** ***+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*** *1. Đó là quan điểm sai lầm. HS có thể đưa ra nhiều lý do, ví dụ:* *● Tri thức nói chung và tri thức lịch sử nói riêng rất rộng lớn. Việc học tập ở trường phổ thông và đại học chưa thể giúp chúng ta hiểu biết đầy đủ các tri thức đó. Chúng ta cần học tập suốt đời và qua nhiều kênh khác nhau.* *● Nếu chúng ta chỉ học lịch sử trong nhà trường mà không có sự trau dồi, tự tìm hiểu, học tập suốt đời thì tri thức lịch sử của chúng ta sẽ bị mai một, lãng quên. Sự thiếu hụt tri thức đó dễ*	**1. Sự cần thiết phải học tập, khám phá lịch sử suốt đời** - Trong cuộc sống, con người cần phải vận dụng những tri thức, kinh nghiệm từ quá khứ vào cuộc sống hiện tại, cũng như định hướng cho tương lai. - Tri thức lịch sử rất rộng lớn và đa dạng. Kiến thức lịch sử ở nhà trường chỉ là một phần nhỏ trong kho tàng tri thức đó. Muốn hiểu đầy đủ và đúng đắn về lịch sử cần có quá trình lâu dài - Nhiều sự kiện, quá trình lịch sử hiện nay vẫn còn là bí ẩn. Đó chính là cơ hội thôi thúc lớp người đi sau tìm tòi, khám phá nhằm hoàn chỉnh hơn nhận thức chung, làm giàu tri thức lịch sử. - Tri thức lịch sử biến đổi và phát triển không ngừng, gắn liền với sự xuất hiện của các nguồn sử liệu mới, các lĩnh vực nghiên cứu mới… Những nhận thức về lịch sử của con người

khiến chúng ta có cái nhìn lệch lạc về lịch sử, dễ bị các đối tượng xấu kích động, lôi kéo… *2. Nguyên nhân phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời (phần kiến thức cần đạt)* ***+ GV mở rộng** : Nhận thấy việc học tập, khám phá tri thức, trong đó có tri thức lịch sử) sẽ là hành trang đối với mỗi người trong cuộc sống, Lênin đúc kết thành quy luật : « Học, học nữa, học mãi ». Với quan niệm : « Lịch sử là bó đuốc soi đường hướng tới tương lai », nhiều quốc gia trên thế giới coi Lịch sử là môn học bắt buộc, HS phải được học tập và khám phá suốt đời. Tại các trường phổ thông của Ix – ra – en, Lịch sử được xếp ngang hàng với các môn Văn học, Kinh thánh mà HS phải thi. Các nước Mĩ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc…coi Lịch sử là môn học bắt buộc ở phổ thông và đại học. Ở Ca – na – đa, Luật nhập cư quy định ai muốn có quốc tịch nước này phải vượt qua bài thi viết và hỏi – đáp về lịch sử, chính trị, xã hội, văn hóa của Ca – na – đa từ năm 1867 đến nay…* ***+ GV dẫn dắt sang nội dung mới :** Vậy, làm thế nào giúp chúng ta có phương pháp đúng đắn, hiệu quả để có thể khám phá, học tập lịch sử suốt đời, làm giàu thêm tri thức lịch sử. Cô trò chúng ta cùng chuyển sang mục 2.2….*	hôm nay rất có thể thay đổi trong tương lai - Học tập lịch sử suốt đời giúp mỗi người mở rộng và cập nhật vốn kiến thức, phát triển, hoàn thiện kĩ năng, tạo ra những cơ hội mới trong cuộc sống và nghề nghiệp (vì lịch sử là nguồn cảm hứng cho nhiều sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hóa, phát triển du lịch)

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu cách thức sưu tầm, xử lý thông tin và sử liệu để làm giàu tri thức lịch sử

a. Mục tiêu: Nêu được cách thức sưu tầm, xử lý thông tin và sử liệu trong quá trình học tập, khám phá Lịch sử

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS làm việc cá nhân, đọc nội dung thông tin mục 2.2 thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở quy trình thu thập, xử lý thông tin và sử liệu

d. Tổ chức hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV đưa ra ví dụ về bài tập Lịch sử sau **BÀI TẬP 6.** Tìm hiểu thực tế địa phương và lập bảng thống kê (theo bảng đề xuất dưới đây) về các di tích lịch sử tiêu biểu, di sản văn hoá, di sản thiên nhiên của địa phương em (tỉnh/thành phố) và nêu một số biện pháp mà địa phương em đã thực hiện để bảo tồn và phát huy giá trị của các công trình, di sản đó. + GV nêu câu hỏi:	**2. Thu thập, xử lý thông tin và sử liệu để làm giàu tri thức lịch sử** ***- Thu thập sử liệu*** + Là quá trình khảo sát, tìm kiếm, sưu tầm và tập hợp những thông tin liên quan đến đối tượng học tập, nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử + Quy trình thu thập sử liệu ● Lập thư mục, danh sách nguồn sử liệu cần thu thập

TT	Tên di tích/ di sản	Loại hình	Biện pháp của địa phương để bảo tồn và phát huy giá trị của di tích/di sản	Biện pháp đề xuất của em (nếu có)
1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
...	?	?	?	?

1. Để giải quyết yêu cầu của bài tập 6, hãy nêu các bước em sẽ tiến hành? *2. Từ ví dụ minh họa trên, em hãy nêu cách thức sưu tầm, thu thập, xử lý thông tin và sử liệu trong quá trình học tập, khám phá Lịch sử ?* **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.16, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời 1 – 2 HS trình bày + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** ***GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*** *1. Các bước tiến hành để giải quyết yêu cầu của bài tập 6* *HS có thể đề xuất các bước khác nhau để giải quyết yêu cầu của bài tập 6, ví dụ :* *- Xác định yêu cầu, nhiệm vụ bài tập đưa ra* *- Sưu tầm tài liệu, thu thập thông tin liên quan đến các di tích, di sản văn hóa tại địa phương* *- Xử lý, chọn lọc các nguồn tài liệu đó để phục vụ cho bài tập* *- Viết bài* *2. Cách thức sưu tầm, thu thập, xử lý thông tin và sử liệu trong quá trình học tập, khám phá Lịch sử (phần kiến thức cần đạt)*	● Sưu tầm, đọc, ghi chép thông tin sử liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu ***- Xử lý thông tin và sử liệu*** + Là quá trình phân loại, đánh giá, thẩm định nguồn sử liệu đã thu thập được + Quy trình xử lý thông tin, sử liệu ● Chọn lọc, phân loại các nguồn sử liệu ● Xác minh, đánh giá nguồn gốc sử liệu, nội dung sử liệu, độ tin cậy sử liệu…

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu mối liên hệ giữa kiến thức, bài học lịch sử với cuộc sống hiện tại

a. Mục tiêu:

- Nêu được được mối liên hệ giữa kiến thức lịch sử với cuộc sống hiện tại
- Vận dụng kiến thức và bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống thông qua ví dụ cụ thể

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS làm việc theo đơn vị bàn, đọc nội dung thông tin mục 2.3, quan sát video, hình ảnh thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời câu hỏi, ghi được vào vở mối liên hệ giữa kiến thức, bài học lịch sử với cuộc sống hiện tại

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức cho HS làm việc theo đơn vị bàn, thực hiện nhiệm vụ học tập sau *1. Em hãy cho biết kiến thức, bài học lịch sử có mối liên hệ như thế nào với cuộc sống hiện tại?* *2. Quan sát video sau, kết hợp hình 2.4 SGK, em hãy vận dụng kiến thức Lịch sử để giải thích nguyên nhân dẫn đến hiện tượng triều cường ở các tỉnh phía Nam, băng tan ở Bắc cực. Các hiện*	**3. Kết nối kiến thức, bài học lịch sử vào cuộc sống** - Kết nối kiến thức, bài học lịch sử vào cuộc sống là sử dụng những tri thức lịch sử để giải thích và hiểu rõ hơn những vấn đề của cuộc sống hiện tại,

tượng trên đã có tác động như thế nào tới cuộc sống của con người? **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.16 - 17, làm việc theo đơn vị bàn, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời đại diện 1 – 2 bàn trình bày + GV mời đại diện bàn khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** ***+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*** *1. Mối liên hệ giữa kiến thức, bài học lịch sử với cuộc sống (phần kiến thức cần đạt)* *2.* *- Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng triều cường ở các tỉnh phía Nam, băng tan ở Bắc cực nhìn từ góc độ Lịch sử* *+ Do tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra từ thế kỉ XVIII với việc sử dụng trên quy mô lớn các nguồn nguyên liệu hóa thạch (than đá, dầu mỏ, khí đốt…), chặt phá rừng bừa bãi làm biến đổi khí hậu, nóng lên toàn cầu dẫn đến băng tan ở Bắc cực và hiện tượng triều cường ở miền Nam nước ta (đặc biệt thành phố Hồ Chí Minh)* *+ Ở thành phố Hồ Chí Minh, trong vài chục năm gần đây, tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh chóng. Rất nhiều khu sình lầy (là lá phổi, nơi nơi thoát nước cho toàn thành phố), nhưng đã bị san lấp hết để xây dựng công trình nhà cửa. Đó là hệ quả của những hành động của con người trong quá khứ….* *- Hậu quả :* *+ Băng tan làm mất đi môi trường sống của nhiều loài động vật ; mực nước biển dâng cao đe dọa hệ san hô và các khu vực thấp của thế giới. Các quốc đảo và những thành phố lớn như New York, Los Angeles, Mumbai, Sydney…sẽ chìm dưới nước.* *+ Nhiệt độ tăng cao ảnh hưởng trầm trọng tới sức khỏe con người, đặc biệt người già, trẻ em, xuất hiện những bệnh nguy hiểm như đột quỵ, say nắng…* *+ Hiện tượng triều cường dâng cao gây ngập úng, ảnh hưởng tới sinh hoạt, đi lại của người dân…* ***+ GV mở rộng :*** *Như vậy, hiện tượng băng tan ở Bắc cực hay triều cường ở TP. HCM là những vấn đề của cuộc sống hiện tại hôm nay nhưng lại xuất phát từ những hành động của con người trong quá khứ, xuất phát từ lịch sử. Trên cơ sở nghiên cứu vấn đề này ở góc độ Lịch sử, chúng ta có thể dự báo được tương lai, nếu chúng ta tiếp tục có những hành động phá hoại thì môi trường sẽ ra sao và chúng ta sẽ phải chịu hậu quả như thế nào. Khi biết được điều đó, chúng ta sẽ có ý thức bảo vệ môi trường*	những vấn đề thời sự trong nước và quốc tế - Vì: Những vấn đề thời sự và thực tiễn hôm nay không phải xuất hiện một cách ngẫu nhiên mà ít nhiều đều xuất phát từ những gì diễn ra trong quá khứ, từ kết quả của lịch sử để lại

sống của chúng ta bằng những hành động thiết thực ngay từ hôm nay. *GV có thể trình chiếu một số hành động mỗi cá nhân có thể làm để bảo vệ môi trường, từ đó kết luận : Như vậy, học Lịch sử không chỉ đơn thuần giúp chúng ta hiểu được những gì trong quá khứ mà còn có ý nghĩa thiết thực trong việc định hướng hành động của chúng ta hiện tại và tương lai. Đúng như Xi – xê – rông đã từng nói : « Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống ».*	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học, thông qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để hoàn thành phiếu học tập.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoàn thành (cá nhân) phiếu học tập sau trong thời gian 5 phút

Phiếu học tập

Từ kiến thức đã học và những hiểu biết về lịch sử Việt Nam, hãy viết một đoạn văn thể hiện quan điểm của em về câu nói sau của chủ tịch Hồ Chí Minh:

"Dân ta phải biết sử ta
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam"

Đoạn văn thể hiện quan điểm

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV gọi 1 – 2 HS báo cáo sản phẩm phiếu học tập trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ GV chuẩn đáp án. Sau đây là một số gợi ý :

*- Thông qua câu thơ, Bác Hồ muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của lịch sử nước nhà đối với dân tộc. Qua đó, Bác dạy chúng ta phải học, phải hiểu, phải biết cho tường tận, cụ thể gốc tích nước nhà Việt Nam. Đó không chỉ là lời kêu gọi là còn là yêu cầu của Bác « Dân ta **phải biết** sử ta » với toàn thể nhân dân Việt Nam*

- Lý giải : Vì việc tìm hiểu tường tận gốc tích lịch sử dân tộc giúp chúng ta :

+ Biết được nguồn cội, gốc tích, tổ tiên của dân tộc

+ Tiếp nhận những nét đẹp của đạo đức, của đạo lý làm người Việt Nam

+ Rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu trong cuộc sống, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

+ Tự hào truyền thống dân tộc, từ đó quyết tâm xây dựng,bảo vệ và kiến thiết nước nhà……

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những tình huống, nhiệm vụ học tập mới; góp phần hình thành và phát triển năng lực vận dụng lịch sử, tự học lịch sử suốt đời

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ (cá nhân), GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ, bài tập cho HS: *Hãy tìm hiểu về truyền thống ngôi trường em đang học tập theo gợi ý sau:*

- GV yêu cầu HS thực hiện tại nhà, báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 3: Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên và phát triển du lịch.*

THỰC HÀNH LỊCH SỬ

(1TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau khi học xong bài học này, HS có thể

- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử ở các chủ đề 1, chủ đề 2: lịch sử và sử học vai trò của sử học. Thông qua đó góp phần rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử, tạo hứng thú học tập ((Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp; tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hóa…); học tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử; tổ chức các câu lạc bộ, các cuộc thi "Em yêu lịch sử", "Nhà sử học trẻ tuổi", các trò chơi lịch sử.)

2. Năng lực

- Rèn luyện kỹ năng: sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, phân tích… sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống, bài tập nhận thức mới.

- Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Lịch sử, Giáo án.

- Phiếu học tập dành cho HS.

- Máy tính, máy chiếu (tivi).

2. Đối với học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của HS, lôi cuốn HS vào bài học mới

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu vấn đề và đặt câu hỏi : Sau khi học xong chủ đề 1, chủ đề 2, em hãy trả lời 3 câu hỏi sau:

1. Lịch sử là gì? Sử học là gì?

2. Theo em, tại sao chúng ta phải học tập lịch sử?

3. Em vận dụng lịch sử vào cuộc sống như thế nào?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS suy nghĩ, nhớ lại bài đã học, hoàn thành nhiệm vụ học tập (cá nhân)

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời 1-2 HS trả lời

+ GV mời 1 – 2 HS khác nhận xét, bổ sung.

+ HS có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ:

1. Là những gì diễn ra trong quá khứ(con người và xã hội loài người). Sử học là môn khoa học…

2. Hiểu quá khứ-hiện tại-tương lai. Như bác hồ đã nói: "Dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam

3. Vận dụng lịch sử vào cuộc sống

Tinh thần đoàn kết: "một cây làm….3 cây chụm lại lên hòn núi cao"

Tương thân tương ái: "lá lành đùm lá rách"

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS: Với những bài học lịch sử gắn liền thực tiễn đã phần nào lí giải được việc cần thiết phải học lịch sử và mối quan hệ quá khứ-hiện tại-tương lai Để chúng ta có nền tảng, cơ sở từ đó xây dựng một hiện tại, tương lai tốt đẹp, huy hoàng hơn.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG - TRẮC NGHIỆM

a. Mục tiêu: Nắm được lịch sử và sử học vai trò của sử học.

b. Nội dung: GV đưa ra 5 câu hỏi ; HS tsuy nghĩ trả lời thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS vào vở .

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thực hiện vòng quay may mắn đọc câu hỏi : **Câu 1. Lịch sử là gì?**	**1. TRẮC NGHIỆM (VÒNG QUAY MAY MẮN)** - Khái niệm lịch sử

A. Những gì sẽ diễn ra trong tương lai. B. Những gì đã diễn ra trong quá khứ. C. Những hoạt động của con người trong tương lai. D. Những hoạt động của con người đang diễn ra. **Câu 2: Sử liệu đóng vai trò là cầu nối giữa:** A. Khảo sát và tìm kiếm B. Hiện thức lịch sử và tri thức lịch sử C. Giữa phân loại và đánh giá D. Quá khứ và thực tại **Câu 3:Ý nào sau đây KHÔNG phải đối tượng nghiên cứu của Sử học** A. Quá khứ của toàn thể nhân loại B. Quá khứ của một quốc gia hoặc khu vực thế giới C. Qua khứ của một cá nhân hoặc một nhóm, một cộng đồng người D. Những hiện tượng tự nhiên xảy ra trong quá khứ **Câu 4. Phương án nào sau đây không thuộc về lịch sử:** A. Các lời tiên tri, dự báo tương lai. B. Các trận đánh lớn của quân và dân ta. C. Hoạt động của vương triều Nguyễn. **Câu 5. Đâu không phải là lý do để Xi-xê-rông khẳng định Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống:** A. Lịch sử tái hiện lại bức tranh lịch sử của quá khứ. B. Xem xét lịch sử con người có thể hiểu quá khứ. C. Rút ra những bài học cho hiện tại và tương lai. D. Lịch sử giúp nâng cao đời sống con người. **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS trả lời thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời HS trả lời + GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.	- Tri thức lịch sử - Đối tượng nghiên cứu sử hoc - Nguồn sử liệu

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập *+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.* *Câu 1 : B, Câu 2 :B Câu 3 :D Câu 4 :A Câu 5 :A*	

2. Hoạt động 2: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nắm được cách thức sưu tầm, xử lý thông tin và sử liệu trong quá trình khám phá Lịch sử

b. Nội dung: GV phát phiếu học tập hoặc hướng dẫn học sinh làm vào vở; HS làm việc cá nhân, đọc nội dung thông tin trong phiếu học tập thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được sản phẩm về di sản tại địa phương.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV đưa ra bài tập Lịch sử về di sản theo gợi ý sau + GV gợi ý học sinh hoàn chỉnh câu hỏi: *1. Di sản địa phương em tên gì?* *2.Thời gian phát hiện?* *3. địa điểm ở đâu ?* *4.Hoạt động nổi bật là gì ?* *5. Hoạt động phát triển là gì ?* *6. Hoạt động bảo tồn là gì ?*	**2. Tìm hiểu di sản tại địa phương em** -Học sinh hoàn chỉnh

7. Bản thân em cần làm gì bảo vệ di sản ? **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin gợi ý, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời 1 – 2 HS trình bày + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết) *1. Di sản địa phương em tên gì?(1đ)* *2.Thời gian phát hiện? (1đ)* *3. địa điểm ở đâu ? (1đ)* *4.Hoạt động nổi bật là gì ? (1đ)* *5. Hoạt động phát triển là gì ? (1đ)* *6. Hoạt động bảo tồn là gì ? (1đ)* *7. Bản thân em cần làm gì bảo vệ di sản ? (4đ)*	

3. Hoạt động 3: THỰC HÀNH PHỤC DỰNG

a. Mục tiêu:

- Hiểu được mối liên hệ giữa kiến thức lịch sử với cuộc sống hiện tại

- Vận dụng kiến thức và bài học lịch sử để giải thích, thực hành, tái hiện hiện thực lịch sử. Học sinh tự tạo ra được chính sản phẩm

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS làm việc theo nhóm, đọc nội dung câu hỏi lựa chon, quan sát video, hình ảnh thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS tạo sản phẩm bằng đất sét, đất nặn.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập *Học sinh xem video, hình ảnh chọn 1 trong 2 nội dung sau:* *1/ Phục dựng mô hình bãi cọc ngầm bằng đất sét* *2/ Phục dựng mô hình Kim Tự Tháp GiZa bằng đất sét*	**3. THỰC HÀNH PHỤC DỰNG** ***1/ Mô hình bãi cọc ngầm bằng đất sét***

 - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc thông tin gợi ý, làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời 1 – 2 HS trình bày giới thiệu sản phẩm + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)	B1: Chia các bộ phận của Cọc ngầm ra làm các khối cơ bản: chân: khối trụ dài, đầu: khối tròn, nhọn: v.v... B2: Ghép các khối lại để tạo hình cọc ngầm B3: Thêm giấy bạc, cuốn quanh mũi cọc. ***2/ Mô hình Kim Tự Tháp GiZa bằng đất sét*** B1: Chia các bộ phận của Kim Tự Tháp ra làm các khối cơ bản: chân: khối vuông, thân: khối tam giác, v.v... B2: Ghép các khối lại để tạo hình Kim Tự Tháp. B3: Thêm chi tiết, đặc điểm riêng cánh cửa, bậc thang...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học trong chủ đề 1, chủ đề 2, thông qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để hoàn thành sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm học tập: sơ đồ tư duy trong tập.

d. Tổ chức hoạt động:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoàn thành (cá nhân) vào vở trong thời gian 5 phút

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV gọi 1 – 2 HS báo cáo sản phẩm trước lớp hoặc vẽ trên bảng

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ GV chuẩn bị đáp án. Sau đây là một số gợi ý :

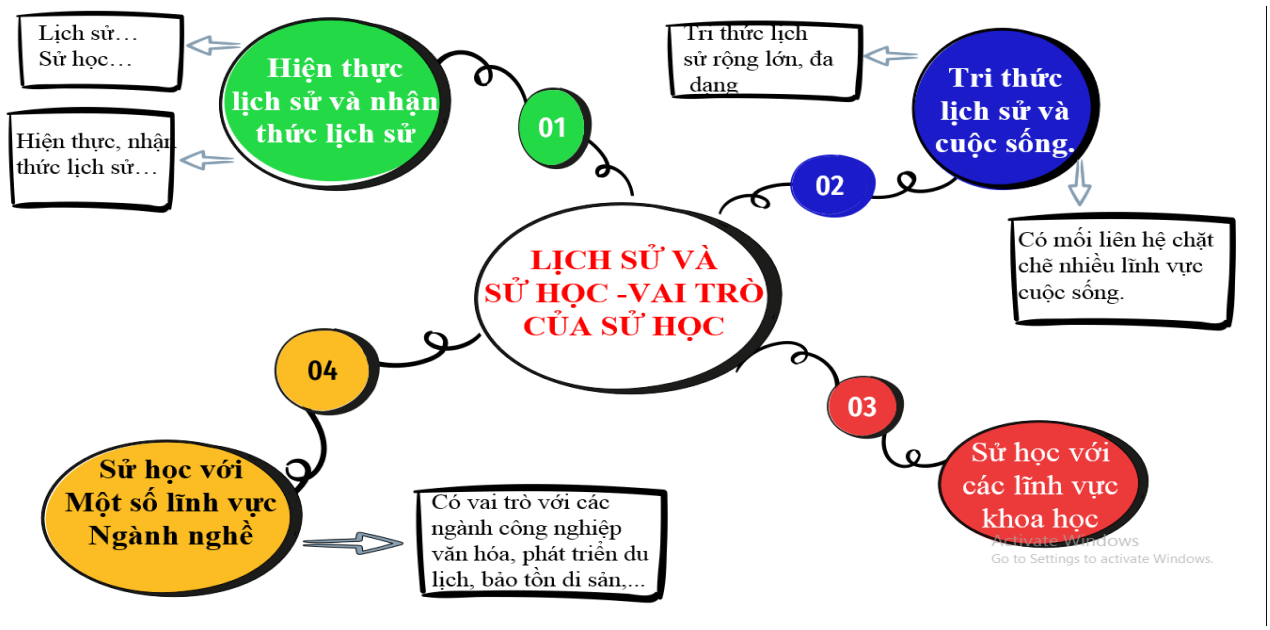

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 5: Khái niệm Văn Minh*

<u>CHỦ ĐỀ 2:</u> VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

BÀI 3: SỬ HỌC VỚI CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA, DI SẢN THIÊN NHIÊN VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.

- Nêu được vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch thông qua ví dụ cụ thể.

- Nêu được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa.

- Có ý thức vận động các bạn và mọi người ở xung quanh cùng tham gia bảo vệ các di sản văn hoá và di sản thiên nhiên ở địa phương.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- Năng lực lịch sử

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn tư liệu để trình bày khái niệm di sản văn hóa, di sản thiên nhiên…

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để nêu được mối quan hệ giữa Sử học và công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên..

+ Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: đưa ra những biện pháp cụ thể giúp bảo vệ các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên ở địa phương và phát triển du lịch địa phương.

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.

- *Trách nhiệm:*

+ Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức

+ Có ý thức trân trọng và bảo vệ những di tích lịch sử - văn hoá; vận động các bạn và mọi người ở xung quanh cùng tham gia bảo vệ các di sản văn hóa và di sản thiên nhiên ở địa phương

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Thông qua theo dõi video và hình ảnh về di tích Quốc tử giám ở Huế cháy học sinh đưa ra quan điểm, thái độ của mình về vai trò của tư liệu lịch sử.

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS theo dõi video vụ cháy bên trong di tích Quốc tử giám – Huế, đặt câu hỏi; HS thảo luận cặp đôi, hoàn thành nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS theo dõi video, quan sát hình ảnh và thảo luận cặp đôi, trả lời các câu hỏi sau:

Một số tư liệu bị lửa thiêu được di chuyển ra khỏi hiện trường

❖ Em nhìn thấy điều gì từ bức ảnh trên?

❖ Em nghĩ điều gì sẽ xảy ra nếu tư liệu này bị cháy hết?

❖ Điều này khiến em băn khoăn về vấn đề gì?

- Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS theo dõi video, thảo luận theo cặp đôi, hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian 3 phút

+ GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV mời HS đại diện 1-2 cặp đôi trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời đại diện cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

1. Những tư liệu bị cháy nham nhở

2. Không còn tư liệu gốc để dựng lại lịch sử

3. Làm thế nào để bảo vệ được các di sản.

+ GV dẫn dắt vào bào học: *Quốc Tử Giám (Thừa Thiên Huế) là di sản văn hóa – một bộ phận của lịch sử, giống như rất nhiều di sản văn hóa khác ở Việt Nam mà cha ông ta đã dày công tạo dựng qua hàng ngàn năm lịch sử. Tuy nhiên, các di sản của Việt Nam hiện nay đều đứng trước hai thách thức lớn: sự xuống cấp theo thời gian, đáng sợ hơn là sự lãng quên và thiếu trách nhiệm của một bộ phận người dân đối với di sản. Điều đó đặt ra nhiệm vụ gì cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản? Sử học có những đóng góp gì cho công tác này, cũng như cho sự phát triển của du lịch ngày nay. Chúng ta sẽ cùng nhau chia sẻ trong bài học ngày hôm nay –* ***Bài 4: Sử học với một số lĩnh vực, ngành nghề hiện đại.***

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên

a. Mục tiêu:

- Thông qua hoạt động học tập HS nêu được khái niệm di sản văn hóa, di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, di sản thiên nhiên.

- Nêu được vai trò của Sử học đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi; HS đọc nội dung thông tin mục 1, quan sát hình ảnh, hoàn thành phiếu nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở mối liên hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập **+ Nhiệm vụ 1: Nhận diện di sản** ● ***GV giới thiệu một số khái niệm***: * *Di sản văn hóa* là hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần do một cộng đồng người sáng tạo và tích lũy trong một quá trình lịch sử lâu dài được lưu truyền từ thế hệ trước cho thế hệ sau. * *Di sản văn hóa vật thể* là những sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học. * *Di sản văn hóa phi vật thể* là những sản phẩm tinh thần gắn bó với cộng đồng hoặc cá nhân, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, ... được tái tạo lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng nhiều hình thức khác nhau * *Di sản thiên nhiên* là di tích do thiên nhiên tạo thành bởi các cấu trúc hình thể, sinh vật học, hoặc bởi các cấu trúc địa chất học và địa lí tự nhiên, có giá trị về phương diện khoa học hoặc thẩm mĩ. ● Để HS hiểu rõ hơn các khái niệm trên, ***GV trình chiếu một số hình ảnh***: Vạn lý trường thành (Trung Quốc), Dân ca quan họ Bắc Ninh (Việt Nam) Thành phố Vơ-ni-dơ (I – ta – li – a), Vịnh Hạ Long (Việt Nam), ***nêu câu hỏi***: *Những hình ảnh trên thuộc các loại hình di sản nào?* ● ***GV mở rộng, giới thiệu 1 số di sản mà HS vừa nhận diện*** ***Dân ca quan họ****: là 1 loại hình văn hóa dân gian được hình thành từ lâu đời. Từ 49 làng quan họ cổ, đến nay đã có 369 làng quan họ thực hành. Dân ca quan họ là biểu tượng văn hóa trong quá trình hội nhập văn hóa quốc tế, đã lan ra khắp các vùng Kinh Bắc và nhiều địa phương trên cả nước, phát triển mạnh trong cộng đồng kiều bào ở Đức, Pháp, Séc, Nga… Năm 2009, dân ca quan họ đã được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.* ***Vịnh Hạ Long:*** *được UNESCO ghi danh là di sản thiên nhiên thế giới lần đầu tiên năm 1994 nhờ những giá trị cảnh quan tự nhiên độc đáo. Năm 2000, vịnh Hạ Long lần thứ hai vinh dự được công nhận bởi*	**1.Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên**

những giá trị địa mạo, địa chất đặc trưng, qua quá trình Trái Đất kiến tạo hàng tỉ năm. *Tất cả các di sản trên đều là những giá trị vật chất và tinh thần to lớn, trải qua quá trình lâu dài của lịch sử mới có được. Điều đó lý giải vì sao, chỉ hơn 2 tháng sau khi cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, 23/11/1945, chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh số 65/SL về việc bảo tồn tất cả cổ tích trên toàn cõi Việt Nam. Ngày 24/11/2005, thủ tướng chính phủ Việt Nam ra quyết định số 36, lấy ngày 23/11 hàng năm là ngày di sản văn hóa Việt Nam, quy định rõ ý thức trách nhiệm của toàn dân trong việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc. Vậy, sử học có mối liên hệ như thế nào với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản, chúng ta cùng tiếp tục tìm hiểu* *+ Nhiệm vụ 2:* *GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi: Nêu vai trò của Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên?* **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin, làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi (*1 phút suy nghĩ - 1 phút trao đổi - 1 phút chia sẻ),* thực hiện nhiệm vụ học tập + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời HS/ đại diện cặp HS trả lời câu hỏi trước lớp + GV mời HS, đại diện cặp HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. ***Nhiệm vụ 1: Nhận diện di sản*** *Di sản văn hóa vật thể:* Vạn lý trường thành, Thành phố Vơ-ni-dơ *Di sản văn hóa phi vật thể:* Dân ca quan họ Bắc Ninh *Di sản thiên nhiên:* Vịnh Hạ Long ***Nhiệm vụ 2 (phần kiến thức cần đạt)*** *** GV có thể liên hệ, mở rộng** - GV đưa ra tình huống sau *Cửa Bắc, một công trình kiến trúc cổ, nằm trên phố Phan Đình Phùng, Hà Nội Trên tường vẫn còn nguyên vết đạn pháo của thực dân Pháp khi đánh chiếm Hà Nội năm 1882. Có hai quan điểm:*	- Di sản là nguồn sử liệu quan trọng đặc biệt đối với nghiên cứu lịch sử. Bảo tồn di sản là cơ sở để miêu tả, trình bày lịch sử, quá khứ một cách chính xác. - Sử học nghiên cứu về lịch sử hình thành, phát triển của di sản; xác định vị trí, vai trò và ý nghĩa của di sản với cộng đồng; đề xuất những hình thức, phương pháp bảo tồn bền vững, hiệu quả. - Sử học cung cấp thông tin có giá trị và tin cậy liên quan đến di sản, là cơ sở cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản. - Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản góp phần duy trì kí ức và bản sắc cộng đồng, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững…

1. Cần trùng tu lại mặt thành, xóa đi những vết đạn pháo đó. *2. Bảo tồn nguyên trạng di tích.* *Nếu được giao nhiệm vụ tư vấn để bảo tồn di tích đó, ý kiến của em thế nào?* - GV chia lớp thành 2 nhóm, bốc thăm câu hỏi tranh luận để bảo vệ 1 trong hai quan điểm trên - HS thảo luận nhóm và cử đại diện tham gia tranh luận. - GV nhận xét, đánh giá, kết luận: *Điều cốt lõi trong hoạt động bảo tồn di sản là phải đảm bảo tính nguyên trạng, phải giữ cho được "yếu tố gốc cấu thành di tích", hay phải đảm bảo "tính xác thực", "tính toàn vẹn" của di sản. Nếu chúng ta trùng tu lại mặt thành, xóa đi vết đạn pháo trên mặt thành tức là chúng ta đã thay đổi yếu tố gốc của di tích, làm mất đi sự thật lịch sử vốn có của nó. Đó là hành động bảo tồn không đúng di tích lịch sử.*	

TIẾT 2

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu Lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động học tập, HS có thể

- Nêu được vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch thông qua ví dụ cụ thể.
- Nêu được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS theo dõi video và nêu nhiệm vụ: HS THỬ THÁCH THUYẾT TRÌNH 1 PHÚT; HS quan sát video, thực hiện nhiệm vụ

c. Sản phẩm học tập: Bài thuyết trình của HS

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + ***Nhiệm vụ 1:*** GV yêu cầu HS theo dõi video, kết hợp đọc SGK mục 3 thực hiện nhiệm vụ sau: *Thuyết trình về những yếu tố giúp Việt Nam được bầu chọn là "Điểm đến hàng đầu châu Á về di sản, ẩm thực và văn hóa"* + ***Nhiệm vụ 2:*** *GV cho HS quan sát một số hình ảnh, trả lời các câu hỏi sau*	**2. Sử học với sự phát triển du lịch** a. Vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển của du lịch - Là nguồn di sản, tài nguyên quí giá để phát triển du lịch. - Cung cấp tri thức lịch sử, văn hóa để hỗ trợ, quảng bá, thúc đẩy du lịch phát triển bền vững

nh *Em biết đây là di sản nào?* *Em biết đây là những hình thức nghệ thuật nào?* *Hãy kể tên những món ăn đặc sắc của Việt Nam mà em biết?* + ***Nhiệm vụ 3:*** GV yêu cầu HS đọc đoạn báo cáo của tổng cục du lịch, năm 2020 (nói về sự phát triển của du lịch), yêu cầu *HS đặt tên tiêu đề cho đoạn tư liệu trên*	- Cung cấp bài học kinh nghiệm, hình thành ý tưởng, kế hoạch xây dựng chiến lược phát triển du lịch b. Tác động của du lịch đối với bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa - Du lịch góp phần quảng bá rộng rãi giá trị các di tích lịch sử - văn hóa của địa phương và cộng đồng ra bên ngoài. - Bồi dưỡng lòng tự hào, ý thức trách nhiệm, sự quan tâm bảo vệ cộng đồng và các cấp chính quyền đối với các di tích LS-VH. - Tạo ra nguồn kinh phí và các nguồn lực khác để hỗ trợ công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích LS-VH.

Năm 1990, khách quốc tế đến Việt Nam là 250 000 lượt (có 1 triệu lượt khách nội địa). Năm 2019, số lượt khách quốc tế vượt mốc 18 triệu (5 triệu lượt khách nội địa).

Năm 1990, tổng thu từ du lịch chỉ đạt 1 340 tỉ đồng; năm 2019 là 755 000 tỉ đồng (khoảng 32,8 tỉ USD), trong đó tổng thu từ du khách quốc tế đạt 421 000 tỉ đồng (18,3 tỉ USD). Ngành du lịch đã đóng góp 8,8 % GDP vào ngân sách quốc gia, giải quyết việc làm cho 5 triệu người lao động.

(Nguồn: *Tổng cục Du lịch Việt Nam*, 2020)

+ ***Nhiệm vụ 4:*** Từ những nội dung thảo luận trên, GV yêu cầu HS hoàn thành bảng sau

a. Vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển của du lịch	*b. Tác động của du lịch đối với bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa*
1……	*1……*
2……	*2……*
3……	*3……*

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin, quan sát video, hình ảnh, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời HS lên thuyết trình 1 phút về những yếu tố giúp Việt Nam được bầu chọn là "Điểm đến hàng đầu châu Á về di sản, ẩm thực và văn hóa". HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Gv mời HS liệt kê các di sản, hình thức nghệ thuật, món ăn được đề cập đến trong các hình ảnh (nhằm làm sáng tỏ hơn những yếu tố giúp Việt Nam được bầu chọn là "Điểm đến hàng đầu châu Á về di sản, ẩm thực và văn hóa".

HS khác nhận xét, bổ sung

+ GV mời HS đặt tiêu đề cho đoạn tư liệu. HS khác nhận xét, đưa ra ý kiến của mình

+ GV mời HS trình bày vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển của du lịch và vai trò của du lịch đối với bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa theo bảng cho sẵn. HS khác nhận xét, bổ sung

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học, thông qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b. Nội dung: Theo dõi video và kể tên các di sản văn hóa Việt Nam được UNESCO công nhận là Di sản thế giới. Hãy giới thiệu 1 di sản mà em biết

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS theo dõi video và kể tên các di sản văn hóa Việt Nam được UNESCO công nhận là Di sản thế giới. Hãy giới thiệu 1 di sản mà em biết

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, thực hiện nhiệm vụ.

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời 1 - 2 HS trả lời trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ GV chuẩn đáp án

Di sản văn hóa vật thể

1. *Cố đô Huế (được UNESCO ghi nhận là di sản văn hóa thế giới 1993)*
2. *Khu đền tháp Mĩ Sơn (được UNESCO ghi nhận là di sản văn hóa thế giới 1999)*
3. *Đô thị cổ Hội An (được UNESCO ghi nhận là di sản văn hóa thế giới 1999)*
4. *Khu di tích hàng thành Thăng Long (được UNESCO ghi nhận là di sản văn hóa thế giới 2010)*
5. *Thành nhà Hồ (được UNESCO ghi nhận là di sản văn hóa thế giới 2011)*

Di sản hỗn hợp (thiên nhiên và văn hóa)

6. *Quần thể danh thắng Tràng An (được UNESCO ghi nhận năm 2014)*

+ HS nêu hiểu biết của mình về một trong số các di sản trên. GV trình chiếu, giới thiệu cho HS về quần thể danh thắng Tràng An

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những tình huống, nhiệm vụ học tập mới; góp phần hình thành và phát triển năng lực vận dụng lịch sử, tự học lịch sử suốt đời

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ (cá nhân), GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ, bài tập cho HS: Giới thiệu một di sản (hoặc địa điểm) ở địa phương em có thể phát triển du lịch. Theo gợi ý sau:

- GV yêu cầu HS thực hiện tại nhà, báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước bài 5: Khái niệm văn minh.

CHỦ ĐỀ 3 : MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

BÀI 4:
KHÁI NIỆM VĂN MINH. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau khi học xong bài học này, HS có thể

–Trình bày được khái niệm văn minh; Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá.
- Nêu được thành tựu văn hoá tiêu biểu nền và ý nghĩa của văn minh Ai Cập cổ đại, Trung Hoa và Ấn Độ cổ - trung đại.
- Biết cách sư tầm và sử dụng tư liệu LS để tìm hiểu về các nền văn minh phương Đông thời cổ-trung đại.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa, văn minh nhân loại.
- Biết cách sưu tầm, khai thác và sử dụng được tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ,... để tìm hiểu về nền văn minh Ai Cập cổ đại, Trung Hoa và Ấn Độ cổ - trung đại.
- Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo…

b. Năng lực lịch sử

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu để nêu được khái niệm văn minh
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để phân biệt được khái niệm văn minh và văn hóa

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm : có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, văn minh thế giới
- Chăm chỉ : tích cực trong học tập, lao động, từ đó trân trọng giá trị của lao động. Trân trọng những giá trị của văn minh Ai Cập cổ đại, Trung Hoa và Ấn Độ cổ - trung đại trong kho tàng văn minh

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Lịch sử, Giáo án.
- Phiếu học tập dành cho HS.
- Máy tính, máy chiếu (tivi).

2. Đối với học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của HS, lôi cuốn HS vào bài học mới

b. Nội dung: GV trình chiếu video, nêu câu hỏi (kĩ thuật 5W1H) ; HS quan sát video và trả lời câu hỏi trên phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS trên phiếu học tập số 1

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS quan sát video, hoàn thành phiếu học tập sau :

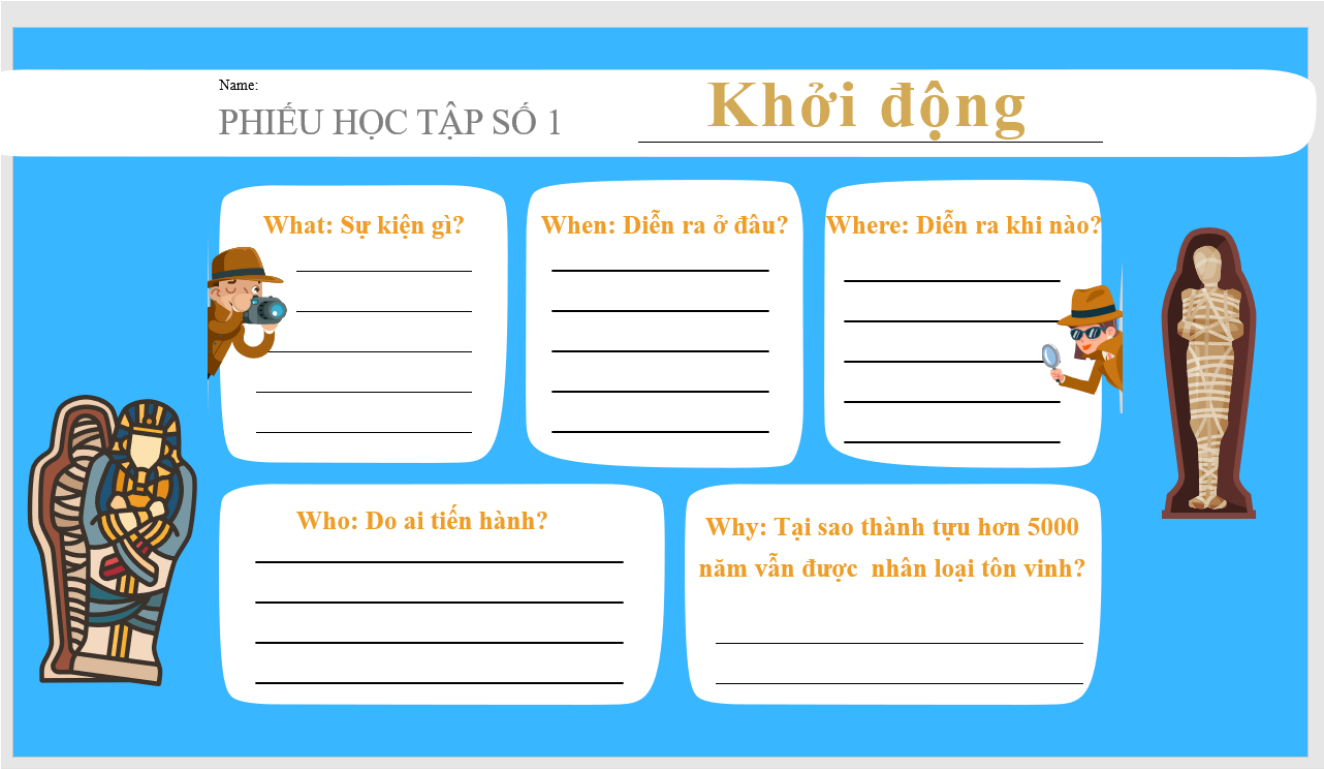

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS suy nghĩ, tưởng tượng, hoàn thành nhiệm vụ học tập (cá nhân)

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời 1-2 HS trả lời

+ GV mời 1 – 2 HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến như sau :

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học mới: *Xác ướp Pha – ra – ông và kim tự tháp là một trong những thành tựu nổi bật của văn minh Ai Cập thời cổ đại, là niềm tự hào của người dân Ai Cập và là một trong những minh chứng cho sự phát triển rực rỡ của văn minh thế giới thời kì cổ - trung đại.*

Vậy, văn minh là gì ? Giữa văn minh và văn hóa có điểm gì giống và khác nhau ? Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm văn minh

a. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm văn minh.
- Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ trong phiếu học tập số 2; HS thảo luận theo bàn, đọc nội dung thông tin mục 1, quan sát hình 5.2, 5.3, thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập số 2

d. Tổ chức hoạt động:

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH</th><th>KIẾN THỨC CẦN ĐẠT</th></tr>
<tr><td>

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS đọc SGK tr. 31 – 32, thảo luận theo bàn, hoàn thành phiếu học tập số 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu 1 : Hoàn thành bảng sau

<table>
<tr><td>Nội dung</td><td>Văn hóa</td><td>Văn minh</td></tr>
<tr><td>Khái niệm</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Đặc điểm</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Mối quan hệ</td><td colspan="2"></td></tr>
</table>

Câu 2. Hãy cho biết các hình ảnh dưới đây là biểu hiện của văn hóa hay văn minh? Vì sao?

Hình 5.2. Hình mặt người khắc trên vách hang Đồng Nội (Hoà Bình, Việt Nam)

Hình 5.3. Đấu trường Cô-li-dê (I-ta-li-a)

Hình 5.4. Đồ trang sức thời nguyên thuỷ

Hình 5.5. Đền Pác-tê-nông (Hy Lạp)

</td><td>

1. Khái niệm văn minh

(phụ lục – câu 1)

</td></tr>
</table>

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc thông tin SGK tr.31, thảo luận theo bàn, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời đại diện 1 – 2 bàn trình bày + GV mời đại diện bàn khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** ***+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. (phần phụ lục)*** ***+ GV mở rộng*** *Như vậy, văn hóa và văn minh giống nhau ở chỗ đều là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong tiến trình lịch sử* *Tuy nhiên, văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra từ khi xuất hiện cho đến nay. Còn văn minh là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra trong giai đoạn phát triển cao của xã hội (từ khi có Nhà nước và chữ viết)*	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS kể tên được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh thế giới cổ trung đại thông qua trò chơi lật mảnh ghép

b. Nội dung: HS sử dụng kiến thức đã học trả lời hệ thống câu hỏi của trò chơi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức hoạt động:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu các câu hỏi sau

1. Công trình nào được nhắc đến trong câu nói "Mọi thứ đều sợ thời gian, nhưng thời gian phải sợ…….”

2. Công trình này được coi là biểu tượng tình yêu vĩnh cửu

3. Đây là công trình mang tính phòng thủ nổi tiếng của Trung Quốc

4. Công trình này được coi là kiệt tác của thời gian , hiện ở Ý

5. Đây là một loại chữ mô phỏng hình vẽ

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV gọi từng HS trả lời mỗi câu hỏi để lật mảnh ghép

+ GV mời HS khác nhận xét

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS trả lời tốt

+ GV chuẩn đáp án.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS khai thác được các nguồn tài liệu khác nhau để tìm hiểu về một kì quan thế giới cổ - trung đại mà mình yêu thích.

b. Nội dung: HS khai thác các nguồn tài liệu khác nhau, thực hiện nhiệm vụ (cá nhân)

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu nhiệm vụ : Hãy tìm hiểu về một kì quan thế giới cổ - trung đại mà em yêu thích, gồm: lịch sử hình thành, đặc điểm nổi bật và giá trị kì quan đó mang lại cho nhân loại

- GV yêu cầu HS thực hiện tại nhà, báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học, khai thác các nguồn tài liệu khác nhau, thực hiện nhiệm vụ
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước *mục 2 : Một số nền văn minh phương Đông thời cổ-trung đại.*

TIẾT 2

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b. Tổ chức thực hiện

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức trò chơi **"Ai nhanh hơn"** giúp HS điểm danh lại nền văn minh tiêu biểu thế giới thời kì cổ - trung đại…

+ **GV** đặt câu hỏi: Hãy liệt kê nền văn minh thời kì cổ - trung đại mà em biết (đã học, hoặc thông qua đọc tài liệu, sách báo…)

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tham gia trò chơi…

***Dự kiến sản phẩm cần đạt**

+ Dựa vào nhận thức, kiến thức đã học, HS nêu tên các nền văn minh thế giới thời kì cổ - trung đại

- GV quan sát, hỗ trợ…

***Bước 3: Báo cáo sản phẩm**

- GV gọi HS có câu trả lời nhanh nhất…

- HS liệt kê các nền văn minh…

***Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận…**

- GV tuyên dương HS nhanh nhất, đưa ra nhiều đáp án nhất…

- HS lắng nghe, ghi nhận…

+ **GV** sử dụng lược đồ sau kết hợp câu trả lời HS trong trò chơi, kết nối vào bài.

2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại

2.1. Thành tưu văn minh Ai Cập thời cổ đại

a. Mục tiêu:

- Biết cách sưu tầm, khai thác và sử dụng được tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ,... để tìm hiểu về nền văn minh Ai Cập cổ đại.

- Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập cổ đại về chữ viết, toán học, kiến trúc điêu khắc…

b. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - **GV** cho HS xem video giới thiệu thành tựu văn hoá Ai Cập cổ đại kết hợp tư liệu văn bản SGK, HS thống kê thành tựu văn hoá Ai Cập cổ đại theo cách riêng. **Link** video: https://youtu.be/NP1QvE5Wspw ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - **GV** theo dõi, hỗ trợ ***Bước 3: Báo cáo sản phẩm** - **GV** gọi ngẫu nhiên HS trình bày và nhận xét ***Bước 4: Nhận xét, đánh giá và kết luận** - **GV** sử dụng công cụ đánh giá để tổ chức cho HS đánh giá bài viết/nói của HS. – **GV** nhận xét, đánh giá, kết luận, nhấn mạnh thành tựu tiêu biểu nhất Ấn Độ (Kim Tự Tháp).	- **HS** tiếp nhận nhiệm vụ. – **HS** thực hiện nhiệm vụ học tập * Dự kiến sản phẩm cần đạt + Dựa vào tư liệu văn bản SGK, kết hợp video giới thiệu thành tựu văn hoá Ai Cập cổ đại, HS thống kê thành tựu các lĩnh vực: chữ viết, toán học, kiến trúc điêu khắc… - **HS** trình bày sản phẩm học tập. - **HS** lắng nghe, ghi nhận…

TIẾT 2

2.2. Tìm hiểu văn minh Ấn Độ cổ - trung đại

a. Mục tiêu:

- Biết cách sưu tầm, khai thác và sử dụng được tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ,... để tìm hiểu về nền văn minh Ấn Độ cổ - trung đại.

- Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ấn Độ cổ - trung đại về chữ viết, văn học, tôn giáo, kiến trúc, điêu khắc, toán học, ….

b. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - **GV** cho HS xem video giới thiệu thành tựu văn hoá Ấn Độ cổ - trung đại kết hợp tư liệu văn bản SGK, HS thống kê thành tựu văn hoá Ấn Độ cổ - trung đại theo cách riêng. **Link** video: https://youtu.be/36ZmiiI0-WU ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - **GV** theo dõi, hỗ trợ ***Bước 3: Báo cáo sản phẩm** - **GV** gọi ngẫu nhiên HS trình bày và nhận xét ***Bước 4: Nhận xét, đánh giá và kết luận** - **GV** sử dụng công cụ đánh giá để tổ chức cho HS đánh giá bài viết/nói của HS. – **GV** nhận xét, đánh giá, kết luận.	- **HS** tiếp nhận nhiệm vụ. – **HS** thực hiện nhiệm vụ học tập * Dự kiến sản phẩm cần đạt + Dựa vào tư liệu văn bản SGK, kết hợp video giới thiệu thành tựu văn hoá Ấn Độ cổ - trung đại, HS thống kê thành tựu các lĩnh vực: chữ viết, tư tưởng, tôn giáo, sử học, văn học, kiến trúc, điêu khắc, toán học, kĩ thuật…. - **HS** trình bày sản phẩm học tập. - **HS** lắng nghe, ghi nhận…

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học

b. Tổ chức thực hiện

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho HS làm việc nhóm, thống kê thành tựu văn minh Ai Cập, Trung Hoa - Ấn Độ cổ trung đại theo mẫu sau:

Thành tựu / Nền văn minh	Chữ viết	Tư tưởng, tôn giáo	Toán học	Kiến trúc, điêu khắc	Lĩnh vực khác
Ai Cập cổ đại					
Trung Hoa cổ - trung đại					
Ấn Độ cổ - trung đại					

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm…

***Dự kiến sản phẩm cần đạt**

+ Dựa vào kiến thức đã học, HS hoàn thành bảng thống kê các thành tựu văn hoá của các nền văn minh Ai Cập, Trung Hoa - Ấn Độ cổ trung đại

- GV quan sát, theo dõi, hỗ trợ…

***Bước 3: Báo cáo sản phẩm**

- GV gọi ngẫu nhiên nhóm HS trình bày thành tựu văn hoá các nền văn minh Ai Cập, Trung Hoa - Ấn Độ cổ trung đại

- HS trình bày, góp ý, chia sẻ…

***Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận…**

- GV đánh giá quá trình làm việc nhóm, trình bày nội dung thành tựu các nhóm HS…

- HS lắng nghe, ghi nhận…

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Liên hệ, vận dụng kiến thức bài học vào cuộc sống…

b. Tổ chức thực hiện

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho HS đóng vai hướng dẫn viên du lịch thuyết trình về một trong nhưng thành tựu văn hoá tiêu biểu của văn minh phương Đông cổ - trung đại…

Hình 6.1. Kim tự tháp Kê-ốp (Ai Cập)

Hình 6.11. Một đoạn Vạn Lí Trường Thành (Trung Hoa)

Hình 6.12. Tượng Phật chùa Lạc Sơn (Trung Hoa)

Hình 6.17. Lăng Ta-giơ Ma-han

Nội dung bài thuyết trình về di sản văn hoá theo gợi ý sau:

1. Di sản/thành tựu văn hoá hiện nay thuộc quốc gia nào?

2.Thời gian xây dựng, mục đích xây dựng công trình này là gì?

3. Nêu giá trị công trình kiến trúc này mang đến đối với xã hội hiện nay (lịch sử, văn hoá, kinh tế….)

4. Chúng ta cần phải làm gì đề bảo tồn, phát huy giá trị của công trình kiến trúc này?

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm…

***Dự kiến sản phẩm cần đạt**

+ Dựa vào kiến thức đã học, thông qua hoạt động sưu tầm, tìm hiểu, HS viết bài và thuyết trình trước lớp theo gợi ý…

- GV quan sát, theo dõi, hỗ trợ…

***Bước 3: Báo cáo sản phẩm**

- GV gọi ngẫu nhiên nhóm HS thuyết trình, nhận xét bài thuyết trình theo kĩ thuật 321 (3 điểm nổi bật bài thuyết trình về nội dung, hình ảnh, phong thái – cử chỉ..., 2 điều góp ý hoàn thiện bài thuyết trình, 1 hạn chế nhóm bạn trong quá trình thuyết trình).

- HS thuyết trình, nhận xét…

***Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận…**

- GV đánh giá quá trình làm việc nhóm, thuyết trình sản phẩm học tập các nhóm HS…

- HS lắng nghe, ghi nhận…

PHỤ LỤC

1. KHÁI NIỆM VĂN MINH. PHÂN BIỆT VĂN HÓA VÀ VĂN MINH

Nội dung	Văn hóa	Văn minh
Khái niệm	Là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử	Là trạng thái phát triển của nền văn hóa
Đặc điểm	Xuất hiện đồng thời với loài người	Thời kì phát triển cao của xã hội
Mối quan hệ	Văn hóa ra đời trước, văn minh là quá trình tích lũy những sáng tạo văn hóa	

2.

	Hình ảnh	***Giải thích***
Biểu hiện của văn hóa	Hình 5.2. Hình mặt người khắc trên vách hang Đồng Nội (Hoà Bình, Việt Nam) 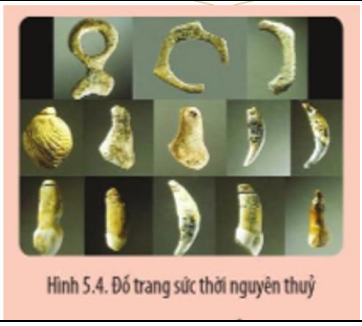 Hình 5.4. Đồ trang sức thời nguyên thuỷ	Đây là giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra từ thời nguyên thủy
Biểu hiện của văn minh	Hình 5.3. Đấu trường Cô-li-dê (I-ta-li-a) Hình 5.5. Đền Pác-tê-nông (Hy Lạp)	- Đây là giá trị vật chất mà con người tạo ra trog thời kì phát triển cao của xã hội (đã có giai cấp và nhà nước) - Những công trình trên thể hiện trình độ kĩ thuật cao và sự sáng tạo của con người

TIẾT 3

2.3. Tìm hiểu văn minh Trung Hoa cổ - trung đại

a. Mục tiêu:

- Biết cách sưu tầm, khai thác và sử dụng được tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ,... để tìm hiểu về nền văn minh Trung Hoa cổ - trung đại.

- Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa cổ - trung đại về chữ viết, tư tưởng, tôn giáo, sử học, văn học, kiến trúc, điêu khắc, toán học, kĩ thuật….

b. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**	- **HS** tiếp nhận nhiệm vụ.

- **GV** cho HS xem video giới thiệu thành tựu văn hoá Trung Hoa cổ - trung đại kết hợp tư liệu văn bản SGK, HS thống kê thành tựu văn hoá Trung Hoa cổ - trung đại theo cách riêng. **Link** video: https://youtu.be/orSSZpkJDR4 ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - **GV** theo dõi, hỗ trợ ***Bước 3: Báo cáo sản phẩm** - **GV** gọi ngẫu nhiên HS trình bày và nhận xét ***Bước 4: Nhận xét, đánh giá và kết luận** - **GV** sử dụng công cụ đánh giá để tổ chức cho HS đánh giá bài viết/nói của HS. – **GV** nhận xét, đánh giá, kết luận.	– **HS** thực hiện nhiệm vụ học tập * Dự kiến sản phẩm cần đạt + Dựa vào tư liệu văn bản SGK, kết hợp video giới thiệu thành tựu văn hoá Trung Hoa cổ - trung đại, HS thống kê thành tựu các lĩnh vực: chữ viết, tư tưởng, tôn giáo, sử học, văn học, kiến trúc, điêu khắc, toán học, kĩ thuật…. - **HS** trình bày sản phẩm học tập. - **HS** lắng nghe, ghi nhận…

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I LỚP 10

MÔN LỊCH SỬ

I. MỤC ĐÍCH

1. Kiến thức

– Hệ thống hóa được một số vấn đề về hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

– Trình bày được một số vấn đề về tri thức lịch sử và cuộc sống: Học tập và khám phá lịch sử suốt đời.

– Trình bày được một số vấn đề về Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên. Sử học với sự phát triển du lịch.

- Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập cổ - trung đại về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc.

- Kể tên và nêu ý nghĩa những phát minh về kĩ thuật của văn minh Trung Quốc cổ - trung đại.

- Phân tích được sự ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ cổ - trung đại đến các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

2. Năng lực

– Lựa chọn, trình bày vấn đề lịch sử.

– Phân tích, nhận xét, đánh giá, liên hệ thực tiễn.

3. Phẩm chất:

– Trung thực: tự giác làm bài kiểm tra.

– Chăm chỉ: phát huy hết khả năng của mình.

II. HÌNH THỨC: Kết hợp trắc nghiệm và tự luận

III. MA TRẬN

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Lịch sử và sử học	***Bài 1. Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức*** - Lịch sử là gì - Hiện thực lịch sử - Nhận thức lịch sử	3		1		1				26%
		- Khái niệm sử học - Đối tượng nghiên cứu của sử học - Chức năng, nhiệm vụ.	2		2						20%
		Bài 2. Tri thức lịch sử và cuộc sống - Sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời. - Thu thập thông tin, sử liệu, làm giàu tri thức lịch sử. - Kết nối kiến thức, bài học lịch sử vào cuộc sống	1		1		1				16%
2	Vai trò của sử học	***Bài 4: Sử học với một số lĩnh vực ngành nghề hiện đại*** - Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. - Sử học với sự phát triển du lịch					1		1		12%
3	Một số nền văn minh thế giới cổ trung đại	***Bài 5:Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh phương Đông thời kì cổ - trung đại*** - Khái niệm văn minh - Một số nền văn minh phương Đông thời kì cổ - trung đại + Văn minh Ai Cập cổ đại + Trung Quốc cổ - trung đại + Ấn Độ cổ - trung đại	2			1		1		1	26%
Tổng số câu			**8**	**0**	**4**	**1**	**3**	**1**	**1**	**1**	19
Tỉ lệ %			**40%**		**30%**		**20%**		**10%**		**100%**

IV. Xây dựng câu hỏi đề kiểm tra

BÀI 5

MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY THỜI CỔ- TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của nền văn minh Hy Lạp – La Mã thời cổ đại.

- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của nền văn minh Phục hưng.

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

+ *Giao tiếp và hợp tác:* có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

+ *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động lịch sử.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện các kĩ năng: sưu tầm và khai thác tư liệu trong học tập lịch sử; giải thích, phân tích,... sự kiện, nội dung lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.

- *Trách nhiệm:* Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức

- Biết trân trọng giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn minh nhân loại.

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, chăm chỉ, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint

- Phiếu học tập

- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

<u>TIẾT 1</u>

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Thông qua trò chơi nhìn hình đoán tên công trình – thành tựu, học sinh thể hiện những hiểu biết cá nhân của mình về Hy Lạp, La Mã và văn hóa Phục hưng.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi bằng các câu hỏi nhanh kèm theo hình ảnh.

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời các câu hỏi hình ảnh về thành tựu tiêu biểu của văn minh phương Tây cổ - trung đại

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chiếu hình ảnh câu hỏi

- Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi.

+ GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

1. Công trình kiến trúc Đấu trường La Mã

2. Đền Pác-tê-nông

3. Bê tông

4. Ác-si-mét

Đây đều là những thành tựu tiêu biểu của văn minh phương Tây cổ - trung đại trong kho tàng đồ sộ mà người phương Tây đã để lại cho nền văn minh nhân loại.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Văn minh phương Tây là một thuật ngữ được sử dụng rất rộng rãi để chỉ di sản của chuẩn mực xã hội, các giá trị đạo đức, truyền thống, phong tục, hệ thống niềm tin, chế độ chính trị có nguồn gốc hoặc liên kết với châu Âu. Một nền tảng của tư tưởng phương Tây, bắt đầu từ Hy Lạp cổ đại và tiếp tục qua thời Trung cổ và Phục hưng, là ý tưởng của chủ nghĩa duy lý trong các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống, đặc biệt là tôn giáo, được phát triển bởi triết học Hy Lạp, và chủ nghĩa nhân văn. Để nắm rõ hơn, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay: Bài 7: Một số nền văn minh phương Tây.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu những thành tựu cơ bản của văn minh Hi Lạp La Mã

a. Mục tiêu:

- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại.
- HS biết trân trọng giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn minh nhân loại.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại.
- Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho HS.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi; Đọc thông tin mục 1.2 kết hợp xem video: sau đó thống kê thành tựu văn minh cơ bản của Hy Lạp và La Mã, ý nghĩa của các thành tựu. Chọn thành tựu mà em ấn tượng nhất và giải thích sự lựa chọn của em? Thời gian: 3 phút Theo gợi ý

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở các thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của những thành tựu văn minh Hi Lạp La Mã

d. Tổ chức hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi; Đọc thông tin mục 1.2 kết hợp xem video: sau đó thống kê thành tựu văn minh cơ bản của Hy Lạp và La Mã, ý nghĩa của các thành tựu. Chọn thành tựu mà em ấn tượng nhất và giải thích sự lựa chọn của em? Thời gian: 3 phút HS làm việc theo nhóm. 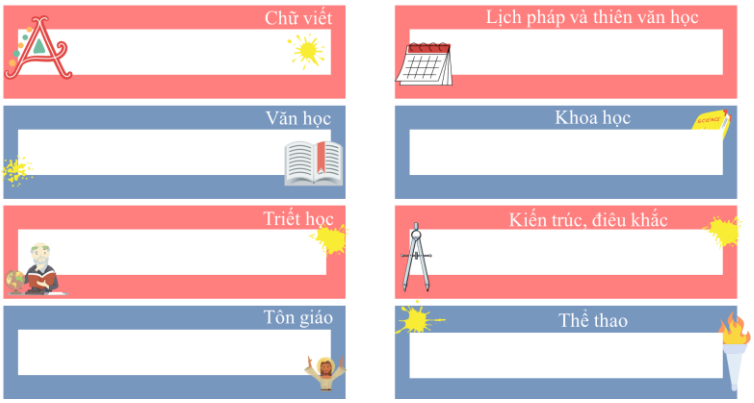 **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin mục 1.2 SGK tr.47, 48, 49, làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập Nhóm 1: Thống kê thành tựu văn minh Hi Lạp và La Mã trên các lĩnh vực: Chữ viết, văn học, triết học, tôn giáo. Nhóm 2: Thống kê thành tựu văn minh Hi Lạp và La Mã trên các lĩnh vực: Lịch pháp, thiên văn học, Khoa học, Kiến trúc, điêu khắc, Thể thao + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời đại diện nhóm HS trình bày trước lớp + GV mời đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	**1. Văn minh Hi Lạp – La Mã** **1.2 Thành tựu cơ bản** - Chữ viết: + Bảng chữ cái Hy Lạp với 24 chữ cái. + Người La Mã xây dựng chữ La-tinh, là văn tự chữ cái được sử dụng phổ biến nhất trên thế giới. - Văn học: + Nguồn cảm hứng và đề tài phong phú (sử thi, kịch, thần thoại…) + Sử thi Iliat và Ô-đi-xê - Triết học: Triết học duy tâm và duy vật - Tôn giáo: Thiên chúa giáo trở thành một trong những tôn giáo lớn nhất thế giới. - Lịch pháp: Dương lịch (365 ngày, 6 giờ, chia thành 12 tháng - Khoa học: Toán học, vật lí: các nhà khoa học Hy Lạp (Ta-lét, Pi-ta-go, Ác-si-mét,...) tìm ra định lí, tiên đề, ứng dụng hiệu quả trong cuộc sống và là nền tảng của khoa học hiện đại. - Kiến trúc, điêu khắc + Công trình kiến trúc tiêu biểu: Đền Pác-tê-nông, Đền thờ thần Dớt,... + Điêu khắc: Lực sĩ ném đĩa, Tượng A-tê-na, tượng thần Vệ nữ thành Mi-lô. + Tổ chức thế vận hội thể thao Olympic + Các thành tựu khác: Sử học, Luật pháp…

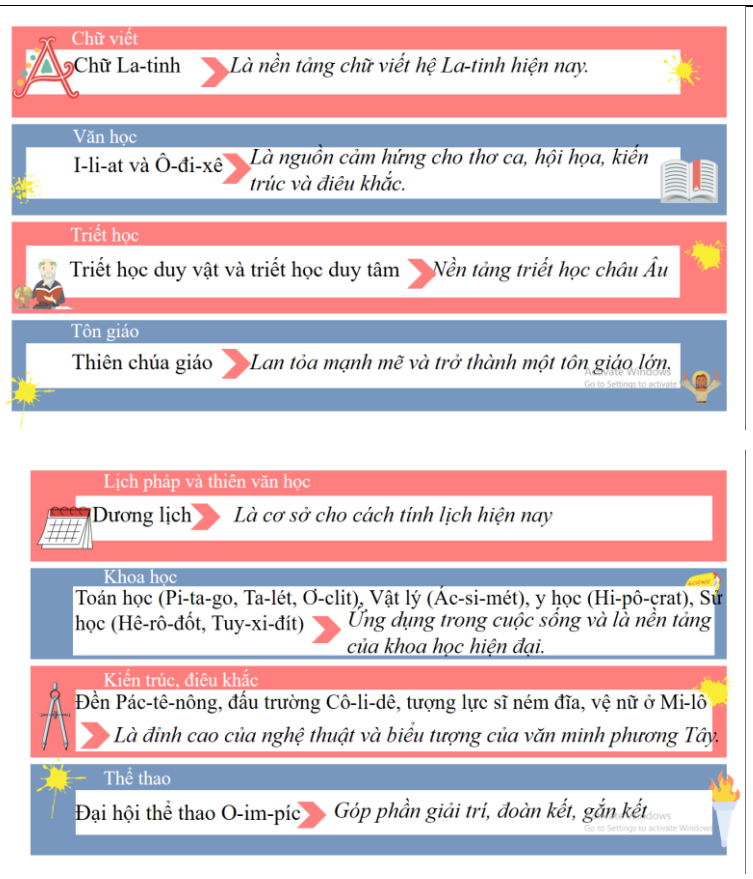	

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu văn minh Phục hưng

a. Mục tiêu:

- Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Tây Âu thời kì Phục hưng.

- HS biết trân trọng giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn minh nhân loại.

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh Tây Âu thời kì Phục hưng.

- Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho HS.

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ: Đọc thông tin mục 2.2 và video theo link:

https://hoc10.vn/tu-sach/?block=3&grade=13&subject=72

sau đó lập sơ đồ tư duy hoặc bảng thống kê về những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của các thành tựu đó.

- Nhiệm vụ chung cả lớp: Lập bảng thống kê

- Nhiệm vụ riêng:

+ Nhóm 1 Giới thiệu ít nhất 2 thành tựu tiêu biểu trong lĩnh vực văn học, triết học.

+ Nhóm 2 Giới thiệu ít nhất 2 thành tựu tiêu biểu trong lĩnh vực khoa học, nghệ thuật

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở một số thành tựu văn minh phương Tây thời kì Phục hưng và ý nghĩa của các thành tựu đó.

d. Tổ chức hoạt động:

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH</th><th>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Cả lớp lập bảng thống kê về các thành tựu cơ bản thời Phục hưng

<table>
<tr><td rowspan="5">Thành tựu</td><td>Lĩnh vực</td><td>Tác giả, tác phẩm</td></tr>
<tr><td>Văn học</td><td></td></tr>
<tr><td>Triết học</td><td></td></tr>
<tr><td>Khoa học</td><td></td></tr>
<tr><td>Nghệ thuật</td><td></td></tr>
<tr><td>Ý nghĩa</td><td colspan="2"></td></tr>
</table>

- Nhiệm vụ riêng:

+ Nhóm 1 Giới thiệu ít nhất 2 thành tựu tiêu biểu trong lĩnh vực văn học, triết học.

+ Nhóm 2 Giới thiệu ít nhất 2 thành tựu tiêu biểu trong lĩnh vực khoa học, nghệ thuật

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ Các nhóm khai thác thông tin trong SGK, theo dõi video, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

</td><td>

2. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh thời Phục hưng

- Văn học: đạt nhiều thành tựu trên cả 3 lĩnh vực thơ, tiểu thuyết, kịch.

- Triết học:

+ Kịch liệt lên án triết học duy tâm, lên án chế độ phong kiến

+ Đề cao tri thức. lí trí con người

Triết học duy vật với các học giả tiêu biểu như Phran-Xít Bê-cơn.

- Khoa học

+ Các lĩnh vực: Toán học, Thiên văn học

+ Các nhà khoa học: Cô-pec-nich, Bruno, Ga-li-lê và Thuyết Nhật tâm.

- Nghệ thuật

+ Có nhiều danh họa và nhà điêu khắc tên tuổi.

+ Bức họa Nàng Mô-na Li-sa, Bữa ăn cuối cùng (Lê-ô-na đơ Vanh-xi), Tượng Đa-vit (, lâu đài Sam-bô (Pháp)

b. Ý nghĩa

+ Lên án, châm biếm giáo hội Thiên chúa giáo đương thời.

+ Phê phán, đả kích tầng lớp phong kiến quý tộc, chĩa mũi nhọn đấu tranh chống chế độ phong kiến

+ Đề cao giá trị con người, khoa học tiến bộ và chủ nghĩa nhân văn.

+ Văn minh thời Phục hưng là bước tiến lớn trong lịch sử văn minh Tây Âu

</td></tr>
</table>

2. VĂN MINH THỜI PHỤC HƯNG

2.2. Những thành tựu tiêu biểu.

	Lĩnh vực	Tác giả, tác phẩm
Thành tựu	Văn học	Thần khúc (Đan-tê), Rô-mê-ô và Giu-li-ét (Sếch-pia)…
	Triết học	Kịch liệt phê phán triết học duy tâm, đề cao tri thức, lí trí con người (Mi-chen đơ Mông-ten-nhơ, Ê-ra-xmơ…)
	Khoa học	Toán học, Thiên văn học (Cô-pec-ních, Ga-li-lê…)
	Nghệ thuật	Bức họa của Lê-ô-na đờ Vanh-xi, Mi-ken-lăng-giơ; nhà thờ, lâu đài
Ý nghĩa	- Lên án, đả kích, chĩa mũi nhọn đấu tranh chống chế độ phong kiến - Đề cao giá trị con người, khoa học tiến bộ, chủ nghĩa nhân văn… =>Văn minh thời Phục hưng là bước tiến lớn trong lịch sử văn minh Tây Âu…	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học, thông qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi trong trò chơi Mê cung

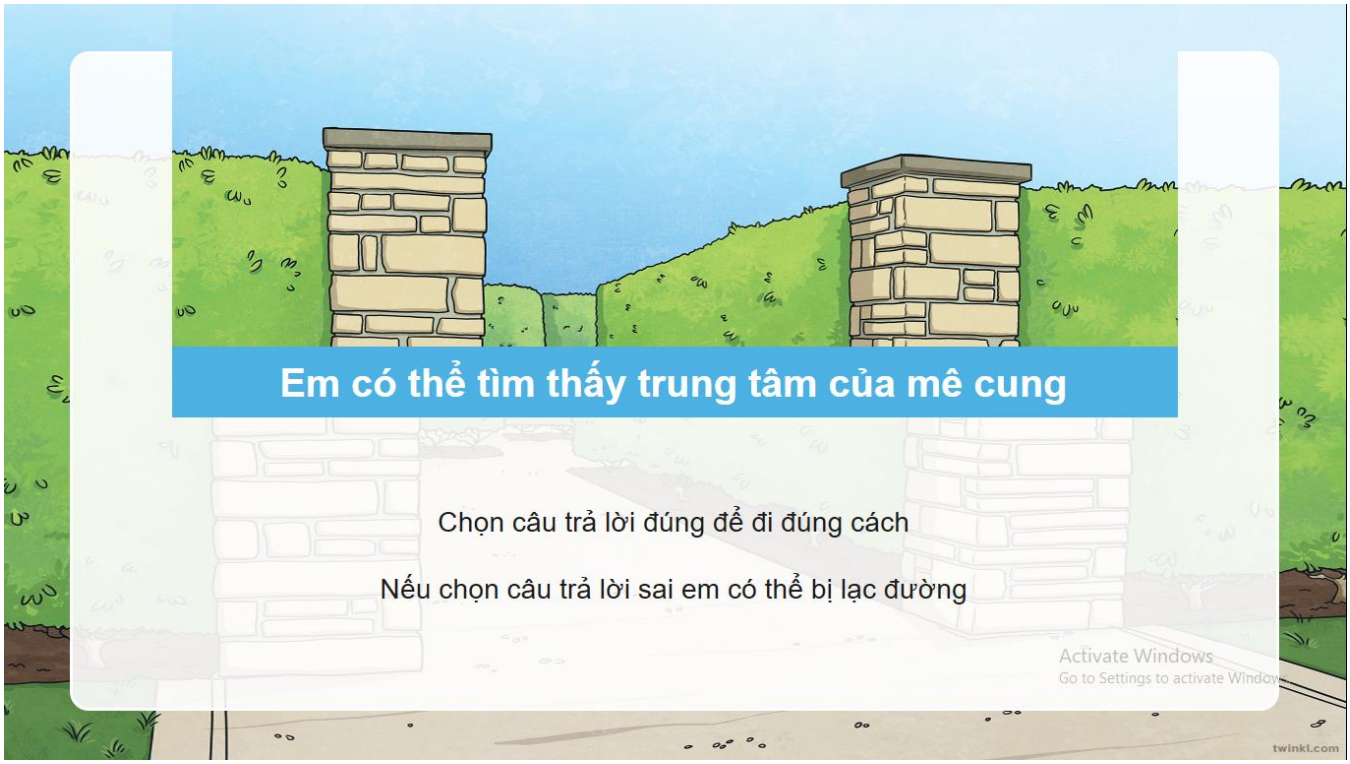

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ học tập sau đây

Thể loại văn học tiêu biểu ở Hy Lạp cổ đại là gì?
Truyền thuyết
(Đi thẳng)
Thần thoại
(Rẽ trái.)
Sử thi
(Rẽ phải)

Các nhà khoa học Ta-lét, Pi-ta-go, Ác-si-mét quê ở đâu?
Hy Lạp
(Đi thẳng)
La Mã
(Rẽ phải)

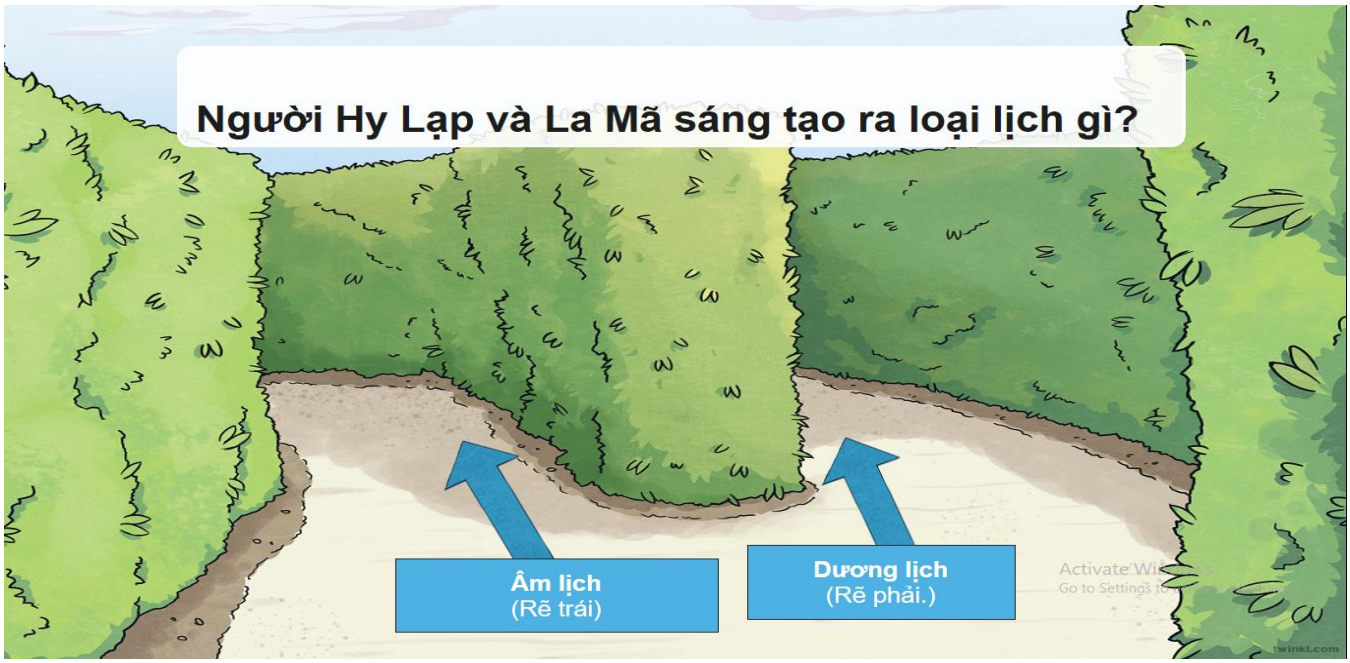
Người Hy Lạp và La Mã sáng tạo ra loại lịch gì?
Âm lịch
(Rẽ trái)
Dương lịch
(Rẽ phải.)

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, tham gia trò chơi.

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS trả lời đúng các câu hỏi

+ GV chuẩn đáp án

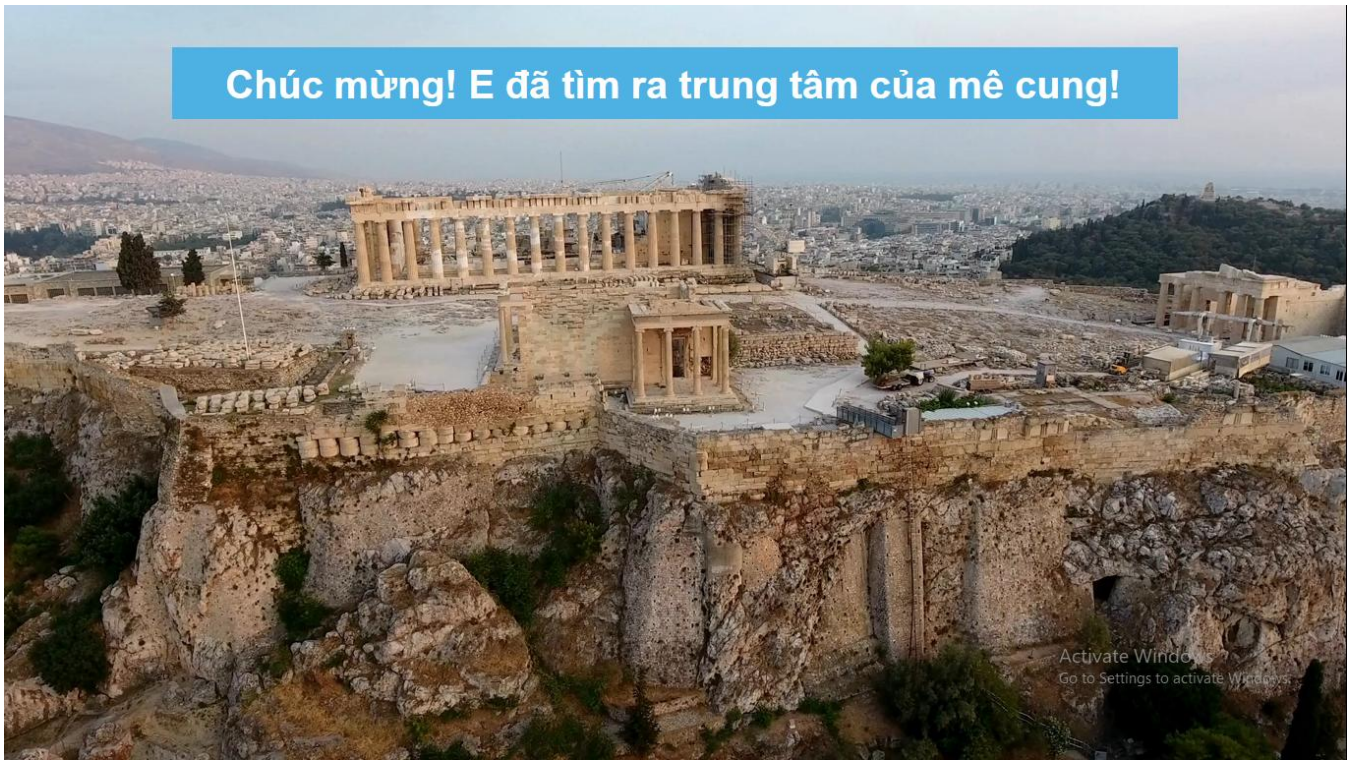

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS được rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ giới thiệu một thành tựu văn hóa của cư dân Hy Lạp hoặc La Mã còn tồn tại đến ngày nay

c. Sản phẩm học tập: HS tạo ra một sản phẩm (bài báo cáo ở mức độ đơn giản), trong đó thể hiện rõ sự vận dụng những thông tin, tài liệu tìm được và khả năng xử lí thông tin, tài liệu, năng lực tự tìm hiểu, học tập, nghiên cứu lịch sử của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu nhiệm vụ cho HS: giới thiệu một thành tựu văn hóa của cư dân Hy Lạp hoặc La Mã còn tồn tại đến ngày nay

a. Nội dung thành tựu

b. Giá trị của thành tựu đó đối với nhân loại

- GV định hướng để HS lựa chọn đối tượng, chủ đề phù hợp.

- GV cho HS tham khảo:

Tượng Lực sĩ ném đĩa là một bức tượng kinh điển của Hy Lạp cổ đại. Người vận động viên đang thực hiện việc ném đĩa với một dáng vẻ hoàn hảo. Cơ bắp và biểu hiện tập trung của anh tạo ra ấn tượng như một mũi tên đang căng trên dây cung trước khi được thả ra. Hiện nguồn gốc của bức tượng này chưa được xác định rõ, nhưng các nhà nghiên cứu xác định tượng được hoàn thành vào cuối giai đoạn 260-450 TCN. Nó được biết đến qua nhiều bản sao La Mã.

Một số ý kiến cho rằng bức tượng Lực sĩ ném đĩa miêu tả lại hình thể, hành động, tư thế của một vận đông viên olympic thời bất giờ. Tuy nhiên, các chuyên gia hiện vẫn chưa biết rõ tại sao những vận động viên thi đấu trong các kỳ Olympic thuở ban đầu lại khỏa thân. Tuy nhiên, một số người cho rằng, nó bắt nguồn từ một sự kiện hy hữu, khi một vận động viên chiến thắng cuộc thi chạy 200m sau khi để mất quần và các đối thủ đã nhanh chóng bắt chước anh ta.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sưu tầm tư liệu (qua sách, báo, internet) và viết thành bài báo cáo ở mức độ đơn giản.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS báo cáo vào đầu tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 8: Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại*

THỰC HÀNH LỊCH SỬ
(2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau khi học xong bài học này, HS có thể

- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử ở chủ đề 3: Một số nền văn minh thế giới thời kì cổ-trung đai. Thông qua đó góp phần rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử, tạo hứng thú học tập ((Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp; tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hóa…); học tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử; tổ chức các câu lạc bộ, các cuộc thi "Em yêu lịch sử", "Nhà sử học trẻ tuổi", các trò chơi lịch sử.)

2. Năng lực

- Rèn luyện kỹ năng: sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, phân tích… sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống, bài tập nhận thức mới.
- Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Lịch sử, Giáo án.
- Phiếu học tập dành cho HS.

- Máy tính, máy chiếu (tivi).

2. Đối với học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của HS, lôi cuốn HS vào bài học mới

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu vấn đề và đặt câu hỏi : Sau khi học xong chủ đề 3, em hãy trả lời câu hỏi sau:

Em hãy kể tên các nền Văn Minh Phương Đông và Phương Tây đã được học.

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS suy nghĩ, nhớ lại bài đã học, hoàn thành nhiệm vụ học tập (cá nhân)

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời 1-2 HS trả lời

+ GV mời 1 – 2 HS khác nhận xét, bổ sung.

+ HS trả lời :

1. Văn Minh Ai Cập
2. Văn Minh Ấn Độ
3. Văn Minh Trung Hoa
4. Văn Minh Hy Lạp- La Mã
5. Văn Minh Thời kì Phục Hưng

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS: *Những thành tựu văn minh đầu tiên của lịch sử nhân loại đã được hình thành và phát triển rực rỡ ở phương Đông, Phương Tây có giá trị to lớn trong cuộc sống hiện tại và tương lai đó là lí do vì sao chúng ta cần tìm hiểu, khám phá nhiều hơn về các tri thức lịch sử.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG-HIỂU Ý ĐỒNG ĐỘI

a. Mục tiêu: Nắm được các nền Văn Minh thời cổ-trung đại cả Phương Đông và Phương Tây

b. Nội dung: GV đưa ra 10 từ khóa; HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo gợi ý.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS vào vở .

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thực hiện Như sau :	**1. TRẮC NGHIỆM - HIỂU Ý ĐỒNG ĐỘI.**

Một người được nhìn trên màn hình gợi ý cho bạn đoán ra các khái niệm, địa danh và nhân vật lịch sử. Người còn lại phải quay mặt xuống khán giả và trả lời. Đội chơi có thể bỏ qua nếu không định nghĩa được và sẽ quay lại nếu còn thời gian. Người nhìn lên màn hình sẽ có 60 giây để xem trước các khái niệm, địa danh, nhân vật lịch sử **Phần chơi sẽ có 10 nội dung hiện trên màn hình. Mỗi đội được phép cử ra 2,4,6,8 người chơi ăn ý nhất. Câu trả lời đúng đạt 2 điểm.** 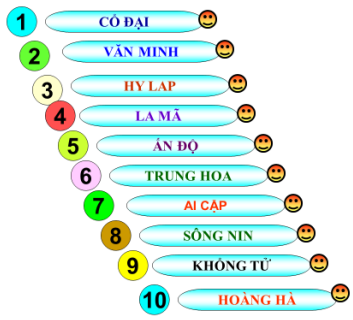 **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS trả lời thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời HS trả lời + GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** ***+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.***	Các từ khóa gợi mở về Văn minh Phương Đông Văn Minh Phương Tây

2. Hoạt động 2: NHẬN DIỆN LỊCH SỬ

a. Mục tiêu: Nắm được cách thức sưu tầm, xử lý thông tin và sử liệu trong quá trình khám phá Lịch sử

b. Nội dung: GV hướng dẫn học sinh làm vào vở; HS làm việc cá nhân, đọc nội dung thông tin thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được tên bức tranh.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV đưa ra hình ảnh theo gợi ý sau **Trên màn hình có 5 con số mỗi con số sẽ xuất hiện hình ảnh lịch sử có kèm theo câu hỏi. Mỗi nhóm sẽ có 10 giây để nhận biết và trả lời, nếu trả lời đúng mỗi câu được + 1 điểm, nếu không nhận biết hình ảnh thì quyền trả lời thuộc nhóm khác.** 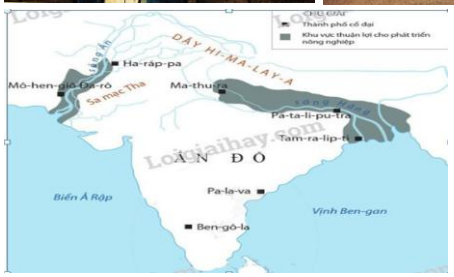 + GV gợi ý học sinh hoàn chỉnh câu hỏi: *1. Bức tranh có tên là gì? Tác giả là ai?* *2.Lược đồ dưới có tên là gì?* *3.* ***Ông là ai?*** ***Ông đến từ đâu?*** ***Học thuyết của ông là gì?*** *4.Bức tranh có tên là gì? Ở đâu?* *5. Lược đồ dưới có tên là gì?* **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**	**2. NHẬN DIỆN LỊCH SỬ** **-Học sinh hoàn chỉnh** Bữa ăn tối cuối cùng(Italia) Lược đồ Hy Lạp cổ đại Khổng tử Tượng nhân sư và quần thể kim tự tháp Lược đồ Ấn Độ cổ đại

+ HS đọc thông tin gợi ý, làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời 1 – 2 HS trình bày + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)	

3. Hoạt động 3: TRẮC NGHIỆM-HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN

a. Mục tiêu:

- Hiểu được nền Văn Minh cổ -Trung đại với cuộc sống hiện tại
- Vận dụng kiến thức và bài học lịch sử để giải quyết tốt các câu hỏi.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS làm việc cá nhân, đọc nội dung câu hỏi lựa chon, quan sát và thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời đung các cau hỏi.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Có 10 câu hỏi trắc nghiệm, thời gian trả lời cho mỗi câu hỏi là 15 giây. Nếu trả lời đúng mỗi câu được + 1 điểm. *Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:* **Câu 1.** Những nền văn minh đầu tiên trên thế giới hình thành ở đâu? A. Trung Quốc. B. Ấn Độ. C. Tây Á, Đông Bắc châu Phi. D. Hy Lạp. La Mã. **Câu 2.** Người đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại là: A. Vua. B. Hoàng đế. C. Thiên tử. D. Pha-ra-ông. **Câu 3.** Công trình kiến trúc nổi tiếng nhất của người Ai Cập có đại là: A. Tượng Nhân sư. B. Các kim tự tháp.	**3. TRẮC NGHIỆM-HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN** Văn Minh Ai Cập Văn Minh Ấn Độ Văn Minh Trung Hoa Văn Minh Hy Lạp- La Mã Văn Minh Thời kì Phục Hưng ***Câu 1 : C, Câu 2: D Câu 3 :B*** ***Câu 4 :B Câu 5 :A*** ***Câu 6 : A, Câu 7 :C Câu 8 :C*** ***Câu 9 :A Câu 10 :A***

C. Đền thờ các vị vua. D. Các khu phố cổ. **Câu 4**. Người A-ri-a là chủ nhân của nền văn minh nào ở Ấn Độ? A. Văn minh sông Ấn. B. Văn minh sông Hằng. C. Văn minh Ấn Độ. D. Văn minh Nam Ấn. **Câu 5.** Tôn giáo nào **không** được khởi nguồn từ Ấn Độ? A. Hồi giáo. B. Phật giáo. C. Hin-đu giáo. D. Bà La Môn giáo. **Câu 6.** Chủ nhân đầu tiên của nên văn minh Trung Hoa là tộc người nào? A. Người Hoa Hạ. B. Người Choang. C. Người Mãn. D. Người Mông Cổ. **Câu 7.** Mặt hàng nổi tiếng trong quan hệ buôn bán với nước ngoài của người Trung Quốc thời kì cổ - trung đại là gì? A. Các loại lâm thổ sản. B. Vàng, bạc. C. Tơ lụa, gốm sứ. D. Hương liệu. **Câu 8.** 10 chữ số mà ngày nay chúng ta đang sử dụng là thành tựu của nền văn minh nào? A. Ai Cập. B. Hy Lạp - La Mã. C. Ấn Độ. D. Trung Hoa. **Câu 9.** Loại chữ viết của nền văn minh nào được cư dân nhiều quốc gia Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại tiếp thu? A. Văn minh Ấn Độ.	

B. Văn minh Trung Hoa. C. Văn minh Lưỡng Hà. D. Văn minh Hy Lạp - La Mã. **Câu 10**. Nền văn mỉnh nào ở phương Đông tồn tại liên tục, lâu đời nhất và có ảnh hưởng sâu sắc đến văn minh thế giới? A. Nền văn minh Trung Hoa. B. Nền văn minh Lưỡng Hà. C. Nền văn minh Ai Cập. D. Nền văn minh Hy Lạp - La Mã. **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin gợi ý, làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời 1 – 2 HS trình bày + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết) ***Câu 1 : C, Câu 2: D Câu 3 :B Câu 4 :B Câu 5 :A*** ***Câu 6 : A, Câu 7 :C Câu 8 :C Câu 9 :A Câu 10 :A***	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học trong chủ đề 3, thông qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để hoàn thành sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm học tập: sơ đồ tư duy trong tập.

d. Tổ chức hoạt động:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoàn thành (cá nhân) vào tập trong thời gian 5 phút

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV gọi 1 – 2 HS báo cáo sản phẩm trước lớp hoặc vẽ trên bảng

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ GV chuẩn bị đáp án. Sau đây là một số gợi ý :

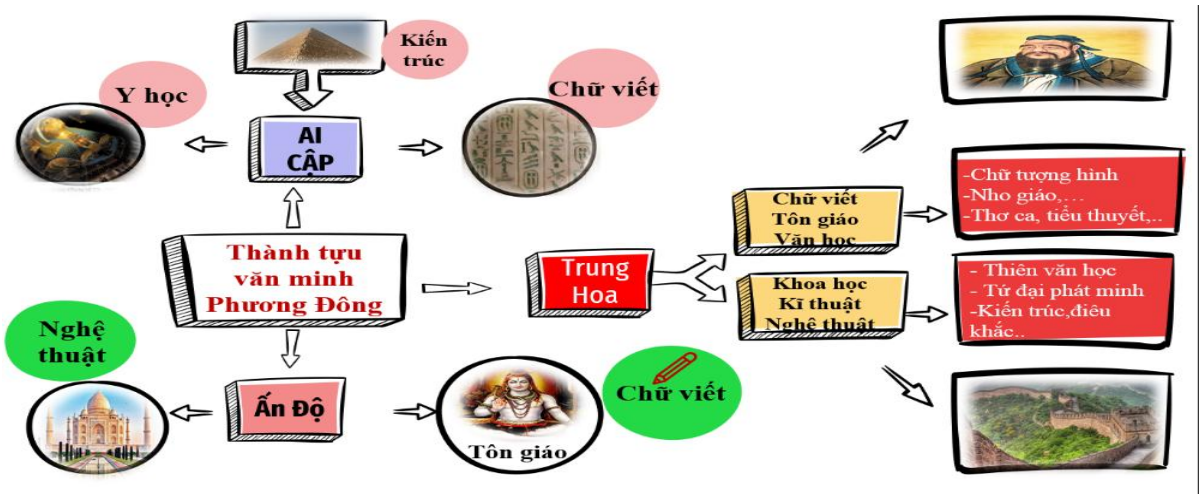

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 8: Cách mạng công nghiệp thời kì Cận Đại*

CHỦ ĐỀ 4 : CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI
BÀI 6 : MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ CẬN ĐẠI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

– Nêu được thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai

– Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội…

– Biết cách sưu tầm và sử dụng 1 số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc CMCN

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực lịch sử

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ…nêu được thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội…thông qua ví dụ cụ thể.

3. Phẩm chất

- *Nhân ái:* Trân trọng những sản phẩm, thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp cận đại để lại
- *Trách nhiệm:*

+ Cảm phục sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của con người để sáng chế những phương tiện tiến bộ nhằm nâng cao năng suất lao động và đời sống con người. Từ đó, có ý thức, trách nhiệm trong việc học tập của mình

+ Sử dụng các thành tựu của cách mạng công nghiệp cận đại một cách có trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, SBT Lịch sử, Giáo án.

- Phiếu học tập dành cho HS (giấy A4)
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh: SGK, SBT

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của HS, lôi cuốn HS vào bài học mới

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS trên phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu cho HS quan sát các hình ảnh sau:

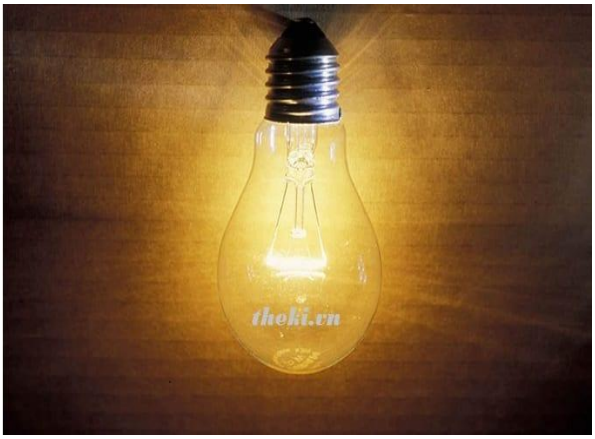

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi

1. Những hình ảnh trên đề cập đến những phát minh, sáng chế nào ?
2. Viết ít nhất 1- 2 câu về lợi ích của mỗi phát minh, sáng chế được đề cập đến trong mỗi bức hình trên

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh và vận dụng hiểu biết của bản thân, thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời:
- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. Có thể tham khảo bảng sau

Phát minh	Tác dụng

Chiếc máy bay	- Tiết kiệm thời gian đi lại so với các phương tiện giao thông khác, đặc biệt đi từ quốc gia này đến quốc gia khác - Tiếp cận nhiều điểm đến mà xe khách, tàu hỏa không thể tới
Tàu thủy	- Giúp vận chuyển tốc độ nhanh, mức độ an toàn cao so với thuyền bè đơn giản trước kia - Vận tải trọng lượng lớn hàng hóa, hành khách đường thủy - Thúc đẩy ngành hàng hải, đóng tàu phát triển
Đèn điện	Giúp chiếu sáng nhà máy, đường phố, công xưởng thay cho đèn dầu trước kia
Ô tô	- Tốc độ nhanh (so với xe đạp, đi bộ trước kia) - An toàn, tiện lợi - Thúc đẩy ngành chế tạo ô tô phát triển

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Máy bay, tàu thủy, đèn điện hay ô tô là những thành tựu tiêu biểu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại mà hiện nay chúng ta được thừa hưởng. Vậy các cuộc cách mạng công nghiệp đó diễn ra như thế nào và có những thành tựu gì nổi bật? Những thành tựu ấy có ý nghĩa và tác động gì đối với thế giới? Chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay –* ***Bài 8: Các cuộc cách mạnh công nghiệp thời kì cận đại.***

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

a. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS thảo luận cặp đôi, đọc nội dung thông tin mục 1.2, quan sát hình 8.3 – 8.7, thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức hoạt động:

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS</th><th>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập sau
1. NHỮNG THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ NHẤT
<table>
<tr><th>Tên phát minh</th><th>Thời gian</th><th>Người phát minh</th><th>Tác dụng</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
2. Theo em, phát minh nào là quan trọng nhất? Vì sao?
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập
- HS đọc nội dung thông tin mục 1.2, quan sát Hình 8.3 – 8.7, thảo luận cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
- GV mời đại diện cặp HS trình bày :
- GV mời đại diện cặp HS khác nhận xét, bổ sung.
Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập
- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức (phần phụ lục phiếu học tập)
</td><td>
1. Những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

- Thành tựu cơ bản (phần phụ lục phiếu học tập)
</td></tr>
</table>

Hoạt động 2: Tìm hiểu về thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai

a. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS thảo luận theo bàn, đọc nội dung thông tin mục 2.2, quan sát hình 8.8 – 8.9, thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức hoạt động:

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS</th><th>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV yêu cầu HS thảo luận theo đơn vị bàn, hoàn thành phiếu học tập sau
1. NHỮNG THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ HAI
<table>
<tr><th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu tiêu biểu</th><th>Tác dụng</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
2. Thông qua những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai, em hãy cho biết đặc trưng cơ bản của cuộc cách mạng này so với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất
. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập
- HS đọc nội dung thông tin mục 2.2, quan sát Hình 8.7, 8.8, thảo luận theo bàn, thực hiện nhiệm vụ học tập
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
- GV mời đại diện 1 – 2 bàn trình bày
- GV mời bàn khác nhận xét, bổ sung.
Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập
- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức (phần phục lục phiếu học tập)
- GV trình chiếu hình ảnh và giới thiệu một số thành tựu nổi bật
+ Hình 1 : Bóng đèn điện – một phát minh của Thô – mát Ê – đi – xơn
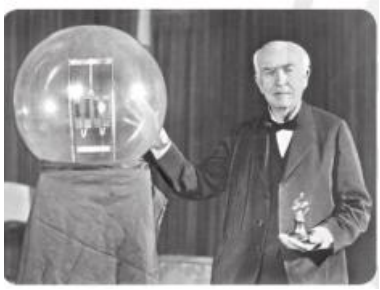
Tô-mát Ê-đi-xơn là người đã thúc đẩy sự phát triển của dòng điện một chiều. Năm 1880, Ê-đi-xơn thành lập công ti chiếu sáng mang tên ông và năm 1882, trạm phát điện đầu tiên đã đi vào hoạt động. Ni-cô-la Tét-la là người đã thúc đẩy sự phát triển của mạng lưới điện xoay chiều được dùng phổ biến ngày nay.
</td><td>
2. Những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai
- Thành tựu cơ bản (phần phụ lục phiếu học tập)
</td></tr>
</table>

Hình 2 : Lò luyện gang Bet - xme

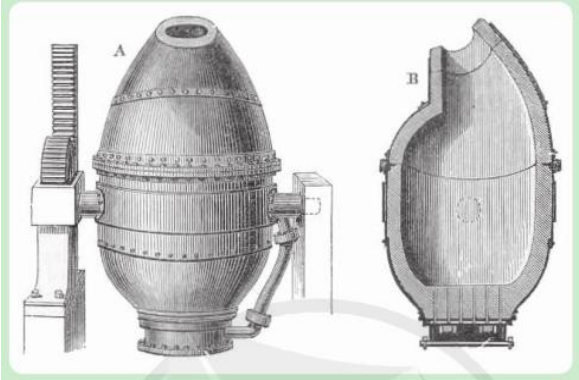

Đây là phương pháp có khả năng luyện gang lỏng thành thép, có chất lượng tốt, dễ cán, giá rẻ, giúp cho việc chế tạo máy móc và động cơ nhanh hơn, nhỏ hơn, nhẹ hơn cũng như thuận lợi trong xây dựng đường xe lửa, chế tạo tàu thuyền, chế tạo vũ khí.

Hình 3 : Xe hơi Mô – đen T (Công ty Pho Mô - tô, 1908)

Năm 1896, Hen-ri Pho chế tạo thành công chiếc xe hơi bốn bánh đầu tiên. Năm 1903, Công ti Pho Mô-tô được thành lập và năm 1908 cho ra đời dòng xe Mô-đen T nổi tiếng khắp thế giới. Hen-ri Pho tạo ra cuộc cách mạng trong ngành công nghiệp ô tô, áp dụng máy móc để xây dựng dây chuyền lắp ráp hàng loạt.

Hình 4 : Máy bay đầu tiên trên thế giới được thử nghiệm (1903)

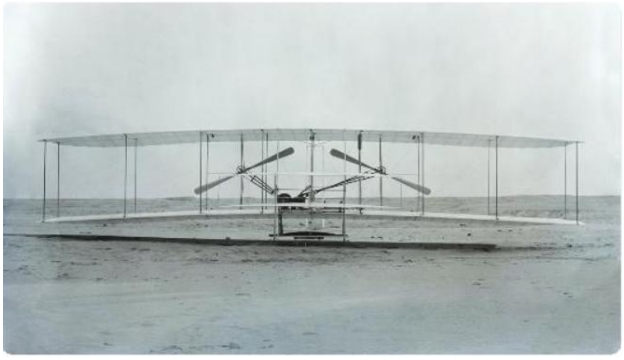

Đây là chuyến bay biểu diễn trước công chúng đầu tiên của anh em nhà Rai sau nhiều lần thử nghiệm với các mô hình máy bay khác nhau. Lần đầu tiên, con người có thể di chuyển từ vùng này đến vùng khác bằng một thiết bị bay được trên không. Điều đó đã thôi thúc các nhà khoa học say mê tiếp tục nghiên cứu và cho ra đời một loại phương tiện giao thông mới là máy bay. Cho đến nay, máy bay vẫn là phương tiện vận chuyển con người và hàng hoá nhanh nhất, an toàn nhất giữa các quốc gia, các châu lục.	

Hoạt động 3: Tìm hiểu ý nghĩa và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai

a. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa và tác động (tích cực và tiêu cực) của các cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với kinh tế, xã hội, văn hóa

b. Nội dung: GVtổ chức trò chơi AI NHANH HƠN; HS đọc nội dung thông tin mục 3.1, 3.2, thảo luận nhóm, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức hoạt động:

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS</th><th>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập
- GV tổ chức trò chơi : AI NHANH HƠN
Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm như sau:
Hoàn thiện bảng hệ thống kiến thức về tác động, ý nghĩa của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai trên các mặt : kinh tế, văn hóa, xã hội bằng cách dán các sticker (mảnh ghép) phù hợp vào từng cột (trên giấy A1)
TÁC ĐỘNG, Ý NGHĨA CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN MỘT VÀ HAI
<table>
<tr><th>Lĩnh vực</th><th>Tác động, ý nghĩa</th></tr>
<tr><td>Kinh tế</td><td></td></tr>
<tr><td>Chính trị - xã hội</td><td></td></tr>
<tr><td>Văn hóa</td><td></td></tr>
</table>
Các STICKER GV cung cấp để HS dán như sau
</td><td>
3. Ý nghĩa và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai
(phần phụ lục 3)
</td></tr>
</table>

CƠ GIỚI HÓA, ĐIỆN KHÍ HÓA SẢN XUẤT	ĐỜI SỐNG VĂN HÓA ĐA DẠNG, PHONG PHÚ, HIỆN ĐẠI
SỰ RA ĐỜI CỦA NHIỀU ĐÔ THỊ QUY MÔ LỚN	NÔNG NGHIỆP CHUYỂN SANG CHUYÊN CANH, THÂM CANH
THAY ĐỔI CÁCH THỨC LAO ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI	SỰ XÂM CHIẾM VÀ TRANH GIÀNH THUỘC ĐỊA
SỰ HÌNH THÀNH LỐI SỐNG, TÁC PHONG CÔNG NGHIỆP	HÌNH THÀNH HAI GIAI CẤP TƯ SẢN VÀ VÔ SẢN
MÁY MÓC THAY THẾ SỨC LAO ĐỘNG CON NGƯỜI	THÚC ĐẨY SỰ GIAO LƯU, KẾT NỐI VĂN HÓA TOÀN CẦU
NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG	THAY ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ
CUỘC ĐẤU TRANH CỦA VÔ SẢN CHỐNG LẠI TƯ SẢN	GIAI CẤP CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG BỊ BÓC LỘT THẬM TỆ

- Sau khi các nhóm hoàn thiện và treo sản phẩm trên bảng, GV gọi đại diện một nhóm bất kì lên trình bày ý nghĩa, tác động của cách mạng công nghiệp lần một và hai trên cơ sở sản phẩm vừa hoàn thành

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc nội dung thông tin mục 3.1, 3.2, đọc các STICKER mà GV cung cấp, thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Các nhóm lần lượt treo sản phẩm trên bảng sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ
- GV mời đại diện HS 1 nhóm bất kì lên trình bày ý nghĩa, tác động cách mạng công nghiệp lần một và hai (trên cơ sở sản phẩm vừa hoàn thành)
- GV mời đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét kết quả hoạt động các nhóm trên các mặt
  + Thời gian
  + Hình thức dán sản phẩm
  + Độ chính xác của nội dung
- GV chuẩn kiến thức (phần phụ lục ý nghĩa, tác động cách mạng công nghiệp lần một và hai)
- GV trình chiếu và giới thiệu một số hình ảnh minh họa về tác động của cách mạng công nghiệp lần một và hai

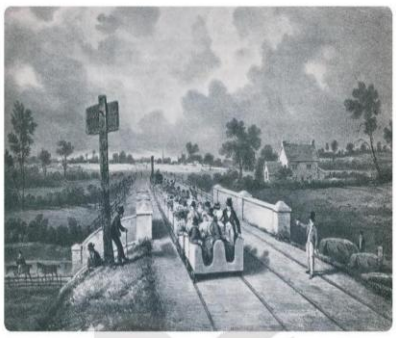

Hình 18. Đường sắt nối hai thành phố Li-vơ-pun và Man-chét-xtơ của Anh (1831, tranh vẽ)

Hình 8.12. Giai cấp tư sản vắt kiệt sức lao động của giai cấp vô sản (tranh biếm hoạ)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học, thông qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức hoạt động:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu câu hỏi trắc nghiệm cho HS và yêu cầu HS làm tại lớp.

Câu 1. Những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là:

A. Máy kéo sợi, máy dệt, máy hơi nước, đầu máy xe lửa.

B. Máy dệt, máy kéo sợi, máy hơi nước, máy bay.

C. Máy dệt, máy kéo sợi, ô tô, máy hơi nước.

D. Máy dệt, máy hơi nước, tàu thuỷ, điện thoại.

Câu 2. Giêm Oát là người đã phát minh ra:

A. Con thon bay. B. Máy dệt. C. Máy hơi nước. D. Đầu máy xe lửa.

Câu 3. Những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai là gì?

A. Máy hơi nước, điện thoại, điện, ô tô. B. Điện, điện thoại, ô tô, máy bay.

C. Ô tô, máy bay, máy tính, internet. D. Điện thoại, điện, ô tô, tàu hoả.

Câu 4. Tô-mát Ê-đi-xơn là người đã phát minh ra:

A. Bóng đèn sợi đốt trong. B. Dòng điện xoay chiều.

C. Vô tuyến điện. D. Điện thoại.

Câu 5. Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại **không** có những tác động nào sau đây?

A. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động.

B. Hình thành và phát triển các trung tâm công nghiệp,. thành thị.

C. Gây ô nhiễm môi trường, bóc lột lao động phụ nữ, trẻ em, xâm chiếm thuộc địa.

D. Thúc đẩy toàn cầu hoá, tự động hoá, thương mại điện tử, tự do thông tin.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi (cá nhân)
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS lần lượt đọc đáp án trước lớp:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	D	A	D

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những tình huống, nhiệm vụ học tập mới; góp phần hình thành và phát triển năng lực vận dụng lịch sử, tự học lịch sử suốt đời

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ (cá nhân), GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập
- GV giao nhiệm vụ, bài tập cho HS: *Thường ngày, em sử dụng thiết bị nào dùng đến nguồn điện? Hãy viết một đoạn văn ngắn suy nghĩ của em về giả thiết: Nếu các nhà khoa học kĩ thuật chưa phát minh ra điện và các thiết bị tiêu thụ điện năng thì cuộc sống của chúng ta sẽ ra sao?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ
- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)

*** Hướng dẫn về nhà**
- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 9: Cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại*

PHỤ LỤC 1 : PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. NHỮNG THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ NHẤT

Tên phát minh	***Thời gian***	***Người phát minh***	***Tác dụng***
Máy hơi nước	1784	Giêm Oát	- Giúp nhà máy có thể xây dựng ở nhiều nơi - Thúc đẩy ngành chế tạo máy ra đời và phát triển - Được đưa vào sử dụng rộng rãi trong sản xuất, làm giảm sức lao động cơ bắp của con người, thúc đẩy sản xuất phát triển vượt bậc - Khởi đầu quá trình công nghiệp hóa ở nước Anh
Động cơ đốt trong	Cuối XVIII – đầu XIX	Giôn Bác – bơ, Thô – mát Mít, Giôn Ste – phen…	Nhanh chóng thúc đẩy cơ gioái hóa sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động
Tàu thủy chạy bằng hơi nước	1807	Phơn - tơn	Thúc đẩy ngành giao thông vận tải (đường sắt và hàng hải) phát triển
Xe lửa chạy bằng hơi nước	1814	Xti – phen - xơn	

2. Phát minh quan trọng nhất : Máy hơi nước, vì :
- Máy hơi nước được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực tưd sản xuất đến giao thông vận tải, đưa sản xuất từ lao động thủ công sang sản xuất lao động bằng máy móc
- Đặc trưng của cách mạng công nghiệp lần thứ nhất chính là sử dụng máy móc chạy bằng hơi nước và động cơ hơi nước để cơ giới hóa sản xuất. Vì vậy, động cơ hơi nước đã mở đầu quá trình công nghiệp hóa trên thế giới từ cuối XIX đầu XX, mà khởi đầu là nước Anh

PHỤ LỤC 2 : PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. NHỮNG THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ HAI

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu	Tác dụng
Điện năng	Phát minh về điện của các nhà bác học : Ghê – oóc Xi – môn Ôm, Mai – cơn Pha – ra – đây, Giêm Pre – x cốt Giun, Len - xơ	Mở ra khả năng ứng dụng một nguồn năng lượng mới: điện năng
	E – đi – xơn phát minh ra bóng đèn điện	Giúp thắp sáng các nhà cửa, đường phố, nhà xưởng
	Đô – rô – vôn – xki chế tạo thành công máy phát điện và động cơ điện xoay chiều	Được sử dụng để cung cấp năng lượng cho nhiều nhà máy, mở ra quá trình điện khí hóa sản xuất
Luyện kim	Sử dụng lò Bét – xme và lò Mác - tanh	- Thép được sản xuất với số lượng lớn và hạ giá thành nhanh chóng - Tạo thuận lợi trong xây dựng đường xe lửa, đóng tàu thuyền, chế tạo vũ khí
Giao thông vận tải	- 1886, Các Ben phát minh ra chiếc ô tô đầu tiên trên thế giới - 1903, hai anh em Vin – bơ Rai và Oóc- vin Rai chế tạo thành công chiếc máy bay đầu tiên	- Đặt nền tảng cho sự ra đời ngành công nghiệp ô tô và hàng không trên thế giới - Giúp thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền trong một nước, giữa quốc gia này với quốc gia kia, thúc đẩy ngành giao thông vận tải phát triển
Thông tin liên lạc	- 1876, A – lếch – xan – đơ Gra – ham Beo phát minh ra chiếc điện thoại đầu tiên - 1897, Gu – li – ê – li – nô Mác – cô – ni phát minh ra máy vô tuyến điện	- Giúp liên lạc giữa những người có khoảng cách xa xôi

2. Đặc trưng cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần hai so với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

- Đặc trưng cách mạng công nghiệp lần một : sử dụng động cơ hơi nước thay thế sức lao động con người → qúa trình cơ giới hóa
- Đặc trưng cơ bản của cách mạng công nghiệp lần hai:

+ Sử dụng nguồn năng lượng điện năng vào trong sản xuất →qúa trình điện khí hóa
+ Sự phát triển mạnh mẽ của động cơ đốt trong dẫn đến sự ra đời của ô tô, máy bay (sử dụng động cơ đốt trong) thay cho động cơ hơi nước trước kia
+ Sự tiến bộ vượt bậc của kĩ thuật luyện kim, sản xuất gang thép

PHỤ LỤC 3 : PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3
Ý NGHĨA, TÁC ĐỘNG CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ NHẤT VÀ LẦN THỨ HAI ĐỐI VỚI KINH TẾ, CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, VĂN HÓA

Lĩnh vực	Tác động, ý nghĩa
Kinh tế	- CƠ GIỚI HÓA, ĐIỆN KHÍ HÓA SẢN XUẤT - MÁY MÓC THAY THẾ SỨC LAO ĐỘNG CON NGƯỜI - THAY ĐỔI CÁCH THỨC LAO ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI - NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG - THAY ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ - NÔNG NGHIỆP CHUYỂN SANG CHUYÊN CANH, THÂM CANH
Chính trị - xã hội	- SỰ RA ĐỜI CỦA NHIỀU ĐÔ THỊ QUY MÔ LỚN - HÌNH THÀNH HAI GIAI CẤP TƯ SẢN VÀ VÔ SẢN - GIAI CẤP CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG BỊ BÓC LỘT THẬM TỆ - CUỘC ĐẤU TRANH CỦA VÔ SẢN CHỐNG LẠI TƯ SẢN - SỰ XÂM CHIẾM VÀ TRANH GIÀNH THUỘC ĐỊA
Văn hóa	- THÚC ĐẨY SỰ GIAO LƯU, KẾT NỐI VĂN HÓA TOÀN CẦU - ĐỜI SỐNG VĂN HÓA ĐA DẠNG, PHONG PHÚ, HIỆN ĐẠI - SỰ HÌNH THÀNH LỐI SỐNG, TÁC PHONG CÔNG NGHIỆP

BÀI 7: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI HIỆN ĐẠI

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

- Nêu được thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ 3 và lần thứ 4.

- Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ 3 và lần thứ 4 đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa.

- Vận dụng được những hiểu biết về tác động của CMCN để tuân thủ quy định cảu pháp luật trong cách thức giao tiếp trên internet, mạng XH…

- Có thái độ trân trọng thành quả của CMCN đối với sự phát triển của lịch sử.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- Năng lực đặc thù

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, khai thác và sử dụng được tư liệu, tranh ảnh, lược đồ…để tìm hiểu về những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và thứ tư

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Phân tích được tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thú 4 đối với sự phát triển kinh tế.

+ Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: Vận dụng những hiểu biết về tác động hai mặt của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư thông qua việc tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên Internet, mạng xã hội…

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.

- *Trách nhiệm:* Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý và tạo hứng thú cho HS bước vào bài học mới.

b. Nội dung: GV cho HS xem video: "Cuộc đối thoại của Rô-bốt Sô-phia với "cha đẻ" của chính mình. Đặt câu hỏi: "Em có nhận xét gì về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3 và lần thứ 4"?

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS về những tiến bộ, hiện đại của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3, 4

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS xem video: "Cuộc đối thoại của Rô-bốt Sô-phia với "cha đẻ" của chính mình. Đặt câu hỏi: "Em có nhận xét gì về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3 và lần thứ 4"?

- Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS theo dõi video, hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian 3 phút

+ GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV mời HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

+ GV dẫn dắt vào bào học: Sô-phia là một rô bốt được chế tạo và thiết kế năm 2015, mang hình dáng giống con người. Ngày 25/10/1917, Sô-phia là rô bốt đầu tiên được chính phủ Ả rập Xê út cấp quyền công dân như con người. Rô bốt Sô-phia là một trong những thành tựu tiêu biểu của cách mạng lần thứ 4 đang diễn ra hiện nay. Vậy, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, thứ 4 đã đạt được những thành tựu gì? Làm chuyển biến cuộc sống của chúng ta ra sao? Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng khám phá.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu những thành tựu cơ bản cách mạng công nghiệp lần thứ ba

a. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba: tự động hoá dựa vào máy tính, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, Internet,...

b. Nội dung: HS làm việc cặp đôi theo bàn chẵn, lẻ, hoàn thành các phiếu học tập vê thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3.

d. Tổ chức hoạt động:

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH</th><th>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>

***- Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ*

GV chia lớp thành 6 nhóm, thực hiện nhiệm vụ sau

+ Nhóm 1,2,3:

1. Nêu những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp lần thứ ba trên các lĩnh vực: Máy tính điện tử, Internet, công nghệ thông tin theo mẫu

<table>
<tr><td>Thành tựu</td><td>Quá trình ra đời, phát triển</td><td>Tác dụng</td></tr>
<tr><td>Máy tính điện tử</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Internet</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Công nghệ thông tin</td><td></td><td></td></tr>
</table>

2. Em ấn tượng với thành tựu nào nhất? Vì sao?

+ Nhóm 4,5,6:

1. Nêu những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp lần thứ ba trên các lĩnh vực: Thiết bị điện tử, các lĩnh vực khác theo mẫu

<table>
<tr><td>Thành tựu</td><td>Biểu hiện</td><td>Tác dụng</td></tr>
</table>

</td><td>

1. Thành tựu cơ bản của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3

</td></tr>
</table>

Thiết bị điện tử			
Các lĩnh vực khác			

2. Em ấn tượng với thành tựu nào nhất? Vì sao?

- Bước 2: Các nhóm làm việc(kĩ thuật khăn trải bàn), hoàn thành nhiệm vụ học tập trong 10 phút

- Bước 3*:* GV gọi đại diện bất kì (nhóm1,2,3) và đại diện bất kì (nhóm4,5,6) lên trình bày sản phẩm. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

***- Bước 4*:** GV nhận xét, tổng kết hoạt động nhóm, chuẩn kiến thức

* Sản phẩm cần đạt

Nhóm 1,2,3

Thành tựu	Quá trình ra đời, phát triển	Tác dụng
Máy tính điện tử	Máy tính điện tử đầu tiên ENIAC – 1946 Những năm 90 thế kỉ XX, nhiều ngành nghề được điều khiển bằng máy tính	Dẫn đến tự động hóa trong quá trình sản xuất
Internet	- Phát minh năm 1957 bởi ARPA- Mĩ - 1990, Tim Béc-nơ-ly sáng tạo ra WWW, internet phát triển đồng nhất, tốc độ chóng mặt	Dẫn đến sự ra đời của cách mạng số hóa
Công nghệ thông tin	- Ngành kĩ thuật máy tính, phần mềm để chuyển đổi, lưu giữ, bảo vệ, xử lí, truyền tải, thu thập thông tin	Hình thành mạng lưới thông tin máy tính toàn cầu

Nhóm 4,5,6

Thành tựu	Quá trình ra đời, phát triển	Tác dụng
Thiết bị điện tử	- Thiết bị có chứa linh kiện bán dẫn, các	Làm tăng năng suất lao động,

	mạch điện tử. - Thiết bị viễn thông, thu thanh, truyền hình, y tế…	nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện điều kiện làm việc.
Những thành tựu khác	- Chế tạo vật liệu mới - Chinh phục vũ trụ - Giao thông vận tải, thông tin liên lạc - Năng lượng mới, công nghệ sinh học	

TIẾT 2

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu thành tựu cơ bản cách mạng công nghiệp lần thứ tư

a. Mục tiêu: HS nêu được những thành tựu cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ tư

b. Nội dung: Chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm: chuẩn bị sản phẩm (thiết kế video (Infographic) và cử đại diện báo cáo trước lớp.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + Chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm: chuẩn bị sản phẩm (thiết kế video (Infographic) và cử đại diện báo cáo trước lớp. ** Nhóm 1: Trình bày về thành tựu Trí tuệ nhân tạo (định nghĩa, ứng dụng, tác động, ví dụ cụ thể)* ** Nhóm 2: Trình bày về thành tựu Internet kết nối vạn vật (định nghĩa, ứng dụng, tác động, ví dụ cụ thể)* ** Nhóm 3: Trình bày về thành tựu Dữ liệu lớn Big Data (định nghĩa, ứng dụng, tác động, ví dụ cụ thể)* ** Nhóm 4: Trình bày về thành tựu Công nghệ sinh học; liên ngành, đa ngành (định nghĩa, ứng dụng, tác động, ví dụ cụ thể)* **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + Các nhóm được chuẩn bị trước ở nhà + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**	**2. Thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư** - Kỹ thuật số: + Trí tuệ nhân tạo: Khoa học và kĩ thuật sản xuất máy móc thông minh + Internet vạn vật kết nối: Sự kết nối giữa sự vật và con người nhờ công nghệ và các nền tảng khác + Dữ liệu lớn Big Data: Tập hợp dữ liệu rất lớn và phức tạp. -+ Ứng dụng trong nhiều lĩnh vực (nhà máy thông minh, rô bốt thông minh, xe thông minh, giao thông, ngân hàng…), giúp tiết kiệm sức lao động, đẩy nhanh quá trình tự động hóa và số hóa nền kinh tế.

+ GV mời đại diện các nhóm lần lượt trình bày trước lớp + GV mời đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	- Công nghệ sinh học, liên ngành, đa ngành: Lĩnh vực đa ngành, liên ngành, gắn kết với nhiều lĩnh vực trong sản xuất và cuộc sống. Ứng dụng trong các ngành nông nghiệp, y, dược phẩm, chẩn đoán bệnh, môi trường. - Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 còn đạt được nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực: rô bốt thế hệ mới, in 3D, điện toán đám mây.

TIẾT 3

3. Hoạt động 3. Tìm hiểu về ý nghĩa của của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, thứ tư đối với sự phát triển kinh tế

a. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba, thứ tư đối với sự phát triển kinh tế.

b. Nội dung: HS đọc SGK trang 40 kết hợp theo dõi video: "Robot Sophia tới Việt Nam trò chuyện về 4.0". Hoàn thành phiếu học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở phiếu học tập ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3, thứ 4 đối với sự phát triển kinh tế..

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV yêu cầu HS đọc SGK trang 43,44 kết hợp theo dõi video: "Robot Sophia tới Việt Nam trò chuyện về 4.0". Hoàn thành phiếu học tập. 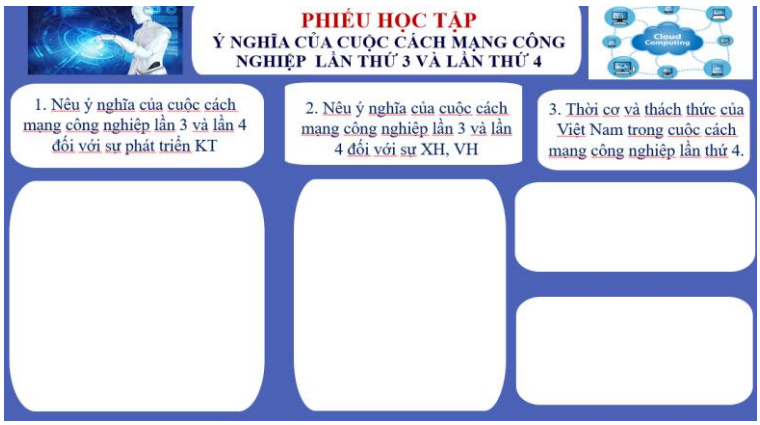 	**3. Ý nghĩa của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và thứ tư** **a. Về kinh tế** - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. - Nền sản xuất hiện đại hóa, tự động hóa, năng suất lao động tăng cao mà không có sự tham gia của con người. - Giải quyết được một tổ hợp lớn các bài toán sản xuất của công nghiệp hiện đại, hiệu quả kinh tế to lớn.

<table>
<tr>
<td>

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin SGK tr.43,44 , làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời HS trình bày trước lớp+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

</td>
<td>

- Công nghệ thông tin ứng dụng rộng rãi trong mọi ngành kinh tế và hoạt động xã hội => văn minh thông tin.

- Thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa nền kinh tế thế giới.

b. Về xã hội, văn hoá.

- Tự động hóa giúp giải phóng sức lao động con người (công việc nguy hiểm, độc hại).
- Đời sống nâng cao
- Chất lượng công nhân ngày càng cao.
- Giai cấp công nhân hiện đại giữ vai trò là lực lượng chính trị- xã hội chủ yếu trong các cuộc đấu tranh chính trị,

</td>
</tr>
</table>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học, thông qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b. Nội dung:

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học tham gia trò chơi Ai nhanh hơn và Ô chữ bí mật,

- GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ học tập sau đây

LUYỆN TẬP

GAME SHOW!

AI NHANH HƠN

1. Máy tính điện tử đầu tiên ra đời năm bao nhiêu?
2. Địa chỉ web: www là viết tắt của chữ gì?
3. Người đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng?
4. Nước nào đi đầu trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ?
5. Tên rô bốt do công ty Hon-đa chế tạo 2000?
6. Tên rô bốt được chính phủ Ả-rập Xê-út cấp quyền công dân vào 25/10/2017?
7. Hệ thống truy cập internet không dây được gọi là gì?
8. Công nghệ nào sử dụng vật chất ở quy mô nguyên tử, phân tử, siêu phân tử cho các mục đích công nghiệp?

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

LUYỆN TẬP

Ô CHỮ BÍ MẬT

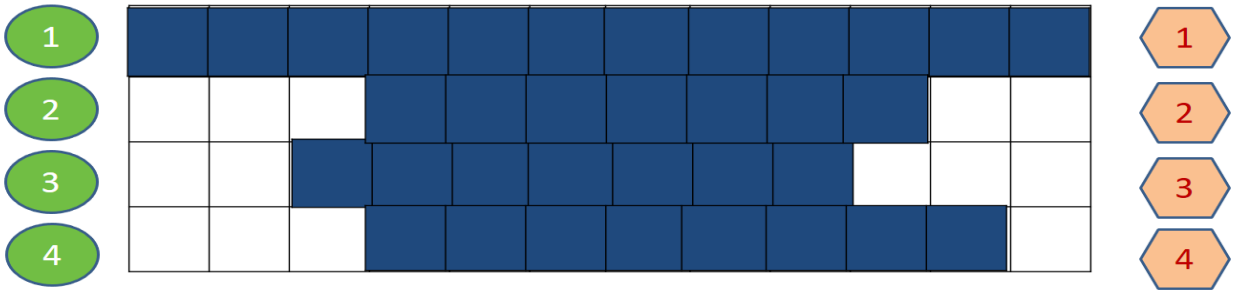

Câu 1: (12 chữ cái) Trình duyệt web được sử dụng nhiều nhất ở Việt Nam hiện này là gì?

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

LUYỆN TẬP

Ô CHỮ BÍ MẬT

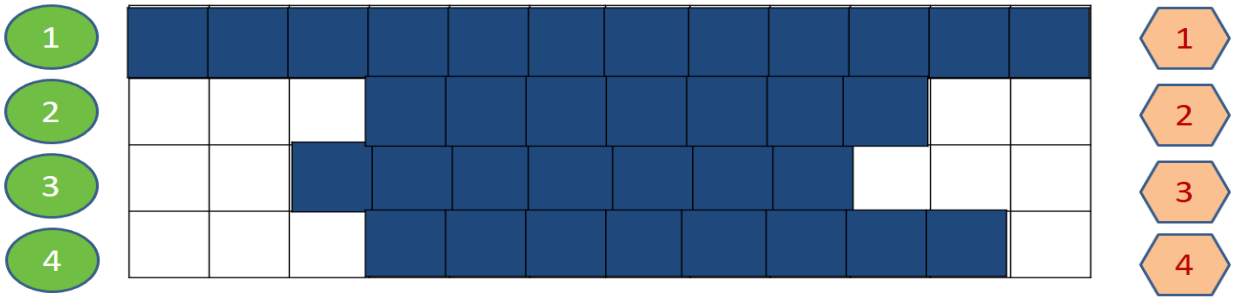

Câu 2: (7 chữ cái) Nguồn năng lượng thay thế nào được con người sử dụng nhiều nhất?

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, thực hiện nhiệm vụ.

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời HS tham gia trò chơi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ GV chuẩn đáp án

LUYỆN TẬP

GAME SHOW!

AI NHANH HƠN

1. Máy tính điện tử đầu tiên ra đời năm bao nhiêu? **1946**
2. Địa chỉ web: www là viết tắt của chữ gì? **World wide web**
3. Người đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng? **Neil Amstrong**
4. Nước nào đi đầu trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ? **Liên Xô**
5. Tên rô bốt do công ty Hon-đa chế tạo 2000? **Asimo**
6. Tên rô bốt được chính phủ Ả-rập Xê-út cấp quyền công dân vào 25/10/2017? **Sophia**
7. Hệ thống truy cập internet không dây được gọi là gì? **Wifi**
8. Công nghệ nào sử dụng vật chất ở quy mô nguyên tử, phân tử, siêu phân tử cho các mục đích công nghiệp? **CN Nanô**

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

LUYỆN TẬP

Ô CHỮ BÍ MẬT

1	G	O	O	G	L	E	C	H	R	O	M	E
2				M	Ặ	T	T	R	Ờ	I		
3			A	P	O	L	L	O	11			
4				C	Ừ	U	D	O	L	L	Y	

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

D. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu

Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ học tập sau

Trong kỉ nguyên số hiện nay, rất nhiều thông tin được chia sẻ tràn lan trên Internet nhưng chưa được kiểm chứng. Nếu là một trong những người nhận được thông tin ấy, em sẽ làm gì?

b.Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giao nhiệm vụ đề HS về nhà hoàn thành

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà

Bước 3: Buổi học sau, GV gọi một số HS lên trình bày sản phẩm. GV nhận xét, chấm điểm kiểm tra thường xuyên (nếu cần)

CHỦ ĐỀ 5 VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI
BÀI 8: HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á trên đường thời gian.
- Biết được cách sư tầm và sử dụng 1 số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh ĐNA thời cổ - trung đại.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực lịch sử

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ…nêu được thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á trên đường thời gian
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng: Đề xuất được một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của các thành tựu văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Trân trọng sự đa dạng, phong phú của văn minh Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam
- Trách nhiệm:

+ Hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm
+ Có trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị văn minh Đông Nam Á

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, SBT

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến địa lý, lịch sử, văn hóa Đông Nam Á thông qua trò chơi "Đi tìm ẩn số"

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi; HS quan sát hình ảnh, tha gia trò chơi, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi "Đi tìm ẩn số": HS tham gia mở 6 mảnh ghép trên một bức tranh, mỗi mảnh ghép tương ứng với 1 câu hỏi. Bức tranh bí ẩn chính là biểu tượng của ASEAN

Câu hỏi 1: Hiện nay, khu vực Đông Nam Á có tất cả bao nhiêu quốc gia?

Câu hỏi 2: Đây là công trình kiến trúc nào ở khu vực Đông Nam Á?

Câu hỏi 3: Đây là quốc kì của quốc gia nào?

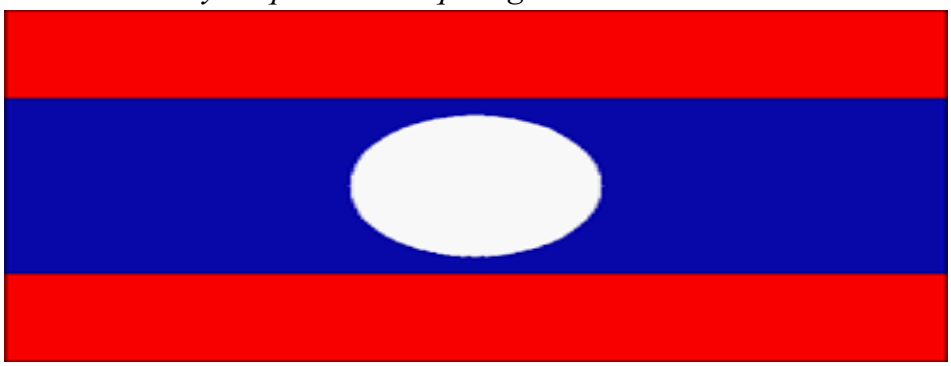

Câu hỏi 4: Tôn giáo nào được coi là tôn giáo chính của đất nước In – đô – nê – xi – a?
Câu hỏi 5: Quốc gia nào ở khu vực Đông Nam Á có tới 90% dân số theo đạo Phật?
Câu hỏi 6: Công trình kiến trúc nào là biểu tượng xuất hiện trên quốc huy của Lào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh và vận dụng hiểu biết của bản thân, trả lời câu hỏi
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời lần lượt HS trả lời:
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

+ Câu 1: 11 quốc gia
+ Câu 2: khu đền tháp Bô – rô – bu – đua (In – đô – nê – xi – a)
+ Câu 3: Lào
+ Câu 4: Hồi giáo
+ Câu 5: Thái Lan
+ Câu 6: Tháp Thạt Luổng

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *GV giới thiệu ý nghĩa biểu tượng của tổ chức ASEAN và dẫn dắt: Đông Nam Á là một trong những trung tâm văn minh hình thành sớm của nhân loại, mang đậm tính bản địa và tính thống nhất trong đa dạng. Vậy, văn minh Đông Nam Á đã trải qua các giai đoạn phát triển như thế nào và đạt được những thành tựu ra sao? Bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á

a. Mục tiêu: Trình bày được các giai đoạn phát triển của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS hoạt động theo 3 nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập khác nhau. HSlàm việc theo nhóm, đọc nội dung thông tin mục 1, quan sát hình 11.2 – 11.4, thực hiện nhiệm vụ trên phiếu học tập và thảo luận, đặt câu hỏi cho các nhóm khác.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức thực hiện

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS</th><th>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành 3 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm như sau:

LÀM VIỆC NHÓM

Hs đọc sgk tr78-79

1. Hoàn thành phiếu học tập (3 phút) với các cụm từ gợi ý trong cột biểu hiện và đặt tên cho cột đặc trưng tương ứng.
2. Cử đại diện thuyết trình 2 phút
3. Các nhóm khác lắng nghe và đặt câu hỏi.

PHIẾU HỌC TẬP

Giai đoạn	Biểu hiện	Đặc trưng
Từ những thế kỉ trước công nguyên đến thế kỉ VII NHÓM 1	- Các cụm từ gợi ý: Hình thành, thôn tính, hợp nhất.	?
Từ thế kỉ VII đến thế kỉ XV NHÓM 2	- Các cụm từ gợi ý: thống nhất, lớn mạnh, rực rỡ, bản sắc, Hồi giáo.	?
Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX NHÓM 3	- Các cụm từ gợi ý: khủng hoảng, phương Tây, yếu tố, mới.	?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc nội dung thông tin mục 1, làm việc theo nhóm, hoàn thành phiếu học tập.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện từng nhóm lên thuyết trình 2 phút
- GV mời đại diện nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi cho nhóm bạn

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, sau đó khái quát hành trình phát triển của văn minh Đông

</td><td>

Giai đoạn	Biểu hiện	Đặc trưng
Từ những thế kỉ trước công nguyên đến thế kỉ VII	- Từ đầu công nguyên đến thế kỉ VII: hình thành một số quốc gia: Phù Nam, Chăm Pa, Ta-ru-ma... - Thế kỉ VII - thế kỉ X: Hình thành thêm một số quốc gia mới, hoặc hợp nhất, thôn tính lẫn nhau thành nước lớn: Ăng-co, Sri-vi-giay-a.	Sự ra đời và bước đầu phát triển
Từ thế kỉ VII đến thế kỉ XV	- Các quốc gia thống nhất và lớn mạnh: Đại Việt, Ăng-co, Chăm-pa, Pa-gan... - Định hình được bản sắc, Hồi giáo du nhập	Phát triển rực rỡ
Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX	- Thời kì khủng hoảng và suy vong - Sự xâm nhập của các nước phương Tây, du nhập văn hóa phương Tây	Có nhiều chuyển biến quan trọng

</td></tr>
</table>

Nam Á (phần PP). GV có thể đặt thêm câu hỏi phụ cho các nhóm như sau: *1. Trong hành trình phát triển của mình, văn minh Đông Nam Á đã tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của những nền văn hóa nào?* *2. Vì sao khu vực Đông Nam Á lại tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của nhiều nền văn hóa khác nhau như vậy?* **** Gợi ý trả lời:*** + Do Đông Nam nằm ở vị trí quan trọng trong con đường thương mại biển thế giới nên từ sớm hoạt động thương mại đường biển đã rất phát triển, đặc biệt với Trung Hoa, Ấn Độ. Thông qua hoạt động buôn bán đó, cư dân Đông Nam Á sớm tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa, Ấn Độ. + Do vị trí quan trọng, lại giàu có về tài nguyên khoáng sản, lâm thổ sản, nơi tập trung nhiều sản vật quý nên từ sau cuộc phát kiến địa lý, các thương nhân châu Âu đến Đông Nam Á buôn bán ngày càng nhiều. Thông qua đó, Đông Nam Á lại tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn minh phương Tây + Quá trình du nhập của văn minh phương Tây vào Đông Nam Á còn gắn liền với quá trình xâm lược và thống trị của các nước phương Tây đối với khu vực Đông Nam Á. - GV mở rộng, khai thác kênh hình SGK + Hình 11.2: *Khu di tích Trà Kiệu (nằm ở làng Trà Kiệu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam), nằm bên cạnh dòng sông Thu Bồn, cách trung tâm Đà Nẵng 40km, từng là kinh đô của nước Chăm – pa một thời. Tại đây các nhà khảo cổ đã tìm thấy rất nhiều đền, đài, tượng, bia, đồ gốm. Và đặc biệt là nhiều bức phù điêu tinh xảo, đẹp nhất phải kể đến bức* ***"Vũ nữ Trà Kiệu".*** *Du khách có thể chiêm ngưỡng những di tích chứa đựng tinh hoa văn minh Champa tại* ***nhà thờ Trà Kiệu cũng như ở bảo tàng Chăm ở Đà Nẵng.*** + **Hình 11.3:** ***Thành cổ Pa – gan (Mi – an – ma): Vương quốc Pa – gan tồn tại trong khoảng thế kỉ X – XIII, từng là một vương quốc thịnh vượng ở Đông Nam Á. Các quốc vương của Pa – gan rất tôn sùng Phật giáo nên đã cho xây dựng khoảng 5000 ngôi chùa, tháp dọc theo bờ sông I – ra –***	

oa – đi. Hiện nay, thành cổ Pa – gan còn lại di tích của gần 2000 ngôi chùa, tháp cho thấy đây từng là một trung tâm Phật giáo lớn sánh ngang với Ăng co Vát của Campuchia. Trong đó, lớn nhất phải kể đến ngôi đền A nan đa, được xây dựng vào thế kỉ XII với kiến trúc công phu, chi tiết. *Ngọn tháp cao nhất ở đền được mạ vàng, mỗi khi ánh bình minh hay hoàng hôn chiếu vào tạo ra sự lấp lánh huyền ảo. Năm 2019, Tổ chức UNESCO đã công nhận thành phố cổ Bagan là Di sản văn hóa thế giới.* + Hình 11.4: *Thánh lễ đầu tiên ở Phi – lip – pin (tranh vẽ): Thánh lễ Thiên chúa giáo đầu tiên diễn ra ở Phi – lip – pin vào ngày 31/3/1521 tại thị trấn Li – ma – xa – oa, tỉnh Nam Lây – tê, do hạm đội tàu của Phéc – đi – năng Ma – gien – lăng cử hành. Sự kiện này đã đánh dấu việc Thien chúa giáo lần đầu tiên xuất hiện ở Phi – lip – pin và cũng là thánh lễ đầu tiên ở Đông Nam Á.*	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi trắc nghiệm về hành trình phát triển và những thành tựu của văn minh Đông Nam Á

b. Nội dung:

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học trả lời câu hỏi (cá nhân)

- GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu câu hỏi, bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Trong khoảng thời gian từ đầu công nguyên đến thế kỉ X, thành tựu nổi bật nhất của văn minh Đông Nam Á là

A. sự ra đời và bước đầu phát triển của các nhà nước

B. Hình thành các quốc gia thống nhất và lớn mạnh

C. Các quốc gia phát triển đến thời kì cực thịnh

D. Các quốc gia có nhiều chuyển biến mới về văn hóa

Câu 2: Yếu tố văn hóa mới bên ngoài du nhập vào và có tác động tới sự chuyển biến về văn hóa ở Đông Nam Á trong khoảng thế kỉ X – XV là

A. Phật giáo B. Hin – đu giáo C. Hồi giáo D. Thiên chúa giáo

Câu 3: Yếu tố văn hóa nào sau đây giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa phương Tây với Đông Nam Á?

A. Lễ hội B. Ngôn ngữ C. Kiến trúc D. Văn học

Câu 4: Một trong những yếu tố tác động đến sự khủng hoảng và suy vong của nhiều quốc gia phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX là

A. sự du nhập của Thiên Chúa giáo
B. Quá trình xâm nhập của các nước phương Tây
C. Sự xâm nhập và lan tỏa của Hồi giáo
D. Sự bành trướng và xâm lược của Trung Hoa

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập
+ HS vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi
+ GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).
- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động
+ GV mời HS trả lời câu hỏi
- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ
+ GV chuẩn đáp án

1A	2C	3B	4B

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG
a. Mục tiêu: HS sưu tầm được tranh ảnh, tư liệu về các công trình kiến trúc Đông Nam Á
b. Nội dung:
- HS sử dụng SGK và các tài liệu tham khảo khác
- GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.
d. Tổ chức thực hiện
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà như sau: Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về các công trình kiến trúc Đông Nam Á và phân loại theo 3 dòng: kiến trúc dân gian, kiến trúc tôn giáo, kiến trúc cung đình (tên công trình, thời gian xây dựng, điểm độc đáo của kiến trúc, giá trị còn tồn tại đến ngày nay…)
Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ
- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).
Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)
*** Hướng dẫn về nhà**
- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 9*

BÀI 9: THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về tôn giáo, tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc.
- Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, tham gia bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực lịch sử

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ…nêu được thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á trên đường thời gian
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng: Đề xuất được một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của các thành tựu văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Trân trọng sự đa dạng, phong phú của văn minh Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam
- Trách nhiệm:

+ Hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm
+ Có trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị văn minh Đông Nam Á

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, SBT

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến văn hóa Đông Nam Á thông qua trò chơi

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi; HS quan sát hình ảnh, tha gia trò chơi, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi :HS tham gia mở 6 mảnh ghép trên một bức tranh, mỗi mảnh ghép tương ứng với 1 câu hỏi. Bức tranh bí ẩn chính là biểu tượng của ASEAN

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 2: Tìm hiểu một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại trên các mặt tín ngưỡng, tôn giáo

a. Mục tiêu: Nêu được một số thành tựu tiêu biểu về tín ngưỡng, tôn giáo của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS làm việc cá nhân/ thảo luận cặp đôi, đọc nội dung thông tin mục 2, quan sát hình 11.5 – 11.6, thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập **** Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân*** - GV trình chiếu một số hình ảnh, nêu câu hỏi: *1. Những hình ảnh trên gợi cho em liên tưởng đến những tín ngưỡng nào?* *2. Em hãy định nghĩa tín ngưỡng theo cách hiểu của mình?* *3. Cư dân Đông Nam Á có những loại hình tín ngưỡng nào?* *4. Đặc điểm nổi bật trong văn hóa tín ngưỡng của cư dân Đông Nam Á là gì?* **** Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân và cặp đôi*** - GV trình chiếu một số hình ảnh, nêu câu hỏi *(HS trả lời cá nhân)* 1. *Những hình ảnh trên gợi cho em liên tưởng đến những tôn giáo nào?* *2. Em hãy định nghĩa tôn giáo theo cách hiểu của mình?* *3. Chỉ ra những điểm khác biệt giữa tín ngưỡng và tôn giáo?* - GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp (kĩ thuật Think – Pair – Share), thảo luận trả lời các câu hỏi sau trong thời gian 5 phút *1. Kể tên các tôn giáo phổ biến ở các quốc gia Đông Nam Á? Các tôn giáo này được du nhập vào khu vực Đông Nam Á thông qua những con đường nào?* *2. Vì sao các tôn giáo này lại được đông đảo cư dân Đông Nam Á đón nhận?* ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập*** - HS đọc nội dung thông tin mục 2.1, làm việc cá nhân/ thảo luận cặp đôi, hoàn thành nhiệm vụ học tập. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. ***Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận*** - GV mời HS/ đại diện cặp HS trình bày : - GV mời HS/ đại diện cặp HS khác nhận xét, bổ sung. ***Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập*** - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức ***+ GV giải thích để HS hiểu về khái niệm tín ngưỡng:*** ● Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng (Theo Luật tín ngưỡng tôn giáo năm 2016). Tín ngưỡng mang tính dân tộc, dân gian	***1. Tín ngưỡng và tôn giáo*** - Tín ngưỡng: Cư dân Đông Nam Á có chung nhiều tín ngưỡng bản địa: thờ cúng tổ tiên, thờ thần tự nhiên, thờ thần động vật… - Tôn giáo: + Cư dân Đông Nam Á chủ yếu tiếp thu Phật giáo và Hin – đu giáo từ Ấn Độ thông qua con đường thương mại và truyền giáo + Người Việt tiếp thu tư tưởng Nho giáo và các tôn giáo từ Trung Hoa. + Từ thế kỉ XV – XVI, Hồi giáo và Thiên chúa giáo được lan truyền đến Đông Nam Á

● Tín ngưỡng xuất hiện từ rất sớm, trước khi tiếp xúc với các nền văn hóa bên ngoài. Sự hình thành tín ngưỡng ở Đông Nam Á gắn với quá trình sản xuất, sinh sống của cư dân Đông Nam Á **+ *GV nêu đặc điểm nổi bật trong văn hóa tín ngưỡng của cư dân Đông Nam Á***: ● Tính thống nhất trong đa dạng. Đây là đặc điểm nổi bật nhất. Ví dụ, một trong những tín ngưỡng phổ biến của cư dân Đông Nam Á là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Tuy nhiên, biểu hiện của tín ngưỡng này ở các nước Đông Nam Á lại không giống nhau. Ở Việt Nam thờ cúng tổ tiên trong nhà. Nhưng ở Lào và Campuchia lại có tục thờ cúng tổ tiên ở chùa, hàng tháng người thân sẽ đến chùa thắp hương cho tổ tiên của mình. Ngoài ra, ở Lào còn có lễ Ba – xi để tỏ lòng thành kính, tương thân tương ái giữa các thành viên trong gia đình và cộng đồng ● Hòa lẫn với tôn giáo ● Chịu ảnh hưởng của tự nhiên và kinh tế nông nghiệp lúa nước, ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ, Trung Hoa ● Chịu ảnh hưởng của thuyết vạn vật hữu linh **+ *GV giải thích để HS hiểu về khái niệm tôn giáo*** ● Tôn giáo là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm: đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức ● Gắn liền với các tín ngưỡng, tôn giáo là hệ thống lễ hội rất phong phú **+ *Gợi ý trả lời các câu hỏi trong hoạt động cặp đôi*** **Câu 1:** ● Cư dân Đông Nam Á chủ yếu tiếp thu Phật giáo và Hin – đu giáo từ Ấn Độ thông qua con đường thương mại và truyền giáo. Riêng người Việt chủ yếu tiếp nhận hệ tư tưởng Nho giáo và các tôn giáo từ Trung Quốc. Hiện nay, Phật giáo đã trở thành tôn giáo thịnh hành tại các quốc gia Đông Nam Á lục địa như Mi – an – ma, Thái Lan, Lào, Cam – pu – chia, Việt Nam ● Thiên chúa giáo bắt đầu được truyền bá vào Phi - lip – pin từ đầu thế kỉ XVI thông qua các linh mục Tây Ban Nha. Cùng với quá trình các nước phương Tây xâm nhập vào Đông Nam Á, Thiên chúa giáo được truyền bá sâu rộng vào các nước, trong đó có Việt Nam ● Hồi giáo phát triển mạnh ở các quốc gia Đông Nam Á hải đảo như In – đô – nê – xi – a, Bru – nây, Ma – lai – xi – a, trong đó In – đô – nê – xi – a là quốc gia Hồi giáo có số lượng tín đồ đông nhất thế giới **Câu 2:** Các tôn giáo trên được đông đảo cư dân Đông Nam Á đón nhận vì	

● Có sự tương đồng, gần gũi trong nội dung của các tôn giáo này với tín ngưỡng và đời sống tinh thần của cư dân bản địa ● Chính sách ủng hộ của các Vương triều Đông Nam Á khi tiếp nhận các tôn giáo. Thái Lan là quốc gia có tín đồ Phật giáo lớn nhất thế giới (hơn 90% dân số theo đạo Phật. In đô nê xia là quốc gia có tín đồ Hồi giáo đông nhất thế giới. Ở Brunây, Hồi giáo được coi là quốc giáo. Xingapo là quốc gia có tín đồ Thiên chúa giáo đông nhất Đông Nam Á… **- GV mở rộng, khai thác kênh hình SGK** **** Nhiệm vụ 1:*** *+ GV nhấn mạnh:* Cư dân Đông Nam Á có nhiều tín ngưỡng bản địa: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ thần tự nhiên, thờ thần động vật… Do hoạt động sản xuất và đời sống hàng ngày của cư dân nông nghiệp lúa nước ở Đông Nam Á luôn chịu tác động thường xuyên của các điều kiện tự nhiên nên tín ngưỡng sùng bái tự nhiên (thờ thần nước, thần sông, thần đá, thần núi, thần lúa….) xuất hiện từ rất sớm và phổ biến. + GV có thể liên hệ một số lễ hội hay sinh hoạt văn hóa ở Đông Nam Á và Việt Nam thể hiện tín ngưỡng trên ● Lễ hội té nước: Từ xa xưa, nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các quốc gia có nền nông nghiệp lúa nước ở Đông Nam Á. Từ đó, những lễ hội té nước mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống xuất hiện nhằm mục đích cầu mong mùa màng tốt tươi, quốc thái dân an, cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Lễ hội té nước còn là nghi thức đón năm mới ở một số nước Đông Nam Á. Lễ hội ở mỗi đất nước có tên gọi khác nhau (Thinh – an ở Mianma, Song – kơ – ran ở Thái Lan, Bin – pi – mây ở Lào…) nhưng được tổ chức cùng một mốc thời gian với các hoạt động văn hóa đặc sắc và những nghi lễ mang nhiều nét tương đồng. ● Ở Việt Nam cũng xuất hiện nhiều tín ngưỡng đặc sắc: thờ Mẫu, thờ thần cây (ma cây gạo, cú cáo cây đề…), thần hổ, giỗ Tổ Hùng Vương… + Tiếp đó, GV hướng dẫn HS quan sát hình 11.5 và mục "Em có biết", kể tên các tín ngưỡng liên quan đến hình đó? *** GV nhấn mạnh đặc điểm của tín ngưỡng Đông Nam Á** - Hòa lẫn với tôn giáo - Chịu ảnh hưởng của tự nhiên và kinh tế nông nghiệp lúa nước - Chịu ảnh hưởng của thuyết vạn vật hữu linh - Có sự thống nhất trong đa dạng (đây là đặc điểm nổi bật nhất trong tín ngưỡng Đông Nam Á). Ví dụ, cư dân Đông Nam Á có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên nhưng tín ngưỡng này lại được thực hiện khác nhau ở mỗi nước. Việt Nam có tục thờ cúng tổ tiên trong nhà. Trong khi đó, Lào và Campuchia thờ cúng tổ tiên trong chùa. Hàng tháng họ sẽ đến chùa để thắp hương cho tổ	

tiên của mình. Ngoài ra ở Lào còn có lễ Ba – xi để tỏ lòng thành kính, tương thân tương ái giữa các thành viên trong gia đình và cộng đồng. *** Nhiệm vụ 2:** GV khai thác kênh hình trong SGK - Hình 11.5: Lễ Ba – xi để chúc phúc, cầu may ở Lào Trong những dịp như lễ đính hôn, tiệc mừng nhà mới và đặc biệt là khi ốm đau…, người Lào đều tổ chức lễ Ba – xi để bày tỏ sự đoàn kết, tương thân tương ái trong gia đình và cộng đồng. Buổi lễ Ba – xi có nguồn gốc giao thoa giữa đạo Phật, đạo Bà – la – môn và thuyết vạn vật hữu linh, tới nay vẫn giữ vị trí quan trọng trong đời sống tín ngưỡng, văn hóa ở Lào. Trong buổi lễ, già làng chủ trì tụng kinh và cầu chúc sức khỏe, may mắn. Sau đó, những người tham gia thay phiên nhau cầu chúc cho người thân khỏe mạnh và buộc các sợi dây bông quanh cổ tay của họ. Sợi dây sẽ được mọi người giữ đeo trong ba ngày để bày tỏ sự gắn kết mối quan hệ. - Hình 11.6: Thánh đường Hồi giáo Ba – tu – ra – man (In – đô – nê – xia): Thánh đường Hồi giáo nằm ở vị trí trung tâm của thành phố Ban – da A – chê, là biểu tượng cho nền văn hóa Hồi giáo của A – chê. Nhà thờ này nổi bật với thiết kế màu đen lấp lánh với ý nghĩa luôn kiên định chống lại bất cứ khó khăn nào từ thiên nhiên. Ngôi đền còn tồn tại đến nay là công trình do người Hà Lan xây dựng từ năm 1881 để thay thế một nhà thờ Hồi giáo thế kỉ XII đã bị chiến tranh phá hủy. Diện tích bên trong của Thánh đường rộng khoảng 4760m2, đủ để cho 9000 tín đồ hành lễ cùng một lúc.	

TIẾT 2

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại trên các mặt văn tự, văn học, kiến trúc, điêu khắc

a. Mục tiêu: Nêu được một số thành tựu tiêu biểu về văn tự, văn học, kiến trúc, điêu khắc của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS làm việc theo bàn, quan sát video, đọc nội dung thông tin mục 2, quan sát hình 11.7 – 11.9, thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập **** Nhiệm vụ 1: Hoạt động theo đơn vị bàn*** GV cho HS làm việc theo đơn vị bàn, quan sát video, kết hợp thông tin SGK, hoàn thành phiếu học tập sau trong thời gian 10 phút **+ Bàn 1 – 5** **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**	***2. Văn tự và văn học (phụ lục 1)*** ***3. Kiến trúc và điêu khắc (phụ lục 2)***

THÀNH TỰU VĂN TỰ, VĂN HỌC CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á CỔ - TRUNG ĐẠI

Câu 1: Hoàn thành bảng sau về thành tựu văn tự, chũ viết của cư dân Đông Nam Á cổ - trung đại

Nội dung		**Thành tựu tiêu biểu**	**Ý nghĩa**
Văn tự			
Văn học	Văn học dân gian		
	Văn học viết		

Câu 2: Em hãy kể tên một số tác phẩm văn học dân gian và văn học viết tiêu biểu của Việt Nam thời kì cổ - trung đại mà em biết

+ Bàn 6 – 10

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

THÀNH TỰU KIẾN TRÚC, ĐIÊU KHẮC CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á CỔ - TRUNG ĐẠI

Câu 1: Hoàn thành bảng sau về thành tựu kiến trúc, điêu khắc của cư dân Đông Nam Á cổ - trung đại

Nội dung		**Thành tựu tiêu biểu**	**Nhận xét chung**
Kiến trúc	Kiến trúc dân gian		
	Kiến trúc tôn giáo		
	Kiến trúc cung đình		
Điêu khắc			

Câu 2: Kể tên những công trình kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu của Việt Nam thời kì cổ - trung đại mà em biết

**** Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân***

- GV đưa ra một số thử thách sau để HS cùng thực hiện

+ Thử thách số 1: Viết chữ Hán - Nôm tên nước Việt Nam

+ Thử thách số 2: vẽ 1 mô phỏng hình 11.8 (cố đô A – giút – thay – a (Thái Lan), hình 11.9 (Tượng thần ở đền Bay – on (Cam – pu – chia) nhanh nhất, giống nhất

- HS viết, vẽ mô phỏng ra giấy A4 và cùng giơ cao. GV chọn và tuyên dương một số sản phẩm đẹp và đặc sắc nhất.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc nội dung thông tin mục 2.2, 2.3, làm việc theo bàn, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện bàn lên trình bày :
- GV mời đại diện bàn khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức **** Về đặc điểm văn tự, chữ viết của cư dân Đông Nam Á*** - Chịu ảnh hưởng của văn tự, chữ viết từ bên ngoài: + Chịu ảnh hưởng của chữ viết Ấn Độ (Thái Lan, Lào, Campuchia…) + Chịu ảnh hưởng của chữ viết Trung Quốc (Việt Nam). Trên cơ sở chữ Hán của TQ, người Việt đã sáng tạo ra chữ Nôm của mình. Chữ Nôm đã được sử dụng trong một thời gian dài trước khi chữ quốc ngữ ra đời, với những tác giả nổi tiếng: Hồ Xuân Hương (bà chúa thơ Nôm), tác phẩm Quốc âm thi tập… - Ra đời muộn hơn so với sự xuất hiện của Nhà nước (thường ra đời từ thế kỉ IV – VII, chữ Nôm ở Đại Việt ra đời từ thế kỉ XIII, trong khi Nhà nước đã xuất hiện từ trước đó rất sớm) - Chữ viết có tính thống nhất trong đa dạng (Đây là đặc điểm nổi bật nhất). Trong kinh sách của đạo Phật, đạo Thiên chúa, các nhà sư muốn đọc được kinh, giáo lý của đạo Phật đều phải học chữ Nôm **** Kiến trúc, điêu khắc khu vực Đông Nam Á*** **- Chùa Suê Đagôn (hay chùa Vàng)** ở Mianma là một ngôi chùa rất đặc biệt. Lúc đầu chùa chỉ cao 66 thước Anh (độ 4 thước Anh là 1 thước Tây). Các vua đời sau xây đắp thêm mãi, nay chùa cao 326 thước Anh. Hồi nửa thế kỉ XV, một hoàng hậu giát vào nóc chùa một số vàng cân nặng bàng bà ta. Tiếp theo đó, một vua Miến Điện lại giát thêm một số vàng cân nặng bằng hai vợ chồng ông ta. Xung quanh chùa chính có 68 chùa con. Trong chùa có 2 quả chuông đồng, môtn quả nặng 25 tấn, già 180 tuổi. Một quả nặng hơn 42 tấn, già 117 tuổi. Chùa này là một thắng cảnh nổi tiếng ở Miến Điện và trê thế giới. Ở Rănggun có 25 ngôi chùa nhỏ và to. **- Đền Ăngco Vát** từ lâu đã trở thành biểu tượng huy hoàng của đất nước Campuchia. Ngay sau khi phát hiện vào năm 1861, Ăng co Vát đã làm cho các nhà nghiên cứu bàng hoàng. Lúc đó, người ta đã đặt ra nhiều giả thuyết kì lạ. Có người cho rằng, chính chủ nhân của những Kim tự tháp Ai Cập đã đến đây để xây dựng nên Ăngco Vát. Người khác lại phỏng đoán có bàn tay của người Hi Lạp trong việc tạo dựng nên ngôi chùa đá kì diệu này. Còn truyền thuyết của người Khơme thì cho rằng Ăngco Vát là nguồn gốc của thần linh. Các vua Ăngco coi mình là hiện thân của thần linh. Vì thế, khi còn sống, mỗi vị vua đều xây cho mình 1 ngôi đền như đền thờ của thần linh. Khi chết, theo quan niệm của người Khơme, vị vua đó sẽ trở thành thần và nhập vào ngôi đền mình đã xây dựng. Đền Ăngco Vát được xây dựng dưới thời vua Suryavácman II, hoàn thành vào năm 1150 đúng vào năm vua mất. Gần 1200m2 phù điêu dọc tường hồi lang của ngôi đền thể hiện các cảnh lấy từ sử thi Ramayana hoặc các cảnh nói về chiến tích của Suryavácman II. Ở đây, chúng ta gặp chân dung dức vua hai lần: một lần đang thiết triều,	

một lần đang xung trận, các cảnh căng thẳng và hừng hực sát khí. Trong khi đó, các cảnh sinh hoạt và lễ hội lại êm đềm và sống động. Sau khi vua Suryavácman II mất, đất nước của người Khơme lâm vào tình trạng khủng hoảng. Trước tình hình đó, quân đội Chăm đã tiến đánh và tàn phá Ăngco Vát năm 1177. Và chỉ đến vua Giayavácman VII mới trả được mối thù. Nhưng cũng chỉ sai đó không lâu, Ăngco Vát cùng với các đền đài khác đã bị con người bỏ rơi cho núi rừng xâm chiếm và bao phủ. Chỉ đến tận cuối thế kỉ XIX, Ăngco Vát mới lại bắt đầu cuộc hồi sinh lần thứ hai và được đánh giá là một trong những kì quan của nhân loại *** Đặc điểm kiến trúc, điêu khắc khu vực Đông Nam Á** - Chịu ảnh hưởng sâu sắc của tôn giáo (chủ yếu đạo Phật và đạo Hinđu). Những công trình kiến trúc lớn đều là những công trình kiến trúc tôn giáo; chịu ảnh hưởng sâu sắc của dòng kiến trúc Ấn Độ. Về kiến trúc Hinđu ở Đông Nam Á là tháp Chàm ở Việt Nam và đền Ăngco Vát ở Campuchia. Kiến trúc Phật giáo ở Đông Nam Á tiêu biểu là đền tháp Bô rô bu đua ở Inđônêxia và tháp Thạt Luổng (Lào). Kiểu kiến trúc chùa hang không gặp ở Đông Nam Á nhưng thờ Phật trong hang lại khá phổ biến. - Nếu như trong một số nền nghệ thuật cổ đại như Ai Cập, Hi Lạp…, điêu khắc và kiến trúc thường có vị trí tương đối độc lập với nhau thì trong nghệ thuật Đông Nam Á, kiến trúc và diêu khắc hầu như hài hòa với nhau tạo nên những kiệt tác nghệ thuật. Những đề tài của điêu khắc đều mang tính chất tôn giáo - ảnh hưởng của đạo Phật và đọa Hinđu. - Có tính thống nhất trong đa dạng ** GV cung cấp thông tin, hình ảnh minh họa về chữ viết, các tác phẩm văn học nổi bật, những công trình kiến trúc tiêu biểu khu vực Đông Nam Á.*	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi trắc nghiệm về hành trình phát triển và những thành tựu của văn minh Đông Nam Á

b. Nội dung:

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học trả lời câu hỏi (cá nhân)

- GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu câu hỏi, bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Thánh lễ Thiên chúa giáo đầu tiên ở Đông Nam Á diễn ra ở quốc gia nào sau đây?

A. Xin – ga – po B. Ma – lai – xi – a

C. Phi – lip – pin D. In – đô – nê – xi – a

Câu 2: Nội dung nào sau đây không phải là tín ngưỡng bản địa của cư dân Đông Nam Á?

A. Thờ cúng tổ tiên B. Thờ thần tự nhiên

C. Thờ thần động vật D. Thờ Chúa trời

Câu 3: Chữ viết của Trung Hoa ảnh hưởng lớn đến chữ viết của quốc gia nào sau đây?

A. Khơ – me B. Ma – lai – xi – a

C. Việt Nam D. Cam – pu – chia

Câu 4: Kiến trúc nào sau đây được coi là biểu tượng văn hóa thích hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm ở khu vực Đông Nam Á?

A. Nhà sàn B. Nhà mái bằng C. Nhà trệt D. Nhà ngói

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi

+ GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời HS trả lời câu hỏi

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ GV chuẩn đáp án

1C	2D	3C	4A

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS sưu tầm được tranh ảnh, tư liệu về các công trình kiến trúc Đông Nam Á

b. Nội dung:

- HS sử dụng SGK và các tài liệu tham khảo khác

- GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà như sau: Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về các công trình kiến trúc Đông Nam Á và phân loại theo 3 dòng: kiến trúc dân gian, kiến trúc tôn giáo, kiến trúc cung đình (tên công trình, thời gian xây dựng, điểm độc đáo của kiến trúc, giá trị còn tồn tại đến ngày nay…)

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

PHỤ LỤC 1: THÀNH TỰU VĂN TỰ, VĂN HỌC CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á CỔ - TRUNG ĐẠI

Nội dung	Thành tựu tiêu biểu	Ý nghĩa

Văn tự		- Dựa trên chữ viết của Ấn Độ, cư dân Đông Nam Á sáng tạo ra chữ viết riêng: chữ viết của người Chăm (chữ Chăm cổ), người Khơ – me (chữ Khơ – me cổ), người Mã Lai(chữ Mã Lai cổ), người Thái (chữ Thái cổ)… - Riêng người Việt tiếp thu chữ viết của Trung Quốc và tạo ra chữ Nôm	- Thể hiện sự tiếp thu một cách sáng tạo các ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa. - Thể hiện tinh thần dân tộc và trình độ tư duy của cư dân Đông Nam Á, giúp lưu giữ thông tin về sự phát triển lịch sử dân tộc cho đến nay - Là cơ sở quan trọng để khẳng định sự ra đời của các quốc gia dân tộc ở Đông Nam Á
Văn học	Văn học dân gian	- Thể loại phong phú: truyền thuyết, sử thi, truyện cổ tích, truyện thơ - Tác phẩm tiêu biểu: Sử thi Đẻ đất đẻ nước (Việt Nam), truyền thuyết Pơ – rắc Thon (Cam – pu – chia)..	- Phản ánh tình cảm, cuộc sống, mong ước của người dân và cộng đồng, ca ngợi những đức tính quý báu của người lao động - Là một bộ phận không thể thiếu trong đời sống tinh thần của cư dân Đông Nam Á, gắn bó chặt chẽ với phong tục tập quán của mỗi quốc gia
	Văn học viết	- Ra đời muộn (khoảng thế kỉ X – XIII) - Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn học Ấn Độ, Trung Quốc, Ả - rập, phương Tây - Tác phẩm tiêu biểu: Truyện Kiều (Việt Nam), Truyện sử Me – lay – u (Ma – lai – xi – a)…	

PHỤ LỤC 2: THÀNH TỰU KIẾN TRÚC, ĐIÊU KHẮC CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á CỔ - TRUNG ĐẠI

Nội dung		Thành tựu tiêu biểu	Nhận xét chung
Kiến trúc	Kiến trúc dân gian	Nhà sàn – biểu tượng văn hóa thích hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm ở Đông Nam Á	- các loại hình kiến trúc, điêu khắc chịu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên (làm nhà sàn, các công trình được xây dựng với nguyên liệu chủ yếu là gạch, đá…) - Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc đạt trình độ cao, quy mô tương đối lớn, mang dấu ấn tín ngưỡng, tôn giáo
	Kiến trúc tôn giáo	- Chủ yếu các công trình kiến trúc Hin đu giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo - Chịu ảnh hưởng của loại hình kiến trúc từ bên ngoài - Loại hình đa dạng: chùa, tháp, đền, miếu, nhà thờ, lăng mộ…	
	Kiến trúc cung đình	Hệ thống cung điện tại các kinh đô: Thăng Long (Việt Nam), A – giút – thay – a (Thái Lan), Luông Pha – băng (Lào)…	

Điêu khắc	- Đạt trình độ cao, nhiều tác phẩm được chạm khắc công phu, độc đáo - Chịu ảnh hưởng của điêu khắc Ấn Độ, Trung Quốc - Chủ yếu là các tác phẩm điêu khắc tôn giáo: tượng thần, tượng Phật…	- Cơ sự tiếp thu và kế thừa thành tựu kiến trúc, điêu khắc nước ngoài

Tuần: **Ngày soạn**

Tiết:

CHỦ ĐỀ 6: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)

BÀI 10: VĂN MINH VĂN LANG – ÂU LẠC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

– Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang, Âu Lạc: điều kiện tự nhiên, cơ sở xã hội,...

– Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang, Âu Lạc: đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước,...

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực lịch sử

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ…nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang, Âu Lạc; những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang, Âu Lạc

- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh rút ra được ý nghĩa của văn minh Văn Lang – Âu Lạc

- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng: Chỉ ra được một số giá trị của văn minh Văn Lang – Âu Lạc còn tồn tại đến ngày nay; Đề xuất được một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của các thành tựu văn minh Văn Lang – Âu Lạc

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Trân trọng giá trị của văn minh Văn Lang – Âu Lạc, tự hào về truyền thống dân tộc

- Trách nhiệm:

+ Hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm

+ Có trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị văn minh Văn Lang – Âu Lạc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint

- Phiếu học tập

2. Học sinh: SGK, SBT

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến văn minh Văn Lang – Âu Lạc thông qua trò chơi "Giải mã ô chữ bí mật"

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi; HS quan sát hình ảnh, tha gia trò chơi, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức trò chơi giải mã ô chữ bí mật. Mỗi HS được gọi sẽ lần lượt lựa chọn ô chữ và trả lời câu hỏi. Trả lời được ít nhất 4 câu, HS có quyền giơ tay trả lời ô chữ từ khóa

HỆ THỐNG CÂU HỎI TRÒ CHƠI

1. Ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm còn được gọi là ngày…….
2. Tên một ngôi thành cổ nhất của Việt Nam còn tồn tại đến ngày nay?
3. Hoàn thành từ còn thiếu trong câu ca dao sau:

"Gặp nhau ăn một miếng…..
Gọi là nghĩa cũ về sau mà chào"

4. Cư dân văn hóa Phùng Nguyên là những người mở đầu thời đại….. ở Việt Nam
5. Theo sự tích Con Rồng cháu Tiên thì…….. và nàng Âu Cơ dã kết duyên sống cùng nhau, sinh ra một cái bọc trăm trứng đẻ ra 100 người con, là nguồn gốc của dân tộc Việt Nam hiện nay
6. Điền từ còn thiếu trong đoạn thông tin sau:

Sau khi đánh thắng quân Tần xâm lược, Thục Phán lên ngôi vua, lấy hiệu là……, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh – Hà Nội)

7. Hình ảnh sau cho chúng ta biết phong tục nào của người Việt cổ?

Bước 2: HS

- HS quan sát h ời câu hỏi
- GV hướng dẫn,

Bước 3: Báo cáo k

- GV mời lần lượt HS trả lời:
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

+ Câu 1: QUỐC GIỖ → U, C

+ Câu 2: CỔ LOA→ A

+ Câu 3: TRẦU → Â
+ Câu 4: ĐỒNG THAU → N, A, G
+ Câu 5: LẠC LONG QUÂN → L, N
+ Câu 6: AN DƯƠNG VƯƠNG → V
+ Câu 7: XĂM MÌNH →Ă

TỪ KHÓA: VĂN LANG ÂU LẠC

- GV dẫn dắt vào bài mới: *ô chữ bí mật mà bạn vừa trả lời trên cũng chính là một trong những nền văn minh sơ khai đầu tiên của Việt Nam trong buổi bình minh dựng nước. Để tìm hiểu về nền văn minh đầy thú vị này, cô trò chúng ta cùng bước vào bài học mới: Văn minh Văn Lang – Âu Lạc*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu cơ sở hình thành văn minh Văn Lang – Âu Lạc

a. Mục tiêu: Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang, Âu Lạc: điều kiện tự nhiên, cơ sở xã hội

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS thảo luận cặp đôi, đọc nội dung thông tin mục 1, tr.83 – 84, kết hợp với thông tin hỗ trợ của GV, thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở cơ sở kinh tế và xã hội hình thành nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 2 dãy (trong và ngoài), các dãy làm việc cặp đôi (thời gian 7 phút), đóng vai là các biên tập viên, thực hiện nhiệm vụ học tập sau + Dãy trong: các cặp đôi dựa vào hệ thống từ khóa giáo viên cung cấp và hình ảnh, lược đồ minh họa, kết hợp hiểu biết của bản thân, hoàn thành phiếu học tập số 1, cùng xây dựng 1 bản tin trong chương trình: ĐIỂM HẸN VĂN HÓA VTV, nêu điều kiện tự nhiên dẫn đến sự hình thành văn minh Văn Lang – Âu Lạc + Dãy ngoài: các cặp đôi dựa vào hệ thống từ khóa giáo viên cung cấp và hình ảnh, lược đồ minh họa, kết hợp hiểu biết của bản thân, hoàn thành phiếu học tập số 2, cùng xây dựng 1 bản tin trong chương trình: ĐIỂM HẸN VĂN HÓA VTV, nêu cơ sở xã hội dẫn đến sự hình thành văn minh Văn Lang – Âu Lạc **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.83 - 84, thảo luận cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời đại diện 2 cặp HS lên đóng vai là các biên tập viên trình bày cơ sở tự nhiên và xã hội dẫn đến sự hình thành văn minh Văn Lang – Âu Lạc + GV mời đại diện cặp HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**	**1. Cơ sở hình thành** **a. Điều kiện tự nhiên** - Vị trí địa lý: + Nằm trên lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả (Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay). Phía Bắc giáp Trung Hoa, phía đông giáp biển →thuận lợi để tiếp xúc, giao lưu với các nền văn minh khác + Sông Hồng, sông Mã, sông Cả bồi đắp phù sa, cung cấp nước tưới, tạo nên đồng bằng màu mỡ →thuận lợi để định cư trong các xóm làng, phát triển nông nghiệp lúa nước - Khí hậu: nhiệt đới ẩm gió mùa, nhiệt độ cao, lượng mưa nhiều →thuận lợi để trồng trọt, chăn nuôi, đa dạng thức ăn - Khoáng sản: phong phú → thuận lợi để chế tác công cụ lao động (nghề đúc đồng đạt trình độ cao) và đồ dùng sinh hoạt **b. Cơ sở xã hội** - Xuất hiện sự phân hóa xã hội thành 3 tầng lớp + Quý tộc: những người giàu, có thế lực

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + GV mở rộng: *Do đặc điểm điều kiện tự nhiên quy định nên đặc trưng của văn minh Văn Lang – Âu Lạc là nền kinh tế nông nghiệp lúa nước với kĩ thuật đúc đồng đạt đến mức hoàn thiện, đặc biệt trống đồng, đỉnh cao nghệ thuật luyện kim. Trống đồng đã được đem trao đổi với một số nơi thuộc miền Nam Trung Hoa, Nam Trung Bộ và Nam Bộ Việt Nam ngày nay, thậm chí đến cả khu vực Đông Nam Á biển đảo. Trống đồng không chỉ là nhạc khí mà còn biểu tượng cho quyền lực, tôn giáo… Trống đồng được dùng trong các lễ hội, nghi lễ tôn giáo và trong chiến đấu. Khi có giặc ngoại xâm, tiếng trống vang lên là lời hiệu triệu nhân dân khắp nơi tụ về chiến đấu. Trống đồng Đông Sơn tiêu biểu cho nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc, là một trong những biểu tượng của văn hóa Việt Nam.*	+ Nông dân tự do: sống trong các công xã nông thôn, chiếm đại đa số dân cư + Nô tì: thấp nhất trong xã hội, chủ yếu phục vụ quý tộc. - Quá trình giao lưu, trao đổi sản phẩm đã hình thành mối liên kết giữa các cộng đồng cư dân Việt cổ. - Nhu cầu đoàn kết chống ngoại xâm, đắp đê trị thủy → thúc đẩy sự ra đời sớm của văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

TIẾT 2

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu những thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang – Âu Lạc về tổ chức xã hội và nhà nước

a. Mục tiêu: Nêu được tổ chức xã hội và nhà nước của cư dân Văn Lang – Âu Lạc

b. Nội dung: GV trình chiếu hình ảnh, video; nêu câu hỏi; HS quan sát video, hình ảnh, kết hợp đọc SGK, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở tổ chức xã hội và nhà nước của cư dân Văn Lang – Âu Lạc

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập *** Nhiệm vụ 1:** GV nêu câu hỏi *- Nước Văn Lang ra đời vào khoảng thời gian nào? Do ai sáng lập?* *- Kinh đô nước Văn Lang đặt tại đâu?* *- Tổ chức bộ máy Nhà nước Văn Lang như thế nào? Em có nhận xét gì về tổ chức bộ máy Nhà nước đó?* *** Nhiệm vụ 2:** GV nêu câu hỏi *- Nêu bối cảnh ra đời của nước Âu Lạc (dựa vào SGK, tr.86, kết hợp video)* *- Kinh đô nước Âu Lạc đặt tại đâu?* *- Nêu ít nhất 3 điểm chứng tỏ bước phát triển của nước Âu Lạc so với quốc gia Văn Lang* **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.86 - 87, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**	**2. Thành tựu tiêu biểu** **a. Tổ chức xã hội và nhà nước** *** Nước Văn Lang** - Thời gian ra đời: thế kỉ VII TCN - Người sáng lập: vua Hùng - Kinh đô: Phong Châu (Phú Thọ) ngày nay - Tổ chức bộ máy Nhà nước

+ GV mời HS lần lượt trả lời câu hỏi + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + GV mở rộng: ● Tục thờ cúng Hùng Vương của cư dân Văn Lang – Âu Lạc: Dù ai đi ngược về xuôi Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng Ba Từ thời mở nước, người Việt cổ đã có tục thờ cúng tổ tiên, anh hùng và những người có công với làng, với nước. Người có công lớn nhất trong việc thống nhất các bộ tộc Việt thành nước Văn Lang chính là các vua Hùng. Vì vậy, cư dân văn Lang có tục thờ vua Hùng như là thần tổ gắn với nghề nông, dạy dân cày cấy, ban linh khí cho đất đai, nhà cửa, vật nuôi sinh sôi nảy nở…Trải qua bao thăng trầm của thời Bắc thuộc, người Việt vẫn tiếp nối tục thờ Hùng Vương như một đạo lý để duy trì ý thức cội nguồn, sức mạnh đoàn kết trong cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước. Năm 2007, Quốc hội nước CHXNCN Việt Nam đã phê chuẩn chọn ngày 10/3 hàng năm là ngày Quốc giỗ, giỗ Tổ Hùng Vương. Năm 2012, UNESCO đã ghi danh tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là "kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. ● Thành Cổ Loa (GV có thể giới thiệu về sự tích xây thành, phân tích giá trị thành Cổ Loa: là công trình quân sự vượt tầm thời đại về quy mô to lớn cũng như về kĩ thuật tinh xảo…)	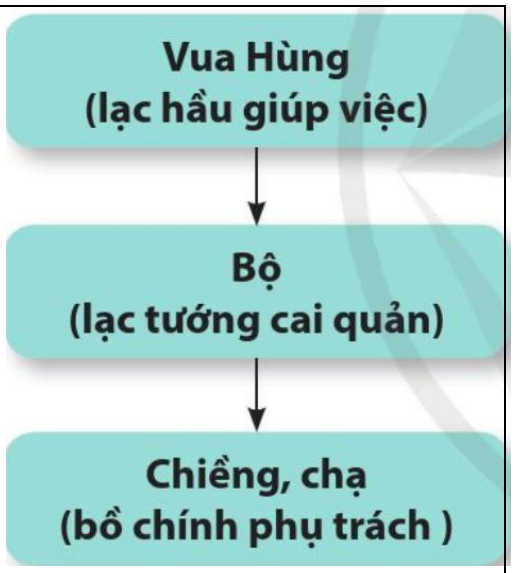 → đơn giản, sơ khai *** Nước Âu Lạc** - Bối cảnh ra đời: Ra đời vào năm 208 TCN, do Thục Phán (An Dương Vương) sáng lập, sau khi đánh thắng quân Tần xâm lược - Kinh đô: Cổ Loa (Đông Anh – Hà Nội) - Bước phát triển của nước Âu Lạc so với Văn Lang + Lãnh thổ rộng lớn hơn (thông nhất lãnh thổ của người Âu Việt và người Lạc Việt) + Có vũ khí hiện đại (có nỏ bắn được nhiều mũi tên một lần) + Có thành Cổ Loa kiên cố, vững chắc.

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu những thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang – Âu Lạc về hoạt động kinh tế và đời sống vật chất, đời sống tinh thần.

a. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang, Âu Lạc: đời sống vật chất, đời sống tinh thần

b. Nội dung: GV chia lớp thành 4 nhóm, tham gia 4 phần chơi để hình thành và củng cố kiến thức; HSlàm việc theo nhóm, tham gia trò chơi, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở những thành tựu chính về đời sống vật chất, tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 4 nhóm, tổ chức cho các nhóm tham gia các trò chơi lịch sử để thực hiện nhiệm vụ học tập như sau *** Nhiệm vụ 1: Phần thi khởi động (Tổng 15 (5+4+3+2+1) điểm)** + Các nhóm theo dõi video, chia sẻ cảm nhận về đời sống của cư dân Văn Lang - Âu Lạc bằng 5 giác quan theo phiếu học tập sau	**2. Thành tựu tiêu biểu** **b. Hoạt động kinh tế và đời sống vật chất** - Kinh tế chính: nông nghiệp, bên cạnh còn có nghề thủ công.

*** Nhiệm vụ 2: Phần thi "Ai nhanh hơn" (Tổng điểm 20 điểm)**

GV đưa ra các câu hỏi nhanh, nhóm nào phất cờ trước sẽ giành quyền trả lời. Mỗi câu trả lời đúng sẽ được 2 điểm. Nếu trả lời sai, nhóm bạn sẽ giành quyền trả lời

Câu 1. Nguồn thức ăn chính của cư dân Văn Lang – Âu Lạc gồm những gì?

Câu 2. Nhà ở của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là…….

Câu 3: Trang phục thường ngày của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là gì?

Câu 4: Phương tiện đi lại chủ yếu của cư dân Văn Lang – Âu Lạc trên sông nước là gì?

Câu 5: Các loại nhạc cụ phổ biến của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là gì?

Câu 6: Cư dân Văn Lang – Âu Lạc có những phong tục, tập quán đặc sắc gì?

Câu 7: Tín ngưỡng phổ biến của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là những tín ngưỡng nào?

Câu 8: Lễ hội phổ biến nhất của cư dân Văn lang – Âu Lạc là…….

Câu 9: Trong các dịp lễ hội, cư dân Văn lang – Âu Lạc thường tổ chức các trò chơi gì?

Câu 10: Kể tên 3 tác phẩm văn học truyền miệng (truyền thuyết, thần thoại, cổ tích…) ra đời dưới thời kì Văn Lang – Âu Lạc

Câu 11: Ngành kinh tế chính của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là gì?

*** Nhiệm vụ 3: Phần thi "Giải mã lịch sử" (Tổng 30 điểm)**

Các nhóm giải mã 6 hình ảnh họa tiết hoa văn trên trống đồng Đông Sơn – biểu tượng của văn minh Văn Lang – Âu Lạc (theo phiếu học tập số 3). Mỗi phần giải mã đúng được 5 điểm

*** Nhiệm vụ 4: Phần thi "Nhà sử học thông thái"**

Các nhóm thảo luận, trả lời các câu hỏi sau:

1. Em hãy nêu những điểm đặc sắc trong ăn uống của người Việt cổ? Đặc điểm nào còn tồn tại đến ngày nay?

2. Sự tích bánh chưng, bánh giầy chuyển tải những thông điệp gì về thời dựng nước của người Việt?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin SGK tr.83 - 84, làm việc theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Lương thực, thực phẩm: gạo nếp, gạo tẻ, rau, củ, quả, gia súc, gia cầm, các loại thủy sản (tôm, cua, cá…)
- Trang phục: nam đóng khố, nữ mặc áo, váy, đi chân đất.
- Nhà ở: nhà sàn
- Phương tiện đi lại: thuyền, bè

c. Đời sống tinh thần

- Ca múa, âm nhạc: ca múa giao duyên nam nữ, nhạc cụ: trống đồng, chiêng, cồng…
- Tín ngưỡng:

+ Sùng bái tự nhiên (thờ thần mặt trời, thần núi, sông…)

+ Thờ cúng tổ tiên, anh hùng, thủ lĩnh

- Lễ hội: gắn liền sản xuất nông nghiệp, cầu mong mùa màng bội thu, tổ chức đua thuyền, đấu vật
- Phong tục tập quán: ăn trầu cau, nhuộm răng, xăm mình…
- Văn học: văn học truyền miệng: truyền thuyết, thần thoại, cổ tích: Lạc Long Quân và Âu Cơ, Sơn Tinh – Thủy Tinh, Thánh Gióng, Sự tích bánh chưng, bánh giầy…

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm học tập hoặc tham gia trả lời các câu hỏi nhanh + GV các nhóm khác nhận xét, bổ sung, tổ chức cho các nhóm chấm chéo sản phẩm của nhau **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. *** Nhiệm vụ 3:** - H1: + Hình ảnh mặt trời (14 tia), tượng trưng cho dương. Giữa các tia trang trí hoa văn lông đuôi chim công tượng trưng cho âm + Thể hiện tín ngưỡng thờ thần mặt trời (sùng bái tự nhiên) của người Việt cổ H2: + Hình ảnh các loài chim + Chim là **loài vật tổ** rất được tôn kính của người Lạc Việt bên cạnh thần Mặt trời. H3: + Hình ảnh người giã gạo + Phản ánh hoạt động sản xuất nông nghiệp lúa nước của cư dân Việt cổ H4: + Hình vẽ mô phỏng nhà sàn + Thể hiện văn hóa ở của cư dân Văn Lang – Âu Lạc H5: + Hoa văn hình thuyền giao nhau + Thể hiện phương tiện đi lại của cư dân Văn Lang – Âu Lạc H6: + Những vũ công đang mặc áo dài nhảy múa + Thể hiện đời sống tinh thần, ca múa nhạc phong phú của cư dân Văn Lang – Âu Lạc *** Nhiệm vụ 4:** 1. Ăn uống của người Việt cổ thể hiện rõ dấu ấn của truyền thống văn hóa nông nghiệp lúa nước, phù hợp với khí hậu Nhiều đặc điểm còn tồn tại đến ngày nay: lương thực là gạo, làm bánh chưng, bánh giầy vào dịp Tết, uống nước chè, ăn trầu… 2. - Bánh chưng, bánh giầy thể hiện triết lý trong ẩm thực của người Việt là "quân bình âm dương", quan điểm về trời đất, vũ trụ… - Nói lên lòng hiếu thảo với cha mẹ và sự biết ơn những người đã làm ra hạt gạo	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hoàn thành được bảng khái quát hai quốc gia Văn Lang - Âu Lạc dựa trên hệ thống từ khóa GV cung cấp

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để hoàn thành phiếu học tập.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1

Luyện tập

Sắp xếp các nội dung sau vào bảng bên dưới sao cho phù hợp

Thế kỉ VII TCN | Đơn giản, sơ khai | Phong Khê (Cổ Loa) | Phong Châu (Phú Thọ) | Khoảng năm 208 TCN | An Dương Vương | Lưu vực các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ | Hùng Vương | Lãnh thổ mở rộng hơn | Tổ chức nhà nước chặt chẽ hơn

Tiêu chí	Nước Văn Lang	Nước Âu Lạc
Thời gian ra đời		
Người đứng đầu		
Kinh đô		
Phạm vi		
Tổ chức nhà nước		

Câu 2: Nhà nước Âu Lạc có điểm gì giống và khác so với nhà nước Văn Lang?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV gọi 1 – 2 HS báo cáo sản phẩm phiếu học tập trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ GV chuẩn đáp án.

Câu 1:

Tiêu chí	Nước Văn Lang	Nước Âu Lạc
Thời gian ra đời	Thế kỉ VII TCN	Khoảng năm 208 TCN
Người đứng đầu	Hùng Vương	An Dương Vương
Kinh đô	Phong Châu (Phú Thọ)	Phong Khê (Cổ Loa)
Phạm vi	Lưu vực các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	Lãnh thổ mở rộng hơn
Tổ chức nhà nước	Đơn giản, sơ khai	Vua có quyền thế hơn, quân đội mạnh, vũ khí tốt, thành Cổ Loa kiên cố

Câu 2:

Giống nhau:
Vua đứng đầu
Đất nước chia thành các bộ (do Lạc tướng đứng đầu)
Dưới Bộ là các Chiềng, Chạ (do Bồ Chính đứng đầu)

Khác nhau	Nước Văn Lang	Nước Âu Lạc
Quyền lực của nhà Vua	Chưa tập trung	Vua có quyền lực cao hơn
Quân đội	Chưa có	Quân đội mạnh, vũ khí tốt
Thành quách	Chưa có	Thành Cổ Loa

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm một số hình ảnh, tư liệu phản ánh thành tựu văn minh Văn Lang – Âu Lạc

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ (cá nhân), GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thực hiện 1 trong hai nhiệm vụ sau:

1. Sưu tầm một số hình ảnh phản ánh thành tựu văn minh Văn Lang – Âu Lạc

2. Sưu tầm tư liệu để giới thiệu với thầy cô và bạn bè về lễ hội đền Hùng

- GV yêu cầu HS thực hiện tại nhà, báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 11*

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhiệm vụ:

+ Dựa vào hình ảnh và hệ thống từ khóa được cung cấp, thảo luận cặp đôi, hoàn thành bản tin bản tin trong chương trình: ĐIỂM HẸN VĂN HÓA VTV, nêu điều kiện tự nhiên dẫn đến sự hình thành văn minh Văn Lang – Âu Lạc theo mẫu

+ Đóng vai là những biên tập viên đưa bản tin trên đến với người nghe (trong quá trình đưa tin, trình bày cần kết hợp với hình ảnh, lược đồ được cung cấp)

Thông tin hỗ trợ

1. HÌNH ẢNH, LƯỢC ĐỒ

Lược đồ 12. Lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả
(Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ Việt Nam ngày nay)

Sông Hồng

2. HỆ THỐNG TỪ KHÓA CUNG CẤP

SÔNG HỒNG, SÔNG MÃ, SÔNG CẢ	MƯA NHIỀU
TRUNG HOA	NHIỆT ĐỚI GIÓ MÙA
PHÙ SA	KHOÁNG SẢN
GIAO LƯU, TIẾP XÚC	BẮC BỘ, BẮC TRUNG BỘ
CÔNG CỤ LAO ĐỘNG	NÔNG NGHIỆP LÚA NƯỚC

PHỤ LỤC 2: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhiệm vụ:

+ Dựa vào hình ảnh và hệ thống từ khóa được cung cấp, thảo luận cặp đôi, hoàn thành bản tin bản tin trong chương trình: ĐIỂM HẸN VĂN HÓA VTV, nêu cơ sở xã hội dẫn đến sự hình thành văn minh Văn Lang – Âu Lạc theo mẫu

+ Đóng vai là những biên tập viên đưa bản tin trên đến với người nghe (trong quá trình đưa tin, trình bày cần kết hợp với hình ảnh minh họa được cung cấp)

Thông tin hỗ trợ

1. HÌNH ẢNH MINH HỌA

Hình 12.2. Lưỡi cày đồng (văn hoá Đông Sơn)

Hình 12.3. Tượng đồng hình trâu có người cưỡi (văn hoá Đông Sơn)

Sự tích Thánh Gióng **Truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh**

2. HỆ THỐNG TỪ KHÓA CUNG CẤP

NÔNG NGHIỆP DÙNG CÀY	QUÝ TỘC
CỦA CẢI DƯ THỪA	NÔNG DÂN TỰ DO
PHÂN HÓA XÃ HỘI	NÔ TÌ
TRAO ĐỔI SẢN PHẨM	CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM
ĐẮP ĐÊ, TRỊ THỦY	CƯ DÂN VIỆT CỔ

PHỤ LỤC 3: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

GIẢI MÃ CÁC HÌNH ẢNH SAU TRÊN TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN

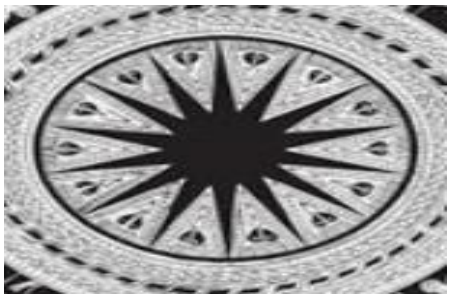

- Đây là hình ảnh gì?.....

- Hình ảnh trên thể hiện điều gì?.....

.....

(Hình 1)

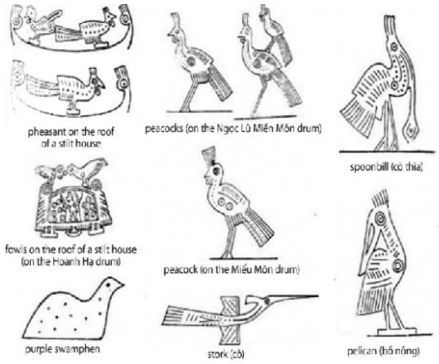

- Đây là hình ảnh gì?.....

- Hình ảnh trên thể hiện điều gì?.....

.....

(Hình 2)

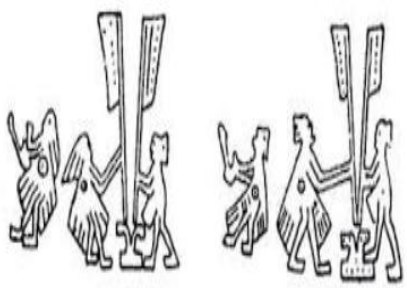

- Đây là hình ảnh gì?.....

- Hình ảnh trên thể hiện điều gì?.....

.....

(Hình 3)

- Đây là hình ảnh gì?.....

- Hình ảnh trên thể hiện điều gì?.....

.....

(Hình 4)

- Đây là hình ảnh gì?.....

- Hình ảnh trên thể hiện điều gì?.....

.....

(Hình 5)

- Đây là hình ảnh gì?.....

- Hình ảnh trên thể hiện điều gì?.....

.....

(Hình 6)

BÀI 11: VĂN MINH CHĂM – PA, VĂN MINH PHÙ NAM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Chăm-pa, Phù Nam.
- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Champa, Phù Nam: đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước,...

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực lịch sử

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ…nêu được cơ sở hình thành văn minh Chăm – pa, văn minh Phù Nam; những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Chăm – pa, văn minh Phù Nam.

- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh rút ra được ý nghĩa của văn minh Chăm – pa, Phù Nam, so sánh được những điểm giống nhau giữa các nền văn minh cổ đại trên đất nước Việt Nam
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng: Chỉ ra được một số giá trị của văn minh Chăm – pa, Phù Nam còn tồn tại đến ngày nay; Đề xuất được một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của các thành tựu văn minh Chăm – pa, Phù Nam.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Trân trọng giá trị của văn minh Chăm – pa, Phù Nam, tự hào về truyền thống dân tộc
- Trách nhiệm:

+ Hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm

+ Có trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị văn minh Chăm – pa, Phù Nam

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập

2. Học sinh: SGK, SBT

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS đoán được tên quốc gia cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam thông qua hình ảnh và bài hát

b. Nội dung: GV trình chiếu hình ảnh, video; HS quan sát hình ảnh, video, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV trình chiếu một số hình ảnh và bài hát liên quan đến hai quốc gia cổ đại Chăm – pa và Phù Nam (khu di tích thánh địa Mĩ Sơn, tượng thần Brama, tượng thần Visnu, kết hợp với các bài hát: Ngược dòng Phù Nam , Chăm – pa huyền thoại) nêu câu hỏi: *Những hình ảnh, bài hát trên gợi cho em liên tưởng đến các quốc gia cổ đại nào trên đất nước Việt Nam? Giới thiệu một số hiểu biết của em về các quốc gia cổ đại đó?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, video, vận dụng hiểu biết của bản thân, trả lời câu hỏi
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS trả lời:
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Cùng với văn minh Văn Lang – Âu Lạc, Chăm – pa và Phù Nam là hai nền văn minh cổ đại tiêu biểu được hình thành ở khu vực miền Trung và miền Nam của nước ta hiện nay. Đây là hai nền văn minh rực rỡ và độc đáo, góp phần tạo nên sự phát triển và đa dạng trong lịch sử - văn hóa Việt Nam. Ngoài những câu hát, hình ảnh quen thuộc mà các em vừa quan sát trên, bài học hôm nay còn giúp chúng ta hiểu thêm gì về hai quốc gia này nữa? Chúng ta hãy cùng tìm hiểu.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu cơ sở hình thành văn minh Chăm -pa

a. Mục tiêu: Nêu được cơ sở hình thành văn minh Cham - pa: điều kiện tự nhiên, cơ sở xã hội

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS thảo luận cặp đôi/ làm việc cá nhân, đọc nội dung thông tin mục 1, tr.88 – 89, kết hợp với thông tin hỗ trợ của GV, thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở cơ sở hình thành nền văn minh Chăm - pa

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập *** Nhiệm vụ 1: Hoạt động cặp đôi** + GV trình chiếu lược đồ Vương quốc Chăm – pa đến thế kỉ X, khu vực hạ lưu sông Thu Bồn, một số cảng biển: Đại Chiêm, Thị Nại… + GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, lược đồ, kết hợp thông tin trong SGK tr.88, 89, thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi: *1. Khái quát đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Vương quốc cổ Chăm - pa.* *2. Theo em, điều kiện tự nhiên đó tạo ra thuận lợi gì cho sự phát triển của văn minh cổ đại Chăm – pa?* *** Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân** GV nêu câu hỏi, HS trả lời (cá nhân) *1. Chủ nhân đầu tiên của văn minh Chăm – pa là tộc người nào?* *2. Nêu ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ đến văn minh Chăm - pa?* **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.88 - 89, thảo luận cặp đôi/ là việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời đại diện 1 - 2 cặp HS trả lời câu hỏi trên bảng (kết hợp với lược đồ, tranh ảnh GV cung cấp) + GV mời đại diện cặp HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + GV mở rộng: ***Tài nguyên lâm thổ sản ở Chăm – pa:*** *Cư dân cổ Chăm – pa lưu truyền rằng: Nữ thần Pô I – nư Na – ga (bà mẹ xứ sở) đã sinh ra đất, lúa gạo và gỗ trầm hương.* *Trầm hương là loại gỗ quý, là tặng vật của nữ thần ban cho dân Chăm, có giá trị cao hơn vàng. Người Chăm xưa thường dùng trầm hương đốt trong những bình được làm bằng vàng để dâng cúng các vị thần. Trầm hương cũng là*	**1. Văn minh Chăm - pa** **a. Cơ sở hình thành** • ***Điều kiện tự nhiên*** - Vị trí địa lý: Nằm trên vùng duyên hải và một phần cao nguyên miền Trung Việt Nam ngày nay, phía Tây là dãy Trường Sơn, phía đông là biển đảo. - Địa hình: + Khu vực cao nguyên đan xen những đồng bằng nhỏ hẹp, màu mỡ ven sông Thu Bồn → thuận lợi cho định cư và canh tác nông nghiệp + Đường bờ biển dài, nhiều vịnh, cảng tốt →thuận lợi buôn bán và tiếp nhận luồng di cư, tiếp xúc, giao lưu văn hóa từ bên ngoài. - Có nhiều nguồn lợi: lâm thổ sản, khoáng sản • ***Dân cư xã hội*** - Cư dân Chăm cổ gồm hai bộ tộc chính là bộ tộc Dừa và bộ tộc Cau, gọi chung là người Chăm - Đặc điểm: là cư dân bản địa sống lâu đời ở vùng duyên hải và cao nguyên miền Trung, theo chế độ mẫu hệ - Bên cạnh đó có một bộ phận cư dân nói tiếng Mã Lai – Đa Đảo di cư đến, kết hợp với người Chăm, tạo nên nền văn minh Chăm – pa.

sản phẩm được các vua Chăm – pa dùng làm cống phẩm trong quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Đại Việt, Gia – va (nay là In – đô – nê – xi – a). ***GV nhấn mạnh**: văn minh Chăm – pa còn chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ. Thông qua hoạt động buôn bán và tầng lớp thương nhân, chữ viết, tư tưởng, tôn giáo, mô hình Nhà nước và pháp luật Ấn Độ đã du nhập vào Chăm – pa. Sự tiếp thu có chọn lọc của văn minh Ấn Độ góp phần đưa nền văn minh Chăm – pa phát triển rực rỡ.*	

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu về tổ chức xã hội và Nhà nước của văn minh Chăm -pa

a. Mục tiêu: Nêu được thành tựu tiêu biểu về tổ chức xã hội và Nhà nước của văn minh Chăm - pa.

b. Nội dung: GV nêu nhiệm vụ thông qua phiếu học tập. HS thảo luận theo bàn, hoàn thành nhiệm vụ

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV tổ chức cho HS làm việc theo bàn, thực hiện nhiệm vụ học tập sau Căn cứ vào thông tin SGK tr.91, em hãy cho biết 1. Tổ chức xã hội của cư dân Chăm – pa như thế nào? 2. Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy Nhà nước Chăm – pa ở Trung ương và địa phương 3. Em có nhận xét gì về quyền lực của vua Chăm được thể hiện qua bi kí tại tháp Pô Na – ha (Khánh Hòa)? **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.91, thảo luận theo bàn, hoàn thành phiếu học tập + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + Gv mời đại diện 1 bàn lên thuyết trình về tổ chức xã hội và Nhà nước Chăm - pa + GV mời đại diện các bàn khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + GV mở rộng: ***1. Tổ chức bộ máy Nhà nước của văn minh Chăm - pa*** *Từ khi thành lập cho đến thế kỉ X, Chăm – pa (theo sử sách của Trung Quốc, trải qua các tên: Lâm Ấp – Hoàn Vương – Chiêm Thành) và trải qua các triều đại lớn* *- Ganduranga: Thế kỉ VI – VIII, kinh đô là* Shin – ha – pu – ra (Trà Kiệu – Quảng Nam)	**1. Văn minh Chăm - pa** **a. Cơ sở hình thành** **b. Những thành tựu tiêu biểu** • ***Tổ chức xã hội và nhà nước*** **** Xã hội*** - Chủ yếu sinh sống trong làng, duy trì quan hệ cộng đồng và thân tộc - Các gia đình trong làng nhận ruộng đất cày cấy và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước **** Tổ chức bộ máy Nhà nước*** - Nhà nước ra đời vào thế kỉ II, do Khu Liên sáng lập, ban đầu có tên là Lâm Ấp, sau đổi thành Chăm – pa. - Kinh đô: Shin – ha – pu – ra (Trà Kiệu – Quảng Nam) - Thể chế chính trị: quân chủ chyên chế, vua là người nắm quyền lực tối cao. - Sơ đồ tổ chức bộ máy Nhà nước

- Panduranga: thế kỉ VIII đến giữa thế kỉ IX, kinh đô là Virapipura (Phan Rang – Ninh Thuận) *- Indrapura: giữa thế kỉ IX – X, kinh đô là Indrapura (Đồng Dương – Quảng Nam).* *Thể chế nhà nước là quân chủ chuyên chế, vua có toàn quyền đối với đất nước và cư dân; thường dùng vương hiệu Ấn: Varman.* *Giúp vua trị nước có hai tôn quan (Đại thần): Senapati (Tây na bà đế) phụ trách dân sự và Tapatica (Tát bà địa ca) phụ trách quân sự. Bên dưới là hệ thống thuộc quan và ngoại quan.* *Quan lại nói chung không có lương, cũng không được cấp ruộng đất. Họ sống chủ yếu bằng cung cấp của dân vùng mình cai quản.* *Như nhận xét của một số nhà Sử học, vua Chăm rất hiếu chiến. Quân đội từ sớm đã có 4 – 5 vạn người, gồm bộ bịn, tượng binh và thủy binh. Thủy binh gồm hàng trăm chiếc thuyền lớn nhỏ. Vũ khí có giáo mác cung nỏ, áo giáp bằng mây đan, mộc gỗ.* *Chăm pa chưa có luật thành văn. Những người có tội chịu hình phạt nặng nề như voi giày, gậy nhọn đâm vào đầu, bị bắt làm nô lệ.* ***2. Về xã hội:*** *Nhìn chung, người Chăm chia thành 4 đẳng cấp kiểu Ấn Độ. Trong quan hệ xã hội, mặc dù chế độ phụ hệ đã thống trị, vua, quan đều là nam, song chế độ mẫu hệ vẫn phổ biến trong nhân dân. Người Hoa đến Chăm - pa đã có nhận xét: "Đối với người Chiêm Thành, phụ nữ là tất cả, nam giới không là gì cả".* ***Như vậy, có thể nói, tổ chức xã hội và thiết chế chính trị của Chăm – pa chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ (vua nắm quyền hành tuyệt đối, chế độ đẳng cấp…)***	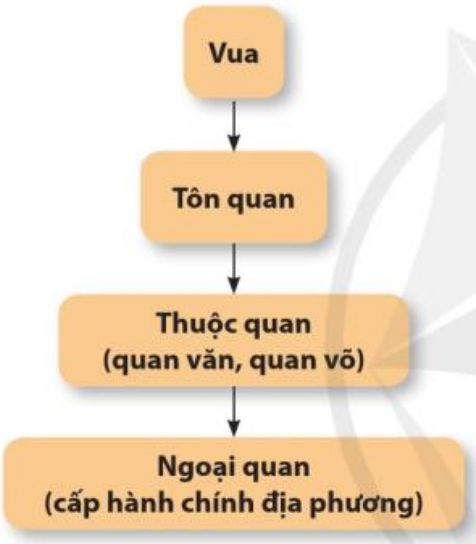 Sơ đồ 13. Tổ chức bộ máy Nhà nước Chăm-pa

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu về hoạt động kinh tế và đời sống vật chất của văn minh Chăm -pa

a. Mục tiêu: Nêu được thành tựu tiêu biểu về đời sống vật chất của văn minh Chăm -pa

b. Nội dung: GV chia nhóm, cung cấp từ khóa; HS làm việc theo nhóm, thiết kế sơ đồ tư duy thể hiện đời sống vật chất của cư dân cổ Chăm – pa, sau đó lên thuyết trình.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở thành tựu tiêu biểu về đời sống vật chất của văn minh Chăm -pa

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV chia lớp thành 6 nhóm, cung cấp hệ thống từ khóa cho các nhóm như sau: TRỒNG LÚA TƯỚI TIÊU ĐỒ GỐM	**1. Văn minh Chăm - pa** **a. Cơ sở hình thành** **b. Những thành tựu tiêu biểu**

ĐÓNG GẠCH XÂY THÁP BUÔN BÁN ĐƯỜNG BIỂN THƯƠNG CẢNG TRẦM HƯƠNG NGỌC TRAI THỦY TINH ẤN ĐỘ THÁI LAN TRUNG QUỐC LƯƠNG THỰC HẢI SẢN MẢNH VẢI QUẤN NGANG TRANG SỨC NHÀ SÀN THUYỀN + Các nhóm thiết kế sơ đồ tư duy (graph) thể hiện đời sống vật chất của văn minh Chăm – pa. Thời gian 7 phút **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.89 -909, thảo luận theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời các nhóm trưng bày sản phẩm + Gv mời đại diện 1 nhóm lên thuyết trình về đời sống vật chất của cư dân Chăm – pa trên cơ sở sơ đồ tư duy nhóm vừa thiết kế + GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + GV mở rộng: ***1. Sự phát triển thương nghiệp đường biển của cư dân Chăm – pa:*** ● *Người Chăm – pa rất giỏi buôn bán bằng đường biển. Nằm trên tuyến đường buôn bán quốc tế qua biển Đông, Chăm – pa được biết đến là cầu nối buôn bán quốc tế quan trọng. Qua các cảng thị, cư dân Chăm – pa bán những sản phẩm nổi tiếng của miền nhiệt đới như trầm hương, kì nam, ngọc trai…và mua các mặt hàng như thủy tinh (Ấn Độ), mã não (Thái Lan), gương đồng (Trung Quốc), đồ gốm màu xanh lam cô – ban (A – rập). Các nhà khảo cổ học qua quá trình khai quật khu di tích Cù Lao Chàm (Quảng Nam) đã tìm thấy nhiều mảnh gốm có nguồn gốc A – rập với xương gốm dầy, trắng xốp, tráng men màu xanh cô – ban đặc trưng cùng những mảnh thủy tinh màu từ Ấn Độ* ● *GV trình chiếu cho HS video, hình ảnh về sự phát triển buôn bán của Chăm – pa, những sản vật quý của Chăm – pa: kì nam, trầm hương, ngọc trai… Từ đó, GV đặt ra câu hỏi:* ***Dấu ấn biển được thể hiện như thế nào trong đời sống vật chất của cư dân cổ Chăm – pa?*** ***2. Sự phát triển của kĩ thuật đóng gạch xây tháp của cư dân cổ Chăm – pa,*** *được thể hiện qua các công trình nổi tiếng: khu dic tích thánh địa Mĩ Sơn (Quảng Nam) và rất nhiều đền tháp Chăm khác. Chất liệu gạch đặc biệt khiến cho tháp Chăm sau hàng nghìn năm không bị rêu phủ. Các nhà nghiên cứu đã đúc thí nghiệm những viên gạch cùng một kích thước,*	• ***Hoạt động kinh tế và đời sống vật chất*** * Hoạt động kinh tế - Nông nghiệp: + Trồng lúa, hoa màu, biết trồng các loại lúa ngắn ngày, có khả năng chịu khô hạn + Kĩ thuật đào mương máng, tưới tiêu phát triển - Thủ công nghiệp: làm gốm, luyện kim, chế tạo thủy tinh…, đặc biệt kĩ thuật đóng gạch xây tháp rất phát triển. Cư dân Chăm – pa sử dụng chất nhựa từ thảo mộc trộn với bột gạch tạo thành chất kết dính giữa các viên gạch trong xây dựng đền tháp. - Buôn bán đường biển rất phát triển với các thương cảng lớn: Đại Chăm, Cù Lao Chàm, Thị Nại * Nguồn thức ăn: - Lương thực: gạo nếp, gạo tẻ, kê, đậu… - Thức ăn: cá, tôm, ốc * Nhà ở: nhà sàn dựng bằng gỗ * Đi lại: thuyền, có cánh buồm

nhưng bao giờ cũng nặng hơn viên gạch Chăm cổ gấp khoảng 1,3 lần. Đặc biệt là độ bền, khả năng chịu nén, cùng những tính chất khác đều kém xa gạch Chăm. Khi dội nước vào một mặt bất kỳ của viên gạch Chăm nào thì nước lập tức thoát raChứng tỏ làm nên gạch Chăm ngoài đất sét còn những thành phần bí ẩn nào khác? Quy trình sản xuất gạch có gì khác thường? Các viên gạch này có góp phần vào quá trình làm tháp Chăm nhanh khô ráo sau những cơn mưa dầm?...	

TIẾT 2

4. Hoạt động 4: Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu về đời sống tinh thần của văn minh Chăm -pa

a. Mục tiêu: Nêu được thành tựu tiêu biểu về đời sống tinh thần, tổ chức xã hội và Nhà nước của văn minh Chăm -pa.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi: Hành trình tìm về di sản văn hóa; HS làm việccá nhân, tham gia trả lời các câu hỏi trong trò chơi để tự chiếm lĩnh kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở thành tựu tiêu biểu về đời sống vật chất của văn minh Chăm -pa

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức trò chơi: HÀNH TRÌNH TÌM VỀ DI SẢN VĂN HÓA, đưa ra các câu hỏi ngắn để HS trả lời, các hình ảnh để HS đoán tên công trình kiến trúc, lễ hội, nhạc cụ…của văn minh Chăm – pa Câu 1: Hình ảnh sau cho thấy cư dân Chăm – pa cổ đã tiếp thu chữ viết nào để tạo ra chữ viết của riêng mình? Câu 2: Văn học Chăm – pa gồm có những thể loại tiêu biểu nào? Câu 3: Hình ảnh sau phản ánh tín ngưỡng nào của cư dân Chăm – pa?	**1. Văn minh Chăm - pa** **a. Cơ sở hình thành** **b. Những thành tựu tiêu biểu** • ***Đời sống tinh thần*** - Chữ viết: ra đời trên cơ sở tiếp thu chữ Phạn và dần được sử dụng phổ biến - Văn học: văn học dân gian (thần thoại, truyền thuyết, sử thi…) và văn học viết (thơ, trường ca…) - Tín ngưỡng: thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng phồn thực - Tôn giáo + Ấn Độ giáo: trở thành tôn giáo chính của Chăm – pa từ thế kỉ III + Phật giáo: phát triển trong hai thế kỉ IX và X - Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, chế tác đồ trang sức phát triển mạnh với hệ thống đền tháp Chăm, những bức phù điêu chạm trổ trên đá - Âm nhạc, ca múa đặc biệt phát triển với các nhạc cụ: đàn cầm, trống, kèn, các điệu múa như múa Áp – sa – ra, các lễ hội truyền

Câu 4: Đây là tín ngưỡng nào của cư dân Chăm – pa?

Câu 5: Cư dân Chăm – pa đã tiếp thu những tôn giáo nào từ Ấn Độ?

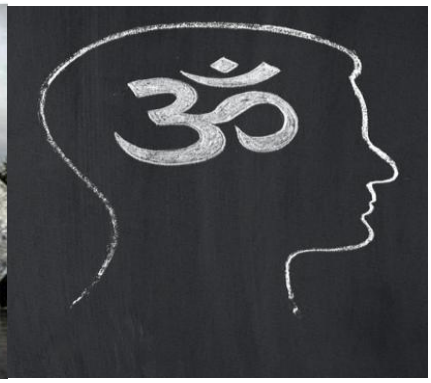

Câu 6: Các hình 1,2,3 là những công trình kiến trúc tiêu biểu nào của cư dân Chăm – pa?

thống: lễ hội Ka – tê, Ri – gia Nư – ga, Ri – gia Pra – ung…

(H1)

(H2)

(H3)

Câu 7: Đây là bức tượng nổi tiếng nào của cư dân Chăm – pa?

Câu 8: Hình ảnh sau phản ánh lễ hội độc đáo nào?

Câu 9: Những nhạc cụ phổ biến của cư dân Chăm – pa cổ là gì?

Câu 10: Đây là điệu múa truyền thống nổi tiếng của cư dân Chăm – pa cổ?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin SGK tr.90, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập.

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời lần lượt các HS trả lời

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

+ GV mở rộng:

1. Sự phát triển của văn học Chăm – pa: Chữ viết ra đời sớm đã thúc đẩy văn học dân gian Chăm phát triển song hành với văn học viết tạo nên nền văn học Chăm phong phú, đa dạng

Văn học dân gian có gần 50 bài ca dao; khoảng 1500 câu tục ngữ, câu đố; hơn 100 truyện cổ, truyền thuyết đã được sưu tầm; hơn 100 bài ca lịch sử hay tụng ca (mỗi bài dài từ 20 đến 150 câu ariya Chăm, thường được hát trong các lễ Rija, Pơh pabbơng yang, Tamư kut của người Chăm. Văn học viết đã tìm hiểu được các thể loại: Văn bia kí có 250 minh văn sáng tác từ thế kỉ II đến thế kỉ XV bằng cả tiếng Phạn lẫn tiếng Chăm cổ; 5 sử thi, 4 trường ca trữ tình, thơ thế sự Glơng

Anak, Twơn Phauw…, thơ triết lý Nau Ikak, Jadar; gia huấn ca… Sử thi Chăm mang màu sắc thần thoại Ấn Độ thấm đượm triết lý Bà la môn và Hồi giáo. Đặc biệt Ariya Bini – Cam được xem là một trong những truyện tình hay nhất của văn chương nhân loại. Hầu hết các tục ngữ, ca dao, sử thi, trường ca, thơ đều sử dụng thể thơ lục bát Chăm (thể Ariya, được cho rằng do người Chăm sáng tạo đầu tiên ở Đông Nam Á. Đây là thể thơ như lục bát Việt nhưng lục bát Chăm linh hoạt trong cấu trúc và cách gieo vần hơn, nên khả năng sáng tạo lớn hơn. Đến nay vẫn chưa có nghiên cứu nào có thể xác minh ai có trước ai hay dân tộc nào vay mượn dân tộc nào, chỉ biết rằng Ariya – lục bát đã làm phong phú nền văn học Chăm và Việt xưa cũng như nền văn học đa dân tộc Việt Nam hôm nay. ***2. Nghệ thuật, âm nhạc Chăm – pa:*** *Chăm – pa là nơi sản sinh những nhạc sĩ, nhạc công, vũ sư, vũ công kiệt xuất với những vũ khúc điêu luyện, lôi cuốn, còn để lại dấu tích trên các phù điêu và tượng tròn của các đền tháp. Âm nhạc và ca múa (múa tôn giáo, múa tập thể, múa độc diễn, múa đạo cụ, múa bóng) không thể thiếu trong sinh hoạt cộng đồng và các dịp lễ hội truyền thống như Rija Nưgar (mừng năm mới), Katê ở làng hay trên tháp. Đó là các dịp mà người Chăm thể hiện sự tưởng nhớ của mình đối với những người có công xây dựng đất nước, hay sự sùng bái một vài vị vua được thần hóa. Các điệu múa nghi lễ và dân gian phong phú, độc đáo của người Chăm hiện nay vẫn còn lưu truyền là múa âm dương (tiêu biểu cho tín ngưỡng phồn thực), múa roi, múa đạp lửa, múa quạt, múa đội nước, múa khăn, múa kiếm, múa chèo thuyền.* *Hàng trăm di tích lịch sử - văn hóa Chăm – pa vẫn đang hiện diện trên dải đất miền Trung và Tây Nguyên. Khu di tích thánh địa Mĩ Sơn (Quảng Nam) được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa thế giới*	

TIẾT 3

5. Hoạt động 5: Tìm hiểu về cơ sở hình thành của văn minh Phù Nam

a. Mục tiêu: Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam.

b. Nội dung: HS làm việc nhá nhân/ thảo luận cặp đôi, sử dụng thông tin, tư liệu SGK hoàn thành nhiệm vụ học tập GV đưa ra.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở ghi cơ sở hình thành nền văn minh Phù Nam

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập *** Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân**	**2. Văn minh Phù Nam** **a. Cơ sở hình thành**

GV nêu câu hỏi:

1. Dựa vào thông tin SGK tr.91 và tư liệu (tr.92), nêu những điểm chính về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của vương quốc cổ Phù Nam. Đặc điểm đó đã tạo ra những thuận lợi gì cho sự hình thành văn minh Phù Nam?

2. Cơ sở dân cư hình thành nền văn minh Phù Nam như thế nào?

*** Nhiệm vụ 2: Hoạt động cặp đôi**

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, *so sánh những điểm tương đồng và khác biệt về cơ sở hình thành nền văn minh Phù Nam và Chăm – pa theo mẫu*

	Chăm - pa	*Phù Nam*
Giống	…… …… ……	
Khác	…… …… ……	…… …… ……

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin SGK tr.91 - 92, làm việc cá nhân/ thảo luận cặp đôi, hoàn thành nhiệm vụ học tập

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Gv mời HS/ đại diện cặp HS trả lời câu hỏi

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

Điểm tương đồng và khác biệt về cơ sở hình thành nền văn minh Phù Nam và Chăm – pa

	Chăm - pa	***Phù Nam***
Giống	- Đều có điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nông nghiệp trồng lúa nước (Chăm – pa có hệ thống cánh đồng màu mỡ trên sông Thu Bồn, Phù Nam là khu vực hạ lưu sông Mê Công…) - Giáp biển, có đường bờ biển dài, nhiều hải cảng thuận lợi cho buôn bán đường biển, tiếp nhận nhiều luồng di cư và giao lưu văn hóa từ bên ngoài. Nền văn minh mang đậm dấu ấn biển - Chủ nhân chủ yếu đều là những người bản địa (thuộc ngữ hệ Nam Đảo), kết hợp với một bộ phận di cư từ bên ngoài - Quá trình hình thành và phát triển văn minh chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Ấn Độ	

- ***Điều kiện tự nhiên***

- Nằm trên lưu vực châu thổ sông Cửu Long với hệ thống sông ngòi dày đặc, nguồn nước dồi dào, đất đai giàu phù sa → thuận lợi phát triển nông nghiệp lúa nước

- Phía đông và tây nam giáp biển, nhiều hải cảng →sớm phát triển thương nghiệp đường biển quốc tế, tiếp xúc và giao lưu với nhiều nền văn minh khác nhau, đặc biệt văn minh Ấn Độ

Dân cư

Do vị trí địa lý thuận lợi, từ thời văn hóa tiền Óc Eo, vùng đất này đã là nơi giao thoa, gặp gỡ của nhiều tộc người. Cư dân bản địa sinh sống lâu đời (người Môn cổ) kết hợp với một bộ phận cư dân đến từ bên ngoài cùng nhau thiết lập nên quốc gia mới, làm chủ văn minh Phù Nam

Khác	***Vị trí địa lý***	Hình thành trên vùng duyên hải và một phần cao nguyên miền Trung Việt Nam	Hình thành trên lưu vực sông Cửu Long (Nam Bộ ngày nay)
	Địa hình	Đồng bằng nhỏ hẹp xen lẫn cao nguyên. Nhiều vùng đất đai cằn cỗi	Khu vực đồng bằng thấp trũng. Đất rất giàu phù sa
	Khí hậu	Khô nóng, thường xuyên hứng chịu bão lụt	Khí hậu ấm áp, cây cỏ luôn xanh tươi
		Được hình thành trên cơ sở của văn hóa Sa Huỳnh	Được hình thành trên cơ sở của văn hóa Óc Eo
	Thời gian hình thành	Hình thành muộn hơn (thế kỉ II). Thời gian tồn tại lâu dài hơn (từ thế kỉ II – X)	Hình thành sớm hơn (thế kỉ I). Thời gian tồn tại ngắn hơn (từ thế kỉ I – VII)

+ GV nhấn mạnh sự phát triển mạnh mẽ của thương nghiệp đường biển ở Phù Nam thông qua một số hình ảnh:

Hình 16. Một số đồng tiền Óc Eo

Hình 17. Đồng tiền vàng La Mã được tìm thấy trong di chỉ thuộc văn hoá Óc Eo

Một số đồng tiền thuộc văn hóa Óc Eo: Đây là ba trong số những đồng tiền bằng kim loại (bạc, kẽm) được tìm thấy trong các di chỉ thuộc văn hóa ÓC Eo. Ngoài đồng tiền nguyên vẹn, có đồng được cắt đôi, cắt tư, cắt tám và cắt 16 để làm tiền lẻ tiêu dùng. Tiền Phù Nam không chỉ tìm thấy ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long của nước ta mà còn tìm thấy ở vùng ven biển vịnh Thái Lan, Mia – an – ma, bán đảo Mã Lai. Điều này chứng minh cho sự giao thương buôn bán cũng như ảnh hưởng của Phù Nam trong khu vực Đông Nam Á.

Đồng tiền vàng La Mã tìm thấy trong di chỉ Óc Eo: Đây là một trong hai đồng tiền vàng tìm thấy trong di chỉ ÓC Eo. Trên một mặt đồng tiền có đúc hình mặt người nhìn nghiêng có mũi cao và thẳng. Đó là hình đầu hoặc bán thân của một vị hoàng đế La Mã. Việc tìm thấy đồng tiền vàng La Mã chứng minh cho sự giao thương kinh tế mạnh mẽ của vương quốc này với thế giới ở thời kì phát triển đỉnh cao. Phù Nam trở thành nơi giao thương với các nước trên thế giới như Trung Quốc, Ấn Độ, Ba Tư, Hi Lạp, La Mã…

6. Hoạt động 6: Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu về đời sống vật chất của văn minh Phù Nam

a. Mục tiêu: Nêu được thành tựu tiêu biểu về đời sống vật chất văn minh Phù Nam.

b. Nội dung: HS làm việc nhá nhân/ thảo luận cặp đôi, sử dụng thông tin, tư liệu SGK hoàn thành nhiệm vụ học tập GV đưa ra.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở ghi cơ sở hình thành nền văn minh Phù Nam

d. Tổ chức hoạt động:

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH</th><th>KIẾN THỨC CẦN ĐẠT</th></tr>
<tr>
<td>
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV chia lớp thành 6 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm hoàn thành phiếu học tập sau
1. Cùng hoàn thành bảng:
ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT CƯ DÂN CỔ PHÙ NAM
<table>
<tr><th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu</th><th>Góc suy ngẫm?</th></tr>
<tr><td>Lương thực – thực phẩm (chủ yếu là gì?)</td><td></td><td>Vì sao đây lại là nguồn lương thực – thực phẩm chính của cư dân Phù Nam</td></tr>
<tr><td>Trang phục</td><td></td><td>Vì sao cư dân cổ Phù Nam rất thích đeo đồ trang sức?</td></tr>
<tr><td>Nhà ở</td><td></td><td>Yếu tố nào quy định loại nhà ở này?</td></tr>
<tr><td>Đi lại</td><td></td><td>Vì sao cư dân cổ Phù Nam chủ yếu sử dụng phương tiện đó để đi lại?</td></tr>
</table>
2. Suy ngẫm và đưa ra nhận định: Đưa ra ít nhất 2 nhận xét về đời sống vật chất của cư dân cổ Phù Nam. Em thích nhất điều gì trong thành tựu về đời sống vật chất của văn minh Phù Nam?
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập
+ HS đọc thông tin SGK tr.92 - 93, thảo luận theo nhóm, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.
- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
+ Các nhóm sau khi hoàn thành xong nhiệm vụ cùng trưng bày sản phẩm học tập trên bảng
+ GV mời đại diện 1 – 2 nhóm thuyết trình về sản phẩm
+ GV mời nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập
+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
+ GV cung cấp thông tin, hình ảnh phản ánh đời sống vật chất của cư dân Phù Nam: nồi và cà ràng, đồ trang sức, nhà sàn, thuyền bè đi lại… và ghi chép về đời sống vật chất của cư dân Phù Nam trong các thư tịch cổ…GV khai thác và đi sâu vào một số hình ảnh như:
</td>
<td>
2. Văn minh Phù Nam
a. Cơ sở hình thành
b. Thành tựu tiêu biểu
• Hoạt động kinh tế và đời sống vật chất
<table>
<tr><th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu</th></tr>
<tr><td>Lương thực – thực phẩm</td><td>Chủ yếu là lúa gạo, các loại thịt và thủy hải sản.</td></tr>
<tr><td>Trang phục</td><td>- Đàn ông mặc khố dài tới gối, ở trần. Phụ nữ dùng tấm vải quấn lại thành váy
- Người dân đi chân đất hoặc dép bằng gỗ cây bao hương, vua đi dép bằng ngà voi
- Cư dân thích dùng đồ trang sức</td></tr>
<tr><td>Nhà ở</td><td>Nhà sàn bằng gỗ</td></tr>
<tr><td>Đi lại</td><td>Chủ yếu bằng thuyền bè</td></tr>
</table>
Nhận xét:
- Đời sống vật chất đầy đủ, phong phú, cho thấy sự phát triển và phồn vinh của vương quốc
- Đời sống vật chất chịu ảnh hưởng rõ rệt của điều kiện tự nhiên (khí hậu nóng, hệ thống sông ngòi, kênh rạch, biển nhiều) và kinh tế nông nghiệp, thương nghiệp biển.
</td>
</tr>
</table>

● Đồ trang sức của cư dân Phù Nam

Hình 18. Một số đồ trang sức của cư dân Phù Nam

Hình 13.5. Bông hoa bằng vàng (thuộc nền văn minh Phù Nam)

Đây là những hiện vật trang sức được tìm thấy trong các di chỉ thuộc văn hóa Óc Eo, gồm vòng tay bằng vàng, chuỗi hạt bằng đá, chuỗi hạt bằng thủy tinh. Các hiện vật có tính thẩm mĩ cao, chạm khắc tinh xảo, chứng tỏ trình độ thợ kim hoàn, thợ thủ công của vương quốc Phù Nam rất cao. Sản phẩm họ làm ra không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng của cư dân bản địa, mà còn trở thành mặt hàng trao đổi, buôn bán với nhiều thương nhân khác.

● Nồi và cà ràng (bếp đun) của cư dân Phù Nam

Hình 15. Nồi và cà ràng (bếp đun) bằng đất nung – một trong những hiện vật tiêu biểu của văn hoá tiền Óc Eo

Hiện vật này được tìm thấy trong di chỉ Giồng Cá Vồ (thành phố HCM). Cà ràng là loại di vật rất phổ biến trong các di chỉ thuộc giai đoạn tiền Óc Eo ở đồng bằng sông Cửu Long. Về cấu tạo, cà ràng có chân đế cao để cách nhiệt, có khay để đỡ nhiệt. Cà ràng thực sự là loại hình bếp di động, phù hợp với lối sống trên thuyền luôn phải di chuyển trên sông nước, đầm lầy. Loại hình bếp này gắn liền với cuộc sống hàng ngày của cư dân tiền Óc Eo và là một vật dụng quan trọng. Chính vì

vậy mà trong các di chỉ mộ táng, số lượng cà ràng minh khí được tìm thấy rất nhiều.	

TIẾT 4

7. Hoạt động 7: Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu về đời sống tinh thần, tổ chức xã hội và nhà nước của văn minh Phù Nam

a. Mục tiêu: Nêu được thành tựu tiêu biểu về đời sống tinh thần, tổ chức xã hội và nhà nước của văn minh Phù Nam

b. Nội dung: HS làm việc nhá nhân/ thảo luận cặp đôi, sử dụng thông tin, tư liệu SGK hoàn thành nhiệm vụ học tập GV đưa ra.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở ghi cơ sở hình thành nền văn minh Phù Nam

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm như sau: **+ Nhóm 1- 2:** ● Trình bày thành tựu tiêu biểu về chữ viết của văn minh Phù Nam. Sự ra đời của chữ viết có ý nghĩa như thế nào với vương quốc Phù Nam lúc bấy giờ và hiện nay? ● Kể tên các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo chính ở Phù Nam. Tôn giáo Phù Nam chịu ảnh hưởng của quốc gia nào? Trình bày nét chính về phong tục, tập quán của quốc gia này. ● Nêu ví dụ cụ thể về một số thành tựu của văn minh Phù Nam còn tồn tại đến ngày nay. **+ Nhóm 3 – 4:** ● Trình bày tổ chức xã hội của cư dân Phù Nam ● Nhà nước Phù Nam ra đời vào thời gian nào? Căn cứ vào nội dung SGK.94 và thông tin hỗ trợ sau, hãy nêu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến sự hình thành thiết chế Nhà nước ở Phù Nam. Trình bày tổ chức bộ máy Nhà nước Phù Nam. **Thông tin hỗ trợ**: Huyền thoại kể rằng: Hỗn Điền, một người ngoài cõi được thần báo mộng ban cho cây cung và dạy là phải đi thuyền lớn ra biển. Khi thuyền đến vùng biển Phù Nam, người cai quản ở đó là nữ hoàng Liễu Diệp cho người ra bắt giữ. Hỗn Điền liền giương cung bắn, tên xuyên qua mạn thuyền, đến những kẻ theo hầu.. Liễu Diệp sợ hãi, xin hàng. Hỗn Điền cưới Liễu Diệp. Từ đó, Hỗn Điền và Liễu Diệp tiếp tục chinh phục các thành ấp, lập Vương quốc Phù Nam. Vương triều Phù Nam kể từ Hỗn Điền trải qua 14 đời vua. ● Nhận xét gì về Nhà nước Phù Nam qua đoạn tư liệu sau "Các quốc gia cổ Đồn Tốn, Xích Thổ, Chân Lạp đã phải thần phục Phù Nam, cống nạp và không được có quan hệ ngoại giao độc lập mà phải qua Phù Nam" (Theo Lương Ninh, *Vương quốc Phù Nam*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2009, tr.71)	**2. Văn minh Phù Nam** **a. Cơ sở hình thành** **b. Những thành tựu tiêu biểu** • ***Đời sống tinh thần*** - Chữ viết: Trên cơ sở tiếp nhận chữ Phạn của Ấn Độ, cư dân Phù Nam đã xây dựng hệ thống chữ viết riêng của mình. - Tín ngưỡng, tôn giáo + Tín ngưỡng: thờ đa thần, tiêu biểu là thần Mặt trời, tín ngưỡng phồn thực, sùng bái núi thiêng và nàng công chúa rắn…. + Tôn giáo: Tiếp thu Phật giáo, Hin – đu giáo từ Ấn Độ - Phong tục, tập quán: chôn cất người chết bằng nhiều hình thức: thủy táng, hỏa táng, địa táng, điểu táng. Khi có người qua đời, những người thân phải cạo đầu, cạo râu và mặc đồ trắng. • ***Tổ chức xã hội và Nhà nước*** **Tổ chức xã hội:** - Cư dân sống trong các xóm làng (phum, sóc) gồm nhiều gia đình cùng huyết thống,

Theo em, những nguyên nhân nào dẫn đến sự hùng mạnh của Vương quốc Phù Nam thời kì này? **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.93 - 94, thảo luận theo nhóm, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + Các nhóm sau khi hoàn thành xong nhiệm vụ cùng trưng bày sản phẩm học tập trên bảng + GV mời đại diện 1 – 2 nhóm thuyết trình về sản phẩm + GV mời nhóm khác nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi cho nhóm bạn **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. Sau đó tổ chức cho các nhóm (1 và 2; 3 và 4) chấm chéo sản phẩm của nhau. + GV cung cấp một số hình ảnh phản ánh đời sống tinh thần và tổ chức Nhà nước của văn minh Phù Nam ● Thành tựu chữ viết Bia đá khắc chữ Phạn cổ phát hiện ở Đồng Tháp, được tạo tác vào thời Phù Nam (khoảng thế kỷ 2 đến thế kỷ 3), được tìm thấy ở Tháp Mười (Đồng Tháp). Hiện vật đang được trưng bày trong Bảo tàng lịch sử Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh. Nội dung khắc trên bia mô tả về Thái tử Phù Nam Gu – na – var – man là một người có "tâm hồn cao thượng và trí thông minh….dù còn nhỏ tuổi, đã được chỉ định lãnh đạo một địa phương sùng đạo chinh phục trên bùn lầy, nhờ Ngài là người có đạo đức và phẩm hạnh". Việc phát hiện ra tấm bia đá là minh chứng cho sự xuất hiện chữ viết từ rất sớm của cư dân cổ Phù Nam ● Thành tựu về tôn giáo	cùng sinh sống trên một khu vực. - Xóm làng có quan hệ lỏng lẻo với nhau, bị chia cắt bởi rừng rậm, đầm lầy. **Tổ chức Nhà nước:** - Thời gian thành lập: thế kỉ I, là tập hợp của nhiều tiểu quốc - Thể chế: quân chủ chuyên chế, vua đứng đầu, có quyền lực tối cao. Giúp việc cho vua là hệ thống quan lại, tăng lữ

Hình 13.6. Tượng Phật điêu khắc đá (thuộc nền văn minh Phù Nam)

19.1. Tượng Phật

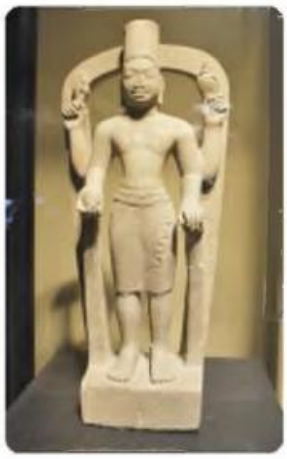

19.2. Tượng thần Vi-snu

Hình 19.1: Tượng Phật bằng gỗ thuộc văn hóa Óc Eo tìm thấy ở di tích Bình Hòa (Long An). Tượng Phật được làm từ gỗ bằng lăng, cao 134cm, nặng 73kg, có niên đại thế kỉ III – V. Tượng Phật được công nhận là bảo vật quốc gia năm 2013. Việc tìm thấy tượng Phật trên địa bàn các tỉnh Nam Bộ là minh chứng cho sự du nhập Phật giáo ở vương quốc Phù Nam.

Hình 19.2: Tượng thần Visnu tại di chỉ Gò Tháp Mười (Đồng Tháp). Đây là một trong hai tượng thần Visnu tìm thấy ở Đồng Tháp. Tượng được khai quật năm 1998, có niên đại vào khoảng thế kỉ VI, cao 149cm và được công nhận là bảo vật quốc gia năm 2013. Đây là tác phẩm điêu khắc đá cổ rất tinh xảo, được xem là một trong những tác phẩm Visnu đẹp nhất còn lại đến ngày nay của cư dân Phù Nam. Việc tìm thấy tượng thần Visnu trên địa bàn các tỉnh Nam Bộ là minh chứng cho sự phát triển của Hin – đu giáo thời vương quốc Phù Nam (cùng với Phật giáo)

● GV có thể trình chiếu video nói về sự thành lập và lớn mạnh một thời của Vương quốc Phù Nam, những nét độc đáo trong đời sống tinh thần của cư dân Phù Nam(link video: https://www.youtube.com/watch?v=cRGPSuycqlI)

● Sự suy tàn và biến mất của Vương quốc Phù Nam

Lãnh thổ Phù Nam vô cùng rộng lớn, gồm các dân tộc khác nhau, và đương nhiên sẽ dẫn đến bất bình đẳng giữa các sắc tộc.

Đến thế kỷ thứ 6, Phù Nam xảy ra cuộc chiến quyền lực giữa các hoàng tử khiến thế nước dần suy yếu. Người Khmer ở Chân Lạp (Campuchia ngày nay) nhân cơ hội này nổi dậy nhằm giành độc

lập cho dân tộc mình, đánh chiếm giành lại đất đai cho người Khmer rồi lan ra các vùng đất vốn thuộc cai quản của Phù Nam.s Vào năm 550, vua Chân Lạp là Trì Đà Tư Na (Citrasena) đem quân tiến đánh vào kinh thành Đặc Mục của Phù Nam. Vua Phù Nam bấy giờ là Lưu Đà Bạt Ma (Rudravarman) không chống đỡ nổi, phải bỏ kinh thành chạy sang thành Na Phất Na (Navanagara) Kinh thành Đặc Mục vốn là một trong những trung tâm văn hóa của thế giới, nơi hội tụ tinh hoa của cả vùng Đông Nam Á bỗng chốc bị phá hủy bởi người Khmer. Từ đó Phù Nam suy sụp không gượng dậy nổi, những thuộc quốc cũng ly khai khỏi Phù Nam. Tuy nhiên Phù Nam vốn là đế quốc có nền văn minh lâu đời nên không bị diệt ngay, phải đến thế kỷ thứ 8 (tức 2 thế kỷ sau) Chân Lạp mới dần dần chiếm trọn Phù Nam và sáp nhập vào Chân Lạp. Phù Nam phát triển rực rỡ nhờ giao thương hàng hải và giỏi trị thủy, nhưng người Khmer lại không giỏi việc này vì thế không kế tục được nhưng ưu thế vốn có mà Phù Nam để lại. Dù Chân Lạp sau này có phát triển nhưng tầm ảnh hưởng cũng chỉ trong khu vực Đông Nam Á, kém xa so với tầm ảnh hưởng thế giới của văn minh Phù Nam.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hoàn thành được bảng so sánh hai quốc gia Chăm pa và Phù Nam

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, thảo luận cặp đôi, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để hoàn thành phiếu học tập.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

So sánh những điểm giống và khác nhau giữa hai nền văn minh Chăm – pa và Phù Nam theo mẫu sau

		Văn minh Chăm - pa	**Văn minh Phù Nam**
Giống		- Tổ chức bộ máy Nhà nước - Hoạt động kinh tế - Đời sống vật chất - Đời sống tinh thần	
Khác	Hoạt động kinh tế		
	Đời sống tinh thần		

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV gọi 1 – 2 cặp HS báo cáo sản phẩm phiếu học tập trước lớp

+ GV mời cặp HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ GV chuẩn đáp án.

		Văn minh Chăm - pa	Văn minh Phù Nam
Giống		**- Tổ chức bộ máy Nhà nước:** quân chủ chuyên chế, vua đứng đầu nắm quyền lực tối cao. Thiết chế Nhà nước và tổ chức xã hội chịu ảnh hưởng sâu sắc từ văn minh Ấn Độ **- Hoạt động kinh tế:** + Thương mại đường biển phát triển + Ngoài ra còn có nông nghiệp lúa nước và thủ công nghiệp **- Đời sống vật chất:** + Nguồn thức ăn: chủ yếu lúa gạo, rau củ, thịt, các loại thủy hải sản + Nhà ở: chủ yếu nhà sản + Phương tiện đi lại: chủ yếu dùng thuyền **- Đời sống tinh thần:** + Đều có chữ viết riêng trên cơ sở chữ Phạn Ấn Độ + Có chung một số tín ngưỡng: tục phồn thực, súng bái tự nhiên… + Đều tiếp thu Hin – đu giáo và Phật giáo từ Ấn Độ	
Khác	Hoạt động kinh tế	Ngành khai thác lâm thổ sản, kĩ thuật đóng gạch xây tháp đặc biệt phát triển	Ngoại thương đường biển mang tầm cỡ quốc tế
	Đời sống tinh thần	Chôn cất người chết trong các mộ chum Văn học dân gian và văn học viết rất phát triển Nghệ thuật ca múa nhạc giữ vai trò quan trọng trong đời sống cộng đồng	Chôn cất người chết bằng nhiều hình thức: thủy táng, hỏa táng, địa táng, điểu táng. Tư duy thẩm mĩ cao, rất giỏi chế tác đồ trang sức, cư dân đặc biệt thích dùng đồ trang sức…

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm một số hình ảnh, tư liệu phản ánh thành tựu văn minh Văn Lang – Âu Lạc

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ (cá nhân), GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau: *Hãy đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu với bạn học về một di tích thuộc văn minh Chăm – pa hoặc văn minh Phù Nam còn tồn tại đến ngày nay.*
- GV yêu cầu HS thực hiện tại nhà, báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 12*

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II LỚP 10
MÔN LỊCH SỬ

I. MỤC ĐÍCH

1. Kiến thức

- Trình bày được các giai đoạn phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại
- Trình bày được cơ sở hình thành và thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang – Âu Lạc.
- Dẫn chứng được giá trị của văn minh Văn Lang – Âu Lạc còn tồn tai đến ngày nay.
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Chăm – pa và văn minh Phù Nam.
- So sánh được những điểm giống và khác nhau giữa ba nền văn minh: Văn Lang – Âu Lạc, Chăm – pa, Phù Nam.

2. Năng lực

- Năng lực tìm hiểu lịch sử
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử
- Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử

3. Phẩm chất:

– Trung thực: tự giác làm bài kiểm tra.
– Chăm chỉ: phát huy hết khả năng của mình.

II. HÌNH THỨC: Kết hợp trắc nghiệm và tự luận

III. MA TRẬN

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Văn minh Đông Nam Á	***Bài 11. Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại*** - Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á	2								5%
		- Thành tựu tín ngưỡng, tôn giáo - Văn tự và văn học. - Kiến trúc và điêu khắc	2		2	2/3		1/3			40%
		Bài 12. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc - Cơ sở hình thành văn minh Văn Lang – Âu Lạc - Thành tựu tiêu biểu của văn	2		1					1	22,5%

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
	Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam	minh Văn Lang – Âu Lạc: đời sống vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội và nhà nước									
2		***Bài 13: Văn minh Chăm – pa, văn minh Phù Nam*** - Thành tựu tiêu biểu của văn minh Chăm – pa, Phù Nam	2	1	1		2		1		37,5%
Tổng số câu			**8**	**0**	**4**	**1**	**3**	**1**	**1**	**1**	19
Tỉ lệ %			**40%**		**30%**		**20%**		**10%**		**100%**

IV. Xây dựng câu hỏi đề kiểm tra

BÀI 12: CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày được khái niệm văn minh Đại Việt.
- Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.
- Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực lịch sử

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ…nêu được khái niệm văn minh Đại Việt, cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt trên đường thời gian.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Trân trọng giá trị của văn minh Đại Việt, tự hào về truyền thống dân tộc
- Trách nhiệm:

+ Hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm

+ Có trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị văn minh Đại Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập

2. Học sinh: SGK, SBT

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS trả lời được các câu hỏi hàng ngang và ô chữ từ khóa hàng dọc thông qua trò chơi **ĐỐ VUI Ô CHỮ.**

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi, HS tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu thể lệ trò chơi: Có 14 ô chữ hàng ngang. HS giơ tay lựa chọn bất kì ô chữ hàng ngang để trả lời. Sau khi trả lời 5 ô chữ hàng ngang, HS có quyền giơ tay để trả lời ô chữ từ khóa hàng dọc.

Câu 1 (7 chữ cái): Công trình được vua Lý Thánh Tông cho xây dựng vào năm 1070 để thờ Khổng Tử.

Câu 2 (10 chữ cái): Công trình kiến trúc được xây dựng dưới thời Nguyễn trở thành biểu tượng của thủ đô Hà Nội

Câu 3 (11 chữ cái): Tác phẩm của Trần Hưng Đạo sáng tác nhằm cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân sĩ trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên

Câu 4 (10 chữ cái): Trường đại học đầu tiên của Việt Nam

Câu 5 (9 chữ cái): Công trình được xây dựng vào thời Lê sơ nhằm mục đích tôn vinh người tài

Câu 6 (10 chữ cái): Loại hình nghệ thuật biểu diễn đặc sắc phát triển từ thời Lý

Câu 7 (9 chữ cái): Tên gọi thành Đại La vào thời Lý

Câu 8 (13 chữ cái): Một trong "An Nam tứ đại khí" gắn liền với tứ linh

Câu 9 (6 chữ cái): Dòng văn học phát triển mạnh ở thế kỉ X – XV

Câu 10 (7 chữ cái): Hệ tư tưởng giữ vị trí độc tôn vào thời Lê sơ

Câu 11 (8 chữ cái): Thầy giáo nổi tiếng thời Trần đã dâng Thất trảm sớ

Câu 12 (7 chữ cái): Ông tổ nghề thuốc nam của Việt Nam

Câu 13 (8 chữ cái): Ông là chủ biên bộ Đại việt sử kí

Câu 14 (7 chữ cái): Tên gọi khác của Lũy Trường Dục

Ô chữ từ khóa: VĂN MINH ĐẠI VIỆT

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời lần lượt HS trả lời câu hỏi
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A										V	A	N	M	I	E	U	
B				C	O	T	C	O	H	A	N	O	I				
C			H	I	C	H	T	U	O	N	G	S	I				
D	Q	U	O	C	T	U	G	I	A	M							
E		B	I	A	T	I	E	N	S	I							
G				M	U	A	R	O	I	N	U	O	C				
H									T	H	A	N	G	L	O	N	G
I	C	H	U	O	N	G	Q	U	I	D	I	E	N				
K						C	H	U	H	A	N						
L						N	H	O	G	I	A	O					
M							C	H	U	V	A	N	A	N			
N						T	U	E	T	I	N	H					
O									L	E	V	A	N	H	U	U	
P							L	U	Y	T	H	A	Y				

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Ô chữ từ khóa mà các em vừa tìm ra là nội dung chính trong chủ đề bài học ngày hôm nay. Để hiểu rõ hơn về cơ sở hình thành và tiến trình phát triển của văn minh Đại Việt, cô trò chúng ta cùng bước vào bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm văn minh Đại Việt

a. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm văn minh Đại Việt

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi ; HS làm việc cá nhân, đọc nội dung thông tin mục 1, tr.95, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở khái niệm văn minh Đại Việt.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV nêu câu hỏi: *1. Quốc hiệu Đại Việt của nước ta có từ khi nào?* *2. Nền văn minh Đại Việt tồn tại trong khoảng thời gian nào? Gắn liền với những triều đại phong kiến nào?* *3. Vì sao văn minh Đại Việt còn được gọi là văn minh Thăng Long?* **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.95, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời 1 - 2 HS trả lời câu hỏi trên bảng + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**	**1. Khái niệm văn minh Đại Việt** - VM Đại Việt là những sáng tạo vật chất và tinh thần tiêu biểu trong kỉ nguyên độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt. - Thời gian tồn tại: từ X- giữa XIX, gắn liền với các triều đại: Khúc, Dương, Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ, Mạc, Lê Trung hưng, Tây Sơn, Nguyễn. - Kinh đô chủ yếu ở Thăng Long (Hà Nội)=> VM Thăng Long.

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu cơ sở hình thành văn minh Đại Việt

a. Mục tiêu: Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm. HS thảo luận nhóm, hoàn thành nhiệm vụ học tập trên giấy A0

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm nhóm của HS trên giấy A0

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 6 nhóm, sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn, giao nhiệm vụ cho các nhóm như sau *+ Nhóm 1 + 2: Trình bày cơ sở hình thành văn minh Đại Việt dựa trên sự kế thừa văn minh Văn Lang – Âu Lạc. Nêu một số dẫn chứng về sự kế thừa của văn minh Đại Việt trên nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc. Chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa văn minh Văn Lang – Âu Lạc với văn minh Đại Việt.* *+ Nhóm 3+ 4: Trình bày cơ sở hình thành văn minh Đại Việt dựa trên cơ sở nền độc lập, tự chủ quốc gia. Vì sao đây được coi là cơ sở quan trọng nhất? Việc Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về Thăng Long (Hà Nội) có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của văn minh Đại Việt?* *+ Nhóm 5 + 6: Trình bày cơ sở hình thành văn minh Đại Việt dựa trên cơ sở tiếp thu tinh hoa văn hóa bên ngoài. Nêu một số dẫn chứng cụ thể về sự tiếp thu tinh hoa văn hóa bên ngoài của cư dân Đại Việt. Việc tiếp thu đó có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của văn minh Đại Việt* **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.96, thảo luận theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + Sau 10 phút, các nhóm trưng bày sản phẩm trên bảng + GV mời đại diện 3 nhóm (tương ứng 3 nhiệm vụ khác nhau) trình bày sản phẩm. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (kĩ thuật 3 – 2 – 1), đặt câu hỏi thảo luận, phản hồi (kĩ thuật "5 xin") **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá sản phẩm từng nhóm, chuẩn kiến thức. **Nhóm 1 +2:**	**2. Cơ sở hình thành văn minh Đại Việt** **Kế thừa văn minh Văn Lang – Âu Lạc** - Văn minh Đại Việt có nguồn gốc sâu xa từ văn minh Văn Lang – Âu Lạc, được bảo tồn qua hơn 1000 năm Bắc thuộc - Những di sản, truyền thống của văn minh Văn Lang – Âu Lạc tiếp tục được phục hưng, phát triển trong thời kì văn minh Đại Việt **Dựa trên nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt** - 905, Khúc Thừa Dụ dựng quyền tự chủ bước đầu - 938, sau chiến thắng quân Nam Hán, Ngô Quyền xưng vương, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài - Năm 1010, Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Đại La (Thăng Long), đánh dấu bước tiến mới với sự phát triển mọi mặt của quốc gia Đại Việt - Trải qua các triều đại khác nhau, nên độc lập, tự chỉ được củng cố vững chắc. - Ý nghĩa: Độc lập, tự chủ tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển văn hóa với nhiều nét đặc sắc **Tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn minh bên ngoài** - Tiếp thu văn minh Trung Hoa (thể chế chính trị, luật pháp, chữ viết, tư tưởng Nho giáo, giáo dục, khoa cử…)

● *Một số dẫn chứng về sự kế thừa của văn minh Đại Việt trên nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc:* - Truyền thống dựng nước và giữ nước, quyết tâm giành độc lập, tự chủ của cư dân người Việt. - Kế thừa những phong tục tập quán, tín ngưỡng tốt đẹp từ thời Văn Lang – Âu Lạc: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, những người có công với làng với nước, những sinh hoạt lễ hội gắn liền với sản xuất nông nghiệp, nghệ thuật ca múa nhạc với các nhạc cụ truyền thống: trống đồng, chiêng, cồng, chuông…và được phát triển lên một tầm cao mới dưới thời văn minh Đại Việt. - Kế thừa những kĩ thuật trồng trọt, chăn nuôi, làm thủy lợi, cùng với các ngành nghề thủ công: trồng dâu nuôi tằm, đúc đồng, rèn sắt. Trên cơ sở kế thừa những kĩ thuật trên, hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp của văn minh Đại Việt có nhiều bước tiến rực rỡ. Như vậy, văn minh Văn Lang – Âu Lạc đã tạo tiền đề, bước đệm để văn minh Đại Việt kế thừa và nâng lên tầm cao mới ● *Những điểm giống và khác nhau giữa văn minh Văn Lang – Âu Lạc với văn minh Đại Việt.* Giống nhau: Đều là những giá trị vật chất, tinh thần do người Việt sáng tạo nên, gắn liền với nền nông nghiệp lúa nước Khác nhau: Văn minh Văn Lang – Âu Lạc là văn minh đầu tiên của người Việt Văn minh Đại Việt là sự kế thừa và phát triển của văn minh Văn Lang – Âu Lạc **Nhóm 3+ 4:** ● *Vì sao độc lập, tự chủ được coi là cơ sở quan trọng nhất?* - Có độc lập tự chủ thì mới có Nhà nước. Nhà nước có những chính sách phát triển những thành tựu văn minh - Độc lập, tự chủ tạo cơ sở tiếp thu văn hóa bên ngoài, kế thừa phát huy những thành tựu văn minh Văn Lang – Âu Lạc - Có độc lập, tự chủ, người dân mới có cuộc sống hòa bình để xây dựng, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống. Từ đó, tạo tiền đề vật chất để sáng tạo nên những giá trị văn hóa, văn minh… ● *Ý nghĩa của việc Lý Công Uẩn rời đô?* - Về chính trị: Chuyển vị thế đất nước từ phòng thủ sang thế phát triển lâu dài. Thăng Long là một vùng đất có	- Tiếp thu văn minh Ấn Độ (Phật giáo, nghệ thuật, kiến trúc…) - Ý nghĩa: góp phần làm phong phú văn minh Đại Việt

nhiều lợi thế để phát triển: đầu mối giao thông, buôn bán quan trọng, địa hình rộng rãi, nơi hội tụ giao lưu văn hóa, dễ điều hành, quản lý nhân dân; dễ dàng thu nguồn nhân lực vật lực từ nhân dân dể phục vụ bộ máy hành chính nhà nước và các giai cấp và tầng lớp thống trị. **- Về kinh tế:** là một nơi đồng bằng trù phú, địa hình bằng phẳng rộng rãi. cư dân đông đúc thuận lợi để phát triển nông nghiệp và nhiều ngành thủ công, thông qua việc giao lưu buôn bán qua nhiều con đường thủy bộ. Việc dời đô về Thăng Long tạo thuận lợi để phát triển nơi đây xứng tầm trở thành một kinh đô của quốc gia hùng mạnh, thể hiện ý chí tự cường dân tộc, tầm nhìn mang tính thời đại của Lý Công Uẩn. **Nhóm 5 + 6:** ● *Một số dẫn chứng về sự tiếp thu tinh hoa văn hóa bên ngoài của cư dân Đại Việt* - Tiếp thu văn minh Trung Hoa: + Thể chế chính trị: quân chủ chuyên chế, mô hình tổ chức bộ máy Nhà nước từ TW đến địa phương học theo mô hình Trung Hoa + Luật pháp: Được xây dựng dựa trên cơ sở luật pháp Trung Hoa (đặc biệt bộ luật dưới thời nhà Nguyễn gần như sao chép nguyên vẹn bộ luật Trung Hoa dưới thời nhà Thanh) + Chữ viết: sử dụng chữ Hán của Trung Quốc + Nho giáo được du nhập vào nước ta và trở thành hệ tư tưởng chính của chế độ PK Việt Nam, chi phối nội dung giáo dục, thi cử - Tiếp thu văn minh Ấn Độ: + Tiếp thu Phật giáo (dưới thời Lý – Trần, Phật giáo đặc biệt phát triển) + Ảhh hưởng của nghệ thuật, kiến trúc… *** GV trình chiếu hình ảnh, video minh họa làm sáng tỏ những nội dung phân tích trên:** hình ảnh dẫn chứng sự kế thừa văn minh Văn Lang – Âu Lạc; hình ảnh Lý Công Uẩn và chiếu dời đô; đô thị Thăng Long – Hà Nội qua các thời kì; hình ảnh Khổng Tử tại Văn Miếu – Quốc Tử giám, bài thơ Nam quốc sơn hà (chữ Hán), thơ đường luật; bộ luật dưới thời Nguyễn; Phật giáo, các công trình kiến trúc mang dấu ấn văn minh Ấn Độ….	

TIẾT 2

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu quá trình phát triển văn minh Đại Việt

a. Mục tiêu: Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt trên đường thời gian.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm. HS thảo luận nhóm, hoàn thành nhiệm vụ học tập trên giấy A0

c. Sản phẩm học tập: HS kẻ được vào vở ghi quá trình phát triển của văn minh Đại Việt trên đường thời gian.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập **** Nhiệm vụ 1: Trả lời câu hỏi để hoàn thiện sơ đồ trên đường trục thời gian*** GV thiết kế sơ đồ trống về tiến trình phát triển của văn minh Đại Việt qua các thời kì, sau đó nêu câu hỏi để HS trả lời nhằm hoàn thiện sơ đồ trên *1. Văn minh Đại Việt phát triển qua mấy giai đoạn? Đó là những giai đoạn nào?* *2. Trong thế kỉ X, văn minh Đại Việt gắn liền với các triều đại nào?* *3. Đặc trưng cơ bản của văn minh Đại Việt trong thế kỉ X là gì?* *4. . Trong các thế kỉ XI - XV, văn minh Đại Việt gắn liền với các triều đại nào?* *5. Đặc trưng cơ bản của văn minh Đại Việt trong các thế kỉ XI - XV là gì?* *6 . Trong các thế kỉ XV - XVII, văn minh Đại Việt gắn liền với các triều đại nào?* *7. Đặc trưng cơ bản của văn minh Đại Việt trong các thế kỉ XV - XVII là gì?* *8 . Trong các thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX, văn minh Đại Việt gắn liền với các triều đại nào?* *9. Đặc trưng cơ bản của văn minh Đại Việt trong các thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX là gì?* **** Nhiệm vụ 2: HS nhìn hình ảnh, thông tin hỗ trợ của GV để đoán tên những nhân vật có đóng góp nổi bật hoặc những thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt thời kì này*** ***Câu 1:*** Đây là khu di tích nào?	**3. Quá trình phát triển của văn minh Đại Việt** **Sơ đồ (phụ lục)**

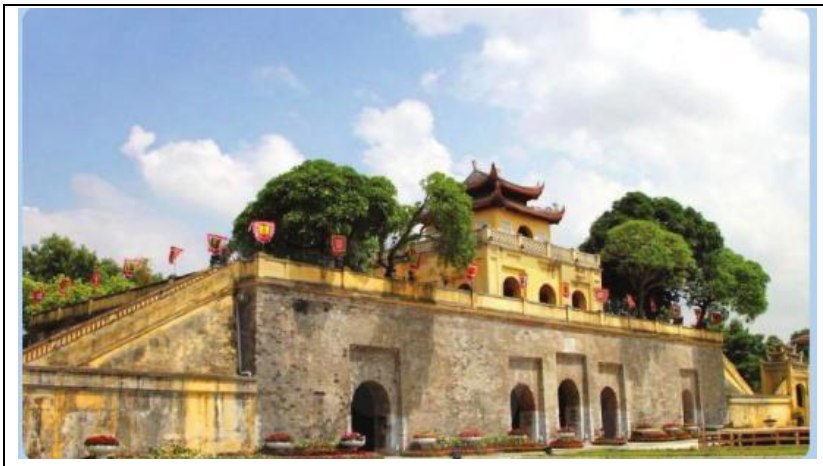

(Di tích Đoan Môn – cổng phía nam hoàng thành Thăng Long. Đây là thành tựu văn minh Đại Việt thế kỉ XI - XV)

Câu 2: Đây là biểu tượng của thủ đô Hà Nội

(Khuê Văn Các – thuộc quần thể di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám, được xây dựng thế kỉ XI, vương triều Lý)

Câu 3: Một công trình kiến trúc Phật giáo tiêu biểu được xây dựng dưới thời kì nhà Lý

(chùa Một Cột – xây dựng dưới vương triều Lý)

Câu 4: Đây là một di tích lịch sử - văn hóa của tỉnh Ninh Bình, xưa là kinh đô của các triều đại Đinh – Tiền Lê

(cố đô Hoa Lư)

Câu 5: Đây là một nhà toán học đại tài của Đại Việt xưa, được phong là Trạng Trình?

(Lương Thế Vinh)

Câu 6: Đây là người được nhân dân suy tôn là "vạn thế sư biểu"

(Chu Văn An)

Câu 7: Một trong những bậc minh quân vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam, người có công cải cách bộ máy hành chính Đại Việt theo hướng hoàn chỉnh và giải oan cho Nguyễn Trãi?

(Lê Thánh Tông)

Câu 8: Một di tích lịch sử - văn hóa của Việt Nam, xưa từng là kinh đô của triều đình Nguyễn

(cố đô Huế)

Câu 9: Đây là một kiệt tác văn học bằng chữ Hán, được coi là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của Việt Nam

Câu 10: Một làng nghề thủ công truyền thống về làm gốm của nước ta ở Hà Nội, hiện nay vẫn còn tồn tại và rất phát triển

 - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc thông tin SGK tr.97, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời lần lượt HS trả lời câu hỏi + GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, + GV mở rộng một số hiểu biết, giá trị của hoàng thành Thăng Long, cố đô Huế, cố đô Hoa Lư, những nhân vật nổi tiếng: Chu Văn An, Lương Thế Vinh, Lê Thánh Tông….để HS thấy được sự phát triển rực rỡ, toàn diện của văn minh Đại Việt.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được một số câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến cơ sở hình thành và các giai đoạn phát triển của văn minh Đại Việt

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau

Câu 1: Văn minh Đại Việt là những sáng tạo vật chất và tinh thần của cộng đồng dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam thời kì nào sau đây?

A. Thời kì Bắc thuộc.

B. Thời kì phong kiến độc lập (từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX).

C. Từ đầu Công nguyên đến giữa thế kì XIX.

D. Từ khi nhà nước đầu tiên xuất hiện đến giữa thế kỉ XIX.

Câu 2: Nội dung nào sau đây là đúng về văn minh Đại Việt?

A. Chỉ tiếp thu văn minh Trung Hoa.

B. Tiếp thu văn minh Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây,...

C. Không tiếp thu văn minh phương Tây.

D. Chỉ tiếp thu văn minh Đông Nam Á và Trung Hoa.

Câu 3: "Tam giáo đồng nguyên" là sự kết hợp hài hoà giữa các tư tưởng, tôn giáo nào sau đây?

A. Nho giáo - Phật giáo - Đạo giáo. B. Nho giáo - Phật giáo - Công giáo.
C. Phật giáo - Ấn Độ giáo - Công giáo. D. Phật giáo - Bà La Môn giáo - Nho giáo.

Câu 4: Chọn đáp án thích hợp điền vào chỗ trống ( ) để hoàn thiện câu dưới đây.

"Thời Lê trung hưng, văn minh Đại Việt phát triển theo xu hướng . và bước đầu tiếp xúc với văn minh..... ".

A. dân gian hoá/Ấn Độ. B. dân gian hoá/phương Đông.
C. cung đình hoá/phương Tây. D. dân gian hoá/phương Tây.

Câu 5: Văn minh Đại Việt thời Nguyễn có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

A. Tính đa dạng. B. Tính bản địa. C. Tính thống nhất. D. Tính vùng miền.

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi trắc nghiệm

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV gọi lần lượt HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn đáp án.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học, giải quyết bài tập tình huống

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ (cá nhân), GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bảo vật quốc gia là những hiện vật có giá trị văn hoá, lịch sử to lớn được Chính phủ nước Cộn hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận. Đến tháng 12 - 2021 đã có 10 đợt công nhận Bảo vật quốc gia. Trong đợt 1 (10 - 2012), Thủ tướng Chỉnh phủ đã kí quyết định công nhận 30 hiện vật sau đây là Bảo vật quốc gia: Trống đồng Ngọc Lũ; Trống đồng Hoàng Hạ; Thạp đồng Đào Thịnh; Tượng đồng hai người cõng nhau thổi khèn; Cây đèn đồng hình người quỳ; Trống đồng cảnh Thịnh; Án đồng Môn Hạ Sảnh Ắn; Bình gốm hoa lam vẽ thiên nga; cuốn *Đường Kách mệnh',* Tác phẩm *Ngục trung nhật kí',* Bản thảo *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến',* Bản thảo *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cà nước,* Bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Tượng Phật Đồng Dương; Tượng Nữ thần De-vi (Hương Quế); Tượng thần Vi-snu; Tượng Phật Lợi Mỹ; Tượng thần Su-ri a; Tượng Bồ tát Ta-ra; Đài thờ Mỹ Sơn E1; Đài thờ Trà Kiệu; Tượng Phật A Di Đà; Tượng Phật nghìn mắt nghìn tay; Bộ cửu vị thần công; Bộ cửu đỉnh; Pháo cao xạ 37 mm; Máy bay Mic 21 F96, số hiệu 5121; sồ trực ban chiến dịch Hồ Chí Minh; Xe tăng T59, số hiệu 843; Xe tăng T59, số hiệu 390.

(Nguồn: Cục Di sàn văn hoá)

Dựa vào các kiến thức đã học trong Chủ đề 6 và các tư liệu khác, em hãy:

1. Lựa chọn các Bảo vật quốc gia trên đây liên quan đến nền văn minh Đại Việt (trước năm 1858).
2. Lập bảng thông tin về các Bảo vật quốc gia ở mục 4.1 theo gợi ý dưới đây.

STT	Tên bảo vật	Niên đại	Nơi lưu giữ	Hình ảnh

1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
	?	?	?	?

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 13: Một số thành tựu của văn minh Đại Việt*

PHỤ LỤC

TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT TRÊN TRỤC THỜI GIAN

BÀI 13: MỘT SỐ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về chính trị, kinh tế, tư tưởng, tôn giáo, giáo dục, văn học, nghệ thuật.

- Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong LS dân tộc Việt Nam.

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về thành tựu của nền VM ĐV.

- Trân trọng giá trị của VMĐV, vận dụng để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá VN.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực lịch sử

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ…nêu được thành tựu cơ bản của văn minh Đại Việt.
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh nêu được những ưu điểm và hạn chế của văn minh Đại Việt; ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Trân trọng giá trị của văn minh Đại Việt, tự hào về truyền thống dân tộc

- Trách nhiệm:
+ Hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm
+ Có trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị văn minh Đại Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập

2. Học sinh: SGK, SBT

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi về một thành tựu của văn minh Đại Việt (được hỏi trong chương trình "Đường lên đỉnh Ôlympia" trận chung kết năm 2022.

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, HS trả lời cá nhân

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu vấn đề: Trong chương trình "Đường lên đỉnh Olympia", trận chung kết năm 2022 được tổ chức vào ngày 2/10; tại phần thi "Về đích", thí sinh Vũ Bùi Đình Tùng (trường THPT chuyên Trần Phú – Hải Phòng) có nhận được 1 câu hỏi như sau: "Tấm bản đồ địa lý nào của nước ta vẽ khoảng năm 1838, có ghi hai tên "Hoàng Sa" và "Vạn lý Trường Sa" thuộc lãnh thổ Việt Nam? Với câu hỏi này, Vũ Bùi Đình Tùng đã xuất sắc giành trọn vẹn 20 điểm? Vậy, câu trả lời của Đình Tùng là gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS trả lời câu hỏi
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức: Đại Nam nhất thống toàn đồ
- GV dẫn dắt vào bài học: *Tấm bản đồ trên là một trong những thành tựu về khoa học của văn minh Đại Việt. Đó là một trong những cơ sở quan trọng giúp Việt Nam tiếp tục đấu tranh về mặt pháp lý để bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay. Vậy, trong suốt gần 1000 năm tồn tại, văn minh Đại Việt còn đạt được những thành tựu rực rỡ và toàn diện nào khác? Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta có thêm những hiểu biết về nền văn minh trên.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu thành tựu về chính trị của văn minh Đại Việt

a. Mục tiêu: Nêu được thành tựu về chính trị của văn minh Đại Việt

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi ; HS làm việc cá nhân/ thảo luận cặp đôi, đọc nội dung thông tin mục 1, tr.99 - 100, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở thành tựu về chính trị của văn minh Đại Việt.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập *** Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về tổ chức bộ máy nhà nước** GV nêu câu hỏi: *1. Từ thế kỉ X – giữa thế kỉ XIX, các triều đại phong kiến Đại Việt đã tổ chức bộ máy nhà nước theo mô hình nào?Việc xây dựng bộ máy nhà nước theo mô hình đó là do ảnh hưởng từ quốc gia nào?* *2. Mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế được xây dựng từ triều đại nào và phát triển lên đến đỉnh cao dưới triều đại nào?* *3. Nêu một số đặc điểm chung cơ bản của mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế* *** Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu thành tựu luật pháp của văn minh Đại Việt** GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi *1. Vì sao các triều đại phong kiến lại ban hành luật pháp?* *2. Kể tên một số bộ luật tiêu biểu của nước ta thời phong kiến?* *3. Điểm chung của các bộ luật thời Lý, Trần, Lê sơ, Nguyễn là gì?* **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.99 - 100, làm việc cá nhân/thảo luận cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời 1 - 2 HS trả lời câu hỏi + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	**1. Thành tựu cơ bản** **a. Chính trị** ❖ **Tổ chức bộ máy nhà nước** - Mô hình nhà nước: chuyên chế trung ương tập quyền (tiếp thu từ mô hình Trung Quốc) - Bước đầu được xây dựng từ các triều Đinh – Tiền Lê, sau đó ngày càng hoàn thiện và phát triển đỉnh cao dưới thời Lê sơ, đặc biệt từ thời vua Lê Thánh Tông. - Đặc điểm: nhà vua đứng đầu, nắm quyền lực tối cao, cha truyền con nối. Dưới vua là hệ thống các cơ quan văn phòng và quan lại giúp việc - Cấp địa phương: **b. Luật pháp** - Các bộ luật tiêu biểu: + Thời Lý: bộ Hình thư 1042 (thời Lý) -> Bộ luật thành văn đầu tiên + Thời Trần: bộ Hình luật (1230). + Thời Lê sơ: bộ Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức) 1483. + Thời Nguyễn: Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long) ban hành 1815. - Nội dung:

+ GV nhấn mạnh: Tuy đều xây dựng mô hình nhà nước chuyên chế trung ương tập quyền, nhưng mỗi triều đại cũng có đặc trưng riêng. Thời nhà Lý, thiết chế tập quyền vẫn mang tính thân dân. Từ thời Lê sơ trở về sau mang tính quan liêu và chuyên chế cao. Trong tiến trình phát triển, các triều đại phong kiến có đặt ra yêu cầu cải cách. Tiêu biểu là cải cách của Hồ Quý Ly (cuối XIV – đầu XV), của vua Lê Thánh Tông (cuối XV), của vua Minh Mạng (giữa thế kỉ XIX) + GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê Thánh Tông, nêu câu hỏi: *Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê Thánh Tông như thế nào? Vai trò của vua, các quan đại thần và các cơ quan văn phòng, hành chính, giám sát, chuyên môn ra sao?* Từ đó, giúp HS rút ra nhận xét: tổ chức bộ máy nhà nước theo thể chế quân chủ chuyên chế và điển hình thời PK Đại Việt, được tổ chức chặt chẽ, thống nhất từ TW đến địa phương. + GV dẫn chứng một số điều luật cụ thể, yêu cầu HS rút ra nội dung, vai trò của luật pháp thông qua các điều luật đó ● "Những người tự tiện giết trâu ngựa thì xử phạt 80 trượng và phải nộp tiền giá con trâu ngựa ấy vào công khố" (Điều 580, bộ Quốc triều hình luật)→bảo vệ sức kéo cho nông nghiệp ● "Khi xa giá vua đi qua mà xông vào hàng người đi theo thì xử tội đồ, nếu xông vào đội cận vệ thì xử chém. Lầm lỡ thì giảm một bậc" (Luật Hồng Đức) →bảo vệ nhà vua ● "Bán ruộng đất ở biên cương cho người ngoại quốc thì xử chém" (Luật Hồng Đức) → bảo vệ lãnh thổ, chủ quyền quốc gia ● "Đào trộm đê đập làm thiệt hại nhà cửa, lúa má thì xử đồ, lưu, bắt đền tổn hại" (Luật Hồng Đức) → bảo vệ quyền lợi chân chính cho nhân dân ● "Phàm chồng đã bỏ lửng vợ năm tháng không đi lại (vợ được trình với quan sở tại và quan xã làm chứng) thì mất vợ. Nếu vợ đã có con thì hạn một năm. Vì việc quan đi xa thì không theo luật này. Nếu đã bỏ vợ mà lại ngăn cản người khác lấy vợ của mình thì phải tội biếm (Điều 308, Luật Hồng Đức)" → bảo vệ quyền lợi người phụ nữ ● "Chồng chết con còn nhỏ, vợ tái giá mà bán điền sản của con, cha mẹ còn sống mà bán trộm điền sản, người trong họ tự tiện bán ruộng của đứa cháu mồ côi, đều bị xử phạt" (Luật Hồng Đức) → bảo vệ quyền sở hữu ruộng đất cho trẻ em và người già	+ Bảo vệ quyền lực của vua, quý tộc, quan lại + Bảo vệ sức kéo trong nông nghiệp + Bảo vệ quyền lợi của nhân dân, trong đó có quyền lợi của phụ nữ.

→Từ đó, GV nhấn mạnh sự tiến bộ của bộ Luật Hồng Đức. Đây được coi là bộ luật điển hình của nước ta thời PK, thể hiện tính nhân văn, chuẩn mực…	

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu thành tựu về kinh tế của văn minh Đại Việt

a. Mục tiêu: Nêu được thành tựu về kinh tế của văn minh Đại Việt

b. Nội dung: GV chia lớp thành 3 nhóm, thiết kế sơ đồ tư duy trên cơ sở từ khóa được cung cấp; HS thảo luận theo nhóm, đọc nội dung thông tin mục 2, tr.101 - 103, hoàn thành sơ đồ tư duy và lên thuyết trình.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tư duy và bài thuyết trình của HS

d. Tổ chức hoạt động:

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH</th><th>KIẾN THỨC CẦN ĐẠT</th></tr>
<tr><td>
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV chia lớp thành 3 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm như sau
Nhóm 1: Thiết kế 1 sơ đồ tư duy thể hiện thành tựu về nông nghiệp của văn minh Đại Việt. Trong sơ đồ tư duy gồm 3 nội dung chính:
● Liệt kê các chính sách, việc làm của Nhà nước và nhân dân để phát triển nông nghiệp
● Những biểu hiện của sự phát triển nông nghiệp
● Tác dụng của những thành tựu trong lĩnh vực nông nghiệp đối với sự phát triển văn minh Đại Việt.
Thiết kế sơ đồ tư duy sử dụng hệ thống từ khóa sau
<table>
<tr><td>KHAI HOANG</td><td>QUÂN ĐIỀN</td><td>NGỤ BINH Ư NÔNG</td></tr>
<tr><td>MIỄN GIẢM THUẾ</td><td>ĐẮP ĐÊ</td><td>CẤM GIẾT TRÂU BÒ</td></tr>
<tr><td>HÀ ĐÊ SỨ, KHUYẾN NÔNG SỨ, ĐỒN ĐIỀN SỨ</td><td>LÚA NƯỚC</td><td>SẮT</td></tr>
<tr><td>ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG</td><td>MỞ RỘNG LÃNH THỔ</td><td>TĂNG NĂNG SUẤT</td></tr>
</table>
Nhóm 2: Thiết kế 1 sơ đồ tư duy thể hiện thành tựu về thủ công nghiệp của văn minh Đại Việt. Trong sơ đồ tư duy gồm 3 nội dung chính:
● Những minh chứng cho sự phát triển thủ công nghiệp của văn minh Đại Việt
● Tác động của thủ công nghiệp đối với sự phát triển văn minh Đại Việt
● Những làng nghề thủ công truyền thống với sức sống trường tồn đến ngày nay? Những hành động nhỏ của em
</td><td>
b. Kinh tế
❖ Nông nghiệp
* Các chính sách, việc làm của nhà nước
- Đắp đê
- Tổ chức khai hoang
- Quân điền
- Ngụ binh ư nông
- Miễn giảm thuế
- Nghiêm cấm giết trâu bò
* Thành tựu
- Cây trồng chính là lúa nước, ngoài ra còn có ngô, khoai, sắn
- Phương thức, kĩ thuật canh tác có nhiều bước tiến: công cụ lao động bằng sắt, sức kéo của trâu bò, thâm canh hai, ba vụ một năm…
* Ý nghĩa:
- Đảm bảo đời sống người dân
- Mở rộng lãnh thổ, tăng cường khả năng phòng thủ đất nước
- Tạo điều kiện cho thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển
❖ Thủ công nghiệp
* Thủ công nghiệp dân gian
- Xuất hiện nhiều ngành nghề: dệt lụa, làm gốm, rèn sắt, đúc đồng, làm giấy, nhuộm vải, làm tranh sơn mài…
- Từ thế kỉ XVI – XVII, xuất hiện nhiều làng nghề thủ công nổi tiếng:
</td></tr>
</table>

góp phần giữ gìn và phát triển những làng nghề thủ công đó.

Thiết kế sơ đồ tư duy sử dụng hệ thống từ khóa sau

DÂN GIAN	NHÀ NƯỚC	NHIỀU NGÀNH NGHỀ
LÀNG NGHỀ	CỤC BÁCH TÁC, QUAN XƯỞNG	PHỤC VỤ NHÀ NƯỚC
NHU CẦU NHÂN DÂN	TRAO ĐỔI	BÁT TRÀNG
CHU ĐẬU	TÌM HIỂU, THAM QUAN	QUẢNG BÁ

Nhóm 3: Thiết kế 1 sơ đồ tư duy thể hiện thành tựu về thương nghiệp của văn minh Đại Việt. Trong sơ đồ tư duy gồm 3 nội dung chính:

● *Những minh chứng cho sự phát triển thương nghiệp của văn minh Đại Việt*

● *Vì sao nói: nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thương nghiệp? Lĩnh vực này có được các triều đại phong kiến đặc biệt quan tâm hay không? Vì sao?*

● *Vai trò của các đô thị đối với sự phát triển của văn minh Đại Việt*

Thiết kế sơ đồ tư duy sử dụng hệ thống từ khóa sau

CHỢ	KINH ĐÔ THĂNG LONG	MẶT HÀNG
PHƯƠNG ĐÔNG	PHƯƠNG TÂY	CẢNG BIỂN
MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG	ĐÔ THỊ	VỊ TRÍ THUẬN LỢI
KHÔNG ĐƯỢC CHÚ TRỌNG	DĨ NÔNG VI BẢN	TRUNG TÂM KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA

GV thiết kế phiếu đánh giá sản phẩm hoạt động nhóm để các nhóm đánh giá chéo sản phẩm của nhau như sau

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM
HOẠT ĐỘNG NHÓM

Nhóm được đánh giá:…….

Nhóm đánh giá:……..

Tiêu chí đánh giá	**Điểm tối đa**	**Điểm của nhóm đánh giá**

dệt La Khê, gốm Bát Tràng, gốm Chu Đậu…

*** Thủ công nghiệp nhà nước**

- Thành lập Cục Bách tác và các quan xưởng tại Thăng Long, chuyên phục vụ nhà nước, vua, quan…
- Hoạt động sản xuất chủ yếu: đúc tiền, đóng thuyền, sản xuất vũ khí…

*** Ý nghĩa**

- Đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong nước
- Tạo ra nhiều mặt hàng quan trọng để trao đổi với thương nhân bên ngoài

❖ **Thương nghiệp**

*** Nội thương**

- Chợ làng, chợ huyện được hình thành và phát triển mạnh
- Kinh đô Thăng Long với 36 phố phường trở thành trung tâm buôn bán sầm uất dưới thời Lý, Trần, Lê sơ…

*** Ngoại thương**

- Buôn bán với các nước phương Đông: Gia – va, Xiêm, Ấn Độ, Trung Hoa, với nhiều mặt hàng phong phú: lụa, vải, hương liệu, ngà voi….
- Từ thế kỉ XVI: buôn bán với cả thương nhân phương Tây (Bồ Đào Nha, Hà Lan, Pháp…)
- Hình thành các địa điểm trao đổi hàng hóa: cảnh Vân Đồn (Quảng Ninh), Lạch Trường (Thanh Hóa)…

*** Ý nghĩa**

- Góp phần mở rộng thị trường trong nước
- Thúc đẩy sự hưng thịnh của các đô thị và cảng thị: Thăng Long (Hà Nội), Phố Hiến (Hưng Yên), Thanh Hà (Huế), Hội An (Quảng Nam)…

Sơ đồ tư duy thiết kế đảm bảo đầy đủ, chính xác nội dung	5	
Hình thức sơ đồ tư duy đẹp, hài hòa, dễ quan sát	2	
Thuyết trình hấp dẫn, sinh động, có sự tương tác với người nghe	3	

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin SGK tr.101 - 102, thảo luận theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập.

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Hết thời gian thảo luận, các nhóm trưng bày sản phẩm

+ GV mời đại diện 3 nhóm thuyết trình

+ GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung, đặt câu hỏi tương tác

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

+ GV tổ chức cho các nhóm chấm chéo sản phẩm của nhau và đưa ra đánh giá cuối cùng

+ GV cung cấp thêm thông tin, hình ảnh về sự phát triển kinh tế Đại Việt: lễ cày tịch điền (xưa và nay), các sản phẩm đồ gốm; gạch in chữ Đại Việt quốc quân thành chuyên thời Đinh – Tiền Lê; bát đĩa thời Lê sơ, tiền đồng thời Lê sơ, thạp gốm thời Lý, châu ấn trạng do Mạc Phủ (Nhật Bản) cấp năm 1614, cho phép thuyền nước này đến buôn bán Đàng Trong, các thương cảng, đô thị lớn của nước ta…thời kì này.

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu thành tựu về văn hóa của văn minh Đại Việt

a. Mục tiêu: Nêu được thành tựu về văn hóa của văn minh Đại Việt

b. Nội dung: GV chia lớp thành 3 nhóm, cùng tham gia hệ thống các trò chơi: NHÀ HÙNG BIỆN TÀI BA, TIẾP SỨC, NHÀ SỬ HỌC THÔNG THÁI; HS tham gia trò chơi theo nhóm, chủ động chiếm lĩnh tri thức

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS; HS ghi được vào vở những thành tựu về văn hóa của văn minh Đại Việt

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 3 nhóm, lần lượt thực hiện các nhiệm vụ sau *** Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thành tựu về tư tưởng, tôn giáo.**	**c. Tư tưởng, tôn giáo.** **Tư tưởng:** - Tư tưởng yêu nước thương dân, lấy dân làm gốc, thông qua việc quan tâm đến sản xuất và đời sống nhân dân của nhà nước

Giáo viên tổ chức trò chơi "NHÀ HÙNG BIỆN TÀI BA" (ĐIỂM TỐI ĐA: 30 ĐIỂM) - GV xây dựng 3 mảnh ghép, gồm: mảnh ghép về tư tưởng, mảnh ghép về tôn giáo, mảnh ghép về tín ngưỡng. + Mảnh ghép tư tưởng: giáo viên cung cấp hai từ khóa: LẤY DÂN LÀM GỐC; NHO GIÁO + Mảnh ghép tôn giáo: giáo viên cung cấp ba từ khóa: PHẬT GIÁO, ĐẠO GIÁO, CÔNG GIÁO - 3 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về các từ khóa của 1 mảnh ghép trong thời gian 5 phút (nhóm 1: mảnh ghép về tư tưởng, nhóm 2 mảnh ghép về tôn giáo, nhóm 3 mảnh ghép về tín ngưỡng). Sau đó, các nhóm cử đại diện lên thuyết trình, giải thích các từ khóa trên dựa trên tài liệu SGK và hiểu biết của bản thân. - Sau khi HS thuyết trình, với mỗi mảnh ghép, GV cung cấp 3 video (tư tưởng Nho giáo, Phật giáo, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên) nhằm làm sáng tỏ những thành tựu nổi bật về tư tưởng, tôn giáo, tín ngưỡng của văn minh Đại Việt *** Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu thành tựu giáo dục của văn minh Đại Việt** **Giáo viên tổ chức trò chơi "TIẾP SỨC" (ĐIỂM TỐI ĐA: 24 ĐIỂM)** GV xây dựng phiếu học tập trên giấy A0 về thành tựu giáo dục của văn minh Đại Việt **(phần phụ lục 1),** cung cấp các từ cho sẵn để điền vào chỗ trống cho 3 nhóm. Lần lượt học sinh nối tiếp nhau lên dán các từ khóa vào chỗ trống (trên giấy A0) sao cho đúng *** Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu thành tựu văn học của văn minh Đại Việt** **Giáo viên tổ chức trò chơi "NHÀ SỬ HỌC THÔNG THÁI" (ĐIỂM TỐI ĐA: 30 ĐIỂM)** GV đưa ra các câu hỏi ngắn, các hình ảnh, video về thành tựu chữ viết, văn học. Nhóm nào phất cờ trước, nhóm đó giành quyền trả lời. Câu 1: Người Việt đã tiếp thu chữ viết nào của Trung Quốc? (chữ Hán) Câu 2: Trên cơ sở chữ Hán của Trung Quốc, người Việt đã sáng tạo ra chữ viết riêng của mình, gọi là chữ…. (chữ Nôm) Câu 3: Vương triều nào đã khuyến khích và đề cao chữ Nôm trong thi cử? (Vương triều Hồ và Tây Sơn)	- Nho giáo là hệ tư tưởng chính thống của các triều đại phong kiến, góp phần quan trọng vào giáo dục, thi cử, đào tạo nhân tài Tôn giáo - Phật giáo: + Du nhập từ thời Bắc thuộc, phát triển mạnh dưới thời Lý – Trần + Ở các làng, chùa trở thành trung tâm sinh hoạt văn hóa, là nơi dạy chữ, tổ chức hội hè - Đạo giáo: được duy trì, phát triển trong dân gian, được các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý coi trọng - Hồi giáo, Công giáo: được du nhập vào nước ta từ thế kỉ XIII – XVI **d. Giáo dục** *** Giáo dục** - Mục tiêu: đào tạo quan lại cho bộ máy chính quyền. - Thành tựu + Năm 1070, nhà Lý cho dựng Văn Miếu, thờ Khổng Tử. + Năm 1075, triều đình mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn nhân tài. + Năm 1076, nhà Lý cho xây dựng Quốc Tử giám để dạy học cho hoàng tử, công chúa. Đây được coi là trường đại học đầu tiên của nước ta. + Từ thời Trần, triều đình lập Quốc học viện cho con em quan lại học tập. Từ thời Lê sơ, con em bình dân học giỏi cũng được đi học, đi thi. Nhà nước tăng cường khuyến khích nhân dân học tập, tiêu biểu như việc ban Chiếu khuyến học thời Tây Sơn. *** Khoa cử** - Vai trò: trở thành phương thức tuyển chọn quan lại thường xuyên. - Thành tựu: + Năm 1247, nhà Trần đặt danh hiệu Tam khôi dành cho những người đỗ đầu trong kì thi Đình, tiêu biểu như Nguyễn Hiền, Lê Văn Hưu…. Đặc

Câu 4: Đến thế kỉ XVII, loại chữ viết nào được hình thành ở nước ta và trở thành chữ viết chính thức của người Việt hiện nay? (chữ Quốc ngữ) Câu 5: Chữ quốc ngữ được hình thành ban đầu nhằm mục đích gì? (Truyền đạo) Câu 6: Đoạn video sau đề cập đến tác phẩm nào? Của ai? (Chiếu dời đô – Lý Thái Tổ) Câu 7: Tác phẩm nào ra đời trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý, nội dung khẳng định chủ quyền của dân tộc Đại Việt? (Nam quốc sơn hà) Câu 8: Tên tác phẩm được viết để khuyên răn tướng sĩ học tập, rèn luyện võ nghệ, binh pháp chống quân Nguyên xâm lược? Câu 9: Tác phẩm nào được soạn thảo để tuyên cáo về việc giành chiến thắng trong cuộc kháng chiến với nhà Minh, khẳng định sự độc lập của nước Đại Việt? Câu 10: Tên một bộ tiểu thuyết lịch sử nổi tiếng của Ngô gia văn phái viết vào thế kỉ XVIII? Câu 11: Những thông tin sau gợi chúng ta liên tưởng đến tác phẩm nào? - Tập thơ Nôm của Nguyễn Trãi, cũng là tập thơ Nôm cổ nhất, phong phú nhất của Việt Nam còn lại đến nay. - Gồm 254 bài chia thành 4 mục, đa phần không có nhan đề. (Quốc âm thi tập – Nguyễn Trãi) Câu 12: Những hình ảnh sau gợi chúng ta liên tưởng đến tác phẩm nào? (Bạch Vân quốc ngữ thi tập – Nguyễn Bỉnh Khiêm) Câu 13: Tác phẩm nào được viết bằng chữ Nôm theo thể lục bát gồm 3.254 câu, khắc họa số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến? (Truyện Kiều – Nguyễn Du) Câu 14: Tác phẩm nào là một cuốn tiểu thuyết về luân lý, cốt bàn đạo làm người với quan niệm *văn dĩ tải đạo*. Tác giả muốn đem gương người xưa mà khuyên người ta về cương thường – đạo nghĩa? (Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu) Câu 15: Kể tên ít nhất ba câu truyện cổ tích của Việt Nam mà em biết? (Tấm Cám, Cây khế, Cây tre trăm đốt…)	biệt có Mạc Đĩnh Chi được phong là "Lưỡng quốc trạng nguyên". + Năm 1484, vua Lê Thánh Tông quyết định cho dựng bia ghi tên những người đỗ Tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám. **e. Văn học** - Văn học chữ Hán: + Tác phẩm tiêu biểu: Chiếu dời đô (Lý Thái Tổ), Nam quốc sơn hà, Hịc tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn), Bình ngô đại cáo (Nguyễn Trãi), tiêu thuyết chương hồi Hoàng lê nhất thống chí (Ngô gia văn phái)… + Nội dung: thể hiện tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc - Văn học chữ Nôm: + Xuất hiện từ thế kỉ XIII, phát triển mạnh từ thế kỉ XV – XIX + Tác phẩm tiêu biểu: Quốc âm thi tập – Nguyễn Trãi, Bạch vân quốc ngữ thi tập – Nguyễn Bỉnh Khiêm, Truyện Kiều – Nguyễn Du, Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu… + Nội dung: ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước, con người, phê phán một bộ phận quan lại, cường hào, bất công xã hội… - Văn học dân gian: phong phú như thơ ca, tục ngữ, hò vè, truyện cổ tích…

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc thông tin SGK tr.103 - 105, tham gia trò chơi theo nhóm + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + Các nhóm lần lượt lên thuyết trình, thực hiện trò chơi tiếp sức, nhà sử học thông thái +Các nhóm tổ chức tính điểm sau mỗi phần chơi. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + GV tổng kết hoạt động nhóm	

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu thành tựu về văn hóa của văn minh Đại Việt

a. Mục tiêu: Nêu được thành tựu về văn hóa của văn minh Đại Việt trên các lĩnh vực khoa học – kĩ thuật, nghệ thuật

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi, HS tham gia cá nhân để chủ động chiếm lĩnh tri thức

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS; HS ghi được vào vở thành tựu về khoa học – kĩ thuật và nghệ thuật của văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập *** Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thành tựu nghệ thuật của văn minh Đại Việt** GV tổ chức trò chơi "ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ", trình chiếu hình ảnh, video để HS đoán tên những thành tựu kiến trúc, điêu khắc, âm nhạc, sân khấu, lễ hội của văn minh Đại Việt Câu 1: Một loại hình sân khấu hình thành vào thế kỉ X (nhà Đinh)? *(chèo)* *Câu 2:* Em đang thấy công trình kiến trúc nào của nước ta?	**g. Nghệ thuật** - Kiến trúc: + Cung điện, thành quách: Hoàng thành Thăng Long, thành nhà Hồ, thành Lam Kinh, thành nhà Mạc, Đại nội Huế, thành Gia Định… + Kiến trúc tôn giáo: hệ thống chùa chiền: chùa Một Cột, chùa Trấn Quốc, chùa Thiên Mụ, chùa Phật Tích… + Kiến trúc đình làng: đình làng Thạch Lỗi (Hưng Yên), đình làng Đình Bảng (Bắc Ninh)… - Điêu khắc: hoa sen, hoa cúc, lá đề…., đặc biệt tượng rồng qua các triều đại. - Âm nhạc: nhạc dân gian, nhạc cung đình với các nhạc cụ phong phú: trống, đàn bầu, sáo, tiêu, đàn tranh, đàn nguyệt, đàn tì bà… - Nghệ thuật sân khấu: hát chèo, hát tuồng, quan họ, ví giặm, hát ả đào, hát xẩm…

(Thành nhà Hồ)

Câu 3: Ngôi chùa có kiến trúc độc đáo, gắn liền với giấc mơ của Lý Thái Tông được Quan Âm bồ tát dắt lên đài hoa sen (1049)

(chùa Một Cột)

Câu 4 (3 chữ cái)s: Đây là 1 nhạc cụ truyền thống của văn minh Đại Việt?

(Sáo)

Câu 5 (8 chữ cái): Đây là 1 nhạc cụ truyền thống của văn minh Đại Việt?

- Lễ hội: hội mùa, Tết Nguyên đán, lễ tịch điền, tết Thanh minh, tết Đoan Ngọ…
- Trò chơi dân gian: Đấu vật, đua thuyền…

(Đàn tranh)

Câu 6 (9 chữ cái): Đây là 1 nhạc cụ truyền thống của văn minh Đại Việt?

(Đàn tì bà)

Câu 7 (9 chữ cái): Đây là 1 nhạc cụ truyền thống của văn minh Đại Việt?

(Đàn nguyệt)

(chùa Trấn Quốc)

Câu 7 (11 chữ cái): Đây là 1 loại hình nghệ thuật sân khấu của văn minh Đại Việt?

(Dân ca quan họ)

Câu 8: (11 chữ cái): Đây là 1 loại hình nghệ thuật sân khấu của văn minh Đại Việt?

(Múa rối nước)

Câu 9 (10 chữ cái) Đây là lễ tết nào ở Việt Nam?

(Tết Đoan ngọ)

(Đình làng Đình Bảng – Bắc Ninh)

Câu 10 (6 chữ cái): Đây là trò chơi dân gian nào của Việt Nam trong các dịp lễ hội?

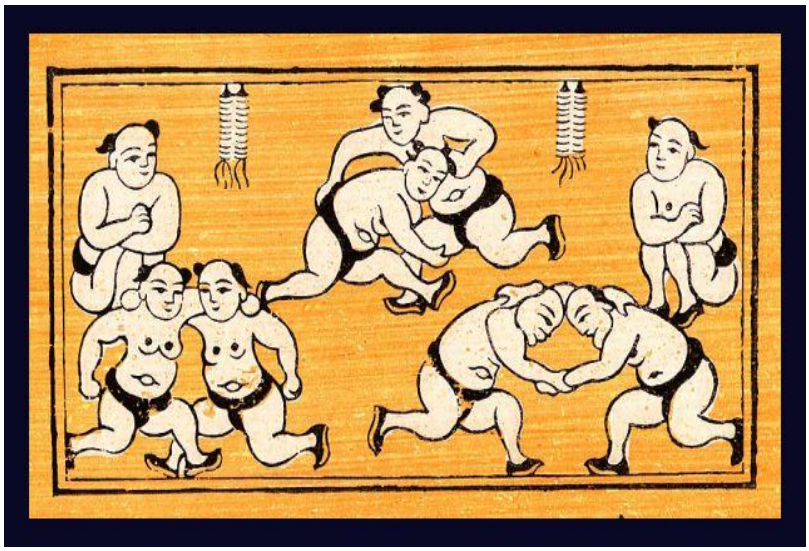

Câu 11 (9 chữ cái): Đây là trò chơi dân gian nào của Việt Nam trong các dịp lễ hội?

(đua thuyền)

Câu 12(7 chữ cái): Đây là 1 loại hình nghệ thuật sân khấu của văn minh Đại Việt?

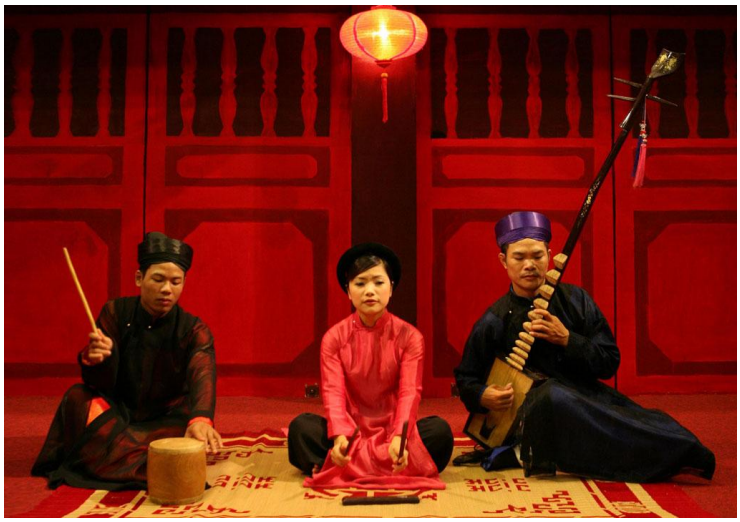

(hát ả đào)

Câu 13: Đây là 1 công trình kiến trúc nào?

(chùa Thiên Mụ)

Câu 14 (11 chữ cái): Đây là 1 công trình kiến trúc nào?

(chùa Trấn Quốc)

Câu 15 (6 chữ cái): Một trong những di tích kiến trúc thời Nguyễn trong quần thể cố đô Huế có nghĩa là cổng chính phía Nam?

(Ngọ Môn)

*** Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu thành tựu về khoa học – kĩ thuật của văn minh Đại Việt**

GV tổ chức trò chơi "THỬ TÀI TRÍ NHỚ". - Học sinh cùng đọc SGK, bảng 15. *Thành tựu tiêu biểu về khoa học – kĩ thuật* trong 3 phút (cá nhân), sau đó HS gấp SGK. - GV trình chiếu bảng trống các thành tựu tiêu biểu về khoa học – kĩ thuật trên các lĩnh vực: Sử học, Địa lý, Quân sự, Y học, Toán học, Kĩ thuật. - HS thử tài trí nhớ của mình. Mỗi HS sẽ nêu một thành tựu trên một lĩnh vực bất kì nào đó mà các em nhớ được. GV có thể tuyên dương, thưởng điểm cho HS giơ tay trả lời đúng được nhiều thành tựu nhất. - Giáo viên chuẩn kiến thức (bảng 15), giới thiệu hình ảnh một số thành tựu khoa học – kĩ thuật của văn minh Đại Việt: trang bìa một số tác phẩm lịch sử, địa lý, quân sự, y học, súng thần cơ, đại bác, thuyền chiến…, sau đó nêu câu hỏi: *Hãy đưa ra ít nhất 1 nhận xét của em về thành tựu khoa học – kĩ thuật của văn minh Đại Việt* (GV gọi 3 – 4 HS, mỗi HS đưa ra ít nhất 1 nhận xét của mình).**- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.107 - 108, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời lần lượt HS trả lời câu hỏi + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	**h. Khoa học, kĩ thuật** (Phụ lục 2)

4. Hoạt động 4: Tìm hiểu ý nghĩa của văn minh Đại Việt

a. Mục tiêu: Trình bày được ý nghĩa của văn minh Đại Việt.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ thông qua phiếu học tập; HS thảo luận cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, hoàn thành phiếu bài tập (phụ lục 3), nối ưu	**4. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt** • Thể hiện sức sáng tạo và truyền thống lao động bền bỉ của các thế hệ người Việt.

điểm, hạn chế, ý nghĩa của văn minh Đại Việt với nội dung tương ứng **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.108 - 109, thảo luận cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời 1 – 2 cặp HS trả lời câu hỏi + GV mời cặp HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	• Điều kiện văn hóa-kinh tế- chính trị là tiền đề và điều kiện quan trọng tạo nên sức mạnh dân tộc trong công cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước. • Góp phần bảo tồn và phát huy những thành tựu, giá trị của nền VMĐV. • Có giá trị đối với quốc gia, dân tộc Việt Nam. Một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt đã được UNESCO ghi danh.

PHỤ LỤC 1: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Sử dụng các từ cho sẵn sau để điền vào chỗ trống

TIẾN SĨ	QUAN LẠI	KHỔNG TỬ	LÊ SƠ
QUỐC HỌC VIỆN	TIẾN SĨ	TAM KHÔI	TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CHIẾU KHUYẾN HỌC	QUỐC TỬ GIÁM	MẠC ĐĨNH CHI	VĂN MIẾU

ĐẠI VIỆT – MỘT QUỐC GIA HIẾU HỌC

Giáo dục thời Đại Việt chủ yếu nhằm đào tạo____(1)_____ cho bộ máy chính quyền. Năm 1070, nhà Lý cho dựng_____(2)_____, thờ_____(3)_____. Năm 1075, triều đình mở_____(4)_____ đầu tiên để tuyển chọn nhân tài. Năm 1076, nhà Lý cho xây dựng_____(5)_____ để dạy học cho hoàng tử, công chúa. Đây được coi là_____(6)_____ đầu tiên của nước ta. Từ thời Trần, triều đình lập _____(7)_____ cho con em quan lại học tập. Từ thời_____(8)_____, con em bình dân học giỏi cũng được đi học, đi thi. Nhà nước tăng cường khuyến khích nhân dân học tập, tiêu biểu như việc ban_____(9)_____ thời Tây Sơn.

Chế độ khoa cử từng bước trở thành phương thức tuyển chọn quan lại thường xuyên. Năm 1247, nhà Trần đặt danh hiệu_____(10)_____ dành cho những người đỗ đầu trong kì thi Đình, tiêu biểu như Nguyễn Hiền, Lê Văn Hưu…. Đặc biệt có_____(11)_____ được phong là "Lưỡng quốc trạng nguyên". Năm 1484, vua Lê Thánh Tông quyết định cho dựng bia ghi tên những người đỗ_____(12)_____ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

PHỤ LỤC 2: THÀNH TỰU TIÊU BIỂU VỀ KHOA HỌC, KĨ THUẬT

Bảng 15. Thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật

LĨNH VỰC	THÀNH TỰU
Sử học	Nhà Trần thành lập Quốc sử viện, nhà Nguyễn thành lập Quốc sử quán. Nhiều bộ sử lớn được biên soạn như *Đại Việt sử ký* (Lê Văn Hưu), *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê), *Đại Việt thông sử* (Lê Quý Đôn), *Lịch triều hiến chương loại chí* (Phan Huy Chú),...
Địa lí	*Dư địa chí* (Nguyễn Trãi), *Hồng Đức bản đồ* (triều Lê sơ), *Gia Định thành thông chí* (Trịnh Hoài Đức), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* (Lê Quang Định),...
Quân sự	*Binh thư yếu lược*, *Vạn Kiếp tông bí truyền thư* (Trần Quốc Tuấn); *Hổ trướng khu cơ* (Đào Duy Từ),...
Y học	*Nam dược thần hiệu* (Nguyễn Bá Tĩnh – Tuệ Tĩnh), *Hải Thượng y tông tâm lĩnh* (Hải Thượng Lãn Ông – Lê Hữu Trác),...
Toán học	*Đại thành toán pháp* (Lương Thế Vinh), *Lập thành toán pháp* (Vũ Hữu),...
Kĩ thuật	Đúc súng thần cơ, đại bác, đóng thuyền chiến (Cổ lâu), xây dựng thành luỹ (kinh thành Thăng Long, kinh thành Huế),...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được một số câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến cơ sở hình thành và các giai đoạn phát triển của văn minh Đại Việt

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức trò chơi "Lật mảnh ghép". Có 6 mảnh ghép tương ứng với 6 câu hỏi trắc nghiệm. Trả lời đúng mỗi câu hỏi, mảnh ghép sẽ được lật ra. HS sẽ đoán bức hình bí mật ẩn chứa đằng sau các mảnh ghép

Các câu hỏi mảnh ghép như sau:

Mảnh ghép 1: Để khuyến khích nghề nông phát triển, các hoàng đế Việt Nam thường thực hiện nghi lễ nào sau đây?

A. Lễ Tịch điền. C. Lễ cầu mùa.

C. Lễ cúng cơm mới. D. Lễ đâm trâu.

Mảnh ghép 2: *"Những kẻ ăn trộm trâu của công thì xử 100 trượng, 1 con phạt thành 2 con".*

(Trích *Chiếu của vua Lý Thánh Tông* trong *Đại Việt sử ký toàn thư,* Tập I, NXB Khoa học xã hội, 1967, tr. 232).

Đoạn trích trên thể hiện chính sách nào của Vương triều Lý?

A. Quan tâm bảo vệ sức kéo cho nông nghiệp. B. Nhà nước độc quyền trong chăn nuôi trâu bò.

C. Bảo vệ nguồn nguyên liệu cho nghề thủ công. D. Bảo vệ trâu bò cho các gia đình nghèo.

Mảnh ghép 3: Cục Bách tác là tên gọi của

A. các xưởng thủ công của Nhà nước. B. cơ quan quản lí việc đắp đê.

C. các đồn điền sản xuất nông nghiệp D. cơ quan biên soạn lịch sử.

Mảnh ghép 4: Chữ Quốc ngữ ra đời xuất phát từ nhu cầu nào sau đây?

A. Truyền đạo. B. Sáng tác văn học.

C. Giáo dục. D. sử dụng trong cung đình.

Mảnh ghép 5: Các bia đá được dựng ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) thể hiện chính sách nào của Vương triều Lê sơ?

A. Đề cao giáo dục, khoa cử. B. Coi trọng nghề thủ công chạm khắc.

C. Phát triển các loại hình văn hoả dân gian. D. Quan tâm đến biên soạn lịch sử.

Mảnh ghép 6: Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam không có loại hình nào sau đây?

A. Múa rối. B. Kịch nói. C. Ca trù. D. Chèo.

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi trắc nghiệm

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV gọi lần lượt HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn đáp án.

Bức hình bí ẩn đằng sau các mảnh ghép: Tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay chùa Đào Xuyên (Hà Nội)

Bức tượng hiện được coi là bảo vật quốc gia, là một trong những thành tựu của văn minh Đại Việt

(GV có thể giới thiệu về bức tượng hoặc trình chiếu video để HS hiểu rõ hơn về bảo vật quốc gia này)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học, giải quyết bài tập thực tiễn

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ (cá nhân), GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS thực hiện 1 trong 2 nhiệm vụ sau

1. Theo em, mỗi cá nhân cần làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị của thành tựu văn minh Đại Việt trong thời đại ngày nay?

2. Hãy kể tên những thành tựu của văn minh Đại Việt còn lưu giữ, tồn tại đến ngày nay mà em biết. Hãy nêu giá trị của các thành tựu đó

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 14: Các dân tộc trên đất nước Việt Nam*

THỰC HÀNH LỊCH SỬ
(1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau khi học xong bài học này, HS có thể

- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử ở các chủ đề : Văn minh Đông Nam Á, một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam. Thông qua đó góp phần rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử, tạo hứng thú học tập ((Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp; tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hóa…); học tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử; tổ chức các câu lạc bộ, các cuộc thi "Em yêu lịch sử", "Nhà sử học trẻ tuổi", các trò chơi lịch sử.)

2. Năng lực

- Rèn luyện kỹ năng: sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, phân tích… sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống, bài tập nhận thức mới.
- Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Lịch sử, Giáo án.
- Phiếu học tập dành cho HS.
- Máy tính, máy chiếu (tivi).

2. Đối với học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của HS, lôi cuốn HS vào bài học mới

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu vấn đề và đặt câu hỏi : Sau khi học xong chủ đề 4, em hãy trả lời câu hỏi sau:

Đông Nam Á hiện nay có bao nhiêu quốc gia? Kể tên các quốc gia?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS suy nghĩ, nhớ lại bài đã học, hoàn thành nhiệm vụ học tập (cá nhân)

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời 1-2 HS trả lời

+ GV mời 1 – 2 HS khác nhận xét, bổ sung.

+ HS có thể trả lời : 11 quốc gia

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt HS: Đông Nam Á là 1 khu vực chiến lược về kinh tế và chính trị, trên con đường biển giao thương giữa Đông và Tây, nằm ở phía Đông Nam của châu Á. Đông Nam Á gồm có 11 quốc gia đã góp phần rực rỡ cho văn minh thế giới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG-TRẮC NGHIỆM-GAME ĐƯỜNG LÊN ĐỈNH OLYMPYA

a. Mục tiêu: Nắm về thành tựu văn minh Đông Nam Á.

b. Nội dung: GV cho hs coi video ; HS suy nghĩ trả lời thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS vào vở .

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho hs coi video và trả lời câu hỏi : **Câu 1.** Vua Hùng Vương chia đất nước thành bao nhiêu bộ? A. 10 bộ B. 13 bộ C. 14 bộ D. 15 bộ Câu 2: Trong bộ máy nhà nước Văn Lang đứng đầu các bộ là ai? A. Lạc Hầu B. Lạc Tướng C. Bồ Chính D. Quan Lang Câu 3: Trong bộ máy nhà nước Văn Lang đứng đầu các chiềng, chạ là ai? A. Lạc Hầu B. Lạc Tướng C. Quan Lang D. Bồ Chính. **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS trả lời thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời HS trả lời + GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** ***+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*** ***Câu 1 : D, Câu 2 :B Câu 3 :D***	**1. TRẮC NGHIỆM** Câu 1. Vua Hùng Vương chia đất nước thành bao nhiêu bộ? A. 10 bộ B. 13 bộ C. 14 bộ D. 15 bộ Câu 2: Trong bộ máy nhà nước Văn Lang đứng đầu các bộ là ai? A. Lạc Hầu B. Lạc Tướng C. Bồ Chính D. Quan Lang Câu 3: Trong bộ máy nhà nước Văn Lang đứng đầu các chiềng, chạ là ai? A. Lạc Hầu B. Lạc Tướng C. Quan Lang D. Bồ Chính.

2. Hoạt động 2: Vượt chướng ngại vật

a. Mục tiêu: Nắm chữ viết, kiến trúc, điêu khắc Đông Nam Á

b. Nội dung: Chướng ngại vật chúng ta có 3 hàng ngang gợi ý để trả lời chướng ngại vật.

Trả lời đúng 1 gợi ý được cộng 1 điểm, sai không bị trừ điểm. Các nhóm đưa đáp án trả lời trước thời gian qui định được cộng thêm 1 điểm

Nhóm trả lời được chướng ngại vật sẽ được cộng thêm 2 điểm. Các em có thể đưa tín hiệu trả lời chướng ngại vật bất cứ lúc nào.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi đáp án vào vở.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Chướng ngại vật chúng ta có 3 hàng ngang gợi ý để trả lời chướng ngại vật. Trả lời đúng 1 gợi ý được cộng 1 điểm, sai không bị trừ điểm. Các nhóm đưa đáp án trả lời trước thời gian qui định được cộng thêm 1 điểm Nhóm trả lời được chướng ngại vật sẽ được cộng thêm 2 điểm. Các em có thể đưa tín hiệu trả lời chướng ngại vật bất cứ lúc nào. 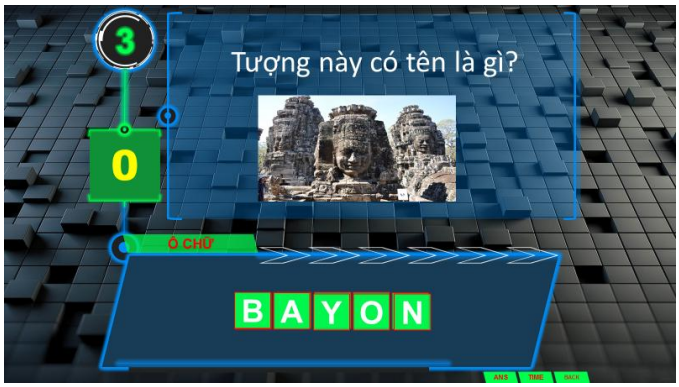 **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**	**2. Vượt chướng ngại vật**

+ HS đọc thông tin gợi ý, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời 1 – 2 HS trình bày + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét, đánh giá (nếu cần thiết)	

3. Hoạt động 3: TĂNG TỐC

a. Mục tiêu:

- Hiểu được văn minh Đại Việt
- Vận dụng kiến thức vào cuộc sống

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS làm việc theo nhóm, đọc nội dung câu hỏi lựa chon, hình ảnh thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi vào tập.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập 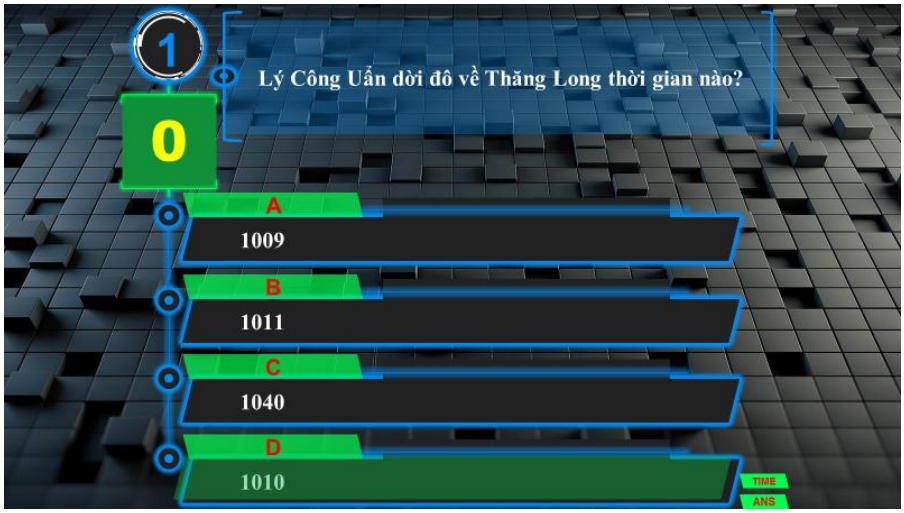 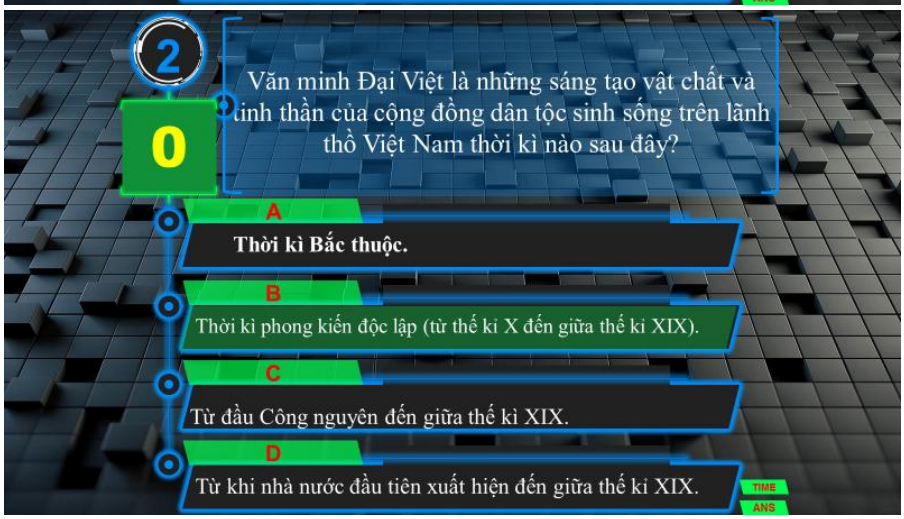 	**3. TĂNG TỐC**

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin gợi ý, làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập.

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời HS trả lời

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, đánh giá (nếu cần thiết)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học trong chủ đề, thông qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập: bài thuyết trình về di tích.

d. Tổ chức hoạt động:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoàn thành (cá nhân) vào vở trong thời gian 5 phút

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV gọi 1 – 2 HS báo cáo sản phẩm trước lớp hoặc vẽ trên bảng

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ GV chuẩn bị đáp án. Sau đây là một số gợi ý :

- **Tên của di tích là gì?**
- **Ở đâu? Thời gian hình thành?**
- **Vai trò, ý nghĩa di tích đó là gì?**

*** Hướng dẫn về nhà**

THỰC HÀNH LỊCH SỬ
(TIẾT 2)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau khi học xong bài học này, HS có thể

- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử ở các chủ đề : Văn minh Đông Nam Á, một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam. Thông qua đó góp phần rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử, tạo hứng thú học tập ((Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp; tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hóa…); học tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử; tổ chức các câu lạc bộ, các cuộc thi "Em yêu lịch sử", "Nhà sử học trẻ tuổi", các trò chơi lịch sử.)

2. Năng lực

- Rèn luyện kỹ năng: sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, phân tích… sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống, bài tập nhận thức mới.
- Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Lịch sử, Giáo án.
- Phiếu học tập dành cho HS.
- Máy tính, máy chiếu (tivi).

2. Đối với học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của HS, lôi cuốn HS vào bài học mới

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu vấn đề và đặt câu hỏi : Sau khi học xong chủ đề 4, em hãy trả lời câu hỏi sau:

Kể tên quốc hiệu nước ta qua các thời kì(từ Văn Lang đến trước 1858)?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS suy nghĩ, nhớ lại bài đã học, hoàn thành nhiệm vụ học tập (cá nhân)

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời 1-2 HS trả lời

+ GV mời 1 – 2 HS khác nhận xét, bổ sung.

+ HS có thể trả lời : Văn Lang, Âu Lạc, Vạn Xuân, Đại Cồ Việt, Đại Việt, Đại Ngu, Việt Nam

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS: Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử đã dùng nhiều quốc hiệu (tên chính thức của quốc gia) khác nhau gắn với các triều đại mà các em vừa trả lời trên cũng chính là những nền văn minh của Việt Nam.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Nắm về thành tựu văn minh trên đất nước Việt Nam.

b. Nội dung: GV cho hs coi video ; HS suy nghĩ trả lời thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS vào vở .

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho hs coi video và trả lời câu hỏi : **Câu 1. Đó là hiện tượng gì ?** **Câu 2: Nền kinh tế chủ yếu là gì?** **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS trả lời thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời HS trả lời + GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** ***+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*** **Câu 1. Đó là hiện tượng gì ?** Hiện tượng **lũ lụt trên lưu vực sông Đà** (nơi nước lũ dội thẳng vào chân núi Tản Viên) **Câu 2: Nền kinh tế chủ yếu là gì?** ***Nông nghiệp trồng lúa nước*** **Giáo viên tich hợp bảo vệ môi trường** **Hay chung tay bảo vệ môi trường!** • Rác hữu cơ là loại rác **dễ phân hủy** • Rác vô cơ là những loại rác **khó phân hủy** (có thể đưa vào tái chế)	**1. Khởi động** **Câu 1. Đó là hiện tượng gì ?** Hiện tượng **lũ lụt trên lưu vực sông Đà** (nơi nước lũ dội thẳng vào chân núi Tản Viên) **Câu 2: Nền kinh tế chủ yếu là gì?** ***Nông nghiệp trồng lúa nước*** **Giáo viên tich hợp bảo vệ môi trường**

2. Hoạt động 2: Tái hiện nhân vật

a. Mục tiêu: Nắm văn minh Đại Việt

b. Nội dung: Các nhóm vào vai các nhân vật

c. Sản phẩm học tập: HS ghi đáp án vào vở.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập **Hoàn thành tiếp kịch bản** **Trong thời gian 7 phút tái hiện vở kịch trên** <u>Vào vai các nhân vật</u> **Người dẫn**: Hùng Vương 18 có 1 cô con gái…….. **Vua**:Con gái ah, cha ngày một già yếu, con đã tới tuổi, cha muốn kiếm cho con 1 người chồng. Ý con thế nào? **Mị Nương**: **Vua**: tốt lắm! Người đâu **Lính**: Thưa bệ hạ, có thần **Vua**: Ngươi hãy cho người đi khắp đất nước thông báo triều đình mở hội kén rể cho con gái ta **Lính**: loa loa loa ngày mai nhà vua mở hội kén chống cho công chúa, xin mời trai tráng khắp vùng về tham dự loa loa **Người dẫn**: ngày hôm sau Sơn Tinh và Thủy Tinh tới **Sơn Tinh**: Muôn tâu bệ hạ thần là Sơn Tinh đến từ núi Tản Viên. Thần có sức mạnh phi thường thần giơ tay về phía đông phía đông nổi cồn bãi , thần đưa tay về phía tây phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. **Thủy tinh**: Muôn tâu bệ hạ thần cũng không kém gì Thần hô mưa mưa sẽ đến , gọi gió gió về ta là chú miền biển cả **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin gợi ý, làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời nhóm HS trình bày + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét, đánh giá (nếu cần thiết)	**2. Tái hiện nhân vật** <u>Vào vai các nhân vật</u> **Người dẫn**: Hùng Vương 18 có 1 cô con gái…….. **Vua**:Con gái ah, cha ngày một già yếu, con đã tới tuổi, cha muốn kiếm cho con 1 người chồng. Ý con thế nào? **Mị Nương**: **Vua**: tốt lắm! Người đâu **Lính**: Thưa bệ hạ, có thần **Vua**: Ngươi hãy cho người đi khắp đất nước thông báo triều đình mở hội kén rể cho con gái ta **Lính**: loa loa loa ngày mai nhà vua mở hội kén chống cho công chúa, xin mời trai tráng khắp vùng về tham dự loa loa **Người dẫn**: ngày hôm sau Sơn Tinh và Thủy Tinh tới **Sơn Tinh**: Muôn tâu bệ hạ thần là Sơn Tinh đến từ núi Tản Viên. Thần có sức mạnh phi thường thần giơ tay về phía đông phía đông nổi cồn bãi , thần đưa tay về phía tây phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. **Thủy tinh**: Muôn tâu bệ hạ thần cũng không kém gì Thần hô mưa mưa sẽ đến , gọi gió gió về ta là chú miền biển cả

3. Hoạt động 3: THỰC HÀNH

a. Mục tiêu:

- Hiểu được văn minh Đại Việt
- Vận dụng kiến thức vào cuộc sống

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS làm việc theo nhóm, đọc nội dung câu hỏi lựa chon, hình ảnh thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi vào tập.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin gợi ý, làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời HS trả lời + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét, đánh giá (nếu cần thiết)	**3. THỰC HÀNH** Giới thiệu sản phẩm

TIẾT 2

C. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

4. Hoạt động 4:

a. Mục tiêu:

- Hiểu được văn minh Đại Việt
- Vận dụng kiến thức vào cuộc sống

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS làm việc theo nhóm, đọc nội dung câu hỏi lựa chon, hình ảnh thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi vào tập.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập **Quan sát hình ảnh trả lời các câu hỏi : Bà là ai ? bà được mệnh danh là gì ? Tác phẩm tiêu biểu của bà ?**	**4. Trả lời câu hỏi** Giới thiệu sản phẩm - Hồ Xuân hương -Nguyễn Du

  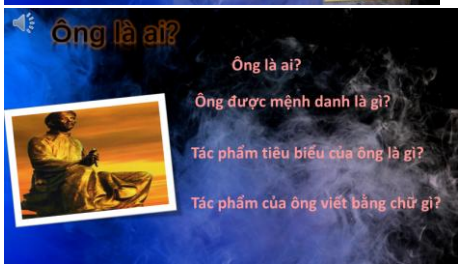 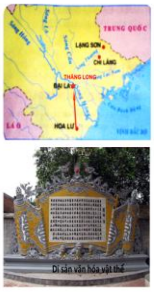 **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin gợi ý, làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời HS trả lời + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét, đánh giá (nếu cần thiết)	-Chùa một cột -Đền đô Lý Bát Đế -Nam Quốc Sơn Hà -Chiếu dời dô bằng Gốm

5. Hoạt động 5: Thực hành

a. Mục tiêu: Nắm văn minh Đại Việt

b. Nội dung: Các nhóm vào vai các nhân vật

c. Sản phẩm học tập: HS ghi đáp án vào vở.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập **Thời gian mỗi nhóm 5 phút.** **Các nhóm kể ca dao, tục ngữ Việt Nam?** **Các nhóm kể câu chuyện cổ tích Việt Nam?** 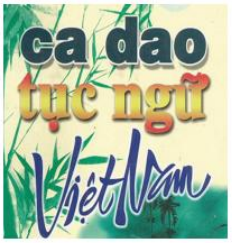 Ăn chưa no,lo chưa tới. Ăn cơm mới,trò chuyện cũ Anh em như thể tay chân Ăn quả nhớ kẻ trồng cây Ăn trông nồi, ngồi trông hướng Ăn không ngồi rồi **1/ Vẽ phương tiện đi lại chủ yếu của người Chăm?** **2/ Sử dụng đất sét tạo hình 1 phương tiện đi lại của người Chăm** **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin gợi ý, làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời nhóm HS trình bày + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét, đánh giá (nếu cần thiết)	**5. Thực hành** **Ca dao, tục ngữ** Ăn cỗ đi trước,lội nước đi sau Ăn kĩ no lâu,cày sâu tốt lúa. Ăn cây nào, rào cây đó. Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng Ăn cháo,đá bát. **Vẽ phương tiện đi lại chủ yếu của người Chăm** - *Chuẩn bị bút, viết, màu* - *Giấy A4* - *Thực hiện ý thưởng* **Tạo hình 1 phương tiện đi lại của người Chăm** B1: Chia các bộ phận của phương tiện ra làm các khối cơ bản: chân: khối trụ dài, đầu: khối tròn, nhọn: v.v... B2: Ghép các khối lại để tạo hình phương tiện B3:Trang trí, hoàn chỉnh- giới thiệu sản phẩm.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học trong chủ đề, thông qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

d. Tổ chức hoạt động:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoàn thành (cá nhân) vào vở trong thời gian 5 phút

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV gọi HS trả lời trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ GV chuẩn bị đáp án. Sau đây là một số gợi ý :

- **Sự tích quả dưa hấu**
- **Sự tích trầu cau**
- **Bánh trưng bánh giày**

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước *mới*

THỰC HÀNH LỊCH SỬ
(2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau khi học xong bài học này, HS có thể

- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử ở các chủ đề : Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam, Cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Thông qua đó góp phần rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử, tạo hứng thú học tập ((Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp; tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hóa…); học

tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử; tổ chức các câu lạc bộ, các cuộc thi "Em yêu lịch sử", "Nhà sử học trẻ tuổi", các trò chơi lịch sử.)

2. Năng lực

- Rèn luyện kỹ năng: sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, phân tích… sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống, bài tập nhận thức mới.
- Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Lịch sử, Giáo án.
- Phiếu học tập dành cho HS.
- Máy tính, máy chiếu (tivi).

2. Đối với học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của HS, lôi cuốn HS vào bài học mới

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu vấn đề và đặt câu hỏi : Sau khi học xong chủ đề 4, em hãy trả lời câu hỏi sau:

Việt Nam có bao nhiêu dân tộc anh em? Dân tộc nào chiếm đa số?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS suy nghĩ, nhớ lại bài đã học, hoàn thành nhiệm vụ học tập (cá nhân)

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời 1-2 HS trả lời

+ GV mời 1 – 2 HS khác nhận xét, bổ sung.

+ HS có thể trả lời : 54 dân tộc, dân tộc Kinh chiếm đa số

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt HS: Bản sắc 54 dân tộc Việt Nam góp phần xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa cộng đồng góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Nắm về thành tựu văn minh trên đất nước Việt Nam và các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

b. Nội dung: GV cho hs chơi trò chơi ; HS suy nghĩ trả lời thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS vào vở .

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho hs trả lời câu hỏi : **VÒNG 1** **ĐUA TÀI NHANH TRÍ** **Luật chơi** - Có 12 câu hỏi - Mỗi đội lần lượt chọn câu hỏi tùy ý để trả lời - Thời gian suy nghĩ là 5 giây. - Trả lời đúng được 10đ, trả lời sai thì đội khác trả lời, nếu đúng được cộng 5đ, sai thì quyền trả lời dành cho khán giả. **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS trả lời thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời HS trả lời + GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** ***+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*** Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam, Cộng đồng các dân tộc Việt Nam.	**1. Khởi động** Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam, Cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu cộng đồng dân tộc

a. Mục tiêu: Nắm các dân tộc trên đất nước Việt Nam

b. Nội dung: Các nhóm thực hiện thử thách 1 phút

c. Sản phẩm học tập: HS ghi đáp án vào vở.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập **- Giáo viên cho học sinh coi video** HỌC SINH THỰC HIỆN CÁC THỬ THÁCH Thử thách 1 phút ⟶ Kể tên các dân tộc. Trong 1 phút đội nào kể nhiều nhất chiến thắng 1:00 THẢO LUẬN NHÓM **ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ**	**2. Tìm hiểu các dân tộc** Ngữ hệ Nam Á Ngữ hệ Nam Đảo Ngữ hệ H'mông – Dao Ngữ hệ Hán – Tạng Ngữ hệ Thái – Ka-đai Hình19.3. Sơ đồ sự phân chia tộc người theo ngữ hệ ở Việt Nam

 - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS xem video thông tin gợi ý, làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời nhóm HS trình bày + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét, đánh giá (nếu cần thiết) Hình19.3. Sơ đồ sự phân chia tộc người theo ngữ hệ ở Việt Nam	

3. Hoạt động 3: THỰC HÀNH

a. Mục tiêu:

- Văn hóa, phong tục, tập quán các dân tộc
- Vận dụng kiến thức vào cuộc sống

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS làm việc theo nhóm.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi vào tập.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập **Thiết kế trang phục** **Những trang phục dân tộc Việt Nam đẹp làm nên bản sắc văn hóa Việt** **1. Áo dài của người Kinh. ...** **2. Áo cóm, váy đen và khăn piêu của người Thái. ...** **3. Áo tầm vông và xà rông của người Khmer. ...** **4. Váy áo hoa của người Mông. ...** **5. Trang phục của nhiều dân tộc khác.**	**3. THỰC HÀNH** Giới thiệu sản phẩm THIẾT KẾ TRANG PHỤC - *Chuẩn bị bút, viết, màu* - *Giấy A4* - *Thực hiện ý thưởng*

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc thông tin gợi ý, làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời HS trả lời + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét, đánh giá (nếu cần thiết) 	

TIẾT 2

C. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

4. Hoạt động 4:

a. Mục tiêu:

- Văn hóa, phong tục, tập quán các dân tộc.
- Vận dụng kiến thức vào cuộc sống

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi ; HS làm việc theo nhóm.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi vào tập.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin gợi ý, làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời HS trả lời	**4. Thực hành** Giới thiệu sản phẩm -Địa điểm ở đâu ? Khách sạn nào ? Di sản nào ? Ẩm thực đặc trưng là gì ?

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét, đánh giá (nếu cần thiết) 	

5. Hoạt động 5: Thực hành

a. Mục tiêu: Văn hóa, phong tục, tập quán các dân tộc.

b. Nội dung: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo gợi ý hoặc sáng tạo.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi đáp án vào vở.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập **Thời gian mỗi nhóm 5 phút.** **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin gợi ý, làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời nhóm HS trình bày + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét, đánh giá (nếu cần thiết) . Dựng nhà cần nhiều người, đánh giặc cần nhiều sức. 2. Bẻ đũa không bẻ được cả nắm. 3. Góp gió thành bão. 4. Ngựa chạy có bầy, chim bay có bạn. 5. Bắc Nam là con một nhà Là gà một mẹ, là hoa một cành	**5. Thực hành** **Ca dao, tục ngữ** 1. Dựng nhà cần nhiều người, đánh giặc cần nhiều sức. 2. Bẻ đũa không bẻ được cả nắm. 3. Góp gió thành bão. 4. Ngựa chạy có bầy, chim bay có bạn. 5. Bắc Nam là con một nhà Là gà một mẹ, là hoa một cành Nguyện cùng biển thẳm non xanh Thương nhau nuôi chí đấu tranh cho bền. 6. Nhiễu điều phủ lấy giá gương Người trong một nước phải thương nhau cùng. 7. Lá lành đùm lá rách. 8. Chị ngã,em nâng. 9. Yêu nhau chín bỏ làm mười. 10. Thương người như thể thương thân.

Nguyện cùng biển thẳm non xanh Thương nhau nuôi chí đấu tranh cho bền. 6. Nhiễu điều phủ lấy giá gương Người trong một nước phải thương nhau cùng. 7. Lá lành đùm lá rách. 8. Chị ngã,em nâng. 9. Yêu nhau chín bỏ làm mười. 10. Thương người như thể thương thân.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học trong chủ đề, thông qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

d. Tổ chức hoạt động:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoàn thành (cá nhân) vào vở trong thời gian 5 phút

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV gọi HS trả lời trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ GV chuẩn bị đáp án. Sau đây là một số gợi ý :

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước *mới*

CHỦ ĐỀ 7: CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM
BÀI 14: CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được thành phần dân tộc theo dân số
- Trình bày được việc phân chia tộc người theo ngữ hệ
- Nêu được nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực lịch sử

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ…nêu được thành phần dân tộc theo dân số; trình bày được việc phân chia tộc người theo ngữ hệ nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; trình bày được nét chính về hoạt động kinh tế, đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh rút ra được nhận xét về đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Trân trọng giá trị vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, có ý thức đoàn kết giữa các dân tộc.
- Trách nhiệm:

+ Hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm

+ Có trách nhiệm bảo tồn và phát huy sự đa dạng trong đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập

2. Học sinh: SGK, SBT

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS nhìn hình ảnh, đoán được tên các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam.

b. Nội dung: GV trình chiếu hình ảnh, nêu câu hỏi, HS trả lời cá nhân

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu câu hỏi

Câu 1: Em đang thấy hình ảnh của dân tộc nào trên lãnh thổ Việt Nam?

(Dân tộc Kinh)

Câu 2: Em đang thấy hình ảnh của dân tộc nào trên lãnh thổ Việt Nam?

(Dân tộc H”mông)

Câu 3: Em đang thấy hình ảnh của dân tộc nào trên lãnh thổ Việt Nam?

(Dân tộc Thái)

Câu 4: Em đang thấy hình ảnh của dân tộc nào trên lãnh thổ Việt Nam?

(Dân tộc Tày – hát then và thầy Then đang thực hiện nghi lễ)

Câu 5: Em đang thấy hình ảnh của dân tộc nào trên lãnh thổ Việt Nam?

(Dân tộc Mường)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS trả lời câu hỏi
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức:
- GV dẫn dắt vào bài học: *Những hình ảnh trên đã cung cấp cho chúng ta hiểu biết ban đầu về 5 trong số 54 dân tộc anh em trên lãnh thổ Việt Nam. 54 dân tộc trong lịch sử đã sát cánh cùng nhau tạo dựng và bảo vệ non sông. Và ngày nay tiếp tục sát cánh xây dựng đất nước trong thời kì hội nhập. Chúng ta hãy cùng mở rộng hiểu biết về anh em ruột thịt của mình qua bài học hôm nay: bài 16: Các dân tộc trên đất nước Việt Nam*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu thành phần dân tộc theo dân số ở Việt Nam

a. Mục tiêu: Nêu được thành phần dân tộc theo dân số ở Việt Nam

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi. HS làn việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở nội dung thành phần dân tộc theo dân số ở Việt Nam

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV nêu khái niệm dân tộc Khái niệm dân tộc được hiểu theo 2 nghĩa + Dân tộc – quốc gia (ví dụ: dân tộc Việt Nam, dân tộc Lào, dân tộc Campuchia…) + Dân tộc – tộc người (ví dụ: dân tộc Kinh, dân tộc Mường, dân tộc Thái…) Ở bài hôm nay, khái niệm dân tộc được hiểu theo nghĩa thứ 2. - GV trình chiếu bảng 16 – SGK: Thống kê quy mô dân số theo dân tộc (2019), nêu câu hỏi: *1. Hiện nay ở Việt Nam có bao nhiêu dân tộc anh em?* *2. Kể tên các dân tộc thiểu số ở Việt Nam có số dân trên 1 triệu người và những dân tộc thiểu số có số dân dưới 5 nghìn người* *3. Nhận xét về cơ cấu dân số theo dân tộc ở Việt Nam hiện nay* Số lượng dân cư giữa các dân tộc có sự chênh lệch khá lớn. Người Kinh chiếm hơn 85% tổng số dân cả nước. Các dân tộc còn lại chiếm gần 15%. Có dân tộc có dân số rất ít, chỉ từ vài trăm đến khoảng trên dưới 5 nghìn người. Các dân tộc ít người thường tập trung ở miền núi, vùng biên giới, trung du và cao nguyên. Đồng bằng, số lượng các dân tộc ít, chủ yếu dân tộc Kinh, Hoa, Chăm, Khơme, quy mô dân số đông, mật độ dân số dầy. Nhìn chung, các dân tộc cư trú chủ yếu ở đồng bằng có trình độ kinh tế - xã hội phát triển hơn so với các dân tộc có địa bàn cư trú chính là miền núi và trung du **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.111 – 112, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi + GV mời 1 – 2 HS khác nhận xét, bổ sung **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, nhấn mạnh: Việc phân chia dân tộc theo số dân hoàn toàn dựa vào tỉ lệ số dân của dân tộc đó so với tổng dân số của cả nước chứ không căn cứ trên trình độ phát triển. Các dân tộc ít người	**1. Thành phần dân tộc theo dân số** - Thành phần dân tộc theo dân số ở Việt Nam được chia thành 2 nhóm dựa vào số dân: + Dân tộc đa số : dân tộc Kinh + Dân tộc thiểu số: Các dân tộc còn lại - Trong 53 dân tộc thiểu số, có 6 dân tộc có số dân trên 1 triệu người: Tày, Thái, Mường, H'mông, Khơ – me, Nùng. 11 dân tộc dưới 5 nghìn người - Các dân tộc cư trú phân tán và đan xen, chủ yếu tập trung ở miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long

hơn không đồng nghĩa với kém phát triển hơn về mặt văn hóa. + GV phân tích: Hình thái cư trú của các dân tộc ở nước ta là vừa tập trung, vừa xen kẽ, trong đó hình thái cư trú xen kẽ ngày càng phổ biến. Có những dân tộc vừa sinh sống ở đồng bằng, vừa sinh sống ở miền núi. Đây chính là kết quả của quá trình các dân tộc di cư và chuyển đổi địa bàn sinh sống. Việc cư trú đan xen có những thuận lợi và hạn chế sau: ● Thuận lợi: Tạp điều kiện cho quá trình giao lưuvăn hóa diễn ra mạnh mẽ, đồng thời dẫn đến sự đan xen văn hóa, giao thoa ngôn ngữ. Qua đó, tăng cường hiểu biết nhau, đoàn kết, sát gần nhau, xây dựng cộng đồng các dân tộc ngày càng gắn bó chặt chẽ, cùng nhau tiến bộ và phát triển, thu hẹp sự cách biệt về trình độ giữa các dân tộc. ● Khó khăn:Sự khác nhau về phong tục tập quán có thể dẫn tới khả năng va chạm giữa các dân tộc khác nhau cùng sinh sống trên 1 địa bàn, là cơ sở để các thế lực thù địch lợi dụng để chia rẽ, làm mất khối đoàn kết giữa các dân tộc + GV trình chiếu video, hình ảnh về một số dân tộc điển hình ở Việt Nam (đặc biệt các dân tộc có số dân trên 1 triệu người, các dân tộc dưới 5 nghìn người..)	

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về ngữ hệ và việc phân chia tộc người theo ngữ hệ ở Việt Nam

a. Mục tiêu: Nêu được thành phần dân tộc theo dân số ở Việt Nam

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi. HS làn việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS ghi được vào vở nội dung ngữ hệ và việc phân chia tộc người theo ngữ hệ ở Việt Nam.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV nêu câu hỏi *1. Trình bày khái niệm ngữ hệ* *2. Quan sát sơ đồ 16.1. Phân chia tộc người theo ngữ hệ, cho biết các dân tộc Việt Nam được phân chia thành mấy ngữ hệ và mấy nhóm ngôn ngữ. Đó là những ngữ hệ và nhóm ngôn ngữ nào?* *3. Cho biết các dân tộc sau thuộc ngữ hệ/ nhóm ngôn ngữ nào?* *- Dân tộc Kinh* *- Dân tộc Mường* *- Dân tộc Thái*	**2. Thành phần dân tộc theo ngữ hệ** - Ngữ hệ là một nhóm các ngôn ngữ có cùng nguồn gốc, có những đặc điểm giống nhau về ngữ pháp, hệ thống từ vựng cơ bản, thanh điệu và ngữ âm… - Mỗi ngữ hệ lại có thể bao gồm một hay nhiều nhóm ngôn ngữ khác nhau - Các dân tộc Việt Nam được xếp vào 5 ngữ hệ (Nam Á, Mông – Dao, Thái – Ka đai, Nam Đảo, Hán – Tạng), thuộc 8 nhóm ngôn ngữ (Việt –

- Dân tộc Dao *- Dân tộc Thổ* *- Dân tộc H' Mông* *- Dân tộc Ê – đê* *- Dân tộc Cờ Lao* *- Dân tộc Khơ – me* *- Dân tộc Hoa* *- Dân tộc Lô Lô* **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.112, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi + GV mời 1 – 2 HS khác nhận xét, bổ sung **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + GV nhấn mạnh: các dân tộc trên đất nước Việt Nam đều có tiếng nói riêng, trong đó 26 dân tộc đã có chữ viết. Tiếng Việt được dùng làm ngôn ngữ chính thức của nhà nước và là phương tiện giao tiếp giữa các dân tộc. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam (năm 2013) ghi rõ: "Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình" + GV quay video về tiếng nói của một số dân tộc trên đất nước Việt Nam theo các ngữ hệ khác nhau: tiếng nói của dân tộc Mường, Dao, Thái, H'Mông, Ê – đê… để HS có thể nghe cách phát âm, ngữ điệu của một số ngữ hệ, tiếng nói của các dân tộc trên đất nước Việt Nam.	Mường; Môn – Khơme; H'mông, Dao; Tày – Thái; Ka – Đai, Mã Lai – Đa Đảo; Hán; Tạng – Miến)

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

a. Mục tiêu: Trình bày được nét chính về hoạt động kinh tế, đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, kết hợp kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật 3 – 2 – 1. HS đọc thông tin SGK tr.113 – 114, làm việc theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm học tập của HS trên giấy A0.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 6 nhóm, sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn, giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm như sau:	**3. Đời sống vật chất** **a. Hoạt động kinh tế** ❖ **Nông nghiệp**

+ Nhóm 1 +2: *Sản xuất nông nghiệp của các dân tộc ở Việt Nam bao gồm những hoạt động gì? So sánh những điểm giống và khác nhau giữa sản xuất nông nghiệp của dân tộc Kinh với các dân tộc thiểu số khác. Vì sao lại có sự khác nhau đó?* + Nhóm 3 + 4: *Chứng minh sự phong phú, đa dạng trong hoạt động thủ công nghiệp của các dân tộc ở Việt Nam? So sánh những điểm giống và khác nhau giữa sản xuất thủ công nghiệp của dân tộc Kinh với các dân tộc thiểu số khác. Vì sao lại có sự khác nhau đó?* + Nhóm 5 + 6: *Hoạt động buôn bán của các dân tộc Việt Nam diễn ra như thế nào? Chỉ ra những điểm khác nhau giữa các loại hình chợ trên các vùng miền của nước ta?* **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc thông tin SGK tr.113 - 114 thảo luận theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV mời đại diện 3 nhóm lên trưng bày sản phẩm và thuyế trình + Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi bổ sung, nhận xét. Nhóm phản hồi theo kĩ thuật "5 xin". **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + GV trình chiếu hình ảnh, video minh họa về hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam: sản xuất nông nghiệp của người Kinh, ruộng bậc thang, nghề làm gốm của dân tộc Chăm, các nghề mây tre đan, làm rượu cần…của đồng bào dân tộc thiểu số, các chợ nổi ở miền Tây, các siêu thị, trung tâm thương mại…	- Hoạt động sản xuất nông nghiệp bao gồm trồng trọt và chăn nuôi, nhưng có sự khác nhau giữa dân tộc Kinh với các dân tộc khác - Dân tộc Kinh: + Chủ yếu trồng cây lúa nước ở đồng bằng, gắn liền với các hoạt động trị thủy: đắp đê, đào kênh mương (Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ); đắp đê ngăn nước biển, thau chua rửa mặn (Nam Bộ). + Áp dụng nhiều thành tựu khoa học – kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp, hiện đại hóa nông thôn + Sản xuất lương thực không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn là mặt hàng xuất khẩu quan trọng. - Các dân tộc khác: + Canh tác nương rẫy ở vùng trung du, miền núi, các cây trồng chủ yếu: lúa, ngô, khoai, sắn, cây ăn quả… theo hình thức du canh. Hiện nay đã chuyển dần sang hình thức định canh. - Nguyên nhân: + Do địa bàn sinh sống khác nhau: người Kinh chủ yếu sống ở đồng bằng; các dân tộc thiểu số chủ yếu sống ở miền núi và trung du + Địa bàn miền núi và trung du gây nhiều khó khăn: giao thông đi lại, việc áp dụng khoa học – kĩ thuật bị hạn chế… ❖ **Thủ công nghiệp** - Người Kinh: + Phát triển các nghề thủ công: gốm, dệt vải, đúc đồng, rèn sắt, làm giấy từ rất sớm + Có nhiều làng nghề thủ công lâu đời và nổi tiếng cả nước: gốm Bát Tràng (Hà Nội), hương Thủy Xuân (Huế), dệt chiếu Long Định (Đồng Tháp)… + Sản phẩm đa dạng, tinh xảo, không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu.

	- Các dân tộc khác + Vùng Tây Bắc: dệt thổ cẩm, dệt lanh, chế tác đồ trang sức, nhuộm, đan lát… + Tây Nguyên: dệt thổ cẩm, mây tre đan, điêu khắc tượng, làm rượu cần + Tây Nam Bộ: dệt lụa, dệt chiếu, làm gốm + Sản phẩm chủ yếu đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương. ❖ **Thương nghiệp** - Người Kinh: tổ chức chợ làng, chợ huyện, chợ trong các khu phố, chợ đầu mối… - Cư dân Nam Bộ: có hình thức họp chợ trên sông, hình thành các khu chợ nổi - Các dân tộc vùng cao: họp chợ phiên - Hiện nay, các cửa hàng tiện lợi, siêu thị, trung tâm thương mại…xuất hiện khắp cả nước.

4. Hoạt động 4: Tìm hiểu đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

a. Mục tiêu: Trình bày được nét chính đời sống vật chất (ăn, mặc, ở, phương tiện đi lại) của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị sản phẩm tại nhà. HS báo cáo sản phẩm và thảo luận tại tiết học trên lớp

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm học tập của HS

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Tuần học trước, GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm chuẩn bị sản phẩm học tập ở nhà (từ 2 tuần trước). Cụ thể như sau: **+ Nhóm 1:** ● *Tìm hiểu bữa ăn (lương thực, thức ăn, đồ uống…) truyền thống của dân tộc Kinh ở 3 miền Bắc – Trung – Nam. Cho biết món ăn của 3 miền Bắc – Trung – Nam có sự khác nhau như thế nào?* ● *Giới thiệu một món ăn đặc trưng nổi bật của mỗi miền mà em yêu thích. Em đã từng thưởng thức những món ăn này ở đâu? Đã từng nấu món ăn đó bao giờ chưa? Chọn*	**3. Đời sống vật chất** **Ăn** - Dân tộc Kinh: + Bữa cơm truyền thống: cơm, rau, cá, thịt gia súc, gia cầm. + Đồ uống: nước đun với 1 số loại lá, hạt cây (chè, vối…) + Ưa dùng nước mắm (tôm, cá, tép, cáy…), các loại cà muối, dưa muối… + Người Kinh ở miền Trung thường ăn cay và mặn hơn các khu vực khác. Ở miền Nam thường có nhiều vị ngọt. - Các dân tộc thiểu số

và nêu quy trình nấu một món ăn đặc trưng của 1 miền mà em thích nhất. ● *Đặc điểm chung trong bữa ăn hàng ngày của các dân tộc thiểu số. Em hãy giới thiệu một món ăn nổi tiếng của dân tộc thiểu số được nhiều du khách yêu thích.* **+ Nhóm 2:** ● *Giới thiệu sự thay đổi trang phục của người Kinh ở ba miền Bắc – Trung – Nam qua các thời kì.* ● *Thiết kế 1 video giới thiệu trang phục truyền thống, đặc trưng trong trang phục của một số dân tộc thiểu số ở ba miền Bắc – Trung – Nam* **+ Nhóm 3:** ● *Giới thiệu sự thay đổi trong các loại hình nhà ở của dân tộc Kinh qua các thời kì lịch sử. Hiện nay, nhà ở ở khu vực nông thôn và thành thị có sự khác nhau như thế nào? Vì sao có sự khác nhau đó* ● *Đặc điểm chung trong nhà ở của đồng bào các dân tộc thiểu số. Thiết kế 1 video giới thiệu các loại hình nhà ở tiêu biểu của một số đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta.* **+ Nhóm 4:** ● *Giới thiệu sự thay đổi của các phương tiện vận chuyển, đi lại của người Kinh qua các thời kì lịch sử.* ● *Phương tiện vận chuyển, đi lại chủ yếu của đồng bào các dân tộc thiểu số là gì? Vì sao lại có các phương tiện đó?* **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS làm việc theo nhóm, thiết kế sản phẩm học tập, báo các tiến độ với giáo viên + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS cử đại diện nhóm lên thuyết trình, báo cáo sản phẩm tại tiết học trên lớp + Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi bổ sung, nhận xét. Nhóm phản hồi theo kĩ thuật "5 xin". **- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + GV tổ chức cho các nhóm chấm chéo sản phẩm của nhau, kết hợp với kết quả đánh giá của giáo viên theo Rubric + GV có thể liên hệ, bổ sung một số kiến thức góp phần làm sinh động thêm nội dung bài dạy. Sau đó, GV nêu câu hỏi: *Sau khi đã tìm hiểu xong đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, nếu được lựa chọn sống ở một*	+ Bữa ăn hàng ngày có cơm tẻ, xôi, ngô, muối ớt, uống rượu cần… + Một số món ăn độc đáo, hấp dẫn: món thắng cố của người H"mông, thịt trâu gác bếp của người Thái, xôi ngũ sắc của dân tộc Tày, Nùng… Mặc - Người Kinh + Trang phục truyền thống: Đàn ông mặc quần nâu, đi chân trần; phụ nữ mặc váy, yếm, áo cánh nâu, chít khăn mỏ quạ; hoặc áo bà ba, quấn khăn rằm + Đầu XX, áo dài được sử dụng phổ biến và trở thành quốc phục của phụ nữ Việt Nam hiện nay + Hiện nay, người Kinh thường mặc quần âu, áo sơ mi… - Các dân tộc thiểu số: trang phục truyền thống được đặc trưng bởi hoa văn, chất liệu hoặc màu sắc riêng Ở - Người Kinh + Nhà ở truyền thống: nhà trệt, thường được bố trí liên hoàn: nhà, sân, vườn, ao + Nhà chính thường có kết cấu năm gian hoặc ba gian, gian giữa trang trọng nhất đặt bàn thờ tổ tiên + Hiện nay, nhà ở thay đổi theo hướng hiện đại, phổ biến các ngôi nhà tầng hoặc chung cư (ở các đô thị) - Các dân tộc thiểu số: + Sống tập trung trong các bản, xóm, làng, kiểu nhà phổ biến là nhà sàn + Thường có một ngôi nhà chung làm nơi sinh hoạt cộng đồng. Phương tiện đi lại - Dân tộc Kinh + Trước đây: đi bộ, vận chuyển bằng vai; hoặc xe trâu, bò (kéo), ngựa (cưỡi/thồ), các loại thuyền, bè… + Hiện nay: sử dụng đa dạng các loại hình phương tiện giao thông: xe đạp,

trong ba khu vực sau đây: nông thôn – đồng bằng, đô thị, miền núi, em thích sống nhất ở khu vực nào? Vì sao? + HS trả lời theo quan điểm cá nhân	xe máy, ô tô, tàu thủy, tàu hỏa, máy bay… - Các dân tộc thiểu số: chủ yếu đi bộ, vận chuyển đồ bằng gùi; sử dụng trâu, ngựa, voi, thuyền, bè…

5. Hoạt động 5: Tìm hiểu đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

a. Mục tiêu: Trình bày được nét chính đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

b. Nội dung: GV thiết kế hệ thống trò chơi. HS tham gia trò chơi theo nhóm để lĩnh hội kiến thức

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời/ phiếu học tập của HS trên giấy A0.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 4 nhóm, tổ chức trò chơi cho các nhóm tìm hiểu về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. *** Trò chơi ô chữ** - Thể lệ: Sau khi GV nêu câu hỏi, đội nào giơ tay nhanh nhất, đội đó giành quyền trả lời. Mỗi câu trả lời đúng được 2 điểm Câu 1 (13 chữ cái): Hình ảnh sau giúp chúng ta liên tưởng đến tín ngưỡng gì của cộng đồng các dân tộc Việt Nam? (Thờ Thành hoàng) Câu 2 (6 chữ cái): Hình ảnh sau giúp chúng ta liên tưởng đến tín ngưỡng gì của cộng đồng các dân tộc Việt Nam?	**4. Đời sống tinh thần** **a. Tín ngưỡng, tôn giáo** - Tín ngưỡng: + Cộng đồng các dân tộc Việt Nam có tín ngưỡng phong phú: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ Thành hoàng, thờ Mẫu, thờ tổ nghề… Trong đó, thờ cúng tổ tiên là quan trọng nhất. + Các dân tộc thiểu số còn thờ nhiều thần tự nhiên theo thuyết "vạn vật hữu linh", thờ các vị thần nông nghiệp - Tôn giáo: Tiếp thu các tôn giáo lớn trên thế giới: Phật giáo, Đạo giáo, Hin – đu giáo. **b. Phong tục, tập quán, lễ hội.** - Trong cuộc sống, người Kinh thường có nhiều phong tục tập quán liên quan đến chu kì vòng đời (sinh đẻ, cưới xin, ma chay), chu kì canh tác (xuống đồng, cơm mới), chu kì thời gian (Tết Nguyên đán, tết nguyên tiêu, Tết trung thu) Các dân tộc thiểu số cũng có phong tục, tập quán đa dạng. Một số tộc người ở Tây Nguyên hay ở Nam Bộ tổ chức gia đình theo hình thức mẫu hệ. Trong cưới hỏi, người phụ nữ chủ động nhờ mai mối hay lo việc sính lễ. Về lễ tết, tết Nguyên đán là tết lớn nhất trong năm của người Kinh. Ngoài ra, còn có các lễ hội khác gắn

(Thờ Mẫu)

Câu 3 (8 chữ cái): Hình ảnh sau giúp chúng ta liên tưởng đến tín ngưỡng gì của cộng đồng các dân tộc Việt Nam?

(Thờ Tổ nghề)

Câu 4 (10 chữ cái): Hình ảnh sau giúp chúng ta liên tưởng đến tín ngưỡng gì của cộng đồng các dân tộc Việt Nam?

(Thờ thổ công)

Câu 5 (13 chữ cái): Hình ảnh sau giúp chúng ta liên tưởng đến tín ngưỡng gì của cộng đồng các dân tộc Việt Nam?

liền với sản xuất nông nghiệp hoặc tín ngưỡng, tôn giáo như lễ hội đền Hùng (Phú Thọ), lễ hội chùa Hương (Hà Nội), lễ hội Vía Bà Chúa Xứ (An Giang). Cộng đồng các dân tộc thiểu số có các lễ hội tiêu biểu như: lễ hội cầu mùa (dân tộc Dao, Thái, Khơ mú), lễ hội cồng chiêng (các dân tộc Tây Nguyên), lễ hội lồng tồng (dân tộc Tày), lễ hội Hoa ban (dân tộc Thái), lễ hội Ka - tê (dân tộc Chăm), lễ hội Ok Om Bok (dân tộc Khơ – me)… Vào các dịp lễ hội, người dân thường tiến hành các nghi thức cúng tế thần linh, tổ chức ca hát, nhảy múa, ăn uống và các trò vui chơi giải trí.

c. Nghệ thuật:

+ Nghệ thuật biểu diễn của dân tộc Kinh rất đa dạng: múa rối nước, chèo, tuồng, đờn ca tài tử, ca trù, hát xoan, dân ca quan họ…

+ Các dân tộc thiểu số:

● Vùng Tây Bắc: làn điệu dân ca, múa, xòe, thổi các loại khèn, sáo, trống…

● Vùng Nam Bộ: các điệu dân vũ, nhạc cụ gồm bộ gõ, bộ dây, bộ hơi.

(Thờ cúng tổ tiên)

Câu 6 (10 chữ cái): Hình ảnh sau giúp chúng ta liên tưởng đến tín ngưỡng gì của cộng đồng các dân tộc Việt Nam?

(Thờ thần tài)

Câu 7 (8 chữ cái): Đây là một tôn giáo được du nhập vào nước ta từ thời Bắc thuộc và đặc biệt phát triển dưới thời kì Lý – Trần?

(Phật giáo)

Câu 8 (9 chữ cái): Tôn giáo này được du nhập vào nước ta từ Ấn Độ, được phần lớn dân tộc Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận theo

(Hinđu giáo)

Câu 9 (8 chữ cái): Tôn giáo này từ phương Tây du nhập vào nước ta từ thế kỉ XVI?

(Công giáo)

*** Trò chơi Ai nhanh hơn**

- Thể lệ: Trong thời gian 3 phút, các nhóm sử dụng các từ cho sẵn để hoàn thành vào phiếu học tập mang tên: TÌM VỀ PHONG TỤC, TẬP QUÁN, LỄ HỘI VIỆT NAM
- Mỗi câu trả lời đúng được 2 điểm

Sử dụng các từ cho sẵn điền vào ô trống

Nguyên đán	Canh tác	Cầu mùa

Cồng chiêng	Hoa ban	Mẫu hệ
Chùa Hương	Ok Om Bok	Đền Hùng
Ka - tê	Lồng tồng	Vòng đời
Thời gian	Vía Bà Chúa Xứ	

Trong cuộc sống, người Kinh thường có nhiều phong tục tập quán liên quan đến chu kì…(1)….(sinh đẻ, cưới xin, ma chay), chu kì….(2)….(xuống đồng, cơm mới), chu kì….(3)….. (Tết Nguyên đán, tết nguyên tiêu, Tết trung thu)

Các dân tộc thiểu số cũng có phong tục, tập quán đa dạng. Một số tộc người ở Tây Nguyên hay ở Nam Bộ tổ chức gia đình theo hình thức….(4)…. Trong cưới hỏi, người phụ nữ chủ động nhờ mai mối hay lo việc sính lễ.

Về lễ tết, tết…..(5)…..là tết lớn nhất trong năm của người Kinh. Ngoài ra, còn có các lễ hội khác gắn liền với sản xuất nông nghiệp hoặc tín ngưỡng, tôn giáo như lễ hội….(6)…. (Phú Thọ), lễ hội….(7)….. (Hà Nội), lễ hội…(8)…. (An Giang). Cộng đồng các dân tộc thiểu số có các lễ hội tiêu biểu như: lễ hội…(9)…. (dân tộc Dao, Thái, Khơ mú), lễ hội….(10)…. (các dân tộc Tây Nguyên), lễ hội…..(11)…. (dân tộc Tày), lễ hội….(12) (dân tộc Thái), lễ hội….(13)…. (dân tộc Chăm), lễ hội…(14)…(dân tộc Khơ – me)… Vào các dịp lễ hội, người dân thường tiến hành các nghi thức cúng tế thần linh, tổ chức ca hát, nhảy múa, ăn uống và các trò vui chơi giải trí.

*** Trò chơi: Nhà Sử học thông thái**

- GV nêu câu hỏi: Em hãy kể tên các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của Việt Nam được ghi nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại

- Thể lệ: Các nhóm lần lượt quay vòng trả lời. Mỗi lần trả lời, thời gian suy nghĩ tối đa 15 giây. Nếu không trả lời được, nhóm tiếp theo sẽ giành quyền trả lời. Mỗi câu trả lời đúng được 5 điểm

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS làm việc theo nhóm, tham gia trò chơi, lĩnh hội kiến thức

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm thực hiện nhiệm vụ, trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập theo sự hướng dẫn, tổ chức của GV.

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV tổ chức chấm điểm sau mỗi phần chơi và công bố kết quả cuối cùng + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được một số câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu các câu hỏi sau

Câu 1. Canh tác lúa nước là hoạt động kinh tế chính của tộc ở Việt Nam?

A. Kinh. **B**. Thái. **C**. Chăm. **D**. Mường.

Câu 2. Tín ngưỡng tôn giáo sau đây được người Việt tiếp thu từ bên ngoài?

A. Thờ Phật. **B**. Thờ anh hùng dân tộc.

C. Thờ ông Thành hoàng. **D**. Thờ cúng tổ tiên.

Câu 3. Yếu tố nào **không** phải là đặc điểm trong hoạt động sản xuất chủ yếu của tộc người Kinh?

A. Trồng lúa trên ruộng bật thang. **B**. Phát triển nuôi trồng thủy - hải sản.

C. Thường xuyên đắp đê ngăn lũ lụt. **D**. Trồng lúa và cây lương thực khác.

Câu 4. Tín ngưỡng phổ biến và tiêu biểu nhất của người Việt là

A. thờ cúng tổ tiên. **B**. thờ Thần linh. **C**. thờ phồn thực **D**. thờ cúng Phật.

Câu 5. Vì sao các dân tộc thiểu số ở nước ta trước đây chủ yếu đi lại, vận chuyển là đi bộ và vận chuyển đồ bằng gùi?

A. Do sống chủ yếu ở miền núi dốc, hẹp.

B. Do sống chủ yếu ở vùng đồng bằng nhiều sông, kênh.

C. Do nhu cầu vận chuyển đồ đạt ngày càng nhiều.

D. Do lúc bấy giờ phương tiện xe và thuyền chưa xuất hiện.

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi trắc nghiệm

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV gọi lần lượt HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn đáp án.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học, giải quyết bài tập thực tiễn

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ (cá nhân), GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau

Hãy trình bày hiểu biết của bản thân về các dân tộc cư trú tại địa phương (nếu có); hoặc kể lại một trải nghiệm qua một chuyến du lịch đến các địa phương có các dân tộc cư trú (ví dụ: học sinh có thể nói về phong tục tập quán, lễ hội, ẩm thực, ca múa…của các dân tộc)

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 15: Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.*

BÀI 17: KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

- *Tìm hiểu lịch sử:*

+ Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.
+ Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước và trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
+ Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc.
+ Nêu được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và NN hiện nay về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng…
+ Có ý thức trân trọn sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử:* Phân tích được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh.
- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* Chỉ ra được những hành động cụ thể của bản thân góp phần vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.

2. Về phẩm chất

- *Yêu nước*

+ Tự hào về truyền thống đại đoàn kết của dân tộc
+ Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc

- *Trách nhiệm:* Hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập (giấy A0, A4)
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: Đọc trước bài 17, chuẩn bị nội dung trả lời các câu hỏi phần cuối bài

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

TIẾT 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của học sinh, tạo hứng thú, lôi cuốn HS vào bài học mới

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS quan sát những hình ảnh liên quan đến câu chuyện Bó đũa, HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

GV chiếu một số hình ảnh liên quan đến câu chuyện bó đũa, nêu câu hỏi:

1. Những hình ảnh trên giúp em liên tưởng đến câu chuyện nào?

2. Câu chuyện đó giúp chúng ta rút ra được bài học gì trong cuộc sống?

- Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng hiểu biết thực tế của bản thân, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

+ GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức:

1. Hình ảnh trên liên quan đến câu chuyện Bó đũa

2. Từ câu chuyện giúp chúng ta rút ra bài học về vai trò của tinh thần đoàn kết.

+ GV dẫn dắt vào bài học:

- Bước 3: GV nhận xét, chuẩn kiến thức, dẫn dắt vào bài mới: *Đối với mỗi cá nhân, khi biết sống đoàn kết, chúng ta sẽ tạo dựng được thiện cảm tốt đẹp với những người xung quanh. Từ đó, giúp ta dễ dàng học hỏi điều hay từ những cá nhân khác để hoàn thiện bản thân, phát huy thế mạnh, sở trường của ta đối với những công việc tập thể. Đối với một dân tộc, tinh thần đoàn kết là sức mạnh không thể thiếu để vượt qua mọi thách thức, biến cố trong lịch sử.*

Vậy tinh thần đoàn kết đó đã giúp đất nước ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở quá khứ, hiện tại, tương lai như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài 17: Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc

a. Mục tiêu: Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

b. Nội dung:GV nêu câu hỏi; HS đọc thông tin trong SGK, làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở ghi thời gian, cơ sở hình thành khối đại đoàn kết dân tộc

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Kiến thức cần đạt
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc SGK, trả lời câu hỏi: ***1. Khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam được hình thành từ khi nào?*** ***2. Khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam được hình thành dựa trên những cơ sở nào?*** **- Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS đọc SGK, tìm kiếm thông tin đưa ra đáp án + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **- Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV gọi 1 – 2 HS trả lời câu hỏi + Các HS khác nhận xét, bổ sung **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. **+ GV có thể liên hệ, mở rộng:** - GV nêu câu hỏi: *1. Em hãy dẫn chứng một số chính sách của Nhà nước qua các thời kì nhằm xây dựng, củng cố, phát triển khối đoàn kết toàn dân tộc.* *2. Nêu nhận xét về sự hình thành phát triển khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam* - HS thảo luận cặp đôi (Think – Pair – Share), hoàn thành nhiệm vụ trong 5 phút - GV gọi đại diện 1 số cặp đôi trả lời câu hỏi, các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức * Dự kiến sản phẩm ***1. Một số chính sách của Nhà nước qua các thời kì nhằm xây dựng, củng cố, phát triển khối đoàn kết toàn dân tộc*** + Nhà Lý: thực hiện chính sách ràng buộc hôn nhân giữa triều đình với các tù trưởng miền núi + Nhà Trần thực hiện sự đoàn kết cao độ trong nội bộ vương triều và quân dân cả nước, chú ý chăm lo cho đời sống của toàn dân tộc, "khoan thư sức dân là kế sâu rễ bền gốc". Các dân tộc thiểu số vì vậy có nhiều đóng góp cho cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược	- Khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam được hình thành từ thời dựng nước Văn Lang -Âu Lạc - Cơ sở hình thành khối đại đoàn kết dân tộc: + Tình cảm gia đình và tình yêu quê hương đất nước của mỗi cá nhân + Do nhu cầu liên kết để trị thủy, phát triển nông nghiệp và đấu tranh chống giặc ngoại xâm + Do chính sách xây dựng, củng cố, phát triển khối đoàn kết toàn dân tộc của Nhà nước Việt Nam qua các thời kì lịch sử

+ Từ khi ĐCS Việt Nam ra đời, Đảng đã thành lập nhiều hình thức mặt trận dân tộc thống nhất nhằm tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân, củng cố và phát huy cao độ khối đại đoàn kết dân tộc (Mặt trận Việt Minh, mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam….) ***2. Nhận xét về sự hình thành phát triển khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam*** + Khối đại đoàn kết dân tộc được hình thành từ rất sớm, ngay buổi đầu dựng nước + Trải qua các thời kì lịch sử, khối đại đoàn kết liên tục được cả Nhà nước và nhân dân quan tâm xây dựng, bồi đắp và được phát huy đến đỉnh cao từ khi có sự ra đời và lãnh đạo của Đảng	

Hoạt động 2. Tìm hiểu vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc

a. Mục tiêu: Phân tích được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước, giữ nước và trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS làm việc theo đơn vị bàn, hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức thực hiện

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Kiến thức cần đạt</th></tr>
<tr><td>
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV cho HS làm việc theo đơn vị bàn, hoàn thành phiếu học tập
VAI TRÒ CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC QUA CÁC THỜI KÌ LỊCH SỬ
<table>
<tr><th>Thời kì lịch sử</th><th>Vai trò khối đại đoàn kết dân tộc</th></tr>
<tr><td>Thời kì dựng nước</td><td></td></tr>
<tr><td>Thời kì phong kiến (X – XIX)</td><td></td></tr>
<tr><td>Từ khi có sự lãnh đạo của Đảng (thế kỉ XX)</td><td></td></tr>
<tr><td>Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay</td><td></td></tr>
</table>
- Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập
+ HS thảo luận theo đơn vị bàn, hoàn thành phiếu học tập (giấy A4)
+ Thời gian: 8 phút
- Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
+ GV gọi đại diện 1 - 2 bàn lên trình bày.
+ Các bàn khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung
- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
</td><td>
<table>
<tr><th>Thời kì lịch sử</th><th>Vai trò khối đại đoàn kết dân tộc</th></tr>
<tr><td>Thời kì dựng nước</td><td>- Giúp cư dân Việt cổ thực hiện tốt công tác trị thủy, xây dựng công trình công cộng, chống ngoại xâm…
- Là cơ sở quan trọng cho sự hình thành nhà nước Văn Lang – Nhà nước đầu tiên trên đất nước Việt Nam</td></tr>
<tr><td>Thời kì phong kiến (X – XIX)</td><td>Tạo sức mạnh quyết định giúp ta chiến thắng giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc: chiến thắng quân Tống, quân Mông – Nguyên, quân Minh, quân Xiêm, Thanh…</td></tr>
<tr><td>Từ khi có sự lãnh đạo của Đảng (thế kỉ XX)</td><td>Nhờ khối đoàn kết toàn dân tộc và đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng, nhân dân ta đã làm nên thắng lợi của cách mạng tháng Tám (1945), kháng chiến chống Pháp (1954), kháng chiến chống Mĩ (1975), các cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc và phía Tây Nam sau năm 1975….</td></tr>
<tr><td>Trong sự</td><td>- Mối quan hệ hòa hợp, tương trợ giữa các dân tộc tạo ra môi</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
*** GV có thể liên hệ, mở rộng**
- GV cung cấp tư liệu hỗ trợ **(phụ lục 1)**, yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, trả lời các câu hỏi sau
1. Hãy sắp xếp các hình ảnh trên sao cho phù hợp với những biểu hiện (vai trò) của tinh thần đoàn kết dân tộc qua các thời kì lịch sử
2. Khối đại đoàn kết dân tộc được thể hiện như thế nào qua các hình ảnh trên
- Bước 2: HS thảo luận cặp đôi (kĩ thuật Think – Pair – Share), hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian 10 phút
- Bước 3: GV gọi 1 – 2 cặp đôi bất kì trình bày sản phẩm học tập. Các cặp khác nhận xét, bổ sung
- Bước 4: GV nhận xét chung, tuyên dương những HS trả lời tốt và chuẩn đáp án **(phụ lục 2)**</td>
<td>nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay</td>
<td>trường hòa bình, ổn định cho phát triển kinh tế, văn hóa
- Đại đoàn kết giúp phát huy sức mạnh của các tầng lớp nhân dân và cả cộng đồng người Việt ở nước ngoài tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, đặc biệt là bảo vệ chủ quyền biên giới, biển đảo của Việt Nam
- Là nguồn sức mạnh giúp Việt Nam vượt qua thách thức của thời đại mới như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh…</td>
</tr>
</table>

Hoạt động 3. Tìm hiểu quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc

a. Mục tiêu: Trình bày được quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi vấn đáp. HS theo dõi SGK, làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Kiến thức cần đạt
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: *Em hãy nêu quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc?* - Bước 2: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi - Bước 3: GV nhận xét, chuẩn kiến thức	- Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đến chính sách dân tộc, coi đây là vấn đề chiến lược, lâu dài, đồng thời là vấn đề cấp bách - Nguyên tắc cơ bản chỉ đạo xây dựng quan hệ giữa các dân tộc – tộc người: bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển

Hoạt động 4. Tìm hiểu nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước

a. Mục tiêu: Phân tích được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp/ thảo luận theo đơn vị bàn, hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức thực hiện

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Kiến thức cần đạt</th></tr>
<tr><td>**- Bước 1:** GV cho HS làm việc theo cặp, hoàn thành phiếu học tập sau trong thời gian 7 phút</td><td><table>
<tr><th>Lĩnh vực</th><th>Nội dung cơ bản</th></tr>
<tr><td>**Kinh tế**</td><td>Ưu tiên phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số (tập trung xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế phù hợp thế mạnh từng vùng…)</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>
NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC
<table>
<tr><th>Lĩnh vực</th><th>Nội dung cơ bản</th></tr>
<tr><td>Kinh tế</td><td></td></tr>
<tr><td>Xã hội</td><td></td></tr>
<tr><td>Quốc phòng – an ninh</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">Nhận xét chung
……
……
…….</td></tr>
</table>
- Bước 2: GV gọi đại diện một bàn lên trình bày. Các bàn khác nhận xét, bổ sung
- Bước 3: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

* GV mở rộng, phân tích
- GV cung cấp tư liệu hỗ trợ (phụ lục 1), yêu cầu HS thảo luận theo bàn, hoàn thành phiếu học tập (10 phút) (phụ lục 2)
- HS thảo luận theo bàn, hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian 10 phút
- GV gọi 1 – 2 bàn bất kì trình bày sản phẩm học tập. Đại diện các bàn khác nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét chung, tuyên dương những HS trả lời tốt và chuẩn đáp án (phụ lục 3)
</td>
<td>
<table>
<tr><td>Xã hội</td><td>- Tập trung vào các vấn đề giáo dục – đào tạo, văn hóa, y tế ở địa bàn sinh sống đồng bào dân tộc thiểu số.
- Thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tạo tiền đề và cơ hội để các dân tộc có đầy đủ điều kiện tham gia quá trình phát triển
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào</td></tr>
<tr><td>Quốc phòng – an ninh</td><td>Củng cố các địa bàn chiến lược, giải quyết tốt vấn đề đoàn kết dân tộc trong nước và liên quốc gia trong xu thế toàn cầu hóa</td></tr>
<tr><td colspan="2">Nhận xét chung
- Chính sách về dân tộc vừa đảm bảo tính nhất quán, vừa có sự điều chỉnh trước yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế
- Chính sách dân tộc hướng tới khai thác mọi tiềm năng của đất nước để phục vụ đời sống nhân dân…</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được một số câu hỏi liên quan đến cơ sở hình thành, vai trò…của khối đại đoàn kết dân tộc thông qua hệ thống trò chơi

b. Nội dung: HS tham gia trò chơi theo nhóm, dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành 2 nhóm, tổ chức trò chơi "Nhanh trí". Trò chơi gồm 3 phần

+ Phần 1: Em hãy kể tên những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, những câu chuyện dân gian Việt Nam nói về tinh thần đoàn kết dân tộc của cha ông ta

+ Phần 2: Em hãy kể tên một số anh hùng thuộc cộng đồng các dân tộc ít người trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của Việt Nam
+ Phần 3: Em hãy kể tên một số bài hát ca ngợi các anh hùng thuộc cộng đồng các dân tộc ít người ở Việt Nam mà em biết
- Bước 2: Các nhóm thực hiện trò chơi (mỗi nhóm 1 lượt trả lời. Nhóm nào ko trả lời được, nhóm kia sẽ giành quyền trả lời. Mỗi câu trả lời đúng 1 điểm). Thời gian cho mỗi phần chơi là 2 phút
- Bước 3: GV chuẩn đáp án đúng, tổng kết 3 phần chơi cả 2 đội. Có những phần thưởng (điểm cộng) cho nhóm / cá nhân xuất sắc

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, làm việc theo nhóm, trả lời câu hỏi

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ Các nhóm phất cờ nhanh nhất để giành quyền trả lời câu hỏi
+ Nếu trả lời sai, nhóm khác sẽ được quyền trả lời

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn đáp án.

* Phần 1:
- Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ
- Lá lành đùm lá rách
- Bầu ơi thương lấy bí cùng/Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn
- Một cây làm chẳng nên non/Ba cây chụm lại nên hòn núi cao
- Câu chuyện bó đũa, Con rồng cháu Tiên…

* Phần 2:

Bế Văn Đàn (Tày); Kim Đồng (Nùng); Hồ Kan Lịch (Pa Kô); Nông Văn Việt (Tày); Nơ Trang Lơng (Mnông)…

* Phần 3:

Bài hát Ngô Mây; Kim Đồng; Ơi con suối La La; Ra đi từ tiếng hát; Vừ A Dính bất tử, Vừ A Dính – người thiếu niên anh hùng…

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học, giải quyết bài tập thực tiễn

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ (cá nhân), GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS thực hiện một trong hai nhiệm vụ học tập sau

*** Nhiệm vụ 1:**

Từ thông tin dưới đây, hãy đề xuất phương án của em để chống lại các hành động phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực phản động

"Các thế lực thù địch, phản động lợi dụng cái gọi là "quyền tự quyết" của dân tộc để kích động, lôi kéo một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai nói riêng và các tỉnh Tây Nguyên nói chung thành lập "Nhà nước Đề - ga tự trị"… Tổ chức FULRO lưu vong sử dụng các chiêu bài lôi kéo hướng dẫn đồng bào dân tộc thiểu số trốn sang Cam – pu – chia, Thái Lan hoạt động để chống phá. Để thực hiện âm mưu, chúng nấp dưới chiêu bài dân chủ, nhân quyền; kết hợp với các tổ chức bên ngoài tìm cách đưa người vào bên trong nội địa nhằm phục hồi hoạt động FULRO, "Tin lành Đê – ga", khôi phục, củng cố "Tà đạo Hà Mòn";…

(Theo *Nhận diện âm mưu và luận điệu sai trái của các thế lực thì địch trên địa bàn tỉnh Gia Lai*, Trang tin điện tử Đảng bộ tỉnh Gia Lai, ngày 27 – 10 – 2021)

*** Nhiệm vụ 2**

1. Đọc các thông tin dưới đây, hãy cho biết một số chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta trong những năm qua

1. Liên hệ thực tế địa phương em (nếu có) hoặc thực tế trên cả nước, hãy cho biết một vài kết quả thực hiện các chương trình, dự án được nhắc đến trong thông tin 2

Thông tin 1

Nghị quyết hội nghị lần thứ VII Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc đã khẳng định chính sác dân tộc trong giai đoạn hiện nay là: "Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước".

Thông tin 2

Để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi, nâng cao dần mức sống của đồng bào các dân tộc, trong những năm đổi mới vừa qua, Đảng và Nhà nước ta đã triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án đầu tư phát triển trên địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc như: chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng, chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa (chương trình 135)…

(Theo Vy Xuân Hoa, *Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước trong việc đảm bảo quyền của các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Tài liệu đã dẫn)

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)

PHỤ LỤC 1: TƯ LIỆU HỖ TRỢ
HÌNH ẢNH MINH CHỨNG VỀ KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KÌ LỊCH SỬ

Hình 1: Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tại Hà Nội (1945)

(Nguồn: Bộ sách cánh diều, tr.124)

Hình 2: Thanh niên Hà Nội lên đường chi viện cho chiến trường miền Nam
(Nguồn: Bộ sách cánh diều, tr.124)

Hình 3: Truyền thuyết "Con rồng cháu Tiên"

Hình 4: Anh hùng Liệt sĩ Bế Văn Đàn (Dân tộc Tày, Cao Bằng)

Hình 5: Công nhân Hải Phòng bỏ phiếu bầu cử Quốc hội khóa VI (1976)
(Nguồn: Bộ sách cánh diều, tr.125)

Hình 6: Nhân dân các dân tộc chung tay ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt (10/2020)

Hình 7: Hội nghị Diên Hồng (1284)

Hình 8: Tranh cổ động "Quyết tâm bảo vệ biển đảo quê hương"
(Nguồn: Bộ sách cánh diều, tr.126)

PHỤ LỤC 2: DỰ KIẾN SẢN PHẨM PHIẾU HỌC TẬP

Thời kì lịch sử	Hình ảnh dẫn chứng	Nhận xét
Thời kì dựng nước	 Hình 3: Truyền thuyết "Con rồng cháu Tiên"	Giải thích về nguồn gốc, tổ tiên của các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam (cùng chung 1 cha mẹ, 1 giống nòi), là minh chứng về khối đại đoàn kết dân tộc ngay từ thuở bình minh lịch sử
Thời kì phong kiến (X – XIX)	 Hình 7: Hội nghị Diên Hồng (1284)	Thể hiện ý chí của toàn dân tộc quyết tâm đoàn kết đánh thắng quân Mông – Nguyên xâm lược
Từ khi có sự lãnh đạo của Đảng (thế kỉ XX)	 Hình 1: Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tại Hà Nội (1945) Hình 2: Thanh niên Hà Nội lên đường chi viện cho chiến trường miền Nam	- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, tát cả mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội đều tham gia đấu tranh giành chính quyền - Có nhiều anh hùng các dân tộc thiểu số cùng tham gia vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc - Ý chí, nguyện vọng thống nhất non sông và thống nhất đất nước về mặt Nhà nước của hai miền Nam – Bắc Việt Nam

	 Hình 4: Anh hùng Liệt sĩ Bế Văn Đàn (Dân tộc Tày, Cao Bằng) Hình 5: Công nhân Hải Phòng bỏ phiếu bầu cử Quốc hội khóa VI (1976)	
Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay	 Hình 6: Nhân dân các dân tộc chung tay ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt (10/2020) Hình 8: Tranh cổ động "Quyết tâm bảo vệ biển đảo quê hương"	- Truyền thống tương thân, tương ái, lá lành đùm lá rách của dân tộc Việt Nam - Tinh thần đoàn kết các dân tộc để bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam

PHỤ LỤC 3: TƯ LIỆU HÌNH ẢNH HỖ TRỢ CÁC CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Hình 1: Nông trường chè của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Mộc Châu

Hình 2: Đường vào bản của đồng bào dân tộc thiểu số ở xã Sủng Là, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang

Hình 3: Điểm trường mầm non và tiểu học cho con em đồng bào ở Mường La (Sơn La)

Hình 4: Nước sạch theo chương trình 135 cho đồng bào Hmông (Yên Bái)

Hình 5: Cầu nông thôn mới cho đồng bào Khmer (Trà Vinh)

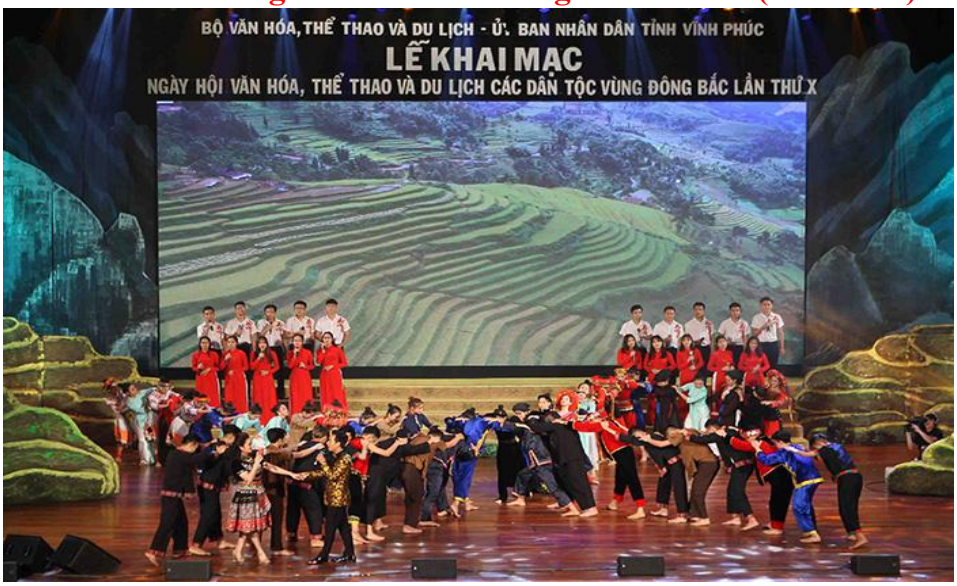

Hình 6: Lễ khai mạc ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc vùng Đông Bắc lần thứ X (năm 2018)

Hình 7: Trường Trung học phổ thông dân tộc bán trú Ngô Quyền (Bác Ái – Ninh Thuận) ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và giảng dạy

Hình 8: Phát triển mô hình chăn nuôi của người dân tộc Mông ở bản Huổi Bắc, xã Pha Mu, huyện miền núi Than Uyên (Lai Châu)

PHỤ LỤC 4. PHIẾU HỌC TẬP

1. Cho biết những hình ảnh sau tương ứng với chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực nào?

Lĩnh vực	Hình ảnh minh chứng	Tác dụng
Kinh tế	Hình…….	
	Hình……..	
Xã hội	Hình……..	
	Hình……..	
	Hình……..	
	Hình……..	
	Hình……..	
	Hình……..	

2. Việc Đảng và Nhà nước ưu tiên thực hiện các chính sách đó đối với các dân tộc thiểu số có ý nghĩa như thế nào?

PHỤ LỤC 5: DỰ KIẾN SẢN PHẨM PHIẾU HỌC TẬP

Lĩnh vực	Hình ảnh minh chứng	Tác dụng
Kinh tế	 **Hình 1: Nông trường chè của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Mộc Châu** **Hình 8: Phát triển mô hình chăn nuôi của người dân tộc Mông ở bản Huổi Bắc, xã Pha Mu, huyện miền núi Than Uyên (Lai Châu)**	- Phát triển kinh tế phù hợp với thế mạnh của vùng đồng bào dân tộc thiểu số - Tăng thu nhập, nâng cao đời sống nhân dân, tăng cường khối đoàn kết dân tộc
Xã hội	 **Hình 2: Đường vào bản của đồng bào dân tộc thiểu số ở xã Sủng Là, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang** **Hình 5: Cầu nông thôn mới cho đồng bào Khmer (Trà Vinh)**	- Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông thuận tiện cho đi lại, sinh hoạt và phát triển kinh tế

	 Hình 3: Điểm trường mầm non và tiểu học cho con em đồng bào ở Mường La (Sơn La)	- Đầu tư cho giáo dục (xây trường học, các trang thiết bị hiện đại) nhằm phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số
	 Hình 7: Trường Trung học phổ thông dân tộc bán trú Ngô Quyền (Bác Ái – Ninh Thuận) ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và giảng dạy	- Cung cấp nước sạch đảm bảo sinh hoạt, sức khỏe của người dân, giúp ổn định cuộc sống
	 Hình 4: Nước sạch theo chương trình 135 cho đồng bào Hmông (Yên Bái)	- Quảng bá, tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc vùng Đông Bắc. - Trao đổi, giao lưu giữa các nghệ nhân, các nhà quản lý văn hóa tìm ra giải pháp hiệu quả nhất giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa đó - Thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước cho sự phát triển đời sống văn hóa của đồng bào các dân tộc
	  Hình 6: Lễ khai mạc ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc vùng Đông Bắc lần thứ X (năm 2018)	

2. Việc Đảng và Nhà nước ưu tiên thực hiện các chính sách đó đối với các dân tộc thiểu số có ý nghĩa như thế nào?

- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, trình độ dân trí cho đồng bào các dân tộc thiểu số
- Phát triển kinh tế đất nước trên cơ sở thế mạnh vùng miền

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT CUỐI NĂM LỚP 10
MÔN LỊCH SỬ

I. MỤC ĐÍCH

1. Kiến thức

- Trình bày được cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa
- Trình bày được ý nghĩa của văn minh Đại Việt
- Dẫn chứng được một số giá trị của văn minh Đại Việt tồn tại đến ngày nay
- Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam
- Nêu được cơ sở hình thành; vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Phân tích được chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay.

2. Năng lực

- Năng lực tìm hiểu lịch sử
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử
- Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử

3. Phẩm chất:

– Trung thực: tự giác làm bài kiểm tra.
– Chăm chỉ: phát huy hết khả năng của mình.

II. HÌNH THỨC: Kết hợp trắc nghiệm và tự luận

III. MA TRẬN

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam	***Bài 14. Cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt*** - Khái niệm văn minh Đại Việt - Cơ sở hình thành văn minh Đại Việt - Quá trình phát triển của văn minh Đại Việt	1		2						7,5%
		Bài 15: Một số thành tựu của văn minh Đại Việt - Chính trị - Kinh tế - Văn hóa - Ý nghĩa văn minh Đại Việt	6		1	1	1				35%
	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	***Bài 16: Các dân tộc trên đất nước Việt Nam*** - Hoạt động kinh tế, đời sống vật chất - Đời sống tinh thần	1		1		1			1	22,5%

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
2		***Bài 17: Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam*** - Cơ sở hình thành khối đại đoàn kết dân tộc - Vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc - Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay	1	2/3				1/3			35%
Tổng số câu			**9**	**2/3**	**4**	**1**	**2**	**1/3**	**0**	**1**	19
Tỉ lệ %			**40%**		**30%**		**20%**		**10%**		**100%**

IV. Xây dựng câu hỏi đề kiểm tra

Ngày soạn.....
Ngày dạy.....

Tiết 6,7 **THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 1,2**

I.**MỤC TIÊU**

1. Kiến thức:

- Phân biệt hiện thực lịch Sử và lịch sử được con người nhận thức, vai trò của Sử học với các lĩnh vực của cuộc sống.

- Hệ thống hóa những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 1,2.

- Tìm hiểu về lịch sử trường THPT Hoàng Văn Thụ

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt
+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
+ Năng lực thực hành bộ môn: sưu tầm, thuyết trình

3. Phẩm chất:

- Giáo dục phẩm chất chăm chỉ; tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập để giải quyết vấn đề.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Lịch sử 10, Giáo án.
- Giấy A4 để tổ chức hoạt động nhóm.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

1. **Đối với học sinh**
   - SGK, SBT Lịch sử 10.
   - Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Nội dung thực hành chủ đề 1,2.*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 7 P**

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú cho HS học tập, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: HS xem video về trường THPT HOàng Văn Thụ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập: ghi ra giấy A4 (4 bạn 1 cặp)

- Trường THPT HVT thành lập khi nào?
- Nêu 3 điều cảm nhận của em về mái trường HVT

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS xung phong trả lời:

- GV mời đại HS khác nhận xét, trả lời câu hỏi (nếu có ý kiến khác).

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét dẫn nhập vào bài mới

- GV dẫn dắt vào bài học:

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Tiết 1:

Hoạt động 1: Hệ thống hóa những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 1,2: 25 P

a. **Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS hệ thống hóa được những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 1,2.
b. **Tổ chức hoạt động:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm, phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0, yêu cầu HS các nhóm thảo luận và thực hiện nhiệm vụ: Hệ thống hóa nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 1,2

Nhóm 1,2: Lập sơ đồ tư duy thể hiện nội dung kiến thức chủ đề 1

Nhóm 3,4: Lập sơ đồ tư duy thể hiện nội dung kiến thức chủ đề 2

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập: HS thảo luận theo các nhóm đã được phân công, trao đổi về nội dung các kiến thức đã được học trong chủ đề 1,2 và lập sơ đồ tư duy

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận sơ đồ tư duy(nhoms1,3 lên báo cáo; nhóm 2,4 nhận xét, bổ sung)

Bước 4: Đánh giá kết qủa thực hiện nhiệm vụ học tập: GV nhận xét

Hoạt động 2: Thực hành phân biệt: Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức: 13P

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS phân biệt được khái niệm Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức

b.Tổ chức hoạt động

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: Hoạt động cá nhân

GV sử dụng tranh ảnh: Phân biệt hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử, các nguồn sử liệu

Hình 1. Khuôn đúc tên đồng tìm thấy ở Cổ Loa (2004)

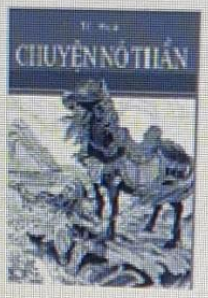

Hình 2. Tác phẩm *Chuyện nổ thần* của Tô Hoài

Hình 3. Một tác phẩm về lịch sử địa phương

1. HIỆN THỰC LỊCH SỬ

Hình 4. Mũi tên đồng tìm thấy ở Cổ Loa (1959)

Hình 5. Bia tưởng niệm thủ lĩnh La-pu-la-pu

2. NHẬN THỨC LỊCH SỬ

Hình 6. Lễ hội truyền thống tại Ta-lin (Et-tô-ni-a)

Hình 7. Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn Độc lập* tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội) ngày 2-9-1945

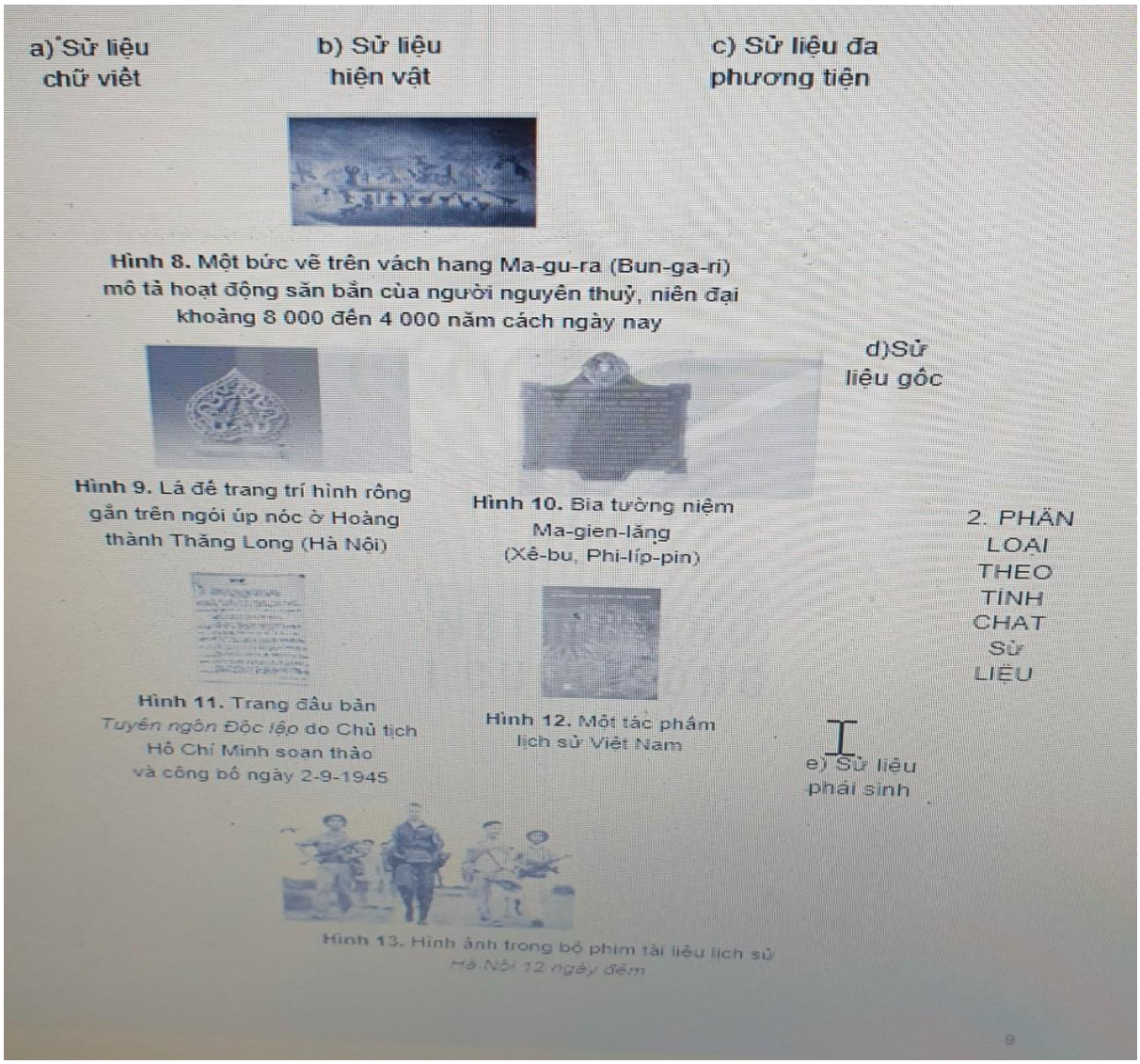

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập: HS suy nghĩ và trả lời

Bước 3: HS Báo cáo kết quả hoạt động

Bước 4: GV nhận xét Đánh giá kết qủa thực hiện nhiệm vụ học tập:

Tiết 2:

Hoạt động 3. Tìm hiểu về Lịch sử trường THPT HVT (25-30)

a. Mục tiêu: tìm hiểu lịch sử trường THPT Hoàng Văn Thụ giáo dục bồi dưỡng tình yêu của học sinh với mái trường HVT.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Sưu tầm những tư liệu về lịch sử trường HVT.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày trên giấy hoặc PP để thuyết trình

Bước 4: GV nhận xét + Bổ sung thông tin đến HS

3. Hoạt động luyện tập: (10p)

- Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã tìm hiểu ở tiết 2

- Hoạt động: Học sinh phát biểu cảm nhận, suy nghĩ sau khi tìm hiểu về lịch sử trường THPT Hoàng Văn Thụ.

- Sản phẩm: trên A0

- Tổ chức thực hiện

4. Hoạt động vận dụng

Tìm kiếm các nguồn tư liệu về chính bản thân em từ khi sinh ra đến nay

Ngày soạn:…….

Ngày dạy:……

Tiết PPCT: 14

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 3

MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI CỔ TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được các yêu cầu sau:

1.Kiến thức

2. Năng lực

- Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc nhận diện, khai thác và sử dụng được tư liệu, tranh ảnh lược đồ,…để tìm hiểu về nền văn minh Phương Tây thời kì cổ - trung đại.

- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc giải thích được cơ sở hình thành và nêu ý nghĩa của những thành tựu cở bản của văn minh Phương Tây thời kì cổ - trung đại.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin và thảo luận về nội dung và ý nghĩa của các thành tựu cơ bản của nền văn minh Phương Tây thời kì cổ - trung đại.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi, thảo luận nhóm để biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ - trung đại ở phương Tây.

3. Phẩm chất

- Trân trọng những giá trị của các thành tựu của văn minh Phương Tây thời kì cổ - trung đại cống hiến cho nhân loại.

- Góp phần phát triển phẩm chất trách nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm để tìm hiểu về các thành tựu chủ yếu của văn minh Phương Tây thời kì cổ - trung đại.; có trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị văn minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Lược đồ các quốc gia cổ đại phương Tây, tranh ảnh về các thành tựu văn minh Phương Tây thời kì cổ - trung đại.

- Tư liệu về các thành tựu văn minh tiêu biểu của Phương Tây thời kì cổ - trung đại.

như: Đề thờ Pactenong, Đấu trường Co-li-de (Rô-ma), các lĩnh vực khoa học,…

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, video clip, giấy A0 để tổ chức hoạt động nhóm (nếu có)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Hệ thống hoá kiến thức đã học

1. Mục tiêu: Giúp HS hệ thống hoá kiến thức đã học trong chủ đề 3: Một số nền văn minh thế giới thời kì cổ - trung đại.

2. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Hệ thống hoá những nối dung kiến thức cơ bản đã được học trong chủ đề

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trình bày sản phẩm bằng sơ đồ tư duy, bảng tóm tắt trên giấy A0 hoặc thiết kế trên PowerPoint…

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV sẽ chỉ định một số HS ở một số nhóm báo cáo kết quả hoạt động, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS khác có thể nhận xét, đánh giá, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

GV Kết luận, nhận định, phân tích nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Hệ thống và chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

Dự kiến sản phẩm

1. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Phương Tây thời kì cổ - trung đại.

Lĩnh vực	Thành tựu	Ý nghĩa
Tư tưởng, tôn giáo		
Chữ viết		
Văn học		
Kiến trúc, điêu khắc		
Thể thao		
Khoa học kĩ thuật		

Hoạt động 2. Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết các bài tập tình huống

1. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống

2. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Đánh dấu các thành tựu tiêu biểu của nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại theo mẫu sau cho đúng

Thành tựu	Văn minh Hi Lạp Cổ - Trung đại	Văn minh La Mã Cổ- trung đại
Đền Pác-tê-nông		
Chữ số La-Mã		
Đấu trường Cô-li-dê		
Tượng lực sĩ ném đĩa		
Thể vận hội Olimpic		
Cơ đốc giáo		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Thảo luận nhóm:

+ Cá nhân trao đổi về nhiệm vụ của nhóm

+ Hình thành nội dung báo cáo của nhóm

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV sẽ chỉ định một số HS ở một số nhóm báo cáo kết quả hoạt động, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS khác có thể nhận xét, đánh giá, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

GV Kết luận, nhận định, phân tích nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Hệ thống và chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

Hoạt động 3. Vẽ một công trình kiến trúc tiêu biểu của một trong các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

1. Mục tiêu: Phát hiện năng khiếu mĩ thuật ở học sinh khi vẽ các công trình kiến trúc tiêu biểu của văn minh phương Tây

2. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV: Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm vẽ một công trình kiến trúc của các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trình bày sản phẩm dưới hình thức phòng tranh…

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- HS các nhóm giới thiệu về sản phẩm của nhóm

- HS khác có thể nhận xét, đánh giá

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

Dự kiến sản phẩm

Đền Pác-tê-nông (Hy Lạp)	*Đấu trường Cô-li-dê (l-ta-li-a)*

Hoạt động 4. Đóng vai một hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về một công trình kiến trúc tiêu biểu của một trong các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

1. Mục tiêu: Phát hiện năng lực ở học sinh khi thuyết minh về công trình kiến trúc tiêu biểu của văn minh phương Tây

2. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV: Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm thuyết minh về một công trình kiến trúc của các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trình bày sản phẩm dưới hình thức thuyết trình…

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- HS các nhóm giới thiệu về sản phẩm của nhóm

- HS khác có thể nhận xét, đánh giá

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

Dự kiến sản phẩm

1. Đấu trường Cô-Li-Dê
2. Đền Pác-tê-nong

Hoạt động 5. Học sinh luyện tập làm một số câu hỏi TNKQ về nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

1. Mục tiêu: Phát hiện năng lực ở học sinh giải quyết vấn đề khi làm bài TN về văn minh phương Tây

2. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV: Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm làm 15 câu về nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trình bày sản phẩm dưới hình thức viết ra giấy…

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- HS các nhóm giới thiệu về sản phẩm của nhóm

- HS khác có thể nhận xét, đánh giá

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Câu 1. Vì sao nói chữ viết là cống hiến lớn lao của văn minh phương Tây cổ đại?

A. Kí hiệu ít, đơn giản, dễ biểu đạt ý nghĩa sự vật, hiện tượng.

B. Được tất cả các nước trên thế giới sử dụng đến ngày nay.

C. Có hệ thống chữ cái hoàn chỉnh, cùng với hệ chữ số La Mã.

D. Đơn giản, khoa học, khả năng ghép chữ linh hoạt, dễ phổ biến.

Câu 2. Về chữ viết, người Hy Lạp - La Mã cổ đại đã sáng tạo ra

A. chữ La-tinh. B. chữ La Mã.

C. hệ thống 24 chữ cái. D. hệ thống chữ số.

Câu 3. Những tiến bộ trong cách tính lịch của người phương Tây so với phương Đông xuất phát từ

A. cách tính lịch dựa theo sự chuyển động của Mặt Trăng.

B. việc đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn sản xuất.

C. sự hiểu biết chính xác về Trái Đất và hệ Mặt Trời.

D. việc tính lịch dựa theo sự chuyển động của Mặt Trời.

Câu 4. Người La Mã sớm có hiểu biết chính xác về Trái Đất và hệ Mặt Trời là nhờ

A. vào việc canh tác nông nghiệp. B. họ thường giao thương bằng đường biển.

C. vào việc buôn bán giữa các thị quốc. D. sự phát triển của khoa học - kĩ thuật.

Câu 5. Chữ Quốc ngữ của Việt Nam hiện nay có nguồn gốc từ

A. chữ tượng hình Trung Hoa. B. chữ Phạn của Ấn Độ.

C. hệ chữ cái La Mã. D. hệ chữ cái Hy Lạp.

Câu 6. Vì sao hiện nay nhân loại tiếp tục duy trì Đại hội thể thao Ô-lim-píc?

A. Đề cao tinh thần hoà bình, đoàn kết các dân tộc.

B. Để phát triển các môn thể thao điền kinh cơ bản.

C. Đề cao giá trị văn hoá và tinh thần của Hy Lạp.

D. Phát huy nguyên tắc bình đẳng của các dân tộc.

Câu 7. Trong phong trào Văn hoá Phục hưng, giai cấp tư sản chủ trương xây dựng nền văn hoá mới và

A. khôi phục tinh hoa văn hoá phương Tây

B. khôi phục tinh hoa văn hoá Hy Lạp, La Mã.

C. phục hưng nền văn hoá phong kiến.

D. phục hưng văn hoá phương Đông.

Câu 8. Qua những tác phẩm văn học, nghệ thuật thời Phục hưng, giai cấp tư sản đã nghiêm khắc lên án

A. giai cấp vô sản. B. trật tự phong kiến,

C. giáo hội Thiên Chúa giáo. D. vua quan phong kiến.

Câu 9. Văn hoá Phục hưng đã đề cao vấn đề nào dưới đây?

A. Khoa học, nhân văn. B. Giá trị nhân bản, nhân văn.

C. Giá trị nhân bản và tự do. D. Độc lập và tự do.

Câu 10. Phong trào Văn hoá Phục hưng (thê kỉ XIV - XVII) đã đạt được những thành tựu rực rỡ về mọi mặt, đặc biệt là lĩnh vực

A. khoa học tự nhiên. B. kinh tế và văn hoá.

C. văn học, nghệ thuật. D. chính trị và lịch sử.

Câu 11. Văn hoá Phục hưng (thê kỉ XIV - XVII) có nghĩa là khôi phục lại

A. toàn bộ nền văn hoá cổ đại. B. văn hoá Hy Lạp - La Mã.

C. nền văn hoá phong kiến. D. đặc trưng văn hoá châu Âu.

Câu 12. Trong giai đoạn đầu, giai cấp tư sản đấu tranh chống lại chế độ phong kiến bằng hình thức nào sau đây?

A. Không nộp thuế cho nhà vua.

B. Đấu tranh đòi các quyền lợi về kinh tế.

C. Đấu tranh trên lĩnh vục tư tưởng, văn hoá.

D. Làm cách mạng lật đổ chế độ phong kiến.

Câu 13. "Quê hương" của nền văn minh thời Phục hưng là

A. Hy Lạp. B. I-ta-li-a. C. Anh. D. Pháp.

Câu 14. Phong trào Văn hoá Phục hưng đã đạt được những thành tựu rực rỡ về mọi mặt, đặc biệt là lĩnh vực

A. khoa học tự nhiên. B. kiến trúc và xây dựng,

C. văn học và nghệ thuật. D. triết học và lịch sử.

Câu 15. Thời đại Văn hoá Phục hưng đã chứng kiến sự tiến bộ vượt bậc của lĩnh vực nào?

A.Văn học, nghệ thuật. B. Khoa học xã hội và nhân văn.

C. Khoa học - kĩ thuật. D. Tư tưởng văn hoá.

Câu 16. Ý nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng?

A. Lên án nghiêm khắc Giáo hội Thiên Chúa giáo đương thời.

B. Đề cao giá trị nhân bản và tự do cá nhân,

C. Đề cao quyền độc lập của các dân tộc.

D. Xây dựng thế giới quan tiến bộ của giai cấp tư sản.

Câu 17. Ph. Ăng-ghen nhận định "Văn hoá Phục hưng" là

A. một cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại. B. một cuộc tấn công lên trời,

C. cuộc cách mạng về chính trị. D. cuộc đấu tranh về văn hoá, tư tưởng.

Câu 18. Vì sao phong trào Văn hoá Phục hưng được đánh giá là một "*Cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại*"?

A. Tạo ra sự biến đổi căn bản trong nhận thức của người châu Âu thời đó.

B. Mở ra những vùng đất mới, những con đường mới và những dân tộc mới.

C. Thị trường thế giới được mở rộng, thúc đẩy hàng hải quốc tế phát triển.

D. Thúc đẩy quá trình khủng hoảng, tan rã của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu.

Câu 19. Bản chất của phong trào Văn hoá Phục hưng là

A. cuộc cách mạng về xã hội để xác lập sự thống trị của giai cấp tư sản.

B. cuộc đấu tranh kinh tế của quẩn chúng nhân dân với giai cấp tư sản.

C. cuộc đấu tranh giữa hệ tư tưởng phong kiến và quyền lực của Giáo hội.

D. cuộc cách mạng tư tưởng của giai cấp tư sản chống chế độ phong kiến.

Câu 20. Phong trào Văn hoá Phục hưng không chỉ có vai trò tích cực là phát động quần chúng đấu tranh chống lại xã hội phong kiên mà còn là một cuộc cách mạng

A. tiến bộ vĩ đại. B. dân chủ tư sản. C. xã hội. D. tư sản.

Câu 21. Phong trào Văn hoá Phục hưng được biết đến nhiều nhất bởi những thành tựu lớn lao trong lĩnh vực

A. âm nhạc. B. mĩ thuật. C. triết học. D. văn học.

Câu 22. Hãy tìm hiểu và giới thiệu về một trong hai công trinh kiến trúc dưới đây theo các gợi ý: thời gian xây dựng, địa điểm, chức năng, đặc điểm kiến trúc, ý nghĩa.

Đền Pác-tê-nông (Hy Lạp)	*Đấu trường Cô-li-dê (l-ta-li-a)*

Gợi ý: Học sinh có thể tìm hiểu và giới thiệu một công trình cụ thể theo những cách

Câu 23. Đọc đoạn tư liệu sau: "*Những kết quả nghiên cứu của các nhà bác học thời Phục hung không những đã góp phần cống hiến to lớn vào sự phát triển khoa học của nhân loại, mà đã thực sự là một cuộc cách mạng trong tĩnh vực tư tưởng, đã đập tan thế giới quan duy tâm thần bí của Giáo hội, xây dựng thế giới quan duy vật tiến bộ*".

(Theo *Lịch sử thế giới trung đại*, Lương Ninh, Đặng Đức An)

Hãy:

a) Gạch chân các cụm từ thể hiện ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng.

b) Trình bày ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng.

24. Theo em, những thành tựu nào của văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại còn được bảo tồn đến ngày nay?

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
D	B	C	B	C	A	B	C	A	C
Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16	Câu 17	Câu 18	Câu 19	Câu 20
B	C	B	C	C	C	A	A	D	A
Câu 21									
D									

Ngày soạn:……..

Ngày dạy:……

Tiết PPCT: 23-24

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 4

I.Mục tiếu

1. Kiến thức

GV giúp HS đạt được những yêu cầu sau:

- Nêu được những thành tựu cơ bản và ý nghĩa của các cuộc cách mạng lần 1,2

- Những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp với sự phát triển kinh tế,xã hội

- Biết sưu tầm, sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp

2.Phẩm chất

Phát triển phẩm chất trách nhiệm thông qua các hoạt động nhóm để tìm hiểu các thành tựu về KH-KT cuối thế kỉ XVIII-thế kỉ XXI,

3 Năng lực

Nảng lục tìm hiểu thông tin lịch sử qua sưu tầm tranh ảnh, lược đồ, ...

II.Thiết bị dạy học và học liệu

Tư liệu, tranh ảnh, có liên quan đến bài học

Máy tính, máy chiếu

III.Tiến trình dạy học

1.Khởi động

a.Mục tiêu :Tạo hứng thú lôi cuốn kích thích học sinh muốn khám phá tìm hiểu về các thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp

b.Nội dung:Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh

Chia học sinh làm 4 nhóm (tương ứng với 4 tổ)

Nhóm 1:Hãy nêu những thành tựu của cuộc cách mạng CN lần thứ 1(Vào giữa thế kỉ XVIII-đầu thế kỉ XIX)?

Nhóm 2:Hãy nêu những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng CN lần thứ 2?(Giữa thế kỉ XIX-1914)

Nhóm 3:Hãy nêu những thành tựu cơ bản của cách mạng CN lần thứ 3?

Nhóm 4:Hãy nêu những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng CN lần thứ 4?

c.Sản phẩm:Các nhóm HS phải giao nhiệm vụ từng lĩnh vực thành tựu cho các cá nhần ở trong tổ sau đó tập hợp lượng kiến thức vào giấy để giáo viên và các nhóm khác nhận xét đánh giá .

2.Hình thành kiến thức:

a.Mục tiêu:

HS hệ thống hóa kiến thức đã học trong chủ đề 4

b.Nội dung:

HS làm việc theo nhóm

c.Sản phẩm:

Các cuộc CMCN lần 1 đến lần 4 đã đưa lại rất nhiều các thành tựu về KH-KT cho con người làm cho mức sống của con người được nâng cao

Các cuộc CMCN cũng đưa lại tác động tích cực và tiêu cực đối với cuộc sống con người

d.Thực hiện

GV yêu cầu học sinh từng nhóm trình bày các kiến thức trên giấy sau đó cử đại diện lên trình bày thành tựu của các cuộc cách mạng

Cuộc cách mạng cồng nghiệp lần 1:Phát minh ra máy kéo sợi Gien-ni (1864) làm tăng năng suất, máy kéo sợi làm bằng sức nước (1769),phát minh ra máy hơi nước (1784) của Giêm Oát,máy dệt chạy bằng hơi nước (Ét-mơn-các-rai),đầu máy xe lửa, lò luyện quặng theo phương pháp pút-ding.

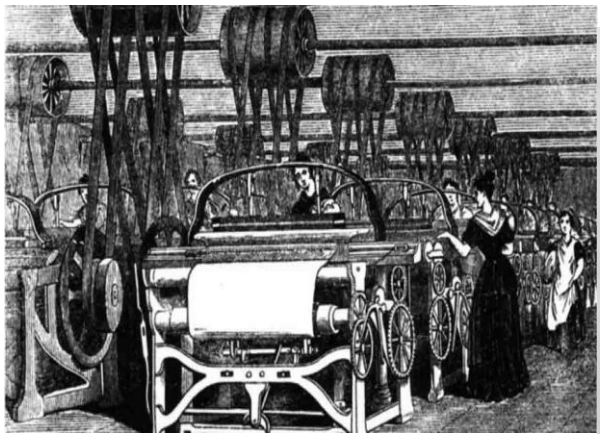

Cuộc cách mạng CN lần thứ 2 gắn liền với những tiến bộ về KH-KT trên các lĩnh vực như trên các ngành như KHVL (thuyết vạn vật hấp dẫn của Niu-tơn,định luật bảo toàn vật chất và năng lượng của Lô-mô-nô-xốp),thuyết tiến hóa (Đác-uyn),những khám phá về điện của Mai-cơn Pha-ra-đây, Tô-mát Ê-đi-xơn, Ni-cô-la Tét-la

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 3 tạo nhiều phát minh về công cụ sản xuất như máy tính máy tự động và hệ thống máy tự động,người máy,internet, CNTT

Cuộc cách mạng CN lần thứ 4 với lĩnh vực trí tuệ nhần tạo (AI),điện toán đám mây,dữ liệu lớn (Big Data),công nghệ in 3D,tự động hóa,công nghệ NANO.

Giáo viên chia học sinh của lớp làm 2 nhóm:

Nhóm 1(tổ 1+2):Đánh giá những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp trên lĩnh vực xã hội và văn hóa?(tích cực)

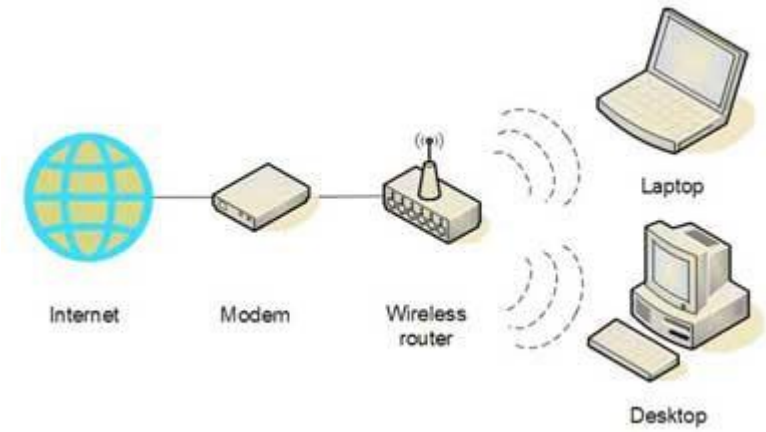

Nhóm 2 (tổ 3+4):Đánh giá những tác động của các cuộc CMCN trên lĩnh vực xã hội và văn hóa? (tiêu cực)

HS thảo luận và cử đại diện lên trình bày

Tác động tích cực:Giải phóng sức lao động con người đưa đến sự phân hóa trong lực lượng lao động, con người có thể làm việc từ xa,tìm kiếm chia sẻ thông tin nhanh chóng, giao lưu văn hóa giữa các quốc gia, khu vực dễ dàng thuận tiện

Tiêu cực:Nhiều người mất việc làm, phân hóa trong xã hội, nới rộng khoảng cách giàu-nghèo,con người lệ thuộc vào các thiết bị thông minh,xung đột giữa các quốc gia dân tộc, đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc

3.Hoạt động vận dụng:

a.Mục tiêu:Vận dụng kiến thức kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao

b.Nội dung:Học sinh tự thực hiện khi về nhà

c.Sản phẩm :HS lựa chọn 1 thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng CN được ứng dụng vào trong cuộc sống để hiểu rõ các thành tựu mang tính tích cực và tiêu cực

Ngày soạn

Ngày dạy

Tiết 28-29: THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 5

I Mục tiêu

GV giúp HS đạt được những yêu cầu sau:

1.Kiến thức

-Khái quát lại hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á

- Nêu tác động của nền văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại đến sự phát triển của các quốc gia Đông Nam Á hiện nay.

-Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp của cư dân Đông Nam Á.

- Tìm hiểu một số thành tựu văn học, kiến trúc, chữ viết của Việt Nam thời cổ- trung đại.

2.Phẩm chất

-Phát triển phẩm chất yêu nước thông qua việc tìm hiểu cơ sở tự nhiên, tộc người, xã hội,…; trân trọng sự phong phú của văn minh Đông Nam Á trong đó có Việt Nam.

-Phát triển phẩm chất trách nhiệm thông qua các hoạt động nhóm để tìm hiểu cơ sở hình thành của văn minh Đông Nam Á thời cổ- trung đại; phát triển trách nhiệm của công dân trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị của văn minh Đông Nam Á.

3.Năng lực

- Năng lực tìm hiểu thông tin lịch sử thông qua sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu , tranh ảnh, lược đồ,..

- Năng lực nhận thức, tư duy lịch sử thông qua sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu văn minh khu vực.

- Năng lực tự chủ, tự học thông qua việc đề xuất biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của các thành tựu văn minh Đông Nam Á thời cổ- trung đại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Lịch sử 10, Giáo án.
- Giấy A4 để tổ chức hoạt động nhóm.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. **Đối với học sinh**

- SGK, SBT Lịch sử 10.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Nội dung thực hành chủ đề 5.*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1.Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về các thành tựu văn minh ĐNÁ

b. Nội dung:GV tổ chức hoạt động theo nhóm trò chơi " Ai nhanh hơn" HS tìm hiểu tên quốc gia tương ứng với hình ảnh các bức tranh về thành tựu kiến trúc mà giáo viên cung cấp.

c. Sản phẩm: Học sinh xem tranh và sắp xếp trong 2 phút.

d. Tổ chức thực hiện:

GV chọn 1-2 nhóm hoàn thành sớm nhất lên bảng trình bày kết quả, yêu cầu các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Gv chiếu kết quả lên bảng, đối chiếu với câu trả lời của HS và nhận xét, cho điểm nhóm. GV dẫn dắt vào bài: Đông Nam Á được biết đến là khu vực có giàu truyền thống văn hoá và lịch sử lâu đời. Ở tiết học chủ đề 5, các em đã được học về hành trình phát triển của các quốc gia Đông Nam Á thời cổ- trung đại, để có cái nhìn toàn diện hơn và hiểu rõ được những nét đẹp văn hoá, truyền thống quốc gia và khu vực cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu nội dung bài thực hành chủ đề 5: Văn minh Đông Nam Á thời cổ- trung đại.

2. Hình thành kiến thức mới

Tiết 1:

Hoạt động 1: Hệ thống hóa những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 5: 25 P

c. **Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS hệ thống hóa được những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 5.

d. **Tổ chức hoạt động:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm, phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0, yêu cầu HS các nhóm thảo luận và thực hiện nhiệm vụ: Hệ thống hóa nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 5

Nhóm 1: Lập sơ đồ tư duy thể hiện nội dung kiến thức các giai đoạn phát triển văn minh Đông Nam Á

Nhóm 2: Lập sơ đồ tư duy thể hiện các thành tựu về tín ngưỡng, tôn giáo.

Nhóm 3: Lập sơ đồ tư duy thể hiện nội dung kiến thức các thành tựu chữ viết.

Nhóm 4: Lập sơ đồ tưu duy các thể hiện các thành tựu về kiến trúc, điêu khắc

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập:

HS thảo luận theo các nhóm đã được phân công, trao đổi về nội dung các kiến thức đã được học trong chủ đề 5 và lập sơ đồ tư duy

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận sơ đồ tư duy

Đại diện các nhóm lên bảng trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết qủa thực hiện nhiệm vụ học tập:

GV nhận xét

Hoạt động 2: Bảo tồn và phát huy văn hoá Đông Nam Á 13p

a. Mục tiêu: HS đưa ra giải pháp để bảo tồn và phá huy những thành tựu tiêu biểu của văn hoá ĐNÁ

b. Nội dung: Học sinh thảo luận nhóm và trả lời

c. Sản phẩm:

-Trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á thời cổ trung đại.

-Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá của cư dân bản địa là nhiệm vụ quan trọng của thế hệ hôm nay và mai sau.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm cặp đôi, trả lời câu hỏi:

-Tìm hiểu các loại hình văn hoá của cư dân Đông Nam Á còn tồn tại cho đến ngày nay?

- Chúng ta cần làm gì để phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hoá Đông Nam Á thời cổ - trung đại?

Bước 2 thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm tổ chức thảo luận cặp đôi và trả lời.

Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động

-Đại diện 1-2 nhóm lên bảng trình bày kết quả

Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của từng nhóm học sinh.

GV có thể tổ chức toạ đàm ngày hội văn hoá ASEAN để HS nêu quan điểm và ý kiến cá nhân, những giải pháp bảo tồn văn hoá khu vực cổ- trung đại.

GV chốt: Văn hoá là một phần không thể tách dời cuộc sống hiện tại. Cư dân Đông Nam Á đã xây dựng lên nhiều loại hình văn hoá đặc sắc, đây là kho tàng đồ sộ cho thế hệ mai sau. Hiện nay, UNESSCO đã công nhận nhiều công trình kiến trúc và sinh hoạt tinh thần của cư dân Đông Nam Á là di sản văn hoá thế giới như: Thạp Luổng (Lào), Thánh địa Mĩ Sơn (Việt Nam), tín ngưỡng thờ cúng vua Hùng (Việt Nam),…

Tiết 2:

Hoạt động 3. Tìm hiểu về những thành tựu văn học, kiến trúc, chữ viết của Việt Nam thời cổ- trung đại. (25-30)

a. Mục tiêu: tìm hiểu những thành tựu văn học, kiến trúc, chữ viết của Việt Nam thời cổ- trung đại vai trò của các thành tựu văn hoá trong cuộc sống hiện tại.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Sưu tầm những tư liệu về thành tựu tôn giáo, văn học, kiến trúc, chữ viết.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày trên giấy, bài thuyết trình hoặc tái hiện thông qua một điệu múa Chăm.

Bước 4: GV nhận xét + bổ sung thông tin đến HS

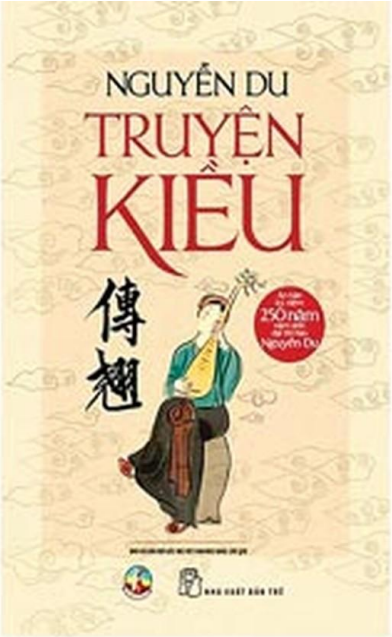

3. Hoạt động luyện tập: (10p)

- Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã tìm hiểu ở tiết 2

- Hoạt động: Học sinh phát biểu cảm nhận, suy nghĩ sau khi tìm hiểu về những thành tựu văn hoá của cư dân Đông Nam Á thời cổ- trung đại

- Sản phẩm: trên A0

- Tổ chức thực hiện

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.

b. Nội dụng: GV giao cho HS tự thực hiện khi về nhà

c. Sản phẩm: HS lựa chọn một thành tựu tiêu biểu của văn minh ĐNÁ

d. Tổ chức thực hiện: Nếu được tham gia ngày hội thanh niên Đông Nam Á em sẽ lựa chọn thành tựu nào về văn minh Việt Nam để chia sẻ với bạn bè quốc tế? Vì sao?

Ngày dạy:……..

Ngày soạn:……

Tiết PPCT: 43-44

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 6:

MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

(TRƯỚC NĂM 1858)

1. Thời gian thực hành

Thời gian thực hành dành cho chủ đề 6 là 2 tiết. Vì vậy, tuỳ thuộc điều kiện thực tiễn của nhà trường, GV tổ chức hoạt động thực hành cho HS. Để tổ chức hoạt động thực hành, GV có thể lồng ghép trong quá trình dạy học chủ đề hoặc sau khi kết thúc chủ đề.

2. Gợi ý nội dung, hình thức và phương pháp thực hành

2.7. *Gắn tên và giới thiệu về địa điểm phát hiện các di chỉ khảo cổ tiêu biểu thuộc nên văn minh Văn Lang-Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam trên lươc đồ hành chỉnh Việt Nam*

Tổ chức thực hiện:

- GV chuẩn bị lược đồ hành chính Việt Nam, chia HS cả lớp thành các nhóm thưc hiện các nhiệm vụ sau:

+ *Nhiệm vụ 1: Gắn tên từng nhóm địa điểm phát hiện di chỉ khảo cổ thuộc nền văn mình Văn Lang-Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam trên lược đồ hành chính Việt Nam*.

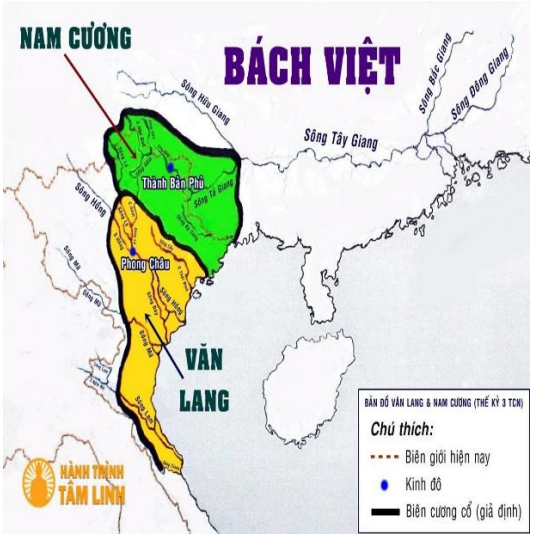

+ *Nhiệm vụ 2: Giới thiệu về các di chỉ khảo cổ đó (gợi ý: thời gian phát hiện, hiện vật tiêu biểu, giá trị trường tồn của các nền văn minh đó,...).*

- HS thực hiện thảo luận nhóm, GV theo dõi, giải đáp thắc mắc và hướng dẫn các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

- GV tổ chức cho các nhóm lên bảng gắn tên địa điểm phát hiện và trình bày nội dung đã chuẩn bị.

- GV hướng dẫn các nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi theo kĩ thuật 3-2-1 và đánh giá kết quả hoạt động nhóm.

- GV có thể mở rộng: chính nhờ các nền văn minh đó đã tạo nên được một Việt Nam đa dạng bản sắc dân tộc. Các nền văn minh này cũng đã tiếp thu, giao lưu văn hoá với các nền văn minh nước ngoài như Ấn Độ, Trung Quốc,...

2.2. Thi tìm hiểu về các nền văn minh: Văn Lang-Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam với chủ đề "Hành trình khám phá các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam "

Tổ chức thực hiện:

- GV có thể sử dụng phương pháp dạy học dự án để HS tìm hiểu về các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam.

Tên dự án: *"Hành trình khảm phả các nền văn minh cồ trên đất nước Việt Nam".*

Các tiểu dự án:

+ Tiểu dự án 1: Hành trình khám phá nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

+ Tiểu dự án 2: Hành trình khám phá nền văn minh Chăm-pa.

+ Tiểu dự án 3: Hành trình khám phá nền văn minh Phù Nam.

- HS thực hiện thảo luận nhóm, GV theo dõi, giải đáp thắc mắc.

- Đại diện nhóm HS báo cáo, trình bày sản phẩm.

- GV gọi đại diện nhóm HS khác nhận xét và đánh giá kết quả hoạt động của bạn.

- GV cần gợi ý cho HS tim hiểu về các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam qua hệ thống các vấn đề như: Thời gian; địa điểm phát hiện nền văn minh Văn Lang

- Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam; di chỉ phát hiện được có niên đại bao nhiêu năm; đặc điểm,...

2.3. Tóm tắt những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề

Tổ chức thực hiện:

- Nhiệm vụ: Tóm tắt những nội dung kiến thức cơ bản đã được học.

- Sản phẩm: Trình bày bàng sơ đồ tư duy, bảng tóm tắt trên giấy AO, hoặc thiết kể trên PowerPoint, Mindinap, Iníbgraphic,...

- Hình thức, phương pháp báo cáo: Làm việc nhóm, cử đại diện nhóm báo cáo. Các nhóm khác lắng nghe để trao đổi, góp ý.

2.4. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt

Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS hoạt động theo nhóm, đóng vai làm hướng dẫn viên du lịch giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người và những thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt.

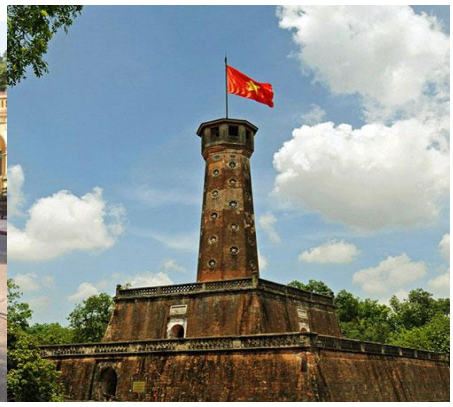

- Các thành viên trong nhóm thảo luận phân công nhiệm vụ, trả lời câu hỏi. Các cá nhân thảo luận thống nhất trong nhóm về nội dung kịch bản, hình thức trình bày.

- Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm.

- HS nhận xét và đánh giá kết quả hoạt động của HS.

- GV cho mỗi nhóm lựa chọn một lĩnh vực khác nhau như: văn học, nghệ thuật, kiến trúc và trình bày vấn đề liên quan đến thành tựu đó. Ví dụ: phố cổ Hội An, GV có thể mở rộng: Vào khoảng thế kỉ XVI, Nguyễn Hoàng xây dựng thành luỹ, phát triển kinh tế, Hội An trở thành nơi buôn bán sầm uất, giao lưu buôn bán với Đông Nam Á, Trung Hoa và một số nước phương Tây. Các mặt hàng buôn bán chủ yếu là vàng, quế, hương liệu, muối.

Ngày dạy:……

Ngày soạn:…….

TIẾT PPCT: 52

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 7:

CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

1. Thời gian thực hành

Thời gian thực hành dành cho chủ đề 7 là 2 tiết. Vì vậy, tuỳ thuộc điều kiện thực tiễn của nhà trường, GV tổ chức hoạt động thực hành cho HS. Để tổ chức hoạt động thực hành, GV có thể lồng ghép trong quá trình dạy học chủ đề hoặc sau khỉ kết thúc chủ đề.

2. Gợi ý **nội dung, hình thức và phươiầg pháp thực hành**

2.1. Kể tên 5 dân tộc thiểu số ở Việt Nam có số dân nhiều nhất (tỉnh đến năm 2019) và tạo trang thông tin cho mỗi dân tộc đó

Tổ chức thực hiện:

- GV chia HS thành nhóm yêu cầu kể tên 5 dân tộc thiểu số Việt Nam có số dân nhiều nhất (tính đến năm 2019) và tạo trang thông tin cho mỗi dân tộc đó theo các gợi ý sau: Tên dân tộc; đặc trưng về ẩm thực, ngôn ngữ, trang phục, nhà ở.

- Các thành viên trong nhóm thảo luận phân công nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

- Đại diện nhóm HS lên trình bày trước lớp.

- HS các nhóm khác nhận xét và đánh giá kết quả hoạt động của bạn.

- GV có thể mở rộng bằng cách nói về sự phân bố của các dân tộc trên đất nước Việt Nam, hay liên hệ đến anh hùng Núp, người dân tộc thiểu số đã có tinh thần đấu tranh anh dũng trong công cuộc giải phóng dân tộc.

2.2. Tạo sơ đồ tư duy về đời sống tỉnh thần của một dân tộc

Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS hoạt động cá nhân và yêu cầu vẽ sơ đồ tư duy để tìm hiểu về đời sống tinh thần của một dân tộc mà em thấy ấn tượng nhất.

- HS thảo luận, vẽ và suy nghĩ câu trả lời.

- GV gọi một số đại diện HS lên trình bày trước lớp.

- Các HS khác nhận xét và đánh giá kết quả hoạt động của bạn.

- Để tránh trùng lặp thông tin, GV gợi ý cho HS một số dân tộc khác nhau, phân bố theo vị trí địa lí và vùng miền.

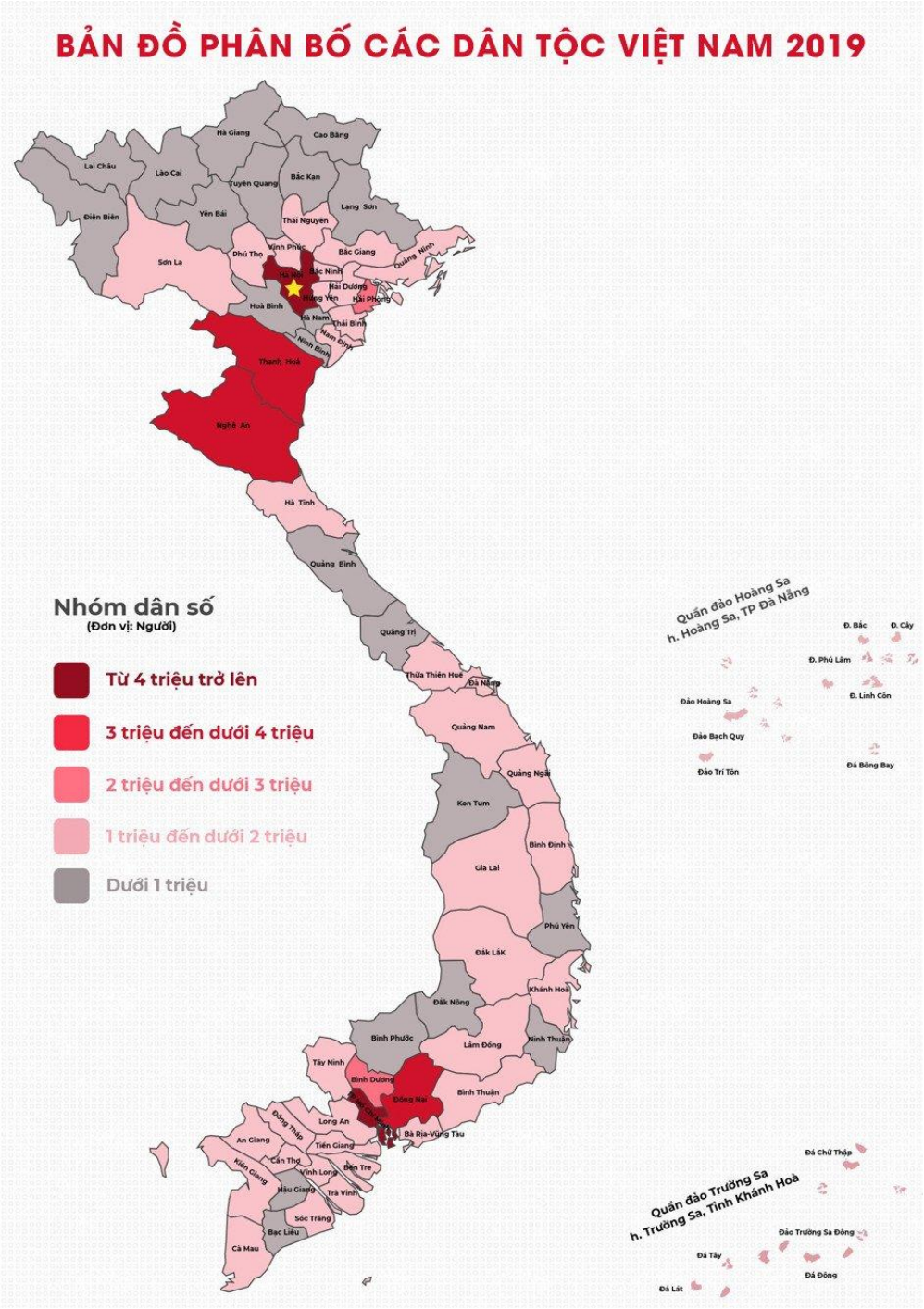

2.3. Thiết kế một tẩm áp phích hoặc vẽ một bức tranh cổ động thể hiện tinh thần đại đoàn kết dân tộc của nhân dân Việt Nam chống lại đại dịch Covid-19

Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS hoạt động cá nhân, thiết kế một tấm áp phích hoặc vẽ một bức tranh cổ động thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam chống lại đại dịch Covid-19 trên giấy hoặc trên máy tính (nếu có).

- HS có thể tham khảo một số tranh ảnh trên mạng internet hoặc tự sáng tạo.

- HS trình bày trên bảng theo kĩ thuật phòng tranh.

- GV nhận xét và cho HS chấm điểm chéo cho nhau.

2.3. Tổ chức cuộc thi "Ai là triệu phú tri thức" để tìm hiểu về đời sống vật chất và tinh thần của các dân tộc Việt Nam

Tổ chức thực hiện:

- GV có thể cho HS làm việc theo nhóm, sử dụng phương pháp dạy học dự án

để HS tìm hiểu về khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Tên dự án: "Khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước".

Các tiểu dự án:

+ Tiểu dự-án 1: Khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam trong quá trình dựng nước.

+ Tiểu dự án 2: Khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam trong quá trình giữ nước.

- HS thực hiện thảo luận nhóm, GV theo dõi, giải đáp thắc mắc.

- Đại diện nhóm HS báo cáo, trình bày sản phẩm.

- Các nhóm HS khác nhận xét và đánh giá kết quả hoạt động của bạn.

- Trong quá trình dựng nước và giữ nước cùa dân tộc, có rất nhiều sự kiện nói về sức mạnh đoàn kết dân tộc. GV có thể nói về sức mạnh trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên. Hưởng ứng lời kêu gối của triều đình để thực hiện kế "vườn không nhà trống", nhân dân đã mang lương thực chuyển hết khòi kinh thành Thăng Long, triệt nguồn lương thực tại chỗ của địch. Cùng với đó, ở các vùng sau lừng địch, các đội dân binh phối họp chặt chẽ với một bộ phận phân tán tại chỗ của quân ừiều đình, ngày đêm hoạt động ráo riết, liên tiếp đánh vào các căn cứ đóng quân và các đội cướp lương thực, gây cho địch nhiều tổn thất.

2.4. Hãy tạo một cuốn sách ảnh thể hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đã đưa tới những biến đổi sâu sắc về đời sống kinh tế - xã hội của nhiều dân tộc .

Tổ chức thực hiện:

- GV chia HS thành nhóm. Mỗi nhóm chọn một dân tộc để tạo một cuốn sách ảnh minh hoạ cho sự thay đổi nhờ có các chính sách của Đảng và Nhà nước. Ví dụ: dân tộc H'mông, Thái, Tày,...

- HS thực hiện thảo luận nhóm, GV theo dõi, giải,đáp thắc mắc.

- Đại diện nhóm HS báo cáo, trình bày sản phẩm.

- Các nhóm HS khác nhận xét và đánh giá kết quả hoạt động của bạn.

- GV có thể mở rộng: Nhà nước thực hiện các chính sách phát.triển kinh tế nhằm nâng cao đời sống nhân dân như giúp đỡ đồng bào về phương thức canh tác, đưa phương thức và kĩ thuật tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp; mở mang trường học, cơ sở y tế,...